

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

PHẠM VĂN TUẤN

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271

FAX (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.

ĐỖ BÌNH. ĐÌNH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

VI KHUÊ. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

VŨ NAM. CAO MỸ NHÂN.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN SƠN. ĐIỀU TẦN.

NGUYỄN VĂN THÀNH. HỒNG THỦY.

LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THỤY.

BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.

TẠ QUANG TRUNG. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 06, NĂM 2010

MỤC LỤC

	Trang		
VĂN		NGUYỄN VĂN NHIỆM : Phụ Nữ Việt	135
NGUYỄN THI NGỌC DUNG:	6	MINH CHÂU : Lời Cuối Gửi Mẹ	146
Lá Thư Gọi Hè		Lời Cuối Cho Ba	147
PHẠM THỊNH HUNG : Nét Đẹp	17	VÂN KHANH: Những Ngày	149
Của Người Phụ Nữ Việt Nam Xưa...		Trong Bệnh Viện	
NGUYỄN THÙY : Rộng Tiên Vào Hội	20	NGUYỄN ĐIỂM LAN:	150
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH :	23	Les Jours à L'hôpital	
Lịch Sử và Thắng Cảnh Hồ Hoàn Kiếm		PHẠM XUÂN THÁI: Lớp học Accent	153
PHẠM VĂN TUẤN : Plato	35	Reduction	
NGUYỄN PHÚ LONG:	44	NGUYỄN MÂY THU:Trưởng cũ Bạn Xưa	159
Năm Canh Lục Đục		THU LÊ : «Cho» và «Nhận»	
VIỆT BẰNG : Cho Người Mai Sau	48	NGUYỄN THỊ XUÂN NGA : New York	162
HỒ TRƯỜNG AN : Gặp Gỡ	50	Sate và Pennsylvania	
Học Giả Trần Bích San		BẠCH CÚC.NTN : Tìm Nguồn Vui Lành	166
LÊ MỘNG NGUYỄN : Victor Hugo	54	LÊ VĂN KHOA: Tại Sao Tôi Cho Ra Đời	169
VŨ NAM : Thành Phố Konstanz	58	CD «Memories »?	
THANH NGUYỄN : 35 Năm Sau ...	64	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	175
PHẠM ĐÌNH LIÊN : Albert Einstein	70	Phố Phường Xưa Hà Nội	
NGUYỄN VĂN THÀNH :	74		
Phiên Tòa Xét Xử Marie Antoinette		THƠ	
HOÀNG DUNG :	81	NGÔ TĂNG GIAO : Thơ Chu Văn An	8
Christmas Gift in the Summer		TRƯƠNG ANH THỤY :	
HẢI BẰNG HDB : Nguyễn Công Trứ	84	Gọi Hồn Giữa Thăng Long	31
PHẠM THAO NGUYỄN: Những Người	96	NGUYỄN NGỌC BICH : Summons	32
Con của Thăng Long Xưa		To The Souls in Thang Long Ha Noi	
TÔN NỮ MẶC GIAO : Nội Cơm Điện	100	TRÙNG QUANG: Vẫn Thơ Tưởng Niệm	43
của Bé Thùy		Quốc Tổ Hùng Vương	
NGUYỄN QUÝ ĐẠI : Thổ Nhĩ Kỳ	111	ĐẶNG NGUYỄN: Đường Chiều.	43
DIỆU TÂN: Hồi Ký hay Hạnh Phúc	118	NGUYỄN PHÚ LONG:	48 Em
Tuyệt Vời		Đi... Tháng Tư	
KIM VŨ : Du Ngoại Nước Úc	119	Ý ANH : Thèm	61
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU	128	ĐỖ THỊ MINH GIANG : Hòaai Vọng	63
Ca Trù và Hát Nói		Ý ANH : Tiễn	66
		VI KHUÊ : Bên Dòng Potomac	68

TAM ANH CHU : On the Bank of the Potomac	68
YÊN VI : Giao Mùa	82
ĐỔ BÌNH : Chờ Nhau	83
CAO MỸ NHÂN : Chào 70	94
ĐOÀN CHINH NAM : Đứa Con Hoang Đàng	94
NGUYỄN PHÚ LONG : Thơ Gửi Bạn	94
HỒ CÔNG TÂM : Bảy Ba Tự Trào	94
YÊN VI : Love, Everything	95
HỒNG THỦY : Mộng Trưng Vương	103
BÙI THANH TIÊN: Nghe Rừng Lạc Lối	106
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Tuổi Mười Sáu	106
VŨ HỐI & TUỆ NGA: Thư Họa Mẹ Hiền	107
PHẠM TRỌNG LÊ: Thần Người Giao Hoan When You Are Old	108
HỒ TRƯỜNG AN : Cho Em Mùa Hạ	110
PHAN KHÂM : Đường Cùng	117
THANH THANH (LXN) : Thư Tù	117
LÊ THƯƠNG : Nếu Biết Rằng	133
Em Đã Lấy Chồng	144
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ : Tình Yêu Có Thật Không Em	145
VŨ HỐI : Thư Họa	151
YÊN VI : Giao Mùa	171
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội	174
TUỆ NGA : Gợi Mùa Điểm Trang	181

NHẠC

ANH BẰNG & HOÀNG SONG LIÊM Lại Một Tháng Tư Đen	49
MINH SƠN & DUY ANH ĐÔNG : Ngập Ngừng Tình Em	73
NGUYỄN TẮT VỊNH & PHAN KHÂM Ai.	152
THANH TRANG : Tháng Đợi Năm Chờ	155

HÌNH ẢNH

TRƯỜNG ANH THỤY: Sen Hồng	1
MINH CHÂU : Chim Biển	173
PHẠM VĂN TUẤN & PHẠM BÁ VINH 15 Năm sinh Hoạt Văn Học Cổ Thơm	183

GIỚI THIỆU

HÀ NGUYỄN & ASSOCIATES	2
CD Thơ ngâm và Phổ nhạc của Nguyễn Phú Long	42
BÁC SĨ NGUYỄN KIM DUNG	69
NGÀY LONG TRỜI LỎ ĐẤT : Trần Thế Nhân.	95
SOVEIGN REALTY, INC.	134
BÁC SĨ NGUYỄN QUỐC QUÂN	143
BÁC SĨ VÕ ĐẠM	173
HARVEST MOON RESTAURANT	193
THƯ MỜI THAM GIA Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm	194
PHIẾU THAM GIA CỔ THƠM	195
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	196
PHIẾU MUA-GIA HẠN QUẢNG CÁO	197
TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỔ THƠM	198
IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	199

PHÂN ƯU

Cụ Bà Đặng Thị Xuân	148
Cụ Ông và Cụ Bà Trương Bảo Sơn	192



Lá Thư Mùa Hạ

Mùa Xuân vừa qua, cộng đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn có rất nhiều sinh hoạt như chưa từng thấy...

Thường mỗi năm chúng tôi tổ chức sinh nhật Cỏ Thơm vào đầu tháng 4 là thời gian hoa anh đào Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn nở đẹp nhất. Nhưng năm nay chúng tôi phải nhường ngày 3 tháng 4 cho quý bạn Chu Văn An tổ chức họp mặt. Một tuần trước đó là Đại Hội Air Việt Nam. Nhưng chúng tôi cũng chẳng tránh được Đại Hội Không Quân vào ngày 10 tháng 4, trước buổi họp mặt của Cỏ Thơm một ngày.

Tuy nhiên, dạ tiệc kỷ niệm sinh nhật thứ 15 của Cỏ Thơm 11 tháng 4 vẫn có 270 quan khách tham dự. Chúng tôi chỉ mời thân hữu và hội viên chứ không mời rộng rãi trong công chúng, vì không đủ nhân lực để lo tổ chức cho chu đáo. Đặc biệt trong dạ tiệc này có sự hiện diện của Nhà Thơ Minh Giang đến từ Louisiana.

Thành phần tổ chức vẫn là Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm, Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng, Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, hội viên Nghệ Sĩ Thái Phượng, hội viên Nhạc Sĩ vĩ cầm Đàm Xuân Linh... Xin quý vị xem phần hình ảnh ở phần cuối Cỏ Thơm số 51 này.

Chương trình được bắt đầu đúng giờ với nghi lễ chào cờ, chào mừng và cảm tạ quan khách, dạ tiệc và các tiết mục ngâm thơ ca hát cùng dạ vũ như thường lệ. Trong phần chào

mừng quan khách, Chủ Nhiệm Cỏ Thơm đã tâm tình rằng: “Sở dĩ Tạp Chí Cỏ Thơm đã tồn tại được 15 năm là nhờ sự đóng góp của quý độc giả dài hạn, hội viên và tác giả, chứ không nhờ vào sự yểm trợ của một cơ quan nào. Cỏ Thơm chỉ có 6 mạnh thường quân cho quảng cáo. Cỏ Thơm hy vọng sẽ đứng vững và lâu bền hơn thời gian 17 năm của Tự Lực Văn Đoàn”.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm một lần nữa xin cảm tạ quý quan khách đã đến tham dự ngày sinh nhật thứ 15 với tấm lòng ưu ái. Xin cảm tạ các nghệ sĩ đã tham dự và trình diễn ủng hộ trong đó có Bạch Mai, Thái Ninh, Hoàng Cung Fa, Phạm Dương Hiển, Đèo Văn Sách, Ngọc Phụng, Kiều Nga, Sỹ Tuấn, Ngọc Châu, Hoài Thanh, Hoàng Anh, Phan Hiệp, Sỹ Thành, Đình Tiến. Tài năng của các bạn đã làm cho buổi dạ tiệc thêm phần linh động, hào hứng. Mong lại được gặp quý bạn tại sinh nhật thứ 16 cũng vào đầu mùa Xuân 2011, trên sân khấu Cỏ Thơm.

Sau những sinh hoạt kể trên, Ngọc Dung và một số thành viên cùng thân hữu Cỏ Thơm như Hồng Thủy, Kiều Thu, Trúc Mai, Phương Nga, Minh Trân, Lan Hương, Ngọc Tú, Hải Yến, Thúy Hiền lại đem một màn line dancing với nhạc của “Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội”, đi biểu diễn tại Đại Hội Trưng Vương Houston 17 tháng 4, 2010 cũng như chúng tôi cũng đã có một màn đồng ca *Khúc Hát Âm Tình* giúp vui Đại Hội Chu Văn An, Hoa Thịnh đốn 4/4/2010. Ngày 11 tháng 5, người Cỏ Thơm cũng lên Quốc Hội tham dự ngày

Nhân Quyền Cho Việt Nam. Người Cỏ Thơm không những có tâm hồn văn học, lại có tinh thần văn nghệ và nhân bản nữa, thưa quý vị.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật là chuyện thường xuyên, nhưng ngày 30 tháng tư năm 2010 là năm thứ 35 chúng ta tưởng niệm ngày mất miền Nam, mất Sài Gòn, ngày bắt đầu những cuộc vượt biên hải hùng, những ngày đen tối nhất của người miền Nam dưới sự đàn áp, bóc lột, đày đọa tàn bạo của Cộng Sản miền Bắc. Những cuộc biểu tình phản đối quân cướp của giết người ấy sôi sục khắp các Cộng Đồng Việt Nam trên thế giới. Những đau thương, mất mát, không bao giờ quên được. Có một độc giả đến nhà tôi lấy 4 tập truyện đã đặt mua của tôi và kể rằng cậu ta có 7 anh em trai, được bố mẹ cho đi vượt biên 7 lần khác nhau. Bố mẹ đi lần thứ tám, thứ chín, nhưng may mắn tất cả đều thoát nạn. Cậu ta nói rằng vượt biên trên biển cả khủng khiếp lắm. Nếu biết trước, sẽ không ai dám mạo hiểm, phiêu lưu, cầm chắc cái chết trong tay như vậy.

Trên các báo chí, trên mạng lưới điện tử không biết bao nhiêu bài thơ, bài viết với đầy hình ảnh tố cáo tội ác của Cộng Sản Việt Nam đối với chính đồng bào mình. Quý vị nên tìm đọc *Ngày Long Trời, Đêm Lở Đất*, một cuốn tiểu thuyết dài của Trần Thế Nhân, một tác giả trong nước, viết về tội ác khủng khiếp của Cộng Sản mà tác giả là một chứng nhân trực tiếp. Xin cảm ơn Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ đã gửi tặng Cỏ Thơm một quyển sách giá trị. Mong rằng những thế hệ con cháu của Cộng Sản ra ngoài quốc học hỏi cái văn

minh Âu Mỹ và được tự do đọc những quyển sách tố cáo tội ác long trời lở đất của ông cha họ, để họ mở mắt, trùn tay không đối xử độc ác, man rợ với chính đồng bào của họ, và tìm cách xây dựng đất nước hùng cường, tiến bộ trong nhân quyền, nhân bản, bác ái của loài người.

Gần đây chúng tôi được tin Nhà Thơ Quỳnh Anh Phạm Thị Ánh Bích bị tai biến mạch máu não. Chị hiện giờ phải nằm dưỡng bệnh tại một Trung Tâm Phục Hồi. Chúng ta có hy vọng chị phục hồi, bởi vì chị đã cầm được tập thơ của chị vừa mới in xong và lật xem vài trang bằng tay trái. Chị chưa nói được nhưng đã cười với người thân vào thăm.

Một tin buồn nữa cho giới văn học, chí sĩ Trương Bảo Sơn và phu nhân vừa theo nhau qua đời ngày 23 tháng 5, 2010 tại Montréal, Canada. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm xin thành thật chia buồn cùng Nhà Thơ Trương Kim Anh, Nhà Thơ Dương Kiên và tang quyến. Cầu mong hương linh hai vị sớm phiêu diêu miền cực lạc.

Trong tháng năm vừa qua Thi Sĩ Nguyễn Đức Liêm đã cho ra mắt “Tuyển Tập Thơ Nguyễn Đức Liêm” trong một khung cảnh văn học khang trang với 200 thân hữu ngưỡng mộ. Xin có lời chúc mừng tác giả.

Sau hết, xin cảm tạ quý văn, thi, nghệ sĩ đã gửi bài viết, vẽ và hình ảnh chụp để hoàn thành một tập Cỏ Thơm giá trị mà quý độc giả nào cũng đều yêu mến, quý trọng.

Chúc toàn thể quý độc giả Cỏ Thơm một mùa hè mát mẻ, nhiều nghỉ ngơi thoải mái.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

THƠ CHU VĂN AN

(朱文安)

Chu Văn An từng có những tác phẩm như Thất trăm số, Tiều Ân thi tập, Tiều Ân quốc ngữ thi tập, Tứ thư thuyết ước. Nhưng cho tới nay người ta mới chỉ sưu tầm được có mười hai bài thơ của ông chép trong Toàn Việt thi lục, còn hầu như bị thất lạc cả.

Trong cuốn Thơ Văn Lý Trần (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978) có ghi lại nội dung 12 bài thơ này bằng chữ Hán kèm theo phần dịch âm, dịch nghĩa và dịch thơ.

Chúng tôi dựa vào cuốn sách trên, chỉ ghi lại nội dung 12 bài thơ bằng chữ Hán kèm theo phần dịch âm và dịch nghĩa (có sửa đổi chút ít khi tham khảo thêm các tài liệu khác), đồng thời đóng góp thêm “mười hai bản dịch thơ mới” như dưới đây.

NGŨ TẶNG GIAO (Xuân Canh Dần 2010)

1. LINH SƠN TẠP HỨNG

靈山雜興

萬疊青山簇畫屏，

斜陽淡抹半溪明。

翠蘿徑裏無人到，

山鵲啼煙時一聲。

DỊCH ÂM:

Vạn điệp thanh sơn thốc họa bình,
Tà dương đậm nhạt bán Khê minh.
Thúy la kính lý vô nhân đáo,
Sơn thước đề yên thời nhất thanh.

DỊCH NGHĨA:

"Tập hứng ở Linh Sơn". Muôn lớp núi xanh tụ lại như bức bình phong vẽ. Bóng chiều nhạt rọi tới sáng nửa lòng khe. Trong lối cỏ

biếc, không người đến. Thỉnh thoảng một tiếng chim thước kêu trong khói mù.

DỊCH THƠ:

TẠP HỨNG Ở LINH SƠN

Núi xanh giăng lớp tựa bình phong
Chiều nhạt in hình dưới suối trong
Cỏ biếc, lối mòn đâu bóng khách,
Vẳng chim thước gọi, khói mông lung.

2. THÔN NAM SƠN TIỂU KHÉ

村南山小憩

閑身南北片雲輕，

半枕清風世外情。

佛界清幽塵界遠，

庭前噴血一鶯鳴。

DỊCH ÂM:

Nhàn thân nam bắc phiến vân kinh,
Bán chằm thanh phong thể ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiền phún huyết nhất oanh minh.

DỊCH NGHĨA:

"Tạm nghỉ ở núi thôn nam". Thân nhàn như
đám mây nhẹ bay khắp nam, bắc. Gió mát
thổi bên gối, tâm tình dễ ngoài cuộc đời.
Cõi Phật thanh u, cõi trần xa vời. Trước
sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu.

DỊCH THƠ:

TẠM NGHỈ NÚI THÔN NAM

*Thân nhàn Nam Bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.*

3. THANH LƯƠNG GIANG

清涼江

山腰一抹夕陽橫，
兩兩漁舟畔岸行。
獨立清涼江上望，
寒風颯颯嫩潮生。

DỊCH ÂM:

Sơn yêu nhất mặt tịch dương hoành,
Lưỡng lưỡng ngư chu bần ngạn hành.
Độc lập Thanh Lương giang thượng vọng,
Hàn phong tập tập nộn triều sinh.

DỊCH NGHĨA:

"Sông Thanh Lương". Một vệt bóng chiều
vắt ngang sườn núi. Dọc theo bờ sông,
thuyền câu đi từng đôi một. Đứng một mình
trên sông Thanh Lương ngắm cảnh. Gió
lạnh vi vút, nước triều dâng lên.

DỊCH THƠ:

SÔNG THANH LƯƠNG

*Sườn non giải nắng xế giăng ngang,
Từng cặp thuyền xuôi mái nhẹ nhàng.
Trên bến Thanh Lương người một bóng,
Ngắm triều dâng sóng, gió thổi thang.*

**4. CUNG HỌA NGỰ CHẾ
ĐỘNG CHƯƠNG**

恭和御制洞章

庭舞胎禽雲掩關，
露華嚙罷覺清寬。
碧桃華下渾無事，
時倩東風掃石壇。

DỊCH ÂM:

Đình vũ thai cảm vân yểm quan,
Lộ hoa yển bãi giác thanh khoan.
Bích đào hoa hạ hồn vô sự,
Thời thiên đông phong tảo thạch đàn.

DỊCH NGHĨA:

"Kính họa thơ vua". Hạc múa ở sân, mây
che ngoài cửa. Nuốt hoa sương rồi cảm
thấy khoan khoái nhẹ nhàng. Dưới hoa
bích đào lòng thanh thản. Thịnh thoảng
mượn ngọn gió đông quét trên đàn đá.

DỊCH THƠ:

KÍNH HỌA THƠ VUA

*Trước sân hạc múa, mây bên sông
Nhấp cạn hoa sương, sáng khoái lòng
Ngồi dưới bích đào, hồn tự tại
Quét đàn đá mượn gió phương đông.*

**5. NGUYỆT TỊCH BỘ
TIÊN DU SƠN TÙNG KÍNH**

月夕步仙遊山松徑
緩緩步松堤，
孤村淡靄迷。
潮回江笛迴，
天闊樹雲低。
宿鳥翻清露，
寒魚躍碧溪。
吹笙何處去，
寂寞故山西。

DỊCH ÂM:

Hoãn hoãn bộ tùng đề,
Cô thôn đạm ái mê.
Triều hồi, giang địch quỳnh,
Thiên khoáng, thụ vân đề.
Túc điều phiên thanh lộ,
Hàn ngư dục bích khê.
Xuy sinh hà xứ khứ,
Tịch tịch cố sơn tê (tây)?

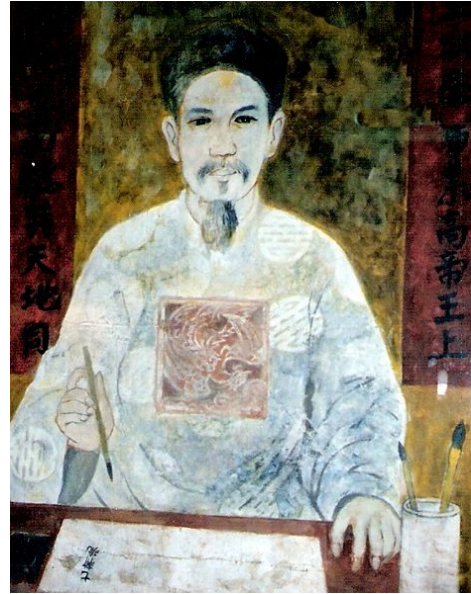
DỊCH NGHĨA:

"Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du". Thong thả dạo bước trên con đê trồng thông. Xóm vắng mờ trong làn khói nhạt. Nước triều xuống, tiếng sáo bên sông xa vắng. Trời rộng, mây là là ngọn cây. Chim đêm cựa mình trong làn sương trong. Cá lạnh nhảy trong khe biếc. Người thổi sênh đi nơi đâu. Phía tây núi cũ vắng vẻ?

DỊCH THƠ

**ĐÊM TRĂNG DẠO CHƠI
ĐƯỜNG THÔNG NÚI TIÊN DU**

*Dạo chơi thông mát bờ đê,
Mờ trong khói nhạt làng quê bình bồng.
Triều lui, sáo vắng bên sông,
Trời cao bát ngát, mây lồng ngọn thông.
Chim xao xác dưới sương trong,
Vẩy vung cá lội biếc dòng suối sâu.
Người thổi sênh vắng nơi đâu,
Phía Tây núi cũ dang sâu quạnh hiu?*



Hình chụp tranh Chu Văn An trên miếu thờ tại Hà Nội.

6. XUÂN ĐÁN

春旦

寂寞山家鎮日閒，
竹扉斜擁護輕寒。
碧迷草色天如醉，
紅濕花梢露未乾。
身與孤雲長戀岫，
心同古井不生瀾。
柏薰半冷茶煙歇，
溪鳥一聲春夢殘。

DỊCH ÂM:

Tịch tịch sơn gia trấn nhật nhàn.
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn
Bích mê thảo sắc thiên như túy,
Hồng thấp hoa sao lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết,
Khê điều nhất thanh xuân mộng tàn.

DỊCH NGHĨA:

"Sáng mùa xuân". Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi. Cửa扉 nghiêng che tiết lạnh sang. Màu biếc át cả sắc cỏ, trời như say. Ánh hồng thấm nhánh hoa sương sớm chưa khô. Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc

núi. Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng. Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt. Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân.

DỊCH THƠ:

SÁNG MÙA XUÂN

Nhà trên núi vắng cảnh an nhàn
Phên cửa nghiêng che tiết lạnh sang
Cỏ biếc trời cao say chất ngất,
Hoa hồng sương sớm đượm miên man.
Thân như mây lẻ vương non thẳm
Lòng tựa giếng xưa lặng sóng vàng
Hương gỗ thông tan, trà cạn khói,
Chim bên suối hót mộng xuân tàn

7. SƠ HẠ

初夏

山宇寥寥晝夢回，
微涼一線起庭梅。
燕尋故壘相將去，
蟬咽新聲陸續來。
點水溪蓮無俗態，
出籬野筍不凡材。
棲梧靜極還成懶，
案上殘書風自開。

DỊCH ÂM:

Sơn vũ liêu liêu trú mộng hồi,
 Vi lương nhất tuyến khởi đình mai.
 Yén tầm cố lũy tương tương khứ,
 Thiên yết tân thanh lục tục lai.
 Điểm thủy kê liên vô tục thái
 Xuất lý dã duẩn bất phàm tài.
 Thê ngô tĩnh cực hoàn thành lãn,
 Ân thượng tàn thư phong tự khai.

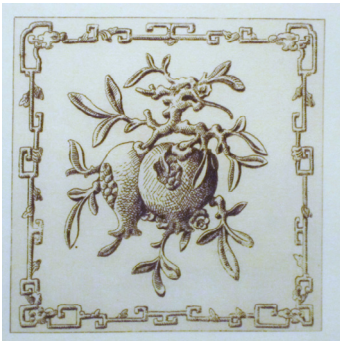
DỊCH NGHĨA:

"Đầu mùa hè". Nhà trên núi vắng vẻ, vừa tỉnh giấc mộng ban ngày. Một làn gió mát nhẹ thổi vào cây mai trước sân. Chim én rủ nhau đi tìm tổ cũ. Ve sầu cất tiếng đầu mùa, lục tục bay về. Sen dưới khe điểm trên mặt nước không bợn chút phàm tục. Măng đồng nội trời ra khỏi dậu, chẳng phải khí chất tầm thường. Tựa cây ngô đồng, ngòi im lặng mãi trở thành lười biếng. Cuốn sách nát để trên án, gió tự giờ ra.)

DỊCH THƠ:

ĐẦU MÙA HÈ

*Chợt tỉnh giấc ngày nhà núi cao,
 Trước sân mai rờn gió lao xao.
 Én tìm tổ cũ gom đàn tới
 Ve kiếm nơi xưa cất tiếng chào.
 Dưới suối sen phô, hình thoát tục,
 Ngoài rào măng vượt, dáng thanh tao.
 Tựa ngô đồng nghĩ thành lười biếng
 Trên án sách xưa đón gió vào.*



8. VỌNG THÁI LĂNG

望 泰 陵

松 秋 深 鎖 日 將 夕 ，
 煙 草 如 苔 迷 亂 石 。
 黯 淡 千 山 風 更 愁 ，
 消 沉 萬 古 雲 無 跡 。
 溪 花 欲 落 雨 絲 絲 ，
 野 鳥 不 歸 山 寂 寂 。
 幾 度 躊 躇 行 復 行 ，
 平 蕪 無 盡 春 生 碧 。

DỊCH ÂM:

Tùng thu thâm tỏa nhật tương tịch.
 Yên thảo như đài mê loạn thạch.
 Âm đạm thiên sơn phong cánh sầu,
 Tiêu trầm vạn cổ vân vô tích.
 Khê hoa dục lạc vũ ti ti,
 Dã điều bất đề sơn tịch tịch.
 Kỳ độ trừ trừ hành phục hành,
 Bình vu vô tận xuân sinh bích.

DỊCH NGHĨA:

"Trông về Thái Lăng". Cây tùng cây thu khoá kín trời sắp về chiều. cỏ non xanh rợn, như rêu che lấp những hòn đá ngả

ngiêng. Ngàn non âm đậm, gió thổi càng thêm buồn. Muôn thuở tiêu tan, mây không để lại dấu vết. Hoa bên suối sắp rụng, mưa lất phất. Chim ngoài đồng nội im tiếng, núi quạnh hiu. Mấy lần dửng dăng, đi rồi lại đi. Cỏ rậm bát ngát, sắc xuân xanh biếc.

DỊCH THƠ:
TRÔNG VỀ THÁI LĂNG

*Thấp thoáng từng thu bóng xế chiều,
Cỏ non phủ đá biếc màu rêu.
Gió vờn non thắm thêm buồn bã,
Mây lảng trời xa để tịch liêu.
Bên suối hoa tàn mưa lất phất,
Ngoài đồng chim lặng núi điêu hiu.
Ngập ngừng mấy độ dòi chân bước,
Xanh ngát cỏ xuân, sắc diễm kiêu.*

9. GIANG ĐÌNH TÁC

江亭作

江亭獨立數歸舟，
風急灘前一笛秋。
斜日吟殘紅淡淡，
暮天望斷碧悠悠。
功名已落荒唐夢，
湖海聊為汗漫遊。
自去自來渾不管，
滄波萬頃羨飛鷗。

DỊCH ÂM:

Giang đình độc lập số quy chu,
Phong cấp than tiền nhất dịch thu.
Tà nhật ngâm tàn hồng đậm đậm,
Mộ thiên vọng đoạn bích du du.
Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
Hồ hải liêu vi hãn mạn du.
Tự khứ tự lai hồn bất quản,
Thương ba vạn khoảnh tiện phi âu.

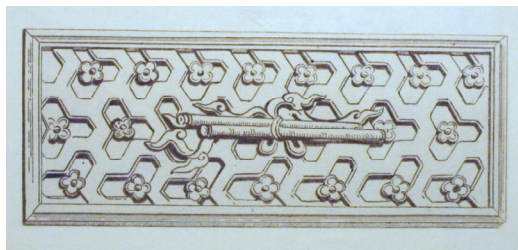
DỊCH NGHĨA:

"Làm thơ ở Giang Đình". Đứng một mình ở Giang Đình ngắm thuyền về. Trước ghềnh, gió gấp, một tiếng sáo gọi cảnh thu. Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhạt nhạt. Trông suốt trời chiều, màu biếc mờ mờ. Công danh đã rơi vào giấc mộng hoang đường. Tạm dạo chơi lang thang miền hồ hải. Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc. Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh.

DỊCH THƠ:

LÀM THƠ Ở GIANG ĐÌNH

*Giang Đình một bóng ngắm thuyền qua,
Gió lộng ghềnh thu sáo thiết tha.
Nắng xế, thơ tàn, hồng phớt nhạt,
Trời chiều, cảnh vắng, biếc chan hòa.
Công danh chót lạc vùng mơ ảo
Hồ biển tạm chơi thú nẻo xa
Đầy đó lang thang dòi tự tại,
Ước như chim lướt sóng bao la.*



10. MIẾT TRÌ

鰲池

水月橋邊弄夕暉，
荷花荷葉靜相依。
魚游古沼龍何在，
雲滿空山鶴不歸。
老桂隨風香石路，
嫩苔著水沒松扉。
才心殊未如灰土，
聞說先皇淚暗揮。

DỊCH ÂM:

Thủy nguyệt kiều biên lộng tịch huy,
Hà hoa hà diệp tĩnh tương y,
Ngư du cổ chiểu long hà tại?
Vân mãn không sơn hạc bất quy!
Lão quế tùy phong hương thạch lộ,
Nộn đài trước thủy một tùng phi.
Thốn tâm thù vị như hôi thổ,
Văn thuyết tiên hoàng lệ ám huy.

DỊCH NGHĨA:

"Miết Trì". Trắng nước bên cầu đùa giỡn bóng chiều hôm. Hoa sen, lá sen, yên lặng tựa nhau. Cá bơi ao cổ, rồng ở chốn nào? Mây đầy núi vắng, hạc chẳng thấy về! Mùi quế già bay theo gió làm thơm ngát con đường đá. Rêu non dẫm nước che lấp cánh cửa thông. Tác lòng này vẫn chưa

nguội lạnh như tro đất. Nghe nói đến Tiên hoàng luống gặt thăm giọt lệ.

DỊCH THƠ:

MIẾT TRÌ

Trắng nước cầu bên giỡn bóng tà,
Trong hồ sen lặng, lá kề hoa,
Ao xưa cá lội, rồng đâu thấy?
Núi vắng mây giăng, hạc chẳng qua!
Đường đá gió thơm mùi quế thoảng,
Cửa thông nước dẫm lớp rêu pha.
Lòng đâu đã nguội như tro đất,
Nghe đến tiên hoàng lệ muốn sa.

11. THỨ VẬN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN

次韻贈水雲道人

平生膽氣鶚橫秋，
翰墨場中一戰收。
茅屋玉堂皆有命，
濁涇清渭不同流。
老逢昭代知何補，
身落窮山笑拙謀。
檢點年年貧活計，
茶甌詩卷伴湯休。

DỊCH ÂM:

Bình sinh đảm khí ngọc hoành thu,
 Hàn mặc trường trung nhất chiến thu.
 Mao ốc ngọc đường giai hữu mệnh,
 Trọc Kinh thanh Vị bất đồng lưu.
 Lão phùng chiêu đại tri hà bổ,
 Thân lạc cùng sơn tiểu chuyết mưu.
 Kiểm điểm niên niên bản hoạt kế,
 Trà âu, thi quyên bạn Thang Hưu.

DỊCH NGHĨA:

“Họa vắn tặng Thủy vân đạo nhân”: Chí khí
 dũng cảm thưở bình sinh như chim ngọc
 bay ngang trời thu, trong trường bút mực,
 chỉ một trận là được. Nhà tranh hay nhà
 ngọc, đều có số mệnh, sông Kinh đục,
 sông Vị trong, vốn không chảy cùng dòng.
 Già gặp thời sáng sửa, biết chẳng ích gì,
 thân rơi vào núi thẳm, cười mình mưu
 vụng. Hàng năm kiểm điểm lại cái sinh kế
 nghèo, vẫn âu trà, cuốn thơ, làm bạn với
 Thang Hưu.

DỊCH THƠ:

HỌA VẮN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN

*Sánh với chim trời chí cũng đồng
 Bút nghiên dễ thắng, quả vô song
 Nhà giàu nhà khó đều theo số
 Sông đục sông trong vốn khác dòng
 Già gặp thời xuôi nào hữu ích
 Thân rơi núi thẳm há tinh thông
 Hàng năm kiểm điểm nghèo sinh kế
 Trà với bạn thơ cứ thả lòng.*



12. ĐỀ DƯƠNG CÔNG THỦY HOA ĐÌNH

題揚公水華亭

上人遠公裔，
 朗悟有高識。
 屢結白社盟，
 為愛青蓮色。
 方塘貯碧漪，
 環以芙蕖植。
 上構水華亭，
 意與蓮比德。
 好風時一來，
 滿座聞芳馥。
 隱幾觀眾妙，
 悠然心自得。
 不知清淨身，
 已在荷華側。
 明月相友朋，
 閒雲同偃息。
 渴傾珠露飲，
 飢摘玉房食。
 回頭謝世紛，
 逍遙遊八極。

DỊCH ÂM:

Thượng nhân Viễn công duệ,
Lãng ngộ hữu cao thức.
Lũ kết bạch xã minh,
Vị ái thanh liên sắc.
Phương đờng trử bích y,
Hoàn dĩ phù cừ thực.
Thượng cầu thủy hoa đình,
Ý dữ liên tỹ đức.
Hảo phong thời nhất lai,
Mẫn tọa văn phương phức.
Ẩn kỹ quan chúng diệu,
Du nhiên tâm tự đắc.
Bất tri thanh tĩnh thân,
Dĩ tại hà hoa trắc.
Minh nguyệt tương hữu bằng,
Nhân văn đồng yển tức.
Khát khuynh châu lộ ẩm,
Cơ trích ngọc phòng thực.
Hồi đầu tạ thể phân,
Tiêu dao du bát cức.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG “Đề đình Thủy Hoa của Dương Công”:

Thượng nhân là giòng dõi của Viễn công, hiểu biết một cách sáng suốt, có kiến thức cao. Luôn kết lời mình ước ở Bạch Xã, vì yêu sắc sen xanh. Ao vuông chứa đựng nước trong biếc, xung quanh trồng toàn sen. Trên ao dựng ngôi đình Thủy Hoa, ý chừng muốn sánh đức với sen. Gió mát thường xuyên thổi tới, làm thơm ngát khắp ngôi đình. Tựa bên ghé để quan sát mọi điều huyền diệu, lâng lâng cảm thấy thoải mái trong lòng. Chẳng biết tấm thân thanh tịnh, đã ở bên cạnh đoá hoa sen. Trắng sáng cùng làm bạn với mình, mây nhàn cùng ta nghỉ ngơi. Khát thì nghiêng rót những hạt sương châu để uống, đói thì lấy những chùm quả bằng ngọc mà ăn.

Ngoảnh lại quên hết mọi rắc rối ở đời, để nhõn nhõ vui chơi tám cõi.

DỊCH THƠ:

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG

*Thượng nhân dòng dõi Viễn Công,
Vừa cao trí thức, vừa thông thể tình.
Lại luôn bạch xã kết minh,
Vì yêu sắc đoá sen xanh đẹp màu.
Ao vuông nước biếc dạt dào
Sen vây bốn phía cảnh sao êm đềm.
Thủy Hoa đình xây phía trên
Ý rằng sánh đức cùng sen khác nào.
Thường xuyên gió mát thổi vào
Ngôi đình thơm ngát cảnh sao diễm kiều.
Ngồi xem huyền diệu mọi điều
Trong lòng cảm thấy phiêu diêu dâng đầy.
Tấm thân thanh tịnh nào hay
Vì chung cạnh đoá sen này bấy lâu.
Bạn cùng trắng sáng cạnh thanh
Nghĩ cùng mây khắp trời cao tĩnh nhàn.
Khát thời uống hạt sương tan,
Đói thời quả ngọc hái ăn tứ thời.
Ngoái trông gác mọi chuyện đời
Nhõn nhõ tám cõi vui chơi thoả lòng.*



Tài liệu tham khảo:

- 1) Thơ Văn Lý Trần (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978)
- 2) Tự Điển Bách Khoa Toàn Thư Việt Nam
- 3) Thivien.net
- 4) Wikisource.org
- 5) VietSciences.org

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA DAO

GS Phạm Thị Nhung

KỶ III

BỐN PHẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

. Bốn phần đối với gia đình nhà chồng.

Sau đêm tân hôn ân ái mặn nồng, chàng trai biết mình phải làm gì :

*Dạy con từ thuở còn thơ
Dạy vợ từ thuở bơ vợ mới về.*

Chàng rất mực khôn khéo, chàng hiểu rõ tâm lý đàn bà :

*Chim khôn chết mệt vì mồi
Người khôn chết mệt vì lời nhỏ to.*

Chàng đã nhỏ to với cô vợ mới cưới những gì ?

*Mẹ già khó lắm em ơi!
Nhịn ăn nhịn mặc nhịn lời mẹ cha
Nhịn cho nên cửa nên nhà
Nên kèo nên cột nên xà tâm vòng.
Nhịn cho nên vợ nên chồng
Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.*

Và :

*Liệu mà thờ kính mẹ cha
Đùng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười.*

Được vuốt ve tự ái, được khích lệ bởi tình yêu thương, người thiếu phụ nhất định sẽ đủ sức chịu đựng mà vượt qua mọi khó khăn trong cảnh làm dâu, thực hiện được trọn vẹn bốn phần của người đàn bà, “Có chồng phải gánh giang san nhà chồng”. Ngoài bốn phần thay chồng phụng dưỡng cha mẹ chồng :

*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.
Mẹ già là mẹ già anh
Em vô bảo dưỡng cả canh cho thường.*

Nàng còn phải có ý tứ, giữ gìn từng lời ăn tiếng nói với mọi người xung quanh :

*Làm dâu khổ lắm ai ơi
Vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám than.*

Phải thức khuya dậy sớm coi sóc việc nhà:

*Năm canh thì ngủ lấy ba
Hai canh coi sóc cửa nhà làm ăn.*

Nếu may mắn gặp được cha mẹ chồng là người hiền đức, biết điều, thấy nàng dâu đảm đang, nét na thì cũng yêu vì :

*Hoa thơm ai chẳng muốn đeo
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

Và :

*Hoa thơm ai chẳng nâng niu
Người khôn ai chẳng mến yêu mọi bề.*

Hơn thế, nàng còn được cả họ hàng nhà chồng quý mến :

*Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng
Anh yêu em, bác mẹ họ hàng cũng yêu.*

Thì nàng sẽ được sống những ngày êm đềm, hạnh phúc trong gia đình nhà chồng. Trong trường hợp này, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy nàng dâu đã tìm thấy ở người mẹ chồng hiền đức bao dung đó, một hương vị ngọt ngào đậm đà của tình mẫu tử :

*Mẹ già như chuối ba hương
Như com nếp một như đường mía lau.*

Chăm sóc hầu hạ cha mẹ chồng, nàng lại
chạnh nghĩ đến cha mẹ mình:
*Vắng nghe chim vịt kêu chiều
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Nhiều khi nhớ quá, nàng chẳng thiết ăn
uống:
*Gió đưa cây cứu lý hương
Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.
Sầu riêng cơm chẳng muốn ăn
Đã bưng lấy bát lại dần xuống mâm.*

Từ ngày lấy chồng xa xứ, có muốn thăm hỏi cha
mẹ cũng rất khó khăn. Nàng thương cha mẹ nàng đã
không được hưởng cái hạnh phúc có con gái lấy
chồng gần:
*Có con mà gả chồng gần
Có bát canh cần nó cũng đem cho.
Hay :
Có con mà gả chồng gần
Nửa đêm đốt đuốc đem phần cho cha.*

Đề tỏ lòng báo đáp trong muôn một, mỗi khi
nghe tin ai sắp về quê mẹ, nàng vội vàng gửi gắm
chút quà với tất cả tấm lòng hiếu kính, xót xa:
*Ai về tôi gửi buồng cau
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.
Ai về tôi gửi đôi giấy
Phòng khi mưa nắng để thầy mẹ đi.*

. Bồn phận đối với con, thiên chức làm mẹ.

Ngoài bồn phận đối với gia đình nhà chồng,
người phụ nữ còn có bồn phận đối với con, nói
khác đi, là bồn phận làm mẹ, một thiên chức
thiên liêng của người phụ nữ. Từ khi con mới
là thai nhi trong bụng, cho đến lúc sinh ra đời,
nàng đã chịu bao nỗi vất vả :
*Con mẹ có thương mẹ thay
Chín tháng mười ngày, mang nặng đẻ đau.*

Thờ con còn tấm bé, nàng phải thức khuya dậy
sớm, chăm sóc cho con từng miếng ăn, giấc ngủ :
*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy thức đủ năm canh.*

Nàng sung sướng theo dõi từng phát triển
lớn khôn của con thơ :
*Con ăn, con bú, con nô
Con lẫy, con bò, con chững, con đi
Biết bao bú mớm bù trì.*

Gặp cảnh nhà nghèo, mưa dột, nàng vội
nhường chỗ nằm khô ráo cho con :
Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn.

Nếu bị chồng phụ bạc, bỏ bê gia đình, nàng một
mình vất vả nuôi con. Thân nàng chẳng quản, chỉ
thương con phải chịu thiếu thốn :
*Nước non lận đận một mình
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy
Cho ao kia cạn cho gầy cò con.*

Trong trường hợp người chồng chẳng may mất
sớm, nàng phải làm ăn cơ cực, không chỉ ban ngày,
mà đôi khi lặn lội cả đêm khuya mới mong kiếm đủ
tiền nuôi bầy con dại. Lại khi xảy bước sa chân vào
đường tù tội; nàng sẵn sàng chịu mọi hình phạt,
miễn sao vẫn giữ được tiết sạch giá trong để bảo vệ
đời sống tinh thần cho các con :
*Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Người mẹ thương con đến thế làm sao nỡ bỏ
con một mình để bước đi bước nữa ?
*Trời mưa bong bóng bập bồng
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai ?*

Điều đó cho thấy, nàng không bước đi bước
nữa, không phải vì cái danh hão “Tiết hạnh khả

phong”, mà chính vì lòng thương con vô bờ, vô bến của người mẹ.

Lại những khi con đau ốm hay gặp hoạn nạn thì lòng mẹ như nát, như tan :

*Con chim trên rừng kêu thánh tha thánh thót
Mẹ thương con cắt ruột xé hai.*

Rồi với thời gian, con càng khôn lớn, bồn phận của mẹ càng khó khăn :

Miếng ru mắt nhỏ hai hàng

Nuôi con càng lớn mẹ càng thêm lo.

Vì sao? Vì nàng biết, ngoài sự chăm sóc thương yêu, bây giờ nàng còn có trách nhiệm giáo dục trẻ thơ cho nên người hữu dụng. Nàng muốn các con nghe nàng, không chỉ bằng trái tim thương yêu mà bằng cả lý trí xét đoán phải trái :

Con ơi muốn nên thân người

“Lắng tai” nghe lấy những lời mẹ cha.

Đối với con gái, nàng dạy dỗ rất kỹ về nữ công nữ hạnh, sửa soạn cho con trở thành người phụ nữ hoàn toàn sau này :

Gái thì giữ việc trong nhà

Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa

Ngoài ra, con gái còn cần phải biết :

Học buôn học bán cho tay người ta.

Con đừng học thói chua ngoa

Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.

Dù no, dù đói cho tươi

Khoan ăn bớt ngũ liệu bài lo toan.

Đối với con trai, nàng khuyến khích con chăm chỉ học hành, mong có ngày tạo nên sự nghiệp:

Con ơi con học cho cần

Bút nghiên cha sắm, áo quần mẹ may.

Con ơi con học cho hay

Có công mài sắt có ngày nên kim.

Và không quên nhắc nhở con, ăn ở sao cho ra người đạo nghĩa :

Nuôi con cho được vuông tròn

Mẹ thầy dầu dãi xương mòn gối long.

Con ơi cho trọn hiếu trung

Thảo ngay một dạ kéo lương công mẹ thầy.

Tóm lại, trong bồn phận làm mẹ, vì quá thương con nàng đã gánh chịu bao nỗi khổ cực, với niềm mong ước duy nhất : con sẽ nên người !

Mẹ nuôi con bấy lâu rồi

Nuôi con cho đến ngày thành người mới nghe.

Công trình nuôi con của các bậc làm cha làm mẹ to tát là thế. Song bởi lòng thương yêu con mà tự nguyện hy sinh nên các người chẳng bao giờ kể lễ công ơn:

Chim trời ai dễ đếm lông

Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.

Ngay cả khi con đã khôn lớn ra đời, mẹ vẫn dõi theo từng bước con đi. Phải thời chinh chiến, mẹ già lại gánh gao tiễn con lên đường :

Chém cha cái giẻ giặt chét hoang

Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng.

Gánh từ xứ bắc xứ đông

Đã gánh theo chồng lại gánh theo con.

Từ đó, mẹ già lại ngày ngày khắc khoải chờ trông :

Mẹ trông con ra ngòi cầu Ái Tử

Vợ trông chồng ra đứng núi Vọng Phu.

Mỏi mòn bóng xế trăng lu

Khác chi con ve kêu mùa hạ

Biết mấy thu cho người lòng.

Ôi công cha, nghĩa mẹ nói làm sao xiết !

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(còn tiếp)

GS Phạm Thị Nhung
(France)

Rồng Tiên Vào Hội

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà’

Phần I : Các giai đoạn lịch sử huy hoàng

I.-

L.a :

Thơ ta

Đêm đêm lưng vang bốn biển

Thơ ta đen, đỏ, tím, vàng, lam, trắng, xanh,
huyền nhiệm

Thơ vào lay động giấc Long Vương

Chồn thủy cung

Đánh thức con rồng vàng đang ngủ

Lên khỏi đại dương

Về nằm lại bên sườn Ngũ Lĩnh

Đề Rồng lại nói

Đề Rồng lại thưa

Thưa rằng :

«*Ta là Lạc Long*

Nàng là Âu Cơ

Buổi đầu dựng nước

Vàng tươi màu cờ

‘Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư’

(thơ Lý Thường Kiệt)

Đường lịch sử mưa diên vẫn vũ

Nòi Rồng Tiên thác lũ bao phen

Vuông tròn chung một khuôn thiêng

Đuổi quân giặc nước, duyên tròn lại duyên.

Trăm con một bọc

Giống nòi Rồng Tiên

Nghìn năm sau trước một thuyền

Nghĩa thề non nước, tình nguyện nước non».

Dậy dằng qua núi qua sông

Vang vang chính khí

Rạo rục lòng công đức cha ông

Dựng Việt Nam giữa trời Đông Á

Một Việt Nam anh hùng, chí cả

Một Việt Nam sắt son vàng đá

Nghìn muôn năm kết chặt bản tình ca

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’.”

I.b :

Thơ ta

Đêm đêm trào lên ngọn bút

Ôn lịch sử mấy nghìn năm sau trước

Dạt dào tim, nghĩa nước tình nhà

Dạt dào tim, ơn Mẹ công Cha

Bao công đức dệt lời thơ bất tuyệt

Thơ rằng :

“*Tuyệt vời thay ý chí đàn bà*

Đáp nghĩa nước, trả thù nhà trọn vẹn

Dòng chính khí trào dâng lên huyết quản

Cờ Vàng bay rục sáng cõi Mê Linh

Đàn voi thiêng chung óng ả lời tình

Thế giới cổ kim, duy một lần, sau trước

Chí quân thoa trở vượt cả nam nhân

Ba năm dài dựng nước

Ba năm dài nao nức bản hùng ca :

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’.”

“*Nửa đêm thức giấc*

Còn nghe vắng tiếng Ngô Quyền

Soi vầng trăng lạnh
Gỏ nhịp ván thuyền
Hát bài thắng trận...lên đèn
Đầu Hoẵng Thao lỏng lốc
Thuyền Bắc quân tan tác, dập dềnh
Từ đây dựng lập kỷ nguyên
Từ đây độc lập lưu truyền sử ca:
‘Nòi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Một búp sen non nở bưng trang sử
Thời huy hoàng triều đại Lý hoàng kim
Đạo hạnh lung linh sáng rỡ hương thiên
‘Tâm như’ thâm đượm lời tim
Từ ‘vô úy’ dệt niềm tin bất diệt
Thơ thần ướp ngon gươm thiêng
Lý Thường Kiệt chặn đầu quân giặc Tống
Cờ sắc thắm lên cao lồng lộng
Đât cùng trời vang động khúc hoan ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà!’”

“Một dòng sông! Có một dòng sông
Quân Nam tràn lên như bão tố
Vạn cánh tay thề ‘sát đất’ quyết không tha
Hội Diên Hồng trút lên đầu lũ giặc
Triệu rưỡi quân Nguyên ba lần tan tác
Mộng xâm lăng. Bạch Đằng giang
Sông hùng dũng của nòi giống anh hùng
Sông lũy lừng chiến tích
Sông reo hò sóng động bản hùng ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Ai đi đó, có xuôi về Thanh Hóa
Tri ân người áo vải đất Lam sơn
Mười năm dài gian khổ
Đẩy Thoát Hoan cùng đường mặt lộ
Liễu Thăng, Sầm Nghi Đống,... bao tướng
giặc tài ba
Bay đầu, phơi xác, quy lỵ xin tha
Bài Cáo Bình Ngô rúng động cả sơn hà
phương Bắc

Bàn tay nông dân anh hùng dẹp giặc
Toàn muôn dân óng ả nhạc đồng ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Nguyễn Huệ Quan Trung, một trận Đống Đa
Quét sạch lũ gian tà
Đẩy Sĩ Nghị vớt án kiếm, ôm đầu chạy bộ
Vạn vạn quân Thanh, cầu đổ, trôi sông
Càn Long, khiếp hãi, buộc lòng
Nghị hòa cho đỡ thẹn thùng bại binh
Nước non mình lại với mình
Bắc Nam, dân nước thanh bình
Bắc Nam lại trời sử tình âu ca :
‘Nòi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà !’”

I.c :

Thơ ta
Đêm đêm nhìn Bắc Đẩu
Sớm sớm đón dương quang
Từng trang lịch sử huy hoàng
Từng thuở cờ vàng giữ nước
Dậy dàng tim thao thức, băng khuâng
Dậy dàng tim nao nức, rung rung
Dệt lời thơ nhớ
Thơ rằng:
“Nhớ Văn Lang quê hương rục rờ
Nhớ Cổ Loa, nhớ nỏ Long Châu
Trống Đồng gỏ nhịp khoan mau
Lạc Hồng ruổi gió bay vào sử xanh...
Nhớ từng buổi cha tần ngần buông cước
Mắt rạng ngời lúa mướt đồng xanh
Những hạt vàng long lanh
Những hạt vàng óng ánh
Nuôi dòng đời, nuôi mạch sống tinh anh
Nhớ mẹ già buông gánh hàng rong
Tay mân mê cô búp bê xinh xắn
Miệng tươi cười, lau chiếc trán mồ hôi
Chạy vào thăm cháu
Đưa cháu nhỏ đôi mắt tròn diễm lệ
Một noãn cười, non bể vào xuân

Bao em ta, riu riu chân chim
 Nhảy dây, chơi bi, đánh đáo
 Chân cô cò, la hét oang oang
**‘Công cha như núi Thái Sơn..
 Bầu ơi thương lấy bí cùng’..**
*(Hiếu nghĩa gì không ?
 Chúng lắc đầu nguây nguậy !)*
 Chị ta gập mình trên trang giấy
 Bài học quá dài,
 Phép tính vi phân, phương trình lượng giác
 Khó làm sao ! Nhưng sáng ngời ánh mắt
**Quyết một lòng son sắt chí cha ông
 Các anh ta trùng trùng núi dựng**
*Trùng trùng mưa biển sóng dập dồn
 Ghim súng chờ thù, miệng thâm lẩm nhảm
 Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa,
 Chuông Dương, Hàm Tử
 Mẹ và Cha, mỗi mòn nơi hậu cứ
 Xin yên tâm, vững chí đợi con về
 Ngày hoà bình, lộng lẫy đất trời quê
 Và, đôi ta,
 Mắt em anh bảo xanh màu nước
 Ôm trọn vầng trăng anh thả trôi
 Tóc em anh bảo sợi mưa ngâu
 Chải thơm cánh gió mây từng cao
 Mạch dài hơn cả tràng giang mộng
 Tình mình ‘biển núi’ đẹp trắng sao!
 Lòng ta là biển*
Trí ta là non
*Non lên cao nhìn vào biển rộng
 Biển muôn trùng chờ mộng non cao
 Chữ tình rộng hẹp ra sao
 Mà ôm trọn cả núi cao biển dài
 Rồi cứ thế, tay trong tay,
 Tiếp dòng lịch sử
 Tay trong tay,
 Ngôn ngữ mặn tình người
 Ươm vào tim từng lời thơ chính khí
 Ướp vào lòng từng nhịp bản trường ca
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’ ‘*

I.d :

Thơ ta
 Đêm đêm cỡi ngựa vàng lên đỉnh Sóc
 Giục phi nhanh lên tận chín tầng trời
 Lật sô Nam Tào
 Giờ trang Bắc Đẩu
 Xóa màu hư cấu
 Tờ thiên thư chép vội mấy dòng thơ
 Thơ rằng :
 ‘*‘Co’ con sông nào không xuôi về biển
 Có biển nước nào chẳng bốc thành hơi
 Hơi lên kết đọng mây trời
 Gió đưa mây đến từng nơi non ngàn
 Mây kết thành mưa
 Mưa tuôn ào ạt
 Nước tinh tuyền tắm mát đầu non
 Nước đi là để lại nguồn
 Tình ta qua những trang buồn lại vui’’*

Rồi ta đếm tuổi cuộc đời
 Trong ta cỡi đất cỡi trời giao nhau
 Nghìn năm sau trước trước sau
 Để ai dựng vách ngăn rào núi sông
 Bao phen con Lạc cháu Hồng
 Xóa trang dị sử, dẹp dòng can qua
 Thái bình ghi nỗ lực
 Thủ tích dựng mùa hoa
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà!’.

Nguyễn Thùy (Germany)



Mai biến thành rồng

LỊCH SỬ và THẮNG CẢNH HỒ HOÀN KIẾM

*

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Thu mình giữa lòng Thăng Long vẫn vật, hồ Hoàn Kiếm tự bao đời vẫn long lanh sắc nước, với Tháp Rùa cổ kính trang nghiêm, với đền Ngọc Sơn lẩn khuất dưới bóng cây xanh, bên cầu Thê Húc đỏ son.

Thuở xa xưa vùng đất này là rừng rậm xen lẫn đầm lầy. Bờ sông Nhị lẩn dần mãi sang phía đông bỏ sót lại nhiều kinh rạch, ao hồ. Có nơi hồ ao nối nhau từng chuỗi ngang dọc, cách nhau bằng những doi đất, làm chướng ngại vật thiên nhiên nằm chen giữa thành trì và bờ sông, giữ vai trò không kém những hào lũy. Nhưng mỗi tác đất là một tác vàng, nơi đất cao ráo dân ta trồng trọt, lập làng, xây đình, nhà dân ra sát mép ao hồ.

HỒ HOÀN KIẾM

Khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô về Thăng Long (1010), hồ nước ấy mang tên **Lục Thủy**, dân gian gọi như thế vì nước hồ xanh suốt bốn mùa. Phía bắc hồ có **đảo Tượng Nhĩ** (giống hình tai voi), vua Lý Thái Tổ đặt tên là **Ngọc Tượng**.

Sang đời nhà Trần, đảo lấy tên là **Ngọc Sơn** hay **đảo Ngọc**. Sau khi Hưng Đạo Vương đánh thắng quân Mông Cổ trên sông

Bạch Đằng vào năm 1288, ngài cho xây ngôi đền trên đảo Ngọc để thờ các anh hùng liệt sĩ.

Vào năm 1428, nhân một chuyến dạo thuyền trên hồ Lục Thủy, Vua Lê Lợi gặp rùa thần đòi lại thanh bảo kiếm năm xưa trời đã ban cho để chống quân Minh. Từ đó tên hồ đổi là **Hoàn Kiếm**.



Những năm sau đó, dưới đời nhà Lê, phần hồ phía nam thông ra Nhị Hà được dùng làm nơi luyện tập thủy chiến, nên hồ mang tên **Thủy Quân**, ngăn cách với phần hồ phía bắc - vẫn giữ tên Hoàn Kiếm - bởi doi đất làng Cự Lâu (ngang với Bưu Điện ngày nay). Trong khi ấy ngôi đền từ sĩ trên đảo Ngọc - xây dưới đời Trần - đã đổ nát

được dựng lại thành Võ Miếu thờ đức Trần Hưng Đạo (có sử chép là Lê Lai) bên cạnh Quan Công.

Trong suốt hai thế kỷ, các chúa Trịnh nắm hết quyền hành của nhà Lê. Giữa thế kỷ thứ 17, Trịnh Tạc cho xây Vương phủ riêng ở phía nam hoàng thành Thăng Long, có tường dày như pháo đài và nguy nga như hoàng cung. Phủ ấy ở bên phía tây hồ Hoàn Kiếm (khoảng Nhà Thờ Lớn hiện nay). Từ cửa Tuyên Vũ của Vương phủ nhìn ra sông Nhị, hồ Hoàn Kiếm nằm phía bên trái nên gọi là **hồ Tả Vọng**, hồ Thủy Quân ở bên phải nên gọi là **hồ Hữu Vọng**.

Vùng hồ Hoàn Kiếm thuộc về Vương Phủ họ Trịnh, nên các chúa nhiều đời nối tiếp nhau cho trùng tu, xây dựng:

- Bên phía tây hồ Hoàn Kiếm: **Cung Khánh Thụy** (khu vực phố Bảo Khánh ngày nay), kề bên có **núi Ngọc Bội** (để nhắc lại chiến công của chúa Trịnh Doanh, đánh thắng nghịch Phương);

- Bên phía đông hồ Hoàn Kiếm: **Lâu Ngũ Long** (chỗ nhà Bưu Điện hiện nay), **núi Độc Tôn** (ngay bờ hồ, đối diện đảo Ngọc Sơn, sau này Tháp Bút được xây trên đó);

- Trên đảo Ngọc Sơn, chúa Trịnh cho xây **Đình Tả Vọng** (dùng làm nhà nghỉ mát, đài câu cá).

Ngoài ra, để nối liền hai bờ hồ, chúa Trịnh cho đắp đất, làm đường đi từ Vương Phủ sang tận lầu Ngũ Long bên bờ Nhị Hà. Kể từ đó hồ Hoàn Kiếm (Tả Vọng) cách biệt hẳn hồ Thủy Quân (Hữu Vọng).

Cuối đời nhà Lê, năm 1786, vua Lê Chiêu Thống, do lòng căm hận các chúa Trịnh, cho đốt phá hết các kiến trúc đã xây từ nhiều đời trước, tiêu biểu là cung Khánh Thụy, lửa bốc cao ngất trời, mười ngày chưa tắt!

Từ năm 1884, nhà nước Pháp mở mang đường phố, chỉ giữ lại hồ Hoàn Kiếm, lấp bằng hồ Thủy Quân. Khu vực Hồ Gươm trở thành nơi vui chơi và nghỉ mát.

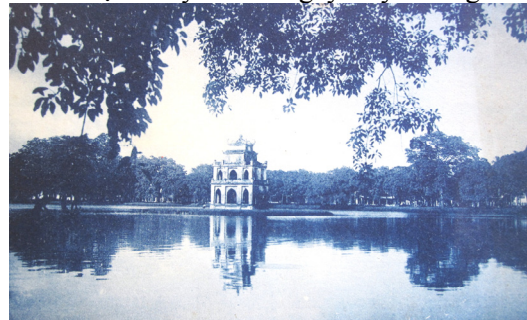
THÁP RÙA

Từ xưa, giữa hồ Hoàn Kiếm có một đảo nhỏ nhô khỏi mặt nước gọi là Gò Rùa hay Đảo Rùa. Diện tích gò ấy không đáng kể (bằng khoảng 1/3 diện tích ngày nay) nên lịch sử hồ Gươm ít nhắc đến (Nhiều sử gia không tin rằng đình Tả Vọng xây trên Gò Rùa).

Mỗi khi chúng ta nghe nhắc đến hồ Hoàn Kiếm, chúng ta thường nhớ đến truyện Vua Lê Lợi trả gươm và Rùa thần. Như đã nói trên, khi xưa hồ rất to lại thông ra sông Hồng nên nhiều động vật đến đây dung thân, trong đó hẳn có nhiều loài rùa. Một loài đáng để ý nhất, thân mềm như con ba ba, nhưng rất to, dài gần 2 mét, thỉnh thoảng trèo lên phơi nắng trên Gò Rùa, hay bơi thong thả đó đây. Đó là Rùa Hồ Gươm, rất hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

Năm 1884, một nhà giàu có ở phố Hàng Khay là bá hộ Nguyễn Ngọc Kim bỏ tiền ra xây Tháp Rùa như ta còn thấy hiện nay (Có thuyết nói rằng ông định an táng song thân của mình ở nơi ấy nhưng việc không thành).

Gò và Tháp Rùa góp mặt với lịch sử khá muộn. Tuy nhiên ngày nay không thể



thiếu Tháp Rùa trên hồ Hoàn Kiếm, vì hình ảnh đó đã trở thành một biểu tượng khó phai nhòa trong ký ức người yêu Hà Nội.

ĐỀN NGỌC SON



Đường vào Đài Nghiên, Đền Ngọc Sơn (bản khắc dựa theo ảnh của BS Hocquard, 1884)

Từ đời Hậu Lê trên đảo Ngọc đã có Võ Miếu thờ Quan Công và Đức Thánh Trần. Trải bao thăng trầm, đến đầu thời Gia Long, nơi thờ Quan Công vẫn tồn tại nhưng thu hẹp còn ngôi miếu nhỏ. Ông Tín Trai, một nhà từ thiện quê ở Hà Đông, xây trên nền ấy một ngôi chùa Phật, **Ngọc Sơn Tự**, phía trước dựng một gác chuông. Vài thập niên sau chùa lại đổ nát.

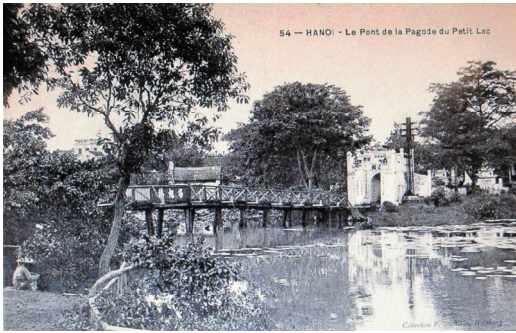
Vào thời đó, ở Hà Nội có hội Hường Thiện, do các nhà trí thức nho học thành lập. Những mục tiêu của hội là tu dưỡng bản thân, tương trợ đồng bào, chấn hưng văn hóa... Trong số những người sáng lập hội, nổi bật nhất là ông Vũ Tông Phan. Ông đỗ tiến sĩ dưới triều Vua Minh Mạng, năm 38 tuổi cáo quan về mở trường dạy học ở thôn Tự Tháp, bên cạnh hồ Gươm. Hội Hường Thiện đang tìm nơi xây dựng đền thờ Văn Xương Đế Quân, vị thần văn học và khoa cử. Khi biết được hội có ý

định đó, con ông Tín Trai đã vui lòng nhượng chùa đang hư đổ lại cho hội.

Công việc trùng tu bắt đầu năm 1841, gồm có: bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính (đền Quan Công đã có từ thời Gia Long ở phần hậu cung, đền Văn Xương ở gian giữa)... Việc tu sửa hoàn tất năm 1842, chùa đổi tên là **Đền Ngọc Sơn**. Vũ Tông Phan vừa có công sáng lập đền Ngọc Sơn, vừa điều hành các hoạt động văn hóa của hội Hường Thiện. Vị hội trưởng kế tiếp là Phó bảng Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), người văn chương nổi tiếng cùng thời với Cao Bá Quát (Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán...), cùng với sự đóng góp của Án sát Đặng Huy Tá, đã tiếp nối sự nghiệp của Vũ Tông Phan điều khiển hội. Đền Ngọc Sơn cũng có giữ nhiều bản gỗ in sách cổ, trong đó có đủ bộ «Y tông tâm lĩnh» của Hải Thượng Lãn Ông, «Tang thương ngẫu lục» của Nguyễn Án, «Phương Đình văn loại», «Phương Đình tùy tùng bát lục» của Nguyễn Văn Siêu...

Hai mươi năm sau, đền cần được trùng tu, Nguyễn Văn Siêu đứng ra quyên góp tài chính, và nhân cơ hội ấy ông cho xây thêm: Đình Trấn Ba, Cầu Thê Húc, Tháp Bút, Đài Nghiên... Công trình mất 4 năm mới kết thúc (1865).

Đình Trấn Ba ở phía nam đảo Ngọc, hướng về tháp Rùa. Đình xây trên nền vuông với tám cột - bốn cột tròn phía trong bằng gỗ, bốn cột vuông phía ngoài bằng đá - chống đỡ hai tầng nóc. Trấn Ba nghĩa là «chấn sóng», ngụ ý kháng lại những làn sóng văn hóa không lành mạnh.



Cầu Thê Húc - Đền Ngọc Sơn

Cầu Thê Húc nối liền bờ phía đông của hồ Gươm với đảo Ngọc, đưa du khách sang thăm đền, bước qua dưới Đắc Nguyệt lâu (lầu được trăng). Chiếc cầu gỗ đầu tiên rất thô sơ nay nhường chỗ cho cầu vòng xinh xắn và bền chắc. Thê Húc nghĩa là « ánh ban mai đậu lại », cộng với màu đỏ của cầu, tượng trưng cho ước vọng đón lấy nguồn hạnh phúc.

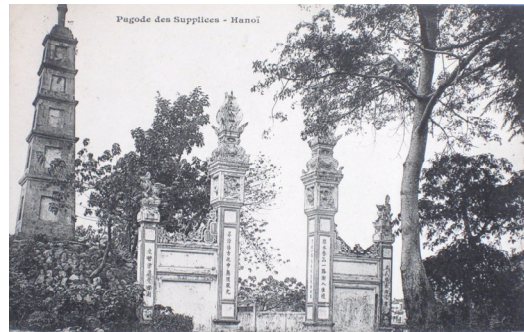
Tháp Bút được dựng trên núi Độc Tôn, bên trái cổng vào đền Ngọc Sơn. Tháp bằng đá, hình trụ vuông gồm 5 tầng, càng lên cao càng nhỏ dần. Đỉnh tháp mang hình ngọn bút đá hướng lên trời. Mặt tháp quay về cổng đền mang ba chữ viết theo chiều dọc: Tả Thanh Thiên, nghĩa là « viết lên trời xanh ». Ba chữ đầy bí ẩn của nhà giáo dục, nhà văn hóa Nguyễn Văn Siêu phải chăng có nghĩa « Giải bày ước mơ cao cả với trời xanh » ? Hay « Học vấn và trí tuệ mở rộng tầm nhìn » ?

Đài Nghiên là một cổng có tường, có mái, đứng bên đầu cầu Thê Húc. Từ Tháp Bút chúng ta đi qua cổng rồng và hồ (tượng trưng cho sự đỗ đạt), theo một đường thẳng giữa hai dãy tường thấp dẫn đến Đài Nghiên. Trên mái cổng đặt một nghiên đá có dạng nửa quả đao, dài

khoảng 1 mét, ba chân nghiên là ba con cóc quay đầu ra ngoài. Trên thân nghiên có khắc một bài minh của Nguyễn Văn Siêu gồm 64 chữ, nội dung ca ngợi công dụng của nghiên mực theo quan niệm văn hóa, triết học. Tháp Bút và Đài Nghiên tượng trưng cho văn hóa Nho học, đạo đức, hướng thiện.

Đối diện với đình Trấn Ba là ngôi đền chính gồm 3 gian: Tiền đường; gian kế tiếp là đền Văn Xương với bức tượng đứng, tay cầm bút; gian sau cùng là đền Quan Công với tượng ngự trên bệ cao trong hậu cung, hai bên có cầu thang bằng đá. Sang cuối thế kỷ 19, Đức Thánh Trần bắt đầu được phụng thờ bên cạnh Quan Công, lúc đầu chỉ có bài vị của ngài, mãi đến 1952 mới có người dâng bức tượng.

Đền Ngọc Sơn từ quá khứ đến hiện tại đã từng là chùa, đền, Võ Miếu, Văn Miếu.



Tháp Bút và cổng vào Đền Ngọc Sơn.

ĐI THĂM PHỐ CŨ QUANH HỒ HOÀN KIẾM

Khi Pháp mới chiếm Hà Nội, phong cảnh quanh hồ giống một thôn quê, nhà tranh lán với nhà gạch, đất hoang bên cạnh những lùm cây cỏ um tùm, thấp thoáng ruộng vườn, ao mương giữa những đền, chùa.

Tháng 11 năm 1885, nhà dân sống quanh hồ bị giải tỏa, các vùng trũng thấp được lấp bằng. Đến năm 1893, con đường nhựa chạy quanh hồ được khánh thành. Nhiều hoa viên xinh xắn bắt đầu tô điểm cảnh sắc cho Hồ Gươm.

Chúng ta thử ngược dòng thời gian viếng thăm các phố quanh hồ, và chọn lộ trình theo chiều quay kim đồng hồ.

Ra khỏi công tam quan đền Ngọc Sơn, chúng ta đứng bên phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), là trục đường dọc theo bờ phía đông Hồ Gươm. Trước năm 1990, xe điện còn chạy trên phố này với tiếng lăn của bánh sắt và tiếng leng keng thân thuộc đối với người Hà Nội. Bên kia phố hơi chệch về bên trái là **đền Bà Kiệu**, được dựng vào đầu thế kỷ 17 thời vua Lê Thần Tông, là nơi thờ công chúa Liễu Hạnh (con gái của Ngọc Hoàng Thượng Đế), và hai vị tiên hầu cận là Quỳnh Hoa và Quế Hoa. Lúc trước đền nằm trên khu đất rộng, khi Pháp làm đường chung quanh hồ, đất của đền bị chia cắt, công đền bị cô lập nên đứng một mình phía bờ hồ. Bên phải của đền, nơi giao nhau của phố Hàng Dầu (rue du Lac) và phố Đinh Tiên Hoàng lúc xưa là nền cũ của rạp chiếu bóng Pathé - còn gọi rạp Chùa Bút, sau đổi tên Les Variétés - rạp chiếu bóng đầu tiên của Đông Dương (1920). Rạp Pathé chỉ tồn tại hơn mười năm. Trên nền cũ ấy hội Truyền Bá Quốc Ngữ dựng một nhà bia kỷ niệm Alexandre de Rhodes (1943), nay cũng không còn.

Tiếp tục dời gót về hướng nam, chúng ta đi ngang **Nhà máy điện bờ hồ**, từ xa vẫn có thể nhận ra nhờ ống khói to rất cao. Mấy bước bên cạnh là tòa nhà **Giám đốc thuế quan**.

Không xa đây, bên kia của phố Trần Nguyễn Hãn (Balny) là **dinh đốc lý** (nay ta

gọi là tòa thị chính), phía sau là **sở Kho bạc**, xây trên nền cũ của **Chùa Tàu**, đã bị phá bỏ vào cuối thế kỷ 19. Xưa trong sân chùa có ngôi mộ một Hoa kiều giàu có. Khi mới chiếm Hà Nội, Pháp đã dùng chùa Tàu làm tòa Hiệp lý, tức trụ sở của quan thuộc quyền hội đồng thành phố.

Thảm cây xanh trước Kho bạc là **vườn hoa Paul Bert**, được thành lập khoảng 1890, nằm giữa hai phố, Lê Lai (Dominé) và Lê Thạch (Chavassieux). Trên đài tròn nhìn thẳng ra Tháp Rùa, tượng đồng Paul Bert đứng cầm cờ bên người dân thuộc địa nhỏ bé ngồi chên vênh ngược nhìn trời. Không xa phía sau tượng đài này là «nhà kèn» hình bát giác, nơi các đội quân nhạc Pháp đến trình diễn vào các ngày lễ.



Vườn hoa Paul Bert (Nay là vườn hoa Chí Linh), phía sau tượng đài là Nhà Kèn (Bưu ảnh 1902).

Đối diện vườn hoa, bên kia phố Lê Thạch là khu **nhà Bưu Điện**, xây năm 1901. Bên trên mặt tiền tòa nhà quay ra tháp Rùa có đồng hồ to, nhìn thấy từ xa phía bên kia hồ. Khu vực bắt đầu từ Bưu điện trải rộng đến phố Tràng Tiền, gồm cả ngân hàng địa ốc cũ, đến phủ Thống Sứ bên phố Ngô Quyền (Henri Rivière), đều là nền xưa của chùa Quan Thượng.



*Nhà Bưu Điện phố Lê Trạch/Chavassieux
(bưu ảnh 1902)*

Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Đăng Giai quyết tâm hoàn tất việc xây cất chùa Báo Ân vào 1843, nên còn được gọi là **chùa Quan Thượng**. Chùa đã bị Pháp phá bỏ năm 1889, chúng ta chỉ còn biết qua ảnh chụp và vài miêu tả ngắn như: «Vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ sen đi quanh co vòng theo chùa, với cầu xây đá gạch bắt tứ phía. Trong chùa dâng trước để tượng Phật to lớn. Hai bên có làm động và thập điện». (Thập điện là những cảnh cực hình dưới âm phủ chạm nổi trên vách - nên người Pháp gọi là chùa Khổ hình (pagode des Supplices). Khi Trương Vĩnh Ký đến thăm chùa vào năm 1876, ông nhận ra «chùa đã hư tệ». Pháp biến chùa thành cơ quan quân sự, như bản đồ năm 1890 cho thấy, khuôn viên chùa phía bên phải bị lấn, xẻ làm đường đi (nay là phố Đinh Lễ, rue Intendance, Fourès), bên trái còn lại vài ao nước, bản thân chùa bị phân chia thành hai ngôi nhà riêng rẽ. Khoảng mười năm sau khi chùa bị phá đi rồi, vẫn còn tro chiếc cổng mang bốn chữ «Phương tiện pháp môn». Ngày nay chỉ còn lại **tháp Hòa Phong** trên lề đường sát bờ hồ, xưa đứng giữa lối thẳng vào chùa.

Chúng ta đến ngã tư Hàng Khay-Tràng Tiền, nơi từ đầu thế kỷ 20 đã có một cửa hàng bách hóa Grands Magasins Réunis, sang trọng nhất Hà Thành. Cũng nơi đây, đường xe điện nối dài qua phố Hàng Bài (xưa là phố Đồng Khánh) thẳng xuống Bạch Mai. Xưa hơn nữa, con đường phía nam hồ Gươm này - từ phố Tràng Tiền (Paul Bert) đến phố Tràng Thi - mang tên Hàng Khay, vì có nhiều thợ hành nghề khảm xà cừ trên gỗ, đặc biệt là trên khay trà, khay rượu, nên ta còn gọi là phố Hàng Khảm. Trong giai đoạn Pháp mới chiếm Hà Nội, phố hàng Khay nằm trên «đường chiến lược» vì nối liền khu nhượng địa bên sông Hồng với trại đóng quân của Pháp đặt trong thành Thăng Long cũ, nên cũng là con đường đầu tiên Pháp rải đá, sửa sang. Nay đoạn phố này chỉ một bên có các cửa hàng, phía bờ hồ là vườn cây xanh rợp bóng, ngày xưa có lúc dãy hàng hoa hộp bên góc hồ, bày bán dưới đất hay trên các kiosques, không xa bồn phun nước.



Tháp Hòa Phong, Phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), lúc chut có xe điện, bưu ảnh 1902.

Đến góc tây nam hồ, chúng ta gặp phố Lê Thái Tổ (Jules Ferry). Đầu phố, nơi giáp với Tràng Thi (Borgnis Desbordes), trước kia có sở cảnh sát (quen gọi là Sở Cấm).



Phố Đinh Tiên Hoàng nhìn về Ngã Tư Hàng Khay Tràng Tiền (bưu ảnh 1935).

Cuối thế kỷ 19, lúc Pháp chưa mở đường dọc bờ hồ phía tây, con phố duy nhất nối liền phố Hàng Gai với phía nam hồ Gươm là phố Hàng Thêu, phố mang tên ấy vì là nơi tập trung thợ thêu. Ngày nay cũng phố này, đoạn giáp với Hàng Gai mang tên Hàng Trống, vì xưa nơi đây và các phố phụ cận chuyên làm và bán trống dùng trong các hội hè, tế tự..., riêng vào những ngày giáp Tết người ta bày bán tranh dân gian như tranh Tết, tranh thờ, vì vậy phát xuất tên gọi dòng tranh Hàng Trống.

Đền vua Lê Thái Tổ tọa lạc trên phố cùng tên, mặt tiền hướng ra hồ. Đền được xây dưới thời vua Thành Thái (1889), kiến trúc nửa Âu nửa Á. Tượng vua Lê đứng trên trụ đá. Phía trước tượng vua là đền, giống như nhà bia, mái gồm hai tầng theo phong cách Việt Nam, cột xây theo kiến trúc phương Tây, nền cao hình vuông có lan can bao quanh.

Phía sau đền vua Lê, mãi tận bên kia của phố Hàng Trống là **Chùa Bà Đá**. Tương truyền khoảng cuối thế kỷ 15, ở đây có người đào được pho tượng Phật bà bằng đá. Tượng ấy linh thiêng nên dân làng dựng chùa để thờ, nhưng đã biến mất sau một trận hỏa hoạn vào thời Pháp thuộc.

Kiến trúc xưa đồ sộ nhất nằm phía tây hồ Gươm là **Nhà Thờ Lớn**, đến nay vẫn được xem là tòa nhà không hề thay đổi từ khi khánh thành năm 1886, trên nền cũ của chùa Báo Thiên.

Chùa Báo Thiên được xây dựng thời vua Lý Thánh Tông (1056), chùa có đại hồng chung nặng 7 tấn, bên cạnh có tháp 12 tầng với đỉnh bằng đồng. Đó là **tháp Báo Thiên** được xem như vị trí chuẩn trên các bản đồ xưa: đi thuyền trên Nhị Hà từ xa trông tháp đã biết hướng thành Thăng Long. Năm 1427, bị Bình Định Vương Lê Lợi bao vây, quân Minh lấy chuông và đỉnh tháp nấu chảy đúc súng để cố thủ, nhưng vẫn bị đánh bại. Tháp đứng vững được năm thế kỷ, lâu ngày tháp sụp đổ, không được trùng tu. Còn chùa trở nên hoang phế sau một trận hỏa hoạn vào cuối thế kỷ 19. Pháp chiếm Hà Nội, chùa bị phá bỏ, nhường chỗ cho Nhà thờ lớn hiện nay.



Đền Vua Lê Thái Tổ, phố Lê Thái Tổ (Beauchamps), bưu ảnh 1935.



Nhà Thủy Tạ (bưu ảnh 1950)

Theo phố Lê Thái Tổ tiến lên phía bắc , chúng ta gặp **nhà hàng Thủy Tạ**, kiến trúc duy nhất nằm bên bờ Hồ Gươm. Đứng xa trông lại nhà Thủy tạ giống như con rồng nằm cong ôm góc bờ hồ, đầu rồng là phần nhà cao phía bên phải. Kiến trúc này đã có trước 1940, nhưng đến nay còn mang vẻ khá tân kỳ.

Đến đông bắc bờ hồ, chúng ta dừng chân trên Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (Place Négrier), là giao lộ tỏa đi nhiều hướng, cửa ngõ vào khu phố cổ, cung là ngã rẽ của xe điện: hoặc theo phố Hàng Đào lên chợ Đồng Xuân, hoặc quẹo trái đi Cửa Nam.

Đầu phố Hàng Đào năm 1907, ngôi nhà cụ Lương Văn Can, và cách đó vài căn, treo biển mở trường **Đông Kinh Nghĩa Thục**, vừa dạy học vừa diễn thuyết, với mục đích giáo dục và hô hào cải cách tư tưởng cho mọi người dân.

Vào cuối thế kỷ 19, con đường phía bắc hồ Gươm còn hẹp, sau người ta mở rộng bằng cách bồi lấp bờ hồ, trên đó lập ra nhà ga xe điện, hằng ngày tấp nập người lên kẻ xuống. Khác hẳn với cảnh vắng vẻ đời xưa, chỉ là bãi đất hoang cỏ dại với mấy cây dừa

cần cỗi dùng treo đầu lâu của những tử tội bị xử trảm, để làm gương cho người qua lại! Không xa đây, nơi khúc quanh phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), ngày trước có trụ sở Hội âm nhạc, nhìn thẳng ra đền Ngọc Sơn. Lúc mới xây vào năm 1889, khi chưa mở con đường Francis Garnier xuyên qua đất đền Bà Kiệu kề bên, thì mặt tiền trụ sở ấy đứng sát bên bờ hồ.

Chúng ta đã đi hết một vòng hồ Gươm, giờ lại đứng trước đền Bà Kiệu. Hãy ngắm đền Ngọc Sơn một lần nữa và ngắm câu ca dao:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơ n.
Đài Nghiên, Tháp Bút chua mòn,
Hỏi ai xây dựng nên non nước này?



Bờ phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm, chỗ ga xe điện, lúc phố chưa được mở rộng (1905). Trụ sở hội âm nhạc (société philharmonique) là ngôi nhà phía xa, bên phải trong ảnh.

Tài liệu tham khảo:

Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi - Trương Vĩnh Ký.
Hà Nội cũ - Sở Bảo Doãn Kế Thiện - Nxb Đồi Mới Hà Nội 1943.
Histoire de Hanoi - Philippe Papin - Fayard 2001
Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.
Wikipedia

Mỹ Phước Nguyễn Thanh (Paris)

GỌI HỒN GIỮA THĂNG LONG

Gió ào ào...

Rít...

Gào...

Cây quần quai...

Phải hồn thiêng giận dữ ra oai?

Bao năm rồi... sao chẳng chút ngời ngoai!

Hồn thiêng hỡi!

Sao chưa đành siêu thoát?

Vì đất nước lòng dân tan tác!

Vì người hại người đang vượt cả thiên tai!

Hôm nay đây,

Người Việt trong, ngoài

thấp nén hương lòng

lập đàn trai giữa đất Thăng Long

kỷ niệm một ngàn năm văn hiến

Chiêu hồn anh linh Lý Thái Tổ

cùng các bậc hùng anh, nữ kiệt

từng xả thân gìn giữ sơn hà

hội tụ về đây hạch tội

kẻ công rấn cắn gà nhà

xé mảnh dư đồ tả tơi rách nát

Ái Nam Quan, Bản Giốc. Ôi danh thác!

Dấu Phi Khanh, Nguyễn Trãi còn đâu!

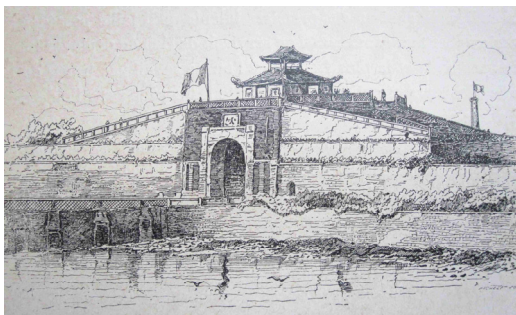
Các anh hùng được ghi khắc ơn sâu

trấn giữ Hoàng Sa, Trường Sa

Sao giờ đây để vào tay gian tặc!

Sao độc lập vẫn cống triều phượng Bắc?

Sao tự do người dân chẳng được than?



Sao hạnh phúc mà cuộc sống cơ hàn
cứ bám riết người dân lành chất phác?
Sống lạc lõng giữa lũ người mang tim loài quỷ ác
xây lâu đài trên bãi tha ma
Khách sạn, hí trường lộng lẫy nguy nga
mọc trên mảnh đất mồ hôi nước mắt
của bản nông ngàn đời chịu chắt...

Nhưng...

Hồn thiêng hỡi!

Hãy dẫn cơn thịnh nộ!

Hãy lặng nhìn...

những trẻ thơ kiếm ăn trên hè phố

Những mẹ già còm cõi sớm mai

bới đồng rác, rãnh, mương... kiếm chút
sinh nhai

qua những ngày đông hàn,

hè nắng chói...

Đây phố phường đám dân oan khóc gọi:

Đảng ơi!

Nhà Nước ơi!

Thủ Tướng ơi!

Xin cứu chúng tôi!

Tiếng kêu gào tắt nghẹn... tàn hơi...

Nhưng...

Người ngồi trên đó... vô thức, vô tình, vô cảm...

Bọn Tư bản đỏ, Cường hào mới...sinh sản...
nhanh như vết dầu loang...

Hỡi hồn oan
của “Ngày Long Trời Đêm Lở Đất!” (*)
Về đây xem...
Lịch sử đang đảo lộn!
Bọn địa chủ mới
cướp đất nhà chùa, nhà thờ, nhà dân...
giữa ban ngày
Chính quyền dấu mặt... đưa tay...!

Hỡi oan hồn của bao tội ác!
Huế Mậu Thân bao người oan thác!
Thuyền, bộ nhân... bỏ xác, xương khô...
Trại cải tạo trá hình xảo quyệt mưu mô...
Máu, nước mắt ngập tràn trang sử!

Hỡi hồn thiêng
Anh Hùng, Liệt Nữ!
Các con cháu Lạc Hồng
quật cường đòi Tự Do, Dân Chủ
đang bị bách hại, tù đầy, bịt miệng câm,
bức tử...
Có thời nào
đất nước đầy nghịch lý, oái oăm...
đàn áp dân biểu tình chống đối ngoại xâm?!

Hỡi Hồn thiêng sông núi!
Hỡi Hùng Vương Quốc Tổ!
Nhục nước này xiết bao tủi hổ!
Hãy về đây phù trợ đàn con
quyết một lòng giải cứu quê hương
Giành lại đất đai
Bảo toàn lãnh thổ
Để Việt Nam lại cất đầu ngẩng cổ

Nhìn thế giới...
Hôm nay!

TRƯỜNG ANH THỤY

(*) Cải Cách Ruộng Đất (1953-56 tại Bắc Việt. Có 172.008 địa chủ là nạn nhân trong đó 70% bị tố oan, tố điều, hành hạ, giết oan...!)

SUMMONS TO THE SOULS IN THANG LONG-HANOI

Wuthering winds
Howling
Raging
Bearing down on writhing trees:
Are you sacred souls that in anger manifest
yourselves?
For a long time now, you remain
unappeased!

Sacred souls!
Are you unable to find liberation?
Are you suffering on behalf of the nation
and the people?
'Cause man has made man suffer worse
than natural calamities!

Today, then,
 The Vietnamese both at home and abroad
 light candles in their hearts
 to set up an altar in downtown Thang Long
 to commemorate a thousand years of high
 civilization
 Asking that the manes of Ly Thai To^(*)
 Along with those of heroes and heroines
 who have given their all to protect our land
 to gather here and indict
 those who dared import snakes to bite our
 domestic fowls
 and contribute to tearing further the already
 ragged map...
 O Nam Quan Pass! Ban Gioc Fall of
 resplendent name!
 Where are now the traces of Phi Khanh
 and Nguyen Trai?
 And those heroes whose names were
 imprinted deeply
 in our minds for having defended Hoang
 Sa and Truong Sa!
 How come these islands are now in enemy
 hands?

Independence, you say? Why then so
 much tribute to the neighbor to the North?
 Freedom, say you? Why can't people emit
 so much as a complaint?
 Happiness, yes? Why is life still obsessed
 with hunger and cold,
 conditions that don't ever leave the
 common people?

They live now lost among those with
 devil's heart
 Who build castles on cemeteries full of bones
 As hotels and entertainment palaces of
 magnificent splendor
 are erected on grounds filled with sweat
 and tears
 of the impoverished farmers who had to
 save every penny...

Hold it,
 Sacred souls!
 Please hold down your anger!
 And look on silently...
 Small children eking a living on street curbs
 Old wrinkled women from early dawn
 scavenging trash dumps, sewers, and
 canals... for scraps
 through the bitter cold of winter
 or the burning sun of summer...
 Look, the streets are filled with victims of
 land injustice as they cry:
 "O Party!
 "O Government!
 "O Mr. Prime Minister!
 "Please save us!"
 The yelling stops... with no breath left...
 But
 Those sitting up there are unconscionable,
 deprived of sentiments or emotions
 Those Red Capitalists and new Local
 Tyrants who just grow
 by leaps and bounds, like a spreading oil spot.

O souls victims of injustice
From the “Sky-shaking Days and Earth-
shattering Nights”(**)
Come and see for yourselves
History is being overturned!
The new landlords
now go after the property of Buddhist
temples and Catholic churches, of common
people
in broad daylight
With the government turning its eyes away
while helping itself to it.

O victims of so much crime across the
land!
O those who died unjustly at Tet 1968 in
Hue!
Boat people, land people... who left their
cadavers and dry bones
Or those who were wrongfully put in so-
called re-education camps
Whose blood and tears fill the history
pages!

Sacred Souls
Of Heroes and Heroines!
The descendants of Lac Hong
who fearlessly demanded Freedom and
Democracy
those who are being repressed, jailed, exiled,
have their mouths shut, or forced to suicide,
Is there a time in history
where our country has seen so much
paradoxes and ironies

where manifestations against foreign
aggression are cruelly repressed?

O Sacred Soul of the Land!
O Hung Vuong, our Founder King!
How shameful it is to swallow these
terrible deeds!
Please come home and help your children
in their determination to save the land from
its horrible fate
Let them wrest back the land we lost,
Wrest back the territories given away
Protect the whole sacred land
So that Vietnam could once again raise its
head
And look at the world...
Of today!...

TRUONG ANH THUY

Translated by

NGUYEN NGOC BICH

Arlington, March 13, 2010

(*) The founder of the Ly Dynasty in
Vietnam (1010-1225).

(**) Reference here is made to the Land
Reform in North Vietnam (1953-56) ,
called “the sky-shaking and earth-
shattering revolution,” which claimed
172,008 victims out of which 70 percent
are said to be wrongly accused, maliciously
denounced, tortured and killed.

PLATO

(427 - 347 Trước T. L.)

Đại Hiền Triết Cổ Hy Lạp

PHẠM VĂN TUẤN

Plato là nhà Đại Hiền Triết và nhà Giáo Dục của thời Cổ Hy Lạp, đồng thời cũng là một trong các nhà tư tưởng quan trọng nhất, đã viết ra nhiều tác phẩm giá trị, gây nên ảnh hưởng rộng lớn trong nền Triết Học Tây Phương.

1/ Cuộc đời của Plato.

Plato chào đời tại Athens, Hy Lạp, vào năm 428 hay 427 trước Tây Lịch (TL). Plato thuộc gia đình quý phái cả về phía cha lẫn phía mẹ. Cha của Plato tên là Ariston giòng dõi Codros, vị vua cuối cùng của thành Athens và được coi là con cháu của thần Poseidon. Mẹ của Plato là Perictione có họ hàng với Solon, nhà luật học lừng danh của Hy Lạp. Plato có một người chú tên là Critias, là một trong 30 nhân vật thuộc Hội Đồng Hoạt Đầu (conseil oligarchique).

Theo phong tục của các đại gia đình Hy Lạp, Plato được đặt tên của ông nội là Aristocles vào ngày Thứ Sáu sau khi chào đời, còn tên Plato là biệt hiệu, có lẽ vì vóc người to lớn hoặc vì vầng trán cao rộng. Plato có một người chị và hai anh là Adeimantus và Glaucon mà tên còn được nhắc nhở trong cuốn sách “*Nền Cộng Hòa*” (The Republic) trong vai người đối thoại của Socrates.

Sau khi Plato chào đời được ít lâu, cha của ông qua đời, mẹ tái giá với Pyrilampes, một người chú họ ngoại và cũng là người bạn, người ủng hộ nhiệt thành Pericles, một chính khách đã điều hành tốt đẹp thành Athens trong các năm 400 trước TL. Tại nhà của Pyrilampes, Plato được mẹ chăm sóc tới năm lên 7 tuổi, rồi được theo trường học. Thời bấy giờ, trẻ em được huấn luyện tới năm 14 tuổi về tập viết, tập đọc và tập làm toán. Sau đó tới năm 18 tuổi là thời gian theo học phần thể dục, chuyên rèn luyện thân thể.

Thời gian đầu của Plato là những năm tàn phá do trận chiến tranh Peloponnesian mang tới. Do còn quá trẻ, Plato chưa được làm quen với chế độ dân chủ đế quốc (imperial democracy) của Pericles cũng như phong trào ngụ biện (sophistic movement), nhưng do những người trong họ hàng như Critias và Charmides, hai người bạn cố tri của Socrates, Plato được nghe nói nhiều về nhà Đại Hiền Triết Socrates.

Năm 18 tuổi, Plato học hỏi với các triết gia và các nhà ngụ biện (sophists). Từ năm 20 tuổi Plato theo học Socrates trong 8 năm liền, chấp nhận nền triết học căn bản của Socrates cùng cách tranh luận theo thể văn biện chứng (dialectic style). Đây là cách tìm hiểu sự thật bằng các câu hỏi, câu giải đáp và các câu hỏi kế tiếp. Vì quá ham

thích Triết Học, Plato đã đem đốt hết các tập thơ trữ tình và các bản bi kịch do ông sáng tác lúc thiếu thời.

Trong bức thư thứ bảy, chính Plato đã tự nhận rằng tham vọng ban đầu của ông là Chính Trị. Ông đã tham dự vào hàng ngũ những người hoạt đầu mà Critias là một trong các thủ lĩnh, vì ông mong muốn thiết lập lại công bằng xã hội, tạo dựng hạnh phúc cho toàn dân bằng cách tự sửa lại cá nhân. Nhưng rồi cách bạo hành và chính thể chuyên chế của Hội Đồng Hoạt Đầu và nhất là sự lên án



Socrates một cách bất công đã khiến cho Plato từ bỏ ý định về chính trị. Sau khi Socrates bị bắt uống thuốc độc chết vào năm 399 trước TL, có lẽ vì lo sợ cho sự an toàn của mình rồi lại do lòng công phẫn, Plato cùng vài môn đệ của Socrates đã tới ẩn náu tạm thời tại Megara, nơi đây Plato theo học Euclid, nhà toán học danh tiếng.

Năm 396 trước TL, Plato trở lại thành Athens và theo như luật định, ông phục vụ trong hàng ngũ kỵ binh tham chiến trong trận Corinth và trận này kết thúc bằng sự thất bại của xứ Athens trước xứ Sparta. Vào thời đó, người miền Athens thường hay đi lại nhiều nơi và vì ghé thăm cuộc chiến tranh vừa qua, Plato tìm đường sang Ai Cập. Ông đã mang theo rất nhiều thùng dầu để bán dần khi đi đường. Đầu tiên, ông dừng lại tại Crete rồi Cyrene. Ở nơi này ông nghiên cứu Toán Học với Theodorus, sau đó có lẽ vào năm 390, Plato mới tới Ai Cập. Tại Heliopolis, Plato đã học hỏi về Thiên Văn, Tôn Giáo và Hiến Pháp. Nhờ thời gian sống tại Ai Cập, Plato đã quan sát kỹ lưỡng các phong tục rồi suy tưởng và sau này, ông đã bàn luận về những điều này trong các tác phẩm của ông.

Sau khi rời Ai Cập, Plato sang Đại Hy Lạp, tới Tarentum và quen với Archytas. Thời gian lưu trú tại Tarentum đã giúp cho ông rất nhiều nhờ trao đổi tư tưởng với Archytas là một nhà triết học kiêm chính khách, một người đã thành công trong việc duy trì tại Tarentum một chính phủ có quyền hành đặt nền tảng trên Khoa Học và Triết Học.

Các cuộc đi xa đã giúp cho Plato nhiều cơ hội làm quen với một số nhà sáng lập ra vài trường phái học thuật như Pythagoras, Heraclitus cũng như các nhà triết học Eleatic. Từ những nhận xét thực tế và các điều học hỏi từ Socrates, cộng với sở thích liên quan tới các vấn đề chính trị, Plato đã đi tới kết luận rằng chỉ những người có kiến thức và các phẩm chất đạo đức mới đáng được giao phó quyền lực để điều khiển các người khác. Lý tưởng triết học của Plato đang cần có các cơ hội để áp dụng.

Vào thời bấy giờ, xứ Sicily đang chìm đắm trong một hoàn cảnh chính trị hỗn loạn. Dionysius đã thành công trong việc lật đổ nền cộng hòa và thiết lập tại Syracuse một chế độ chuyên chế. Dion, một người học trò và cũng là bạn của Plato, đã thúc dục Plato nên đảm nhận việc giáo dục Dionysius, đồng thời bạo chúa của thành Syracuse này cũng mời ông qua Ý Đại Lợi. Đây là một cơ hội để Plato thử áp dụng lý thuyết về chính quyền vào một hoàn cảnh thực tế. Plato tới Syracuse, được triều đình của nơi này coi như thượng khách. Về sau có lẽ do sự trả lời bạo chúa một cách vụng về hoặc vì tình bằng hữu của Plato đối với Dion mà ông bị bạo chúa ghét bỏ. Plato bị tống giam và bị trao cho viên thuyền trưởng Pollis, người xứ Sparta. Pollis đã bán Plato tại Egina như một tên nô lệ. Plato được Anniceris, một nhân vật thuộc trường phái triết học Cyrenaic, chuộc ra với giá 20 mines. Ông trở lại thành Athens vào năm 387.

Trong thời gian này, nhiều môn đệ của Socrates đã thiết lập các trường học. Plato cũng muốn giảng dạy về Triết Học và Khoa Học. Ông liền thiết lập ngôi trường “Academos” tại đầu kinh thành, gần Clone. Ngoài Triết Học, nhà trường còn chú trọng tới Khoa Học, Luật Pháp, Thiên Văn, Sinh Học, Toán Học và Lý Thuyết Chính Trị. Ngôi trường này có thể coi là một trường Đại Học chuyên đào tạo các học viên đủ khả năng cai trị theo đúng Pháp Luật. Trường “Academos” hay “Hàn Lâm Viện” có ban giảng huấn gồm các giáo sư chuyên khoa như Theatetus, ông tổ của môn học không gian. Nhờ các bậc thầy tài giỏi, nhà trường nhanh chóng tạo được các kết quả tốt đẹp, học trò từ bốn phương đổ về theo học rất đông. Aristotle đã là học viên xuất sắc nhất của trường. Trường Academos nổi danh hơn cả ngôi trường của Isocrates. Trường Academos tiếp tục hoạt động trong hơn 8 thế kỷ, là một trung tâm nghiên cứu và phổ biến nền triết học của Plato (Platonic philosophy). Tại trường học này, Plato thường diễn giảng mà không cần tới bản thảo và các “bài toán” được đề nghị cho các sinh viên cùng nhau giải

đáp. Trong thời gian giảng dạy, Plato đã viết ra nhiều tác phẩm văn đáp (dialogues), phần lớn những tài liệu giảng huấn này đã được lưu trữ và dịch sang nhiều ngôn ngữ. Vài tác phẩm lừng danh ban đầu của Plato gồm: Charmides, Euthyphro, Ion và Laches,

Qua năm 366 trước Tây Lịch, khi đang nổi tiếng là người đứng đầu ngôi trường Academos, Plato lại được Dion mời qua làm ổn định tình hình chính trị tại thành Syracuse. Vào thời gian này, Dionysius Già đã chết, Dionysius Trẻ (Dionysius the Younger) lên thay thế khi gần 30 tuổi. Vì bị cha ngăn cách với chính trị, Dionysius Trẻ đã sống một cuộc đời lêu lổng. Dion đã mời Platon vì muốn danh tiếng của ông có thể làm cho Dionysius Trẻ kiên nhẫn, vì muốn nhà đại hiền triết đảm nhiệm việc giáo dục vị vua còn trẻ này, và cũng vì muốn tránh sự lấn quyền của xứ Carthage trên đất Sicily.

Do tình bạn với Dion, Plato miễn cưỡng phải sang Syracuse nhưng khi đến nơi, Dion đã bị lưu đày, Vua Dionysius Trẻ đã đón tiếp Plato rất huy hoàng nhưng lại không chịu để Plato hướng dẫn, cũng như từ chối các lời khuyên bảo. Không biết vì sao, Dionysius Trẻ đã lưu giữ được nhà đại hiền triết trong gần một năm trường và chỉ để ông ra đi với lời hứa sẽ trở lại. Trở về Athens, Plato tiếp tục dạy học. Trong thời gian này, ông đã soạn các cuốn sách đặc sắc như The Republic, The Sophist và Theaetetus...

Tới năm 361 trước TL, Dionysius Trẻ phái một con tâu qua xứ Athens, nhắc lại lời hứa khi xưa và mời Plato sang Syracuse. Dionysius còn hứa sẽ đón Dion trở về từ nơi lưu đày. Plato đã nhận lời vì nghĩ tới Dion, vì muốn khuyên nhủ Dionysius “*đừng nô lệ hóa Sicily hay áp chế một xứ sở nào mà phải cai trị nơi đó bằng Luật Pháp*”. Plato đã được Dionysius đón tiếp tại Syracuse một cách rất nồng hậu nhưng mặc dù những lời tha thiết của Plato, Dion vẫn không được trả tự do. Hơn nữa, bạo chúa này còn từ chối “*thi hành một cách ngay thẳng*” và đã không để cho “*Triết Học và quyền hành thực sự gặp nhau*”. Plato muốn bỏ

ra về một lần nữa, ông bị bắt giam. Sau nhờ Archytas of Tarentum can thiệp, ông mới được phép rời khỏi Syracuse.

Trở về Athens, Plato nhất định không bao giờ dính líu vào chính trị nữa mặc dù nhiều học viên thuộc trường Academos của ông đã gia nhập vào công cuộc viễn chinh của Dion chống lại Dionysius vào năm 357 mà kết quả là sự sụp đổ của chế độ bạo tàn.

Trong các năm cuối đời, Plato sống tại thành Athens và đã soạn ra các tác phẩm như Timaeus, Crito và cuốn sách dang dở The Laws. Plato qua đời vào năm 348 hay 347 trước Tây Lịch, giữa thời kỳ nước Hy Lạp bị Philip II, vua miền Macedonia, xâm chiếm.

2/ Các tác phẩm của Plato.

Các tác phẩm còn lưu truyền tới ngày nay của Plato gồm 35 tập đối thoại (dialogues) và 13 bức thư, một số tập này và bức thư bị nghi ngờ về tính đích thực. Đối thoại là một hình thức viết văn trong đó trình bày hai hay nhiều nhân vật, đặt ra một vấn đề, bàn luận các chỉ trích và các tương phản giữa các ý tưởng triết học. Các nhân vật trong tác phẩm với các cá tính khác nhau, quan điểm khác nhau đã thảo luận cũng như tranh cãi cùng nhau về nhiều mặt đối nghịch của một đề tài. Plato đã dùng phương pháp biện chứng của Socrates để trao đổi các ý tưởng. Trong các đối thoại, Socrates đã gặp gỡ một người tự cho là hiểu biết nhiều, đặt các câu hỏi cho người này rồi dần dần đưa tới phần kết luận là người này chưa đủ hiểu biết. Socrates như vậy đã hiện dẫn ra như một người khôn ngoan (the wiser) bởi vì ít nhất, ông ta đã biết rằng ông không biết gì cả.

Các tập đối thoại ban đầu của Plato gồm tác phẩm Charmides, một cố gắng định nghĩa sự điều độ (temperance), tác phẩm Lysis thảo luận về tình bạn (friendship), Laches là cuốn sách đi tìm ý nghĩa của lòng cam đảm, Protagoras bảo vệ luận đề cho rằng đức tính là kiến thức (virtue is knowledge) và sự kiện này có thể giảng dạy được, tác phẩm Euthyphro khảo sát bản chất của lòng tôn kính (the nature of piety) và tập I của cuốn The

Republic (*Nền Cộng Hòa*), một khảo sát về công lý (justice).

Các tác phẩm viết ra trong các thời kỳ giữa cuộc đời của Plato đã phản ánh cách phát triển triết học, dù cho Socrates vẫn còn là nhân vật trong đa số các đối thoại. Thuộc thời kỳ giữa là tác phẩm Gorgias, một khảo sát nhiều câu hỏi đạo đức (ethical questions), Meno thảo luận bản chất của kiến thức (knowledge) còn trong tác phẩm Apology, Socrates tự biện hộ tại tòa án chống lại lời buộc tội vô thần (atheism) và tội làm hư hỏng giới trẻ của thành Athens, tác phẩm Crito là lời bào chữa của Socrates về việc tuân theo các luật lệ của quốc gia, Phaedo mô tả cảnh tử trần của Socrates và trong tác phẩm này, Plato đã thảo luận lý thuyết “*Hình Thức*” (the theory of Forms), bản chất của linh hồn (soul) và câu hỏi về tính bất tử (immortality). Tác phẩm Symposium là một công trình xuất sắc gồm nhiều bài nói chuyện về vẻ đẹp và tình yêu, The Republic (*Nền Cộng Hòa*) là một công trình lớn lao, khảo cứu môn chính trị và đây là một thành quả triết học xuất sắc qua đó Plato thảo luận từng chi tiết bản chất của công lý (justice), đặt ra các câu hỏi như “*thế nào là một quốc gia chính đáng*” (what is a just state), “*thế nào là một cá nhân chính đáng*” (what is a just individual).

Các tác phẩm thuộc thời kỳ cuối cuộc đời của Plato gồm: Theaetetus, một phủ nhận điều cho rằng kiến thức do các cảm nhận giác quan, Parmenides là tác phẩm lượng giá lý thuyết “*Hình Thức*” (the theory of Forms), Sophist là cuốn sách xét lý thuyết về các ý tưởng (the theory of Ideas), Philebus thảo luận sự liên hệ giữa khoái lạc và điều tốt lành (pleasure and the good), Timaeus cho thấy quan điểm của Plato về Khoa Học Thiên Nhiên và Vũ Trụ Học, và tác phẩm The Laws (*Luật Pháp*) đã phân tích thực tế các vấn đề chính trị và xã hội.

3/ Tác phẩm “*Nền Cộng Hòa*” của Plato.

Danh từ “*Nền Cộng Hòa*” mà Plato sử dụng mang ý nghĩa một xã hội dân sự (a civil society)

hay một đất nước (a state) mà không ám chỉ tới một chính quyền có đại diện (representative government) hay một hình thức chính quyền theo hiến pháp.

Vào thời đại của tác giả, xã hội Hy Lạp còn là một nơi coi trọng người đàn ông và tác giả Plato đã là sinh viên thuộc thế kỷ thứ 5 trước Tây Lịch của nhà triết học Socrates (v.k. năm 469 – 399 trước TL). Socrates thường hay đặt các câu hỏi cho nhiều người, rồi sau đó thêm vào các câu hỏi phụ căn cứ vào các câu trả lời của những người đối thoại, để dẫn tới cách định giá (đúng hay sai) các giá trị và niềm tin của các người đối thoại.

Phương pháp của Socrates, còn được gọi là phương pháp “*biện chứng*” (dialectic) đã gây nên nhiều kẻ thù bởi vì họ bị bối rối, bị dẫn tới các câu kết luận mà họ không ưa thích. Nhà triết học Socrates sau đó đã bị kết án, phải uống thuốc độc vào năm 399 trước TL vì tội làm hư hỏng các thanh niên của thành phố Athens, tức là đã gợi lên trong những người trẻ này các ý tưởng chính trị và xã hội không được nhiều người chấp nhận.

Plato đã dùng nhân vật giả tưởng Socrates trong cuốn sách, khi thảo luận với các người quen biết, tại căn nhà của Cephalus nằm trong thành phố Piraeus và đây là thành phố hải cảng thuộc phía nam của thủ đô Athens, xứ Hy Lạp. Cephalus là một thương gia cao tuổi, giàu có và đã về hưu. Đã có vào khoảng hơn 10 người tụ họp nhân một ngày nghỉ lễ của nữ thần Bendis.

Các nhân vật trong đối thoại gồm:

- Glaucon: một người trẻ tuổi, nhạy cảm, linh lợi nhưng còn thiếu chiều sâu tư tưởng.

- Adeimantus: một công dân biết tranh luận vững chắc. Glaucon và Adeimantus là hai người anh của Plato, họ thường đặt ra các câu hỏi quan trọng trong các đối thoại với Socrates.

- Polemarchus: con trai của chủ nhà Cephalus, là người trả lời mau lẹ nhưng không suy nghĩ rõ ràng.

- Thrasymachus: một nhà ngụ biện (a sophist), tức là một nhà giáo về triết học, ngôn

ngữ và tu từ pháp (rhetoric), thường hay chê riếu Socrates.

Vào thời đại đó, các nhà ngụ biện (sophists) là những người có một thứ kiến thức bách khoa, hiểu biết nhiều nền văn hóa và tin tưởng rằng: (a) kiến thức do kinh nghiệm mà có, (b) kiến thức về sự thật (knowledge of truth) thì khác nhau với mỗi người. Các nhà ngụ biện đã huấn luyện cho người dân Athens nói năng rõ ràng và hùng hồn. Socrates đã phản đối họ, vì họ có thể làm cho điều không đúng (unjust) có vẻ đúng (just), điều xấu có vẻ tốt. Trong tác phẩm “Nền Cộng Hòa”, Plato là nhân vật ẩn khuất sau những lời biện hộ của nhân vật Socrates.

Nền Cộng Hòa là cuốn sách được phổ biến nhất và có lẽ nổi tiếng nhất trong các đối thoại của Plato. Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết hay một vở kịch, nó không có cốt truyện (plot), tất cả các thảo luận đã xảy ra trong một căn phòng. Nền Cộng Hòa không phải là một khảo cứu khô khan về triết học, nó gồm các ý tưởng (ideas), các lý luận (arguments) nhưng lại là một cách phối hợp của văn chương, bi kịch (drama) với triết học, và nhờ tác giả Plato, những gì trừu tượng (abstract) đã trở nên linh hoạt (alive) và mang kịch tính (dramatic).

Nền Cộng Hòa là tác phẩm cứu xét về “đời sống tốt lành” (the Good Life) và Plato có vẻ như tin tưởng rằng chỉ có thể theo đuổi một đời sống hoàn toàn (a perfect life) trong các điều kiện hoàn toàn tức là trong một xã hội hoàn toàn, một đất nước lý tưởng (an Ideal State). Ý tưởng về đất nước lý tưởng này có thể giống như một thể chế quân chủ được khai sáng (an enlightened monarchy) và không phải là một thể chế cộng hòa như hiện nay.

Phần lớn tác phẩm dành cho công việc thảo luận về giáo dục (education), cũng có phần nói về nghệ thuật và văn chương, nhưng phần quan trọng nhất và là phần trung tâm của các đối thoại thuộc về “thuần túy triết lý” (pure philosophy) hay “siêu hình” (metaphysics).

Tác phẩm “Nền Cộng Hòa” gồm 10 cuốn sách (10 Books):

- Sách 1: Bản chất của sự công bằng (justice)

- Sách 2-4: Sự công bằng trong đất nước và trong cá nhân.

- Sách 5-7: Nhà Vua Triết Học (the Philosopher-King).

- Sách 8: Sự suy thoái của xã hội.

- Sách 9: Người chân chính (the just man) thì hạnh phúc hơn người không chân chính (the unjust man).

- Sách 10: Nghệ thuật, sự bất tử của linh hồn, truyền thuyết của Er.

Trong Sách 1, Polemarchus cho rằng sự công bằng (justice) là trả lại thứ gì thuộc về người chủ nhưng Socrates đã đặt câu hỏi khiến cho Polemarchus đã đổi định nghĩa về sự công bằng thành ra ý nghĩa giúp đỡ các bạn bè và làm hại các kẻ thù. Socrates lại lý luận rằng bởi vì sự công bằng là một đức tính (a virtue) nên không thể làm hại kẻ khác, vì vậy Polemarchus đã công nhận rằng định nghĩa về công bằng của ông ta còn chưa hoàn hảo.

Thrasymachus, vốn là một nhà tu từ học (a rhetorician), cho rằng sự công bằng là lợi dụng kẻ yếu, vì thế các nhà cai trị đã làm ra luật pháp vì tư lợi và gọi đó là sự công bằng; đức tính và sự khôn ngoan (wisdom) là các tài khéo (skills) và khả năng thực hiện các điều không công bằng. Ông ta lý luận rằng các kẻ không chân chính (the unjust) thì hơn các kẻ chân chính (the just) về tính chất và trí thông minh, sự bất công mang lại sức mạnh, hạnh phúc, phúc lợi.

Mặt khác, Socrates lại cứu xét vấn đề quan trọng, đó là: không xét về một người có bao nhiêu tài sản hay quyền lực, mà là người đó thực hiện hạnh phúc ra sao. Nhà triết học nhấn mạnh tới phần quan trọng của cá nhân, đó là linh hồn của người đó (his soul). Nếu một linh hồn không chân chính, người đó sẽ không có hạnh phúc.

Trong Sách 2- 4, Thrasymachus tin tưởng rằng phần lớn mọi người đều ích kỷ và hiếu chiến, và các người yếu đã dùng luật pháp để kiềm chế các kẻ mạnh. Socrates thì cho rằng sự công bằng không những đã mang lại các

phần thưởng mà tự nó còn là một điều tốt lành. Một đất nước thành phố (a city-state) cần tới một giới chiến sĩ (a class of warrior) hay giới bảo vệ (the guardians) để che chở đời sống tốt lành của người dân. Sự giáo dục giới chiến sĩ này rất cần thiết. Không nên dạy cho họ các huyền thoại hay các câu chuyện về các hình ảnh xấu của thần thánh (gods). Âm nhạc và huấn luyện thân thể cần phải đơn giản và không nhiều. Tất cả phải cân bằng (in balance). Giới bảo vệ cần được giáo dục cho tới tuổi 20, những người vượt qua được các kỳ thi sẽ trở thành những nhà cai trị (rulers), những người khác là người trợ giúp, tất cả được xếp hạng theo tài năng (talents).

Socrates cho rằng giống như một thành phố, một linh hồn có ba phần: lý trí (reason), tinh thần (spirit) (hay các cảm xúc như sợ hãi, tức giận) và lòng ham muốn (appetite), chẳng hạn như các nhu cầu về ẩm thực, sinh lý, lòng tham tiền bạc và quyền lực. Khi lý trí và tinh thần kiểm soát lòng ham muốn, sẽ có các hành động công bằng và sự bất công sẽ xảy ra khi lòng ham muốn kiểm soát ngược lại.

Sách 6-7 bàn luận về nhà vua triết học. Socrates cho rằng người nam mạnh hơn và có khả năng hơn người nữ nhưng sự khác biệt này không liên hệ tới chính trị. Đối với xã hội, Socrates xác nhận rằng một nhà triết học nên cai trị xứ sở bởi vì chỉ có các triết gia là biết phân biệt giữa thế giới thực (the real world) và các thể hiện (appearances). Một nhà vua triết học cần tới cách huấn luyện đặc biệt. Sau nên giáo dục dành cho giới bảo vệ, nhà vua cai trị tương lai phải trải qua 15 năm để học hỏi thêm toán học và đạo đức (moral philosophy) bởi vì mục đích tối thượng của nhà cai trị là kiến thức về điều tốt lành (the knowledge of the Good). Điều tốt lành, giống như mặt trời, là nguồn sáng khiến cho người ta nhìn thấy sự vật.

Socrates đã dùng tới “Câu chuyện biểu tượng của hang động” (the Allegory of the Cave) để mô tả sự đi lên của tâm hồn (the mind’s ascent). Hãy tưởng tượng một số tù nhân bị xiềng xích, sống trong một hang động, cổ và chân của họ bị khóa chặt, khiến cho họ

chỉ có thể nhìn về phía trước. Đằng sau họ là một ngọn lửa lớn và trước ngọn lửa là các con người, thú vật và đồ vật, tất cả được ngọn lửa chiếu lên trên vách và các tù nhân chỉ có thể nhìn thấy các hình bóng đen chiếu lên trên vách đó. Bây giờ, nếu một tù nhân được mở khóa và được dẫn ra khỏi hang động, anh ta sẽ bị lóa mắt vì ánh sáng và rồi sẽ nhận ra rằng mặt trời mới thực là nguồn sáng. Người tù kể trên sẽ nhận thực được rằng quyền lực (power) và uy tín (prestige) chỉ là các hình bóng vô dụng (useless shadows).

Sách 8 đề cập tới sự suy đồi của xã hội. Socrates đã mô tả 4 loại thành phố bị hư hỏng (corrupted) và các nhà cai trị liên hệ. Trong “chế độ phú hào” (timocracy), nhà cai trị đã ham danh vọng (honor), khi đó quân đội chế ngự thành phố và giáo dục, nghệ thuật suy yếu đi. Sự ham muốn tiền bạc đưa tới “chế độ hoạt đầu” (oligarchy), đất nước bị cai trị do nhóm người giàu có và sẽ có sự cách biệt giữa kẻ giàu và người nghèo. Chế độ hoạt đầu này yếu dần do lòng tham và người nghèo sẽ nắm quyền kiểm soát và kết quả là sẽ có “chế độ dân chủ” (democracy) trong đó mọi ham muốn sẽ đồng đều. Cuối cùng, thể chế “vô chính phủ” (anarchy) là do lòng tham muốn tự do (love of liberty), sẽ dẫn tới “chế độ độc tài” (dictatorship) hay “nền bạo chúa” (tyranny).

Sách 9 xác nhận rằng người chân chính (the just) thì hạnh phúc hơn người không chân chính (the unjust). Socrates đã dùng hình ảnh của nhà độc tài để mô tả điều kể trên. Ông cho rằng mọi người đều có các dục vọng (desires) cần thiết và không cần thiết. Nhà độc tài dù cai trị như thế nào, cũng không có các bạn hữu và luôn luôn phải canh chừng các kẻ thù, bởi vì có lạc thú (pleasure) khi linh hồn do lý trí điều khiển và nhà độc tài là người không chân chính (unjust) nên không có lạc thú này. Ngoài ra, Socrates còn nhấn mạnh rằng sự công bằng (justice) mang lại nhiều hạnh phúc hơn sự bất công.

Sách 10 liên quan tới nghệ thuật, sự bất tử của linh hồn và truyền thuyết về Er. Trong cuốn sách này, Socrates không tin tưởng vào nghệ

thuật (art) vì cho rằng thứ này làm cho con người nhâm lẫn vẻ ngoài với hiện thực (reality) và ảnh hưởng tới cảm xúc khiến cho lý trí bị gạt sang một bên. Socrates cũng xác nhận rằng sự bất công (injustice) là điều xấu của linh hồn. Theo Socrates, các linh hồn sẽ không bao giờ chết đi và sau một đời sống lương thiện, các linh hồn sẽ được tưởng thưởng.

Socrates đã kể về truyền thuyết của Er (the Legend of Er). Er là một chiến sĩ can đảm, đã chết ngoài mặt trận nhưng trong khi thi thể còn nằm trên dàn thiêu thì Er đã sống lại và kể cho mọi người nghe về những gì anh ta nhìn thấy ở thế giới bên kia.

Sau khi linh hồn của anh ta rời khỏi xác, anh ta đã bay đến một nơi xa lạ nằm giữa đất và trời. Có hai pháp quan (judges) ngự trị tại nơi này. Các linh hồn chân chính (just soul) khi tới trước pháp quan, sẽ được đưa về cửa bên tay phải để được dẫn tới thiên đường, hưởng một cuộc sống hạnh phúc, còn các linh hồn không chân chính bị đưa qua cửa bên trái, dẫn tới trung tâm của trái đất để rồi phải trả gấp 10 lần các tội lỗi khi trước. Các linh hồn quá xấu xa, như của các kẻ giết người, các bạo chúa, sẽ không bao giờ được phóng thích. Sau bảy ngày, anh chàng Er với các linh hồn khác đã đến trước các thần định mệnh (the Fates) là thần có quyền cho các linh hồn những thân thể mới. Mỗi linh hồn được quyền chọn lựa đời sống của mình. Sau khi đã chọn lựa rồi, các linh hồn uống nước của Giòng Sông Quên Hết (the River of Lethe) nhưng Er đã không uống thứ nước đó. Sau một trận động đất lớn, các linh hồn được đưa đi tái sinh nhưng vào lúc này, anh chàng Er tỉnh dậy và thấy mình nằm trên dàn thiêu.

Trở về cuốn sách “Nền Cộng Hòa”, bằng cách dùng “Câu chuyện biểu tượng của hang động”, Plato đã mô tả bóng tối (darkness) là sự ngu dốt (ignorance), nhờ vào nền giáo dục mà con người được dẫn tới kiến thức là thứ giống như ánh sáng (light = knowledge), với cách suy luận đi từng bậc, từ bậc 1 = trí tưởng tượng (imagination), qua bậc 2 = niềm tin (belief), hai giai đoạn học hỏi này thuộc về ý

kiến (opinion). Bước sang bậc 3 = lý luận (reasoning) và bậc 4 = hiểu biết (understanding), đây là giai đoạn của kiến thức.

Đối với công việc học hỏi về vật thể (objects), con người phải trải qua giai đoạn 1 = hình ảnh (images), giai đoạn 2 = vật thể (objects), giai đoạn 3 = toán học (mathematics) và giai đoạn 4 = hình thức (the Forms).

Plato tin rằng các vật thể (objects) mà chúng ta nhìn thấy được chỉ là bản sao (copies) của các mẫu (patterns) không thay đổi, bất diệt (eternal). Những mẫu này được gọi là các hình thức (the Forms). Hình thức thì trừu tượng và không có cỡ, có chiều (nondimensional), chỉ có trong ý tưởng (idea), được biểu hiện do trí óc mà không bằng giác quan (senses).

Khi bàn về triết lý chính trị (political philosophy), Plato cho rằng đất nước do các cá nhân tạo nên, nên phản ánh các đặc tính của các cá nhân này. Có 3 loại người trong xã hội, giống như 3 phần của linh hồn: (a) giới thợ thủ công (craftsmen) tượng trưng cho phần ham muốn (appetite), (b) giới bảo vệ (guardians) là phần tinh thần (spirit), còn (c) giới cai trị (rulers) đại diện cho phần lý trí (reason). Công lý chỉ được thực hiện khi cả ba phần này hoàn thành công việc của mình và chính quyền sẽ trở nên thối nát khi bị thúc động do lòng ham muốn tiền bạc.

Cũng theo Plato, vai trò chính yếu của nhà triết học (the philosopher) là giáo dục dân chúng. Nhà triết học có thể phân biệt giữa các bóng tối và các hiện thực, và nền giáo dục đã dẫn dắt nhà cai trị (the ruler) qua các trình độ kiến thức. Platon tin rằng nhà triết học phải nhận lãnh trách nhiệm cai trị để cho công lý (justice) được thi hành trên đất nước.

Nền Cộng Hòa là cuốn sách liên quan tới công việc tạo nên một xã hội lý tưởng bởi vì tác phẩm này đã đề cập tới các đề tài đạo đức, chính trị, giáo dục, nghệ thuật và thế giới vật lý bên ngoài. Tác phẩm này cũng tìm cách định nghĩa về nhà triết học, đặt vấn đề liên quan tới sự cảm nhận hiện thực (reality) của

chúng ta cũng như mô tả nhiều loại định chế (institutions) cùng với các ưu và khuyết điểm.

4/ Ảnh hưởng của nhà Đại Hiền Triết Plato.

Sau khi Plato qua đời, người cháu của ông tên là Speusippus trở thành Viện Trưởng của trường Academos. Trường Đại Học này tiếp tục hoạt động cho tới năm 529 sau Tây Lịch, khi Hoàng Đế Byzantine là Justinian I ra lệnh đóng cửa vì cho rằng trường phổ biến các lời giảng dạy tà giáo (pagan teachings). Tuy nhiên ảnh hưởng của Plato đã được lan truyền khắp nơi. Nền triết học của Plato đã thể hiện qua tác phẩm của Philo Judaeus, nhà triết học Do Thái, cư ngụ tại thành Alexandria vào thế kỷ thứ 1 sau Tây Lịch. Vào thế kỷ thứ 3, nhà triết học Plotinus đã khai triển nền triết học Plato-Mới (Neoplatonism) tại kinh thành Rome. Các nhà thần học Clement of Alexandria, Origen, Boethius và Thánh Augustine là những người chịu ảnh hưởng của nền triết học Platonic đồng thời các ý tưởng của Plato đã đóng vai trò chính yếu trong việc phát triển nền thần học Thiên Chúa giáo (Christian theology) cũng như các tư tưởng Hồi giáo (Islamic thoughts) của thời Trung Cổ.

Qua thế kỷ 13, Aristotle đã là nhà triết học Cổ Hy Lạp gây nên nhiều ảnh hưởng mạnh nhất trong thế giới tư tưởng Thiên Chúa giáo nhưng bước sang thời kỳ Phục Hưng (the Renaissance), Hàn Lâm Viện Florantine do gia đình Medici thiết lập, lại chú trọng vào nền triết học của Plato. Được thành lập vào thế kỷ 15 gần thành phố Florence, các nhân viên của Hàn Lâm Viện này dưới sự điều khiển của Marsilio Ficino, đã nghiên cứu các tác phẩm của Plato viết bằng tiếng Hy Lạp.

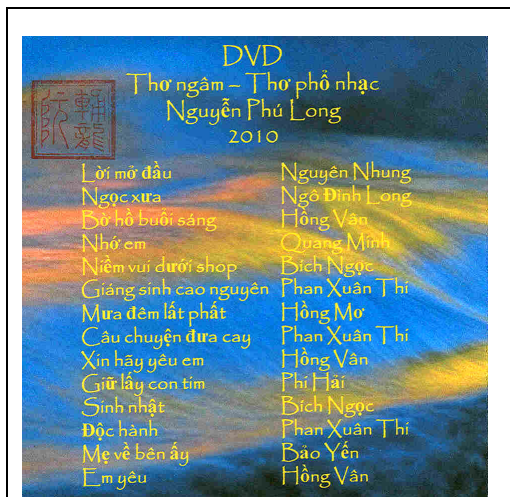
Tại nước Anh, học thuyết của Plato đã sống lại vào thế kỷ 17 do Ralph Cudworth và các người cộng tác, những học giả này được gọi là The Cambridge Platonists (nhóm theo Plato thuộc trường Đại Học Cambridge). Họ cố công dùng các lời giảng dạy của Plato và cách diễn đạt của nhóm Neoplatonist để làm hòa hợp lý trí (reason) với tôn giáo. Qua thế kỷ 20, các nhà tư tưởng như Alfred North

Whitehead cũng nghiên cứu và phổ biến các công trình của Plato.

Các tác phẩm đối thoại của Plato đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nhau và được phổ biến bằng nhiều ấn bản. Một trong các bản dịch được nhiều học giả biết tới nhất là của ông Benjamin Jowett, thuộc trường Đại Học Oxford, nước Anh./.

Phạm Văn Tuấn

(Virginia)



Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm hân hạnh nhận được DVD 14 bài thơ chọn lọc của THI SĨ NGUYỄN PHÚ LONG do nhiều nhạc sĩ phổ nhạc, với những giọng ca ngâm điệu luyện trình bày và những hình ảnh quê hương tuyệt vời gợi nhớ gợi thương.. Xin chân thành cảm tạ Thi Sĩ Nguyễn Phú Long và giới thiệu cùng quý vị độc giả. Liên lạc:

MR. NGUYỄN PHÚ LONG

11617 Norwich Pkwy,

Glen Allen, VA 23059 - USA

Tel 804 360 1394.

<luongquan1@yahoo.com>

VĂN THƠ TƯỜNG NIỆM QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Theo đất chuyển dòng thời gian bát ngát,
Hương ngàn xưa trên bốn ngàn năm qua.

Nhớ nguồn Hồng gốc Lạc,
Nhìn đất trời bao la.

Cuối xuân mùa hoa kết quả,
Đình ninh ngày mười tháng ba.
Thu, Đông lẫn lửa năm qua,
Cho chim nhớ tổ, cho ta nhớ nguồn.

Mở trang lịch sử vàng son,
Lắng nghe tâm khảm rộn ràng nhớ nhung.

Ngàn xưa Mẹ là Tiên non Bắc,
Ngàn xưa Cha là Rồng biển Đông.
Góp mặt nhân hoàn trăm trứng nở,
Bốn bàn tay dựng núi khai sông.

Lâm Thao nhớ về thuở ấy,
Gió lên vi vút ngàn lau.
Nam Quan bắt đầu từ đấy,
Thênh thang bước tiến Cà Mau.

Giữa hội trường khắp năm châu,
Việt Nam nay đã tươi mầu địa danh.
Phương trời ngùi cảnh viễn trình,
Nhớ ơn tiên tổ nào tình tha hương!

Một khối tâm thành quỵện khói hương,
Hướng về mười tám tổ Hùng Vương.

Văn Lang nước cũ công khai sáng,
Rực rỡ muôn trang sử thiếp vàng.

Trùng Quang

*

ĐƯỜNG CHIỀU

Đường chiều quanh mấy ngã
Bóng xế tà tà vầy
Tuổi đời cao chổng chất
Ngày nào đi ?- ai hay !

Bạn bè ngày một ít
Nhớ khi còn tù đầy
Chia nhau từng ngụm nước
Sao bây giờ chia tay !

Trời chiều dần dần lặn
Buồn vác nặng đôi vai
Hồn non sông chưa trả
Hoang phí cả đời trai

Quê hương còn xa thăm
Đường đi bao nhiêu dài ?
Gửi hồn về cố xứ
Bao giờ có ngày mai !

Maryland, 3- 2010

Đăng Nguyên

Năm Canh Lục Đục

Nguyễn-Phú-Long

Đêm qua anh đến chơi đây,
Giày giôn anh diện, ô tây anh cầm
Canh tư bước sang canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em em những ỡm ờ không thừa
Rày mai ngày nắng ngày mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ của Trần Tế Xương trên đây rất phổ biến, thật nhẹ nhàng lãng mạn. Nó lãng mạn cách kín đáo dù đã nêu lên hình ảnh có trai có gái cùng mấy câu đối thoại thân mật, đùa giỡn, trách móc, bịn rịn đầy tình tứ.

Sự liên hệ giữa hai nhân vật anh và em trong bài thơ thế nào nhỉ? Thử đoán coi. Đúng hay sai cũng chẳng quan trọng gì. Đọc qua, phần đông số người có thể sẽ nghĩ ngay đến hình ảnh một bên là các quan viên đi giày giôn, cầm ô tây, hào hoa phong nhã, mang một bụng đầy văn chương thi phú, một bên với nhà hát ả đào, êm đềm chướng rủ màn che, thấp thoáng các nàng ca kỹ vấn khăn vành giày, mặc quần lĩnh trắng, đàn ngọt hát hay.

Sự liên hệ giữa em và anh thế đấy! Biết hay không biết cũng chẳng sao đâu, có thể mới hôm qua anh đến chơi đây là lần đầu, có thể con đường tới thăm em đã mòn lối cỏ từ lâu, và quan trọng là mỗi khi gặp gỡ, thực sự cả anh và em đều háo hức nhiệt tình thủ tục để qua một đêm là chương trình cạn kiệt chẳng còn gì mới mẻ đãi đằng nhau nữa, sự nôn nóng hừng hực qua đi như cơn lốc, nhưng đâu phải vì vậy

mà mới đầu canh năm anh đã lục đục dậy rồi, làm em cũng tỉnh ngủ, thao thức, bèn dẫu cái ô tây như thăm trách anh chẳng nghĩ đến chút tình “đêm nằm năm ở”.

Anh đến chơi với giày giôn, ô tây thật là keng. Có thể vì sự lạ-ô đã đánh thức anh dậy sớm, cũng có thể anh chẳng muốn để ai biết anh đã tới đây nên mới tinh mơ mà đã sửa soạn từ biệt trở về, trong khi em còn nằm trơ trơ một mình, ngẩn ngơ như dở dang chưa xong nhiệm vụ, chưa muốn chấm dứt những phút giây thần tiên tao ngộ.

Hay là anh còn nặng kiếp thư sinh, đêm đêm thường quen giấc trở dậy sớm như thế để dùi mài kinh sử qua mấy lời mời gọi dỗ dành âu yếm của vợ hiền:

Canh tư bước sang canh năm,

Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.

Nửa mai chúa mở khoa thi

Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh...

Nói cho ngay, giày giôn, ô tây kể ra thì hơi xưa, ngày nay không còn hợp thời nữa, mà sao cũng khiến nhiều kẻ càng đọc càng tằn ngằn tiếc rẻ cho mình sinh bất phùng thời, thật không may chẳng được hòa đồng cùng huynh đệ, bằng hữu, xô đôi giày giôn, cầm chiếc ô tây, nhờn nhờn lội lội trong cái thế giới thanh lịch cao sang ấy.

Canh tư bước sang canh năm là thời điểm còn khuya khoát. Đây là lúc vừa qua giờ Sửu đầu giờ Dần, Chiếc đồng hồ treo tường vừa thông thả buông ba tiếng, đường phố bên ngoài vắng tanh dưới ánh đèn vàng leo lét, như vậy là hơi sớm quá, cũng theo thi sĩ Trần Tế Xương trong

bài thơ “Chiêm Bao” in nơi cuốn sách “Việt Thi” của Lê Thần Trần-Trọng-Kim thì:

Thiên hạ có khi đang ngủ cả,

Việc gì mà thức một mình ta.

Tuy nhiên động từ “ngủ” và “thức” cũng như ý tưởng trong bài thơ Chiêm Bao đã đi theo một nội dung về hướng khác, thực ra không mang đúng cái nghĩa đen thức ngủ đâu. Lão tiên bố tác giả hai câu thơ thượng dẫn nói riêng và mọi người nói chung chắc chắn đều hiểu vậy và hơn nữa đều thừa biết rằng, bất cứ đêm ngày, nơi đâu, lúc nào mà chẳng có người thức kẻ ngủ, canh khuya lục đục là chuyện bình thường ở khắp mọi nơi.

Cũng như ăn uống, giấc ngủ ban đêm rất quan trọng cho mọi sinh vật, thế mà rất nhiều nơi, nhiều người với nhiều lý do, ban đêm còn đầu tắt mặt tối, lục đục có khi mãi tới canh ba mới được đi nằm.

Canh một dọn cửa, dọn nhà

Canh hai dẹt cửi, canh ba đi nằm.

Đó là chưa kể, vì hoàn cảnh, vì nhu cầu, thời buổi khó khăn, người ta phải chấp nhận những việc mưu sinh ban đêm, ngày này qua ngày khác như các công nhân làm ca, người gác đàn, “đón Giao Thừa một phiên gác đêm”...v...v...

Ngày xưa mình bị ảnh hưởng văn hóa Tàu về nhiều phương diện nói chung, thậm chí cả việc đặt tên, phân chia thời gian cũng vậy. Căn bản thời lượng một ngày vẫn là 24 tiếng đồng hồ, nhưng mấy vị con trời không chia ra 12 tiếng ban ngày (AM) cộng với 12 tiếng ban đêm (PM) một cách khoa học và đồng nhất như hiện tại. Theo nhà nghiên cứu Hồ-Ngọc-Đức họ đi lối khác và gọi đó là âm lịch, đó là loại thiên văn tính toán dựa vào mặt trời, trái đất và cả mặt trăng nữa.

Một giờ tính theo lối ấy bằng 2 tiếng ngày nay, như vậy mỗi ngày chỉ có 12 giờ. Mỗi giờ trong ngày có tên gọi tượng trưng bằng 12 con giáp: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Bắt đầu là giờ Tý từ 11 PM đến 1 AM. Và cứ thế tuần tự tiếp nối rồi lại trở về...”nửa đêm, giờ Tý, canh ba.”

Theo một bài viết, Hàn-Lâm Nguyễn-Phú-Thứ cho rằng: Cổ lịch của Trung- Quốc từ năm 2637 trước thiên chúa, ban ngày có 7 giờ chia ra thành 6 khắc và ban đêm chỉ có 5 giờ. Năm giờ ban đêm có thể gọi là năm canh, canh 1 thuộc giờ Tuất, canh 2 thuộc giờ Hợi, canh 3 thuộc giờ Tý, canh 4 thuộc giờ Sửu và canh 5 thuộc giờ Dần.

Ban đêm gọi là canh hay giờ cũng được vì thời lượng như nhau.

Ban ngày nên gọi thời gian bằng giờ, ít người dùng khắc vì với 7 giờ mà chỉ có 6 khắc nên mỗi khắc bằng 1 giờ + 1/6 giờ rất khó hình dung.

Ở một vài nước bên Âu Châu và hầu hết giới nhà binh trên toàn cầu người ta cùng quy ước chia một ngày ra 24 giờ nhưng không có AM, PM ngày đêm gì cả. Lúc 1 giờ sáng là 1 giờ, rồi lúc 1 giờ chiều là 13 giờ v...v...

Lại nữa, còn nhớ mẩu chuyện, một người cư ngụ tại bờ biển phía tây Đại-Tây-Dương, đêm khuya đang mơ màng giấc điệp thì nhận cú điện đàm từ bên Âu Châu đại khái như vậy:

- A lô! Paris đây! Khỏe không? Toa đang làm gì thế ?

- Khỏe! Ngủ chứ làm gì.

- Chết chữa, ở bên chắc mới gần 2 giờ sáng nhỉ, bên này moa vừa ăn điếm tâm xong. Ồ xin lỗi nhé.

Tạo hóa an bài, ngày thì sinh hoạt, đêm thì nghỉ ngơi, ngủ để lấy lại sức sau thời gian làm việc nhọc nhằn. Kể gọi điện từ bên Tây làm mất giấc ngủ cần thiết lúc 2 giờ sáng của người bạn vì vô tình quên, rồi ngay lập tức đã nhớ ra là ở mỗi nơi giờ giấc có thể khác biệt nhau.

Mấy lời đàm thoại này rất bình thường, nhất là đối với chúng ta, những kẻ di tản buồn rải rác khắp năm châu từ hồi 1975,

nhưng nó nói lên một điều: thời khắc sáng tối còn tùy theo vị trí ở trên mặt đất nữa. Một cách ngắn gọn, xin hình dung trái đất như quả cam với 24 múi, múi nọ cách múi kia một giờ.

Hai người cách mấy múi giờ,
Kể công kia nọ còn chờ mai sau.
(Trong tập thơ BBNT-2001.)

Nói tóm, vấn đề chia thời gian một ngày như phương Đông quá phức tạp. Đó là chưa kể lại còn tháng nhuận (năm có 13 tháng) rất rắc rối nữa. Ấy thế mà người ta vẫn còn duy trì tới ngày nay trừ nước Nhật Bản dứt khoát chỉ theo tây lịch thôi. Âm lịch còn tồn tại, hấp dẫn phải chăng vì nhiều chiêm tinh gia đã nhìn thấy mối liên hệ, ảnh hưởng hỗ tương giữa số mạng và các vì sao để tiên đoán tương lai qua tử vi nên vẫn dập khuôn đi theo con đường này, chứ riêng việc chỉ định thời điểm thì quả thực nó chẳng hay ho bao nhiêu.

Mà sao ban ngày có 7 giờ, ban đêm chỉ có 5 giờ ? Thực ra ban ngày và ban đêm dài ngắn vẫn thường xuyên thay đổi chứ đâu có cố định như vậy. Nhất là ở vị trí hai cực quả địa cầu. Tục ngữ chẳng có câu “Tháng Năm chưa nằm đã sáng” hay “Tháng mười chưa cười đã tối” là gì!

Ở Hoa-Kỳ, để tiết kiệm năng lượng và để thuận với thiên nhiên, tùy lúc, người ta đã uyển chuyển kéo sớm hoặc đưa lùi thời gian một tiếng đồng hồ cho phù hợp với thực tế đêm ngày phần nào. Chứ giả dụ mới canh một (7 PM) trời mùa hè còn sáng chung chung mà có tiên sinh đã cùng năm bà vợ bắt đầu sinh hoạt như trong bài ca dao sau đây thì...sớm quá.

Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu
Vợ cả đun nước, tằm trầu chàng soi,
Vợ hai trải chiếu chia bài
Vợ ba coi sóc nhà ngoài nhà trong
Vợ tư quạt muỗi giăng mùng
Vợ năm thức dậy trong lòng xót xa
Chè thưng, cháo đậu bụng ra

Chàng soi một bát kẻo mà hết gân.

Bài này chép từ internet nó có hai chữ cuối cùng khác với sách của Nguyễn-Văn-Ngọc. Đó là “Công lênh” thay vì “Hết gân”. Tựu chung thì nhiệm vụ của mấy bà vợ trong hai văn bản không có gì khác nhau. Công việc “ngồi hầu” tương đối nhẹ nhàng, không giải nắng giã mưa, good job, có thể đôi khi cũng phải làm over time chút đỉnh không sao. Tuy nhiên trong cuộc sống chung, thế nào cũng có sự “đừng núi này trông núi nọ” sinh ra so sánh, phân bì, niu kéo ngấm ngấm. Như hai câu ca dao:

Anh ơi ngoảnh mặt vào trong,
Sớm mai đi chợ em mua bún với lòng
anh ăn.

Bài ca dao kể chuyện về năm vợ vì ông này chỉ có năm vợ! Năm bà được gọi vợ cả, vợ hai, vợ ba...là do tình trạng thâm niên công vụ chứ thực ra “Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả”.

Trong thiên hạ, nói chung, tùy hoàn cảnh mỗi vị có số vợ nhiều ít khác nhau. Người đạo Hồi có quyền lấy bốn vợ. Lại thấy “Cổ Ông Bảy Vợ” là nhan đề bài ca dao nơi cuốn sách của Đào Thản do nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin ấn hành với hai câu kết thúc có vẻ một lời hời hợt muộn màng:

Than rằng đất hỡi trời ơi
Trời cho bảy vợ như tôi làm gì!

Hồi xưa, trong giới đại gia, việc tề gia cũng gần như trị quốc. Khác nhau chăng là ở lãnh vực lớn nhỏ mà thôi. Gia trưởng cũng có đất đai để sinh lợi, có luật lệ, có gia nhân để điều hành công việc, để giữ gìn an ninh, đề phòng trộm cướp, và dĩ nhiên là phải có.. vợ. Vợ con là của cải, nên năm nào làm ăn phát đạt, gặt hái được mùa, sau khi vị quản gia búng bàn toán lách cách rồi trình lên bảng tổng kết thu chi thấy rõ lời nhiều hơn lỗ, người ta lại sắm thêm vợ cho...vui!

Người chiến sĩ vô danh trên đây với năm bà vợ an hưởng hạnh phúc, thanh

bình thật là sướng. Hình ảnh cuộc sống của kẻ sinh ra từ trong bọc điều này là nỗi thèm thường của biết bao trai tráng nơi lúy tre xanh, những kẻ ngày ngày âm thầm đổ mồ hôi, đánh trâu ra đồng cấy xâu cuốc bẫm.

Khách quan thì phải công nhận ông là kẻ không những có lực mà còn có tài nên tương đối mới giữ được cảnh êm ấm, yên ổn ngày đêm như thế.

Cũng khách quan, về cuộc sống tình cảm, ta thấy “cha nội” này, dù, thế nào chẳng có lúc bị rầy rà gắt vėjo vì lương lự không biết ngoảnh mặt vào trong hay ngoảnh mặt ra ngoài nhưng nói chung thì tương đối còn ngon lành hơn cả... vua Gia-Long lận!

Một hôm vua Gia Long (1802-1819) đã tâm sự với Michel Đức Chaigneau, vị công thần người Pháp đã góp công sức giúp vua khai quốc, thống nhất sơn hà, như sau:

- Khanh đừng tưởng rằng sau khi hoàn tất công việc hành chánh là trẫm được nghỉ ngơi trong nội cung của trẫm. Khanh sẽ không ngờ cái gì sẽ đợi trẫm ở đây. (Chỉ vào hậu cung). Ở bên ngoài trẫm rất hài lòng vì nói chuyện với những người xứng đáng. Họ lắng nghe, hiểu biết và vâng lời trẫm. Còn ở hậu cung trẫm phải đương đầu với một đàn quý cái thực sự! Chúng cãi nhau, ngược đãi nhau, phỉ báng nhau... rồi sau đó cùng chạy đi tìm trẫm để yêu cầu phân xử.

Michel Đức Chaigneau tâu:

-Việc đó rất dễ! Hoàng thượng có thể giảm bớt mối sầu khổ bằng cách hạn chế bớt số cung phi.

-Suyt! Hãy nói khế. Gia-Long gắt ngang.

Nhà vua truyền cho đám thị vệ lui ra ngoài, rồi nói tiếp:

-Ồ! Ông Đức! Nếu các quan đồng liêu của khanh nghe được điều mà khanh vừa nói ra đó, họ sẽ trở thành những kẻ thù vĩnh viễn của khanh. Khanh không biết rằng các cung phi hầu hết đều là con cái

các quan ư? Nay mặc dù số tuổi của trẫm cũng đáng kể, nhưng không bao lâu nữa một vị quan sẽ dâng hiến trẫm con gái của ông ta. Trẫm không thể từ chối được. Vì nếu làm như thế vô tình trẫm sẽ chọc tức ông ta và làm cho ông ta vô cùng đau đớn. Ở đây có con gái được tuyển vào cung là một vinh dự và sự đặc ý của một ông quan. Đó là sự bảo đảm chắc chắn nhứt về sự trung thành của ông ta. Trẫm muốn sửa đổi lại cả thế giới, nhứt là thế giới đàn bà, vì họ đều đáng ghê sợ hơn đàn ông. Nếu trẫm ghét bỏ một trong số các cung phi của trẫm, nó sẽ than phiền với thân phụ nó ngay, và nếu không xỉ nhục, to tiếng trước tuổi già của trẫm thì ông ta cũng gieo rắc giữa các quan những sự đồn đãi vụn vặt về trẫm, sẽ làm cho trẫm mang đầy những sự lố bịch trước con mắt của thần dân.

Trên đây là mẩu đối thoại trích từ cuốn “Sau Bức Cầm Thành Nhà Nguyễn” của giáo sư Hứa-Hoành do Đại-Nam xuất bản năm 1994 ở Hoa-kỳ.

Than ơi! Sau khi nghe giải thích, Michel Đức Chaigneau chắc cũng hiểu, là, lời khuyên để giảm bớt mối sầu khổ cho vua Gia-Long chẳng thể thực hiện được, mặc dù ông đã cùng khoảng 20 người Pháp theo Bá-Đa-Lộc chở súng đạn sang Gia-Định giúp Nguyễn-Vương...bấm đốt tay, từ tháng 6 năm 1789, thoát thời, cũng đã mười mấy năm trời, đã hội nhập, thu lượm bao nhiêu kinh nghiệm, nhưng đôi khi vẫn ngỡ ngàng về nền văn hóa, phong tục bản xứ.

Nguyễn-Phú-Long

(Virginia)



CHO NGƯỜI MAI SAU

1
Đừng ngạc nhiên nghe Em,
Khi Anh gửi cho Em,
Những Vần Thơ đầy hoa lá,
Những Vần Thơ đầy gió trắng,
Những Vần Thơ nồng nàn âu yếm,
Những Vần Thơ xây mộng ảo Cung Hằng,

2
Nếu không viết những Vần Thơ
khi tim hồng lên tiếng hát
Anh sẽ chết khát
như một lữ hành lạc lõng
giữa biển cát bao la.

3
Nếu không viết những Vần Thơ
trong những ngày tháng tư vỡ lên tiếng
sóng
Anh sẽ chết trong tuyệt vọng.
như những người di tản,
gửi thân cho ngọn sóng bạc đầu,
trong một đêm không sao,
và trong một Đại Dương không đáy.

4
Có những thành phố Anh qua,
những khung trời rất xa Anh tới,
như một Port of Prince – Haiti
ngày trước, ngày sau đã đổi khác mất rồi.
Em thấy chưa em ơi?

5
Chuyện xưa in dấu cuộc đời,
viết câu thương nhớ,
cho người mai sau.

VIỆT BẰNG
(California)

EM ĐI... THÁNG TƯ

Viết cho Ng. Thị Hồng- Thảo,

Em đi...nào có một mình,
Với anh và với cuộc-tình-sát-son.
Dập diu cái cái, con con,
Hành-trang hy-vọng để còn mai sau...

Nhấn-nha rồi lại bắt đầu,
Bàn tay tô-điểm cùng nhau vẽ-vời.
Núi sông, cây cỏ, đón mời,
Em vui mà chẳng quên thời long-đông.

Nơi đây những lúc thông-dong,
Anh đưa em lướt lòng-vòng thám hoa.
Khi xưa yêu dấu thiết-tha,
Bây giờ đương độ mặn-mà dấu yêu;
Khi xưa thương mến bao nhiêu!
Bây giờ thế đó! Rất nhiều mến thương...

Tháng tư...hun hút chặng đường,
Nhớ chẳng? Dâu biển,
đoạn trường dân xưa...
Trời ban vậy vậy đã vừa?
Âm-thầm em vẫn sớm trưa nguyện-cầu:
*"Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy mẫu trê-trung."*

Nguyễn-Phú-Long
(Richmond, VA)

LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN

Thi phẩm của HOÀNG-SÔNG-LIỆM, ấn hành trong tập sách Văn Học,
Nghệ Thuật, Biên Khảo CỎ THƠM số 47-Hà 2009 tại Virginia.

Nhạc: Anh Bằng

Moderato

Lại một tháng Tư đen Ta ôm sầu viên xú Bức chân mòn lú
thủ Nỗi nhớ thưở nào quên Lại một tháng Tư đen Trái bao mùa đông
tuyết Đã phai màu mặt biển Đồi bờ xa cách như đồi bờ xa cách
nhau Lại một tháng Tư đen Lại một tháng Tư đen Quê người ta tạm
trú Bao giờ về quê cũ Như máu chảy về tim
Lại một tháng Tư đen Mặt trời với quê mẹ Phôi hủy với xa cách
ấy Đứng dài sầu mặt em Lại một tháng Tư đen Hỏi ai còn ai
quát Ta nghe lòng quên thất Sầu hoa đá trong tim Sầu hoa đá trong
tim Lại... ...tim

GẶP GỠ HỌC GIẢ TRẦN BÍCH SAN

Đầu đó trên các tạp san ở hải ngoại, trước năm 1988, hình như tôi có gặp cái tên Trần Bích San. Tôi chỉ dám nói hình như thôi vì tôi chỉ nhớ mang máng, đầu óc tôi vào lứa tuổi thứ ba của đời người chẳng những như tấm gương mờ sương ẩm đục mà còn lảng vảng vài ba đợt khói mơ màng. Cái bút hiệu Trần Bích San dễ làm chúng ta lẫn lộn với cái tên Trần Trọng San (dịch giả thơ vào hai triều đại Đường, Tống) và cái tên Trần Bích Lan (tên cúng cơm của nhà thơ Nguyên Sa). Nhưng cái tên Trần Bích San lại đẹp hơn, dựng trong tâm tưởng người chuộng văn hóa một hình ảnh uy nghi của một dãy núi xanh biếc trải dài theo một vạch uốn éo trước tầm mắt của khách du lịch như con rồng trườn mình đi chuyển.

Dãy núi ấy vào lúc bình minh có sắc biếc, nhưng khi nắng lên cao lại có màu lam, sắc thúy dưới vòm trời giăng mắc mây hồng. Và lại nữa, San và Sơn cùng một nghĩa, nhưng người Bắc gọi là Sơn. Bích Sơn là tên hợp với phụ nữ, đọc lên chúng ta có thể tưởng tượng một giai nhân cao sang thanh thoát. Ví dụ như nữ nghệ sĩ sân khấu cải lương Bích Sơn.



Còn Bích San là tiếng do người Nam gọi lại hợp với các đấng tu mi nam tử, đọc lên là chúng ta như thấy hiện lên trong vùng trời tưởng tượng một mẫu nghệ sĩ thơ mộng ngay. Nhưng từ khi cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, tôi mới chính thức đọc các bài biên khảo về văn hóa của Trần Bích San. Viết biên khảo về văn hóa, ai đó phải từ 50 tuổi trở lên mới thành hình những tác phẩm sắc bén vì đầu óc đương sự vào lứa tuổi đó đã chín mùi kinh nghiệm và phong phú kiến thức. Ngành văn hóa văn học Việt Nam ở hải ngoại cũng không có nhiều học giả. Đại khái có Hương Giang Thái Văn Kiểm, Bác Sĩ Trần Văn Tích, Giáo Sư Lê Hữu Mục, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích, Nữ Sĩ Nguyễn Thị Chân Quỳnh,

các anh Minh Văn, Nguyễn Cúc và Trần Bích San. Và nếu tôi không lầm Trần Bích San trẻ tuổi nhất, nhưng việc tra cứu, sưu tầm của anh rất thận trọng, rất kỹ lưỡng. Cho nên bài vở trong quyển *Văn Khảo* của anh cùng một số bài vở khác cũng của anh đăng trên Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm (chưa in thành tập) rất chính xác. Tất cả những gì do anh viết có thể gây niềm tin cậy trong sáng,

không thấp thoáng một bóng mây ngờ vực cho những ai tha thiết với ngành văn hóa và phong tục cổ truyền của nước nhà.

Sau Tết năm Tân Ty 2001 vài hôm, nhóm Cổ Thơm tổ chức buổi ra mắt sách cho ba tác giả Trần Bích San với quyển *Văn Khảo*, Lưu Nguyễn Đạt với quyển *Văn Luận*, Hồ Trường An với quyển *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn* tại Virginia. Dịp này, tôi mới gặp học giả Trần Bích San trước ngày ra mắt sách một hôm. Trời đất vùng Đông Bắc trên đất nước Hợp Chúng Quốc hãy còn trong tiết mạnh đông. Những bể nước trong sân mọi nhà đều đông cứng thành đá. Sau bữa cơm tối tại Tiệm Saigon House với anh chị Đạt và Hạnh, tôi về nằm mơ mộng quàng xiêng trên chiếc trường kỷ trong phòng khách tiết của anh Đạt, mắt nhìn ngọn lửa tươi hồng nhảy múa trong lò sưởi, tỏa hơi ấm áp của căn bếp thuở nào trên quê hương đất nước. Giữa lúc đó thì anh Trần Bích San và một người bạn tới. Anh cho biết anh vừa từ New Orleans, tức là vừa tạm bỏ vùng nhiệt đới để chuỗi mình vào vùng giá lạnh Miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Đợi cho câu chuyện cần thiết giữa anh Đạt và anh đổi trao chấm dứt, tôi mới gọi chuyện với anh. Tôi không nhớ rõ cả hai mở đầu về vấn đề gì và kết thúc bằng vấn đề gì. Tôi chỉ nhớ mang máng là những câu chuyện về văn học được dựa trên những giai thoại vui vui. Anh ăn mặc tươm tất với y phục ngự hàn màu sậm. Khi cởi áo *pardessus* ra, anh vẫn còn khoác chiếc *pull over* xám. Anh mập mạp, nhưng đó là cái phì mỹ rắn chắc, chứ không phải cái mập với da thịt bệu nhão, bùng nhùng như đa số người Mỹ bản xứ cùng lứa tuổi với anh. Anh tươi hơn hẳn như cây dưa,

cây chuối miền phù sa Sông Cửu Long vừa trở lượt trái đầu. Thần thái anh sáng mát. Khuôn mặt anh tươi tỉnh như kẻ vừa đi dạo vào buổi sáng mùa xuân nơi cỏ nội hoa ngàn, được hít thở bầu thanh khí thấm mát hơi sương. Anh ăn mặc tươm tất bao nhiêu thì tôi ăn mặc xốc xếch, lồi thòi bấy nhiêu. Nhìn anh, người đối diện như lây cái sáng khoái, cái ấm áp của một thể chất khỏe mạnh và tươi ngồn ngộn. Đây là một mẫu người hơi dầy vóc mình để lộ lộ vẻ đường bệ gần lứa tuổi lục tuần, nhưng vẫn giữ được thân vóc gọn gàng, cử chỉ nhanh nhẹn, dáng đứng và điệu ngồi dẻo dai. Trong buổi ra mắt sách, anh diễn thuyết hơi ngắn nhưng đầy đủ và anh bảo rằng anh chỉ sợ mình nói dài, nói dài, nói dở. Lời nói anh chậm rãi, từ tốn, ôn hòa, nụ cười ấm áp nở thường trực trên cặp môi tươi. Chiều hôm đó, khi buổi ra mắt sách chấm dứt, trước khi trở về Louisiana, Trần Bích San có ghé thăm vợ chồng anh Lưu Nguyễn Đạt. Tôi không nhớ rõ khi anh Đạt nhắc về điều gì thì Trần Bích San tiếp lời: “Theo tôi, chúng mình ra mắt sách như thế này kể như thành công rồi.” Giọng anh mỏng nhẹ và êm ái, ánh mắt thông cảm. Rồi anh lại nói tiếp với tôi: “Hôm nay, Bà Già Trầu ăn nói nghiêm trang đứng đắn quá. Ai cũng tưởng một khi đăng đàn, bà giở giọng bà già trầu cùng cách trào lộng miền Nam ra cho các quan khách cười sặc sụa một trận thỏa thuê. Nhưng ngờ đâu bà lại đọc bài diễn văn viết sẵn.” Điều này, không phải chỉ có Trần Bích San nhận xét như thế. Hôm đó, khi tôi rời diễn đàn thì cũng có vài bà không bằng lòng. Họ bảo đại khái như thế này: “Ông An ơi, hôm nay ông diễn thuyết

dở quá, nhạt như nước ốc, như cơm nguội. Ông đọc diễn văn bằng giọng yếu xìu như bị hụt hơi, ông đọc lấy có cho mau xong. Sao ông không hí lộng như mấy lần đăng đàn trước? Chán ơi là chán!”

Hè năm 2003, Trần Bích San cùng Lưu Nguyễn Đạt qua Paris diễn thuyết. Đồng thời anh chị Nguyễn Hữu Nhật và Nguyễn Thị Vinh cũng từ Na Uy qua. Họ mượn phòng tại Khu Tolbiac thuộc Quận 13 Kinh Đô Ánh Sáng Paris ở cho thoải mái. Cả bốn đều chinh phục chính giới lẫn văn giới của cộng đồng Việt Nam ở Paris nói riêng, ở Nước Pháp nói chung ở nghệ thuật diễn thuyết. Khi cả bốn đăng đàn tại hội trường F.I.A.T, Họa Sĩ Lê Tài Điển cùng chị Vũ Lan Phương và tôi rủ nhau đến nghe. Đề tài Lưu Nguyễn Đạt nhằm giới thiệu Tạp San Tư Tưởng Việt do anh chủ trương lồng trong văn hóa truyền thống dân tộc. Đề tài của chị Nguyễn Thị Vinh nói về thân phận người phụ nữ Việt Nam trải qua bao sóng lớp phé hưng của lịch sử. Đề tài của Nguyễn Hữu Nhật là giới thiệu thi tập song ngữ Pháp và Việt phỏng theo chùm thơ *Cantique des Cantiques* của Vua Salomon (1). Riêng Trần Bích San nói về môn khắc chữ Nho lẫn chữ Nôm vào bản gỗ thời xưa trong công việc in sách. Theo thói quen cố hữu, anh không dài dòng. Anh nhắm vào những điểm chính yếu của đề tài để rót vào tai khách dự thính những kiến thức mà anh đã thu thập được. Anh không vòng quanh miệng bát, miệng bồn, miệng chậu mà cứ xông xáo thẳng thừng vào vấn đề mà anh muốn giải bày. Anh làm tôi có cảm tưởng anh như một xạ thủ bắn ngay vào hồng tâm của cái bia bằng những mũi tên chính xác. Lời nói của anh

đơn giản. Giọng anh êm nhẹ như tiếng nước trà rót vào chén tráng men bạch ngọc. Anh không nhấn giọng thái quá ở chỗ này, cũng không mơn trớn ở chỗ khác. Vậy mà anh vẫn chinh phục khán thính giả một cách kỳ diệu. Sau khi anh chấm dứt phần diễn thuyết, chị Vũ Lan Phương rủ tôi lên dãy bàn bán sách để chào anh, nói lên sự thích thú về bài diễn thuyết. Chị Vũ Lan Phương ngỏ lời cảm ơn anh về quyển *Văn Khảo* của anh đã trang tặng vào đầu năm 2001. Trong thời gian anh còn ở Paris, chị Vũ Lan Phương mời đôi uyên ương Nhật và Vinh cùng hai anh Lưu, Trần dùng cơm ở nhà hàng Bến Tre, đi uống cà phê vào một tối ở Khu Montmartre, nơi mà các danh họa lầy lừng quốc tế đã từng khởi nghiệp và đã từng sinh sống. Và cũng nơi đó, còn có ngôi mộ của Trà Hoa Nữ (2), một bậc danh kỹ sắc nước hương trời dưới Triều Đại Vua Louis Philippe. Tuần sau, chị Phùng Thị Hạnh qua Pháp để gặp mặt chồng. Nữ Nghệ Sĩ Bích Thuận liền mời cả năm người viễn khách tới viếng Paris cùng chị Vũ Lan Phương đến tư thất của chị dùng cơm trưa. Bữa ăn rất thịnh soạn và rất quốc túy quốc hồn: món bánh đúc ăn cặp với đậu rán và chấm tương Cự Đà, món giả cây, món thịt đông ăn cặp với dưa chua cùng vài món phổ thông khác. Điều đáng kể nhất đối với tôi là chuyến hai anh Lưu Nguyễn Đạt và Trần Bích San đáp xe lửa đi Troyes để thăm Cổ Nguyệt Đường. Cả hai tới Troyes thì đã 5 giờ chiều. Nhưng vào mùa hè, trời lâu tối. Hoàng hôn luôn kéo dài gần tới nửa đêm. Ngoài bao lơn, những khóm hoa phong lữ thảo màu hồng đào, màu hồng phấn, màu ráng chiều nở lún phún và kết

từng chùm, lộng lẫy một cách náo nhiệt, không bằng âm thanh mà bằng màu sắc. Sau bữa ăn chiều, chúng tôi đến Thành Phố La Chapelle Saint Luc phụ cận với Thành Phố Troyes để viếng tư thất của Vũ Thái Hòa. Chúng tôi được dịp thưởng ngoạn những bức tranh màu sắc nồng nàn hay nóng bỏng treo nhan nhản trên vách. Sau khi chúng tôi dùng xong trà bánh, nhà họa sĩ họ Vũ còn cho chúng tôi xem những bức chì than của đương sự. Toàn là những hình vẽ các kiều nữ người Pháp khỏa thân. Mãi tới gần 1 giờ sáng, tôi mới có thể đưa hai chàng viên khách Lưu, Trần về cái *appartement* thứ hai của riêng tôi, cách Cổ Nguyệt Đường chừng hơn 5 phút đi bộ. Đó là Hiến Vân Các. Ở đây, vào mỗi chiều Hè tạnh ráo và rực rỡ, tôi có thể ngắm qua cửa gương vạt rẫy trồng rau của ông hàng xóm. Nơi cuối góc rẫy có cây liễu Quan Âm (*tamaris*) giống như loại thùy dương, nhưng thấp hơn, lại có đơm những chùm hoa màu hường tươi lún phún như chùm pháo bông. Tại Hiến Vân Các, Trần Bích San dạy cho anh Lưu Nguyễn Đạt và Cổ Nguyệt Đường chủ nhân nắm môn khí công Tây Tạng để giữ gìn sức khỏe. Anh chỉ thật cẩn kỉnh để cho cả hai thuộc năm lòng mới thôi. Nhưng tiếc thay, khi anh về Louisiana, tôi bị cảm mạo phong sương dây dưa tới ba tuần nên bỏ phế công việc luyện tập môn khí công này và rồi quên hết những chi tiết mà Trần Bích San đã chỉ dạy. Tiếc ôi là tiếc! Nếu trong lúc cơn bệnh đang hoành hành thân thể, tôi luyện môn khí công kia thì cơn bệnh đâu có thể kéo dài suốt ba tuần.

Vào cuối đông 2005, Trần Bích San có đề nghị mua cho tôi một vé máy bay khứ

hồi để tôi sang thăm cho biết New Orleans, nơi anh hiện cư ngụ. Tôi vốn lười di chuyển và chẳng mấy thích du lịch nên kiếm 1001 cái cớ để từ chối, dù tôi nghe đồn con Sông Mississippi đẹp không thua hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang của con Sông Cửu Long khi chảy qua vùng đất Nam Kỳ trù phú xứ sở chúng ta. Nhưng tôi lại còn nghe khí hậu ở đó vừa ẩm thấp vừa nóng như trong cái lò Bát Quái để Thái Thượng Lão Quân luyện linh đan, nên tôi càng ngại ngần hơn. Dù sao đi nữa, tôi vẫn hy vọng gặp lại Học Giả Trần Bích San. Những kỷ niệm hai lần gặp gỡ anh vẫn còn rõ nét mãi trong ký ức của tôi như dãy núi xanh tụy sừng sững ở xa, nhưng khách nhân du vẫn thấy nó gần gũi như tấm bình phong hiện trước mắt.

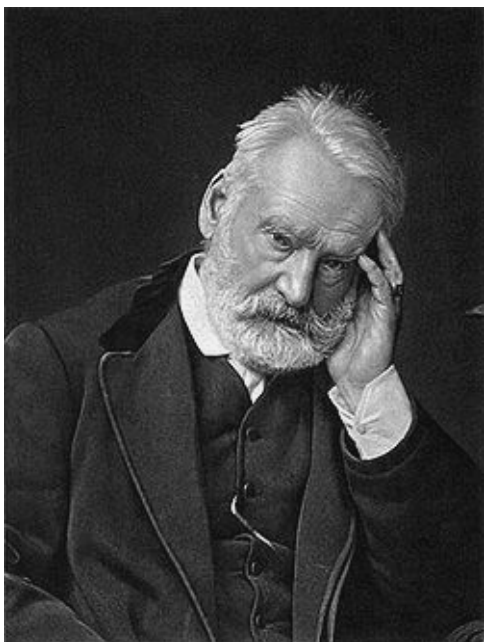
HỒ TRƯỜNG AN

(France)

- (1) Theo tôi hiểu *cantique* có nghĩa là *Nhã Ca* hay *Diễm Tình Ca*. Nhưng Nguyễn Hữu Nhật chọn cái tựa là *Chí Tôn Ca*. Anh Nhật tái tạo lời thơ bằng tiếng Việt, anh Nguyễn Tấn Phước chuyển ngữ bằng tiếng Pháp.
- (2) Tên cúng cơm của Trà Hoa Nữ là Alphosine Duplessis, nhưng khi đi vào giới ăn chơi lại đổi tên là Marie Plessis cho bớt quê. Khi đưa nàng vào quyển tiểu thuyết đả mị *La Dame Aux Camélias*, nhà văn Alexandre Dumas Fils đổi tên nàng là Marguerite Gautier.

Victor Hugo (1802-1885), chứng nhân thời đại & chính khách của tự do*

Lê Mộng Nguyên
(Paris)



Victor Hugo (sinh ngày 26 tháng 2 năm 1802) trước hết là một nhà văn, một nhà thơ, với cây bút của mình, muốn ảnh hưởng đến nhà cầm quyền, hơn là đấu tranh để nắm chính quyền. Song dù muốn dù không ông đã thành đạt trong cả hai lãnh vực. Khác hẳn với những kẻ « trí thức » mà Maurice Barrès cáo giác lúc bấy giờ, Victor Hugo không chịu an phận trong một lâu đài văn chương, xuất sắc và man mác, hoặc đưa ra vài ý kiến thoáng qua... Ông đã không ngần ngại thử thách phổ thông đầu phiếu mà ông là người đặc cử,

tái cử về vang vào Thượng Nghị Viện Đệ Tam Cộng Hòa Pháp (Sénat de la Troisième République) với tư cách nguyên lão viên (sénateur) quận huyện Seine (département de la Seine) từ tháng 1-1876 cho đến lúc ông tạ thế ngày 22 tháng 5-1885, hưởng thọ 83 tuổi. Ngày lễ Quốc Tang : quần chúng đông đảo đi theo quan tài của Victor Hugo tới điện Panthéon là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà đại thi văn hào : AUX GRANDS HOMMES LA PATRIE RECONNAISSANTE (Đối Với Vĩ Nhân Tổ Quốc Tri Ân).

Thượng Nghị Viện thủ phủ tại Lâu đài Luxembourg nằm trong vườn hoa cùng tên, có tiếng đẹp nhất và thơ mộng nhất nước Pháp. Trên những con đường nhỏ quanh co, người du khách với nhiều tưởng tượng sẽ thấy bóng dáng Marius de Pontmercy rình đợi Cosette dạo chơi bên cạnh cha kết nghĩa Jean Valjean là những nhân vật trong tiểu thuyết nổi tiếng « Les Misérables » (Những kẻ khốn cùng) của Victor Hugo, xuất bản năm 1862 « *Depuis plus d'un an, Marius remarquait dans une allée déserte du Luxembourg, l'allée qui longe la Pépinière, un homme et une toute jeune fille presque toujours assis côte à côte sur le même banc à l'extrémité la plus solitaire de l'allée, du côté de la rue de l'Ouest* » - hiện giờ Rue d'Assas (Troisième partie, livre VI, chapitre 1). Ngày mùng 5 th.3-1881, Thượng Nghị Viện Pháp hoan hô đón chào nồng nhiệt nhà đại thi văn hào... *Công Báo* tường thuật : « Đúng lúc ấy, Victor Hugo bước vào trong phòng nghị hội. Tất cả thượng nghị viên bên tả đều

đứng dậy vỗ tay. Ông Victor Hugo : *Sự tiếp đón của TNV thật là quá bất ngờ đối với tôi. Tôi không biết làm gì để nói lên nỗi xúc động tận cùng. Sự bối rối không tả xiết của tôi là một sự biết ơn. Tôi xin hiến dâng cho TNV và tôi xin cảm tạ tất cả nguyên lão viên đã cho tôi lòng quý mến và thương cảm. Tôi ngồi xuống, cảm xúc sâu đậm (Vỗ tay). Ông Chủ tịch : Nhà thiên tài đã dự hội. Thượng Nghị Viện đã vỗ tay hoan hô và tiếp tục thảo luận (Vỗ tay phía bên tả) ».*

Victor Hugo tượng trưng một cuộc đời văn hóa và chiến đấu chính trị cho Tự Do dưới mọi hình thức trong thế kỷ 19, đánh dấu bởi 19 năm đi đày xứ người và chống đối Đế Chính Thứ Hai (Second Empire) của bạo tàn Louis-Napoléon Bonaparte, một cuộc đời hiến cho sứ mệnh phòng thủ nhân loại như việc đòi hỏi bãi bỏ án tử hình, biện hộ cho quyền phụ nữ và trẻ em : « L'homme n'est pas à lui seul l'homme : l'homme plus la femme plus l'enfant cette créature une et triple, constitue la vraie unité de l'unité humaine. Toute l'organisation sociale doit découler de là. Assurer le droit de l'homme sous cette triple forme, tel doit être le but de cette providence d'en bas que nous appelons la loi » (Actes et Paroles, Depuis l'exil), không công nhận sự nghèo khổ : « ... Diệt trừ khốn cùng ! Vâng, chuyện ấy có thể làm được. Nhà lập pháp và kẻ cầm quyền phải luôn luôn lo nghĩ mọi phương cách ; bởi vì trong lãnh vực này, lúc nào sự có thể chưa thực hiện thì bổn phận của mình không được vẹn toàn » (... Détruire la misère ! Oui, cela est possible. Les législateurs et les gouvernants doivent y songer sans cesse ; car, en pareille matière, tant que possible n'est pas fait, le devoir n'est pas rempli). Victor Hugo ngoài ra còn tranh đấu cho phổ thông đầu phiếu (kết quả : sắc lệnh 5 th.3-1848 dưới Đế Nhị

Cộng Hòa (Seconde République) về phổ thông đầu phiếu tối hậu cho phái nam), cho trường công vô phí học hiệu (mà Jules Ferry sẽ thực hiện năm 1880-1881 dưới Đế Tam Cộng Hòa-Troisième République), cho sự thiết lập « Liên Hiệp Chung Quốc Âu Châu » (les États-Unis d'Europe) trong tương lai, mà nước Pháp sẽ đóng một vai trò gương mẫu, để tiến tới một *Cộng Hòa Đại Đồng* : « Chúng ta đồng tâm hiệp lực trong một tư tưởng chung, và hãy cùng với tôi kêu lớn : Tự do đại đồng muôn năm ! Cộng Hòa Đại Đồng muôn năm ! » (Actes et Paroles, Avant l'exil, 2 th.3-1848). Victor Hugo là một chính khách, trải qua bao nhiêu chiến đấu, mà cũng là một trí thức linh quan. Là một người lính chí nguyện của Tự Do và Khoan Dung, ông đã viết : « Combattre avec l'espoir de pouvoir pardonner, c'est là le grand effort et le grand rêve de l'exil » (Chiến đấu với hy vọng có thể tha thứ, đó là mãnh lực và ước mộng lớn của những ngày sống kiếp lưu vong).

Từ ngày bị phóng trục ra khỏi nước Pháp do sắc lệnh ngày 9 th.1-1852 của Louis-Napoléon Bonaparte và trong những năm sống lưu lạc nơi đất khách (tại Jersey cho đến năm 1855, trước khi dời qua Guernesey là những quần đảo thuộc Anh Quốc, cho đến năm 1870), nhà chính khách Victor Hugo không lúc nào là không hướng về cố quận... Và tiếp tục tranh đấu cho nước nhà mau thoát khỏi chế độ độc tài được thiết lập sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng 12 năm 1851 (*Coup d'État du 2 décembre 1851*). Nguyên do cuộc đảo chính phải tìm hiểu trong Hiến pháp ban hành ngày 4 tháng 11-1848 (Đệ Nhị Cộng Hòa) cấm Tổng thống ứng cử một nhiệm kỳ thứ hai trong lúc Louis-Napoléon Bonaparte (cháu của Napoléon Đệ Nhất) không ngần ngại lật đổ chế độ Cộng Hòa đang phục

hưng Đế Chính Thứ Hai (Second Empire) năm 1852. Kết cục là rất nhiều nhân vật chính trị và trí thức đối lập (trong đó có Victor Hugo và Victor Schoelcher) bị đày ra khỏi nước.

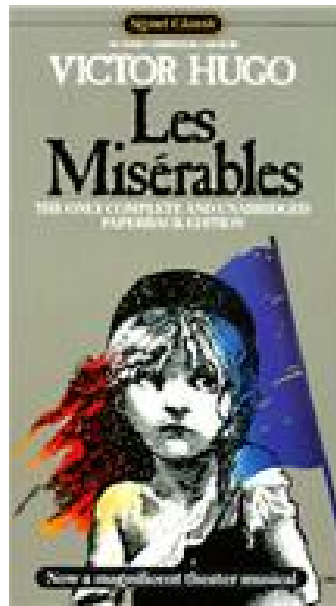
Tám tháng trước chính biến, Victor Hugo đã nói lên sự phẫn nộ của người dân : « Cái chính phủ này chỉ có một đặc tính : công an hiện diện khắp mọi nơi, công lý không thấy nơi nào cả » (Choses vues, 8 th.4-1851). 24 giờ sau đảo chính : « Một người vừa phá bỏ Hiến pháp, xé toan lời thề nguyện trước nhân dân, tiêu trừ đạo luật, làm chết ngạt luật pháp, làm đẫm máu Paris, trói chặt nước ta, bội phản Cộng Hòa Pháp Quốc » (Un homme vient de briser la Constitution, il déchire le serment qu'il avait prêté au peuple, supprime la loi, étouffe le droit, ensanglante Paris, garrotte la France, trahit la République, *Proclamation à l'armée*, ngày 3 tháng 12-1851). Cho nên, trong thời gian lưu vong, Victor Hugo liên tục chống bạo quyền và chiến đấu cho Tự Do, Dân Chủ và Chế Độ Cộng Hòa : « Tự do ! Chúng ta hãy cứu vớt tự do ! Tự do sẽ cứu vớt tất cả những cái gì còn lại ». Luôn luôn cương quyết trong ý chí quật cường : « Nếu ngày nào vận rủi muốn trong những Hội đoàn và ngay trong cả nước Pháp chỉ có mặt một trăm kẻ thiện tâm muốn và bảo tồn tự do, tôi sẽ trong số những người ấy ; ngày nào chỉ còn mười người, tôi sẽ là một trong mười người ấy ; ngày nào chỉ còn một người tranh đấu cho tự do mà thôi, mình tôi sẽ là người ấy » (Choses vues, th.12-1851). Lời tuyên bố của Victor Hugo từ chối quyết định đại ân xá của hoàng đế Napoléon III, như sau : « Trung thành với giao ước mà tôi đã ký kết với lương tâm, tôi sẽ chia xẻ đến tận cùng cái kiếp lưu vong của tự do. Ngày nào tự do được hồi phục, ngày ấy tôi sẽ trở lại cổ hương » (Quand la liberté rentrera, je rentrerai). Nhà chính

khách Hugo thật vậy chỉ trở lại Paris sau khi Đế Chính Thứ Hai của Napoléon III sụp đổ vì đã thất bại trong trận giao chiến Sedan với Phổ-Lỗ-Sĩ (Prusse) và đứng ngay lúc quân lực Đức bao vây kinh thành, để được chi xẻ nỗi đau đớn và thiếu thốn của dân chúng Paris cả quyết không chịu đầu hàng. Chính phủ Adolphe Thiers muốn cấp tốc lột khí giới đồng bào, làm cho dân chúng buộc phải nổi dậy thiết lập Thị Xã Tự Trị (*Commune autonome de Paris*, từ 18 th.3 đến 28 th.5-1871).

Những đoạn đường chính trị của nhà đại thi văn hào đã trải qua thật là xúng đáng, thật là hùng hậu : « Từ ngày tôi đạt tuổi trí thức, mà cũng là khi tôi bắt đầu tham dự vào những biến đổi chính trị hoặc biến động xã hội đương thời, sau đây là những giai đoạn liên tục hòa hợp với lương tâm tôi, trong đó lúc nào tôi cũng luôn tiến bước không một ngày thoái bộ - để đạt tới hào quang chiếu rạng : 1818, bảo hoàng chủ nghĩa ; 1824, bảo hoàng tự do (royaliste libéral) ; 1828, tự do xã hội ; 1830, tự do, xã hội và dân chủ ; 1849, tự do, xã hội, dân chủ và cộng hòa » (Actes et Paroles, 1850). Sau 1850, Victor Hugo mãi mãi trung thành với xác tính của ông là một người *dân chủ và cộng hòa* (Démocrate et Republicain). Cuộc đời chính khách của Victor Hugo thật lầy lừng : 1. *Dưới chế độ Quân chủ Lập hiến Tháng Bảy* (Monarchie de Juillet 1830-1848) và theo Hiến chương 14 th.8-1830, cơ quan lập pháp nhà nước gồm 2 Viện : Nghị Viện (nhiệm kỳ 5 năm, được bầu phiếu dựa trên thuế ngạch) và Nguyên lão viện (do vua bổ dụng). Victor Hugo được bổ nhiệm Quý Tộc Pháp Quốc (Pair de France) do sắc lệnh của vua Louis-Philippe (từ tháng 4-1845 đến tháng 2-1848). 2. *Dưới Chế Độ Cộng Hòa* (1848-1851) và theo Hiến pháp 4 th.11-1848 thiết lập một Quốc hội duy nhất (Assemblée

nationale unique) gồm các đại biểu đặc cử phổ thông đầu phiếu trực tiếp với nhiệm kỳ 3 năm, Victor Hugo được bầu làm đại biểu trong Quốc hội (từ th.5-1849 đến th.12-1851) sau khi đã giữ chức dân biểu trong Quốc hội Lập hiến (Assemblée constituante) từ th.6-1848 đến th.5-1849. 3. *Dưới Đế Chính Thứ Hai* (1851-1870-Second Empire) và theo Hiến pháp 14 th.1-1852 thiết lập 2 viện : a) Đoàn thể Lập pháp (Corps législatif) gồm các nghị viên được bầu 6 năm qua phổ thông đầu phiếu trực tiếp và Thượng Nghị Viện gồm các nguyên lão viên được Hoàng đế bổ nhiệm vĩnh viễn (sénateurs à vie). Victor Hugo ở trong đối lập muốn lên tiếng kháng cáo cuộc đảo chính của Louis-Napoléon Bonaparte, nhưng yếu thế phải trốn đi ẩn náu tại Bruxelles (Bỉ Quốc) ngày 11 tháng 12 năm 1851. Kể đó, ông bị đuổi ra đất Pháp do sắc lệnh 9 th.1-1852 và phải sống lưu vong tại đảo Jersey và Guernesey (như đã nói trên) cho đến năm 1870. 4. *Dưới Đế Tam Cộng Hòa* (Troisième République 1870-1940), sau một thời kỳ trung gian 1871-1875 (một Quốc hội duy nhất do phổ thông đầu phiếu trực tiếp, đóng đô tạm thời tại Bordeaux và kể đó tại Versailles), Hiến pháp 1875 của ĐTCH chính thức thiết lập 2 Viện : Hạ Nghị Viện được bầu 4 năm qua phổ thông đầu phiếu trực tiếp và Thượng Nghị Viện gồm các nguyên lão viên (sénateurs) được bầu 9 năm qua phổ thông đầu phiếu gián tiếp (suffrage universel indirect) bởi một hội đoàn gồm chủ yếu các đại diện của thôn xã. Sau khi được bầu vào Quốc hội từ th.2-

1871 cho đến lúc từ chức ngày 8 th.3-1871 và thất cử trong vụ bầu ngày 7 th.1-1872, Victor Hugo được đắc cử và tái cử nguyên lão viên đại diện quận huyện Seine (département de la Seine), từ tháng 1-1876 cho đến lúc ông tạ thế ngày 22 tháng 5 năm 1885.



Để kỷ niệm 200 năm ngày sinh nhật của Victor Hugo (1802-2002), Nguyên lão Pháp Quốc 1845-1848 và Thượng Nghị Viện Đệ Tam Cộng Hòa 1876-1885, tại Palais du Luxembourg có tổ chức trong hai ngày thứ sáu 15 và thứ bảy 16 tháng 11-2002 những cuộc hội đàm về Victor Hugo qua hai chủ đề : « Sự đi đày và Khoan dung » (L'exil et la Tolérance). Trước đó, Thượng Nghị Viện đã, trong một buổi họp trọng thể ngày 26 th.2-2002, làm lễ tôn kính và biết ơn đối với nhà đại thi văn hào và chính khách của thế kỷ 19 và ông Chủ tịch TNV Christian Poncelet đã điều dẫn một phái đoàn đi viếng thăm hai đảo Jersey và Guernesey là những nơi lưu đày của Victor Hugo. Cuộc đời văn chương và chính trị của tác giả « Những kẻ khốn cùng » thật đáng làm gương mẫu cho trí thức văn nghệ sĩ chúng ta hiện sống kiếp lang thang : *Bao giờ anh trở lại quê hương ?*

Lê Mộng Nguyên (Paris)

**Thuyết trình trong Chiều Đầu Xuân tại Montrouge, ngày thứ bảy 27 tháng 3 năm 201 do Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris tổ chức.*

THÀNH PHỐ KONSTANZ, NGÀY VUI QUA MAU

Vũ Nam

Tháng 10 năm 1981, chúng tôi khoảng ba mươi người, từ trại chuyển tiếp Göppingen về trại tị nạn „Meßhotel“ ở thành phố Konstanz. Thành phố nằm trên bờ hồ rộng lớn Bodensee, rập ghình với vùng đất sương mù Thụy Sĩ.

Để chuẩn bị tinh thần cho người Việt tị nạn sẽ về Konstanz, ông trưởng trại Göppingen nói sơ qua cho biết Konstanz là một thành phố du lịch nổi tiếng ở miền nam nước Đức, nhờ cái hồ rộng lớn có tên là Bodensee. Nghe ông nói lòng tôi cũng thấy có phần nào hân hoan. Về một vùng đất mới để định cư mà không biết ít nhiều trước đó về nó âu cũng làm lòng người dao động, nao nao. Mặc dù ở Tây Đức này, đâu đâu cũng vậy, cũng giống nhau, cũng được chánh phủ lo cho đầy đủ.

Trong thời gian này, từ trại Göppingen ra đi, ngoài trại Konstanz, còn có các nhóm người Việt tị nạn khác đến Pforzheim, Plattenhart. Không biết ngày tiễn đưa nhóm người này đi ông trưởng trại ở Göppingen đã khen những nơi đến của họ như thế nào, chớ ngày tụi tôi lên đường đến Konstanz chỉ nghe ông khen thành phố này, không nghe thấy một lời „nói ra“.

Đến Konstanz vào lúc tháng 10. Buổi sáng sương mù đã giăng đầy. Mãi trưa mới tan. Ngày nào hình như cũng vậy. Cũng

sương mù phủ trùm trên những những con đường, dãy nhà và những hàng cây hai bên đường. Thời tiết bên ngoài giá lạnh, nhưng thật sự trong lòng chúng tôi hân hoan vui vẻ và choáng ngợp với bầu trời thiên nhiên và cái hồ rộng lớn của thành phố Konstanz.

Một năm trước đó đã có một nhóm người tị nạn VN đến đây rồi. Nên người dân bản xứ đã biết qua người Việt. Khi chúng tôi đến, những người Việt đến trước đã giúp đỡ và chỉ dẫn tận tình, nên chúng tôi cũng không đến đổi quá ngỡ ngàng trong những ngày đầu vừa đến. Bưu điện ở đâu, nhà thương chỗ nào, siêu thị nơi nào rề...dần dà chúng tôi đều biết hết.

Ôi những ngày tháng đầu đời của một thanh niên 27 tuổi nơi vùng có sương mù buổi sáng và chiều chiều đã có làn không khí se se lạnh, vùng của lá vàng treo trên những cành cây trong mùa thu, vùng Tây Âu, Thụy Sĩ của tuyết trắng ..., của những tháng ngày mơ mộng thời đi học chỉ được nhìn thấy qua lịch treo tường, thì đây, hôm nay anh ta đang đi trên những vùng ấy!

Một người Đức gây „ấn tượng“ cho tôi khi tôi vừa đến thành phố Konstanz không phải là ông Đức làm việc trong trại tị nạn. Cũng không phải là bà lo việc xã hội người Đức có văn phòng ngay trong trại, mà là cô nhân viên ở Bưu Điện Konstanz. Nhớ lúc tôi đến để xin gửi một bức thư về Việt Nam, báo tin chúng tôi vừa về một trại tị nạn mới nằm cạnh nước Thụy sĩ, trại tị nạn

lại là một Hotel cũ, nhưng còn rất đẹp, cô mặc chiếc áo trắng, khăn quàng cổ màu vàng. Chúng tôi nói vài tiếng Đức bập bẹ đã học được từ hồi ở Phi, do vợ chồng bác sĩ Minh và ca sĩ Kim Loan giảng dạy, khi hai ông bà đi làm công tác xã hội bên đó. Tiếng Đức chúng tôi bập bẹ nhưng cô nhân viên bưu điện vẫn tươi cười chỉ dẫn chúng tôi. Ôi công chức nhà nước Đức được đào tạo là để phục vụ nhân dân thật đúng nghĩa của nó!

Chỉ khoảng một tháng sau ngày đến trại chúng tôi cũng phải vào lớp học tiếng Đức. May mắn thay, trại tị nạn là một Hotel cũ, có rất nhiều phòng lớn, nên chúng tôi học ngay trong Hotel. Một lớp sáng, một lớp chiều. Các em nhỏ khổ hơn chúng tôi nhiều vì sáng sáng đã phải đội sương đi ra ngoài để học trong các trường trung học của Đức như trẻ em bản xứ. La tha, lếch thếch đầy mũ áo mùa đông, cộng cái cặp quây trên lưng trông các em cũng rất tội nghiệp. Vậy mà khi trưa, tan học, về đến trại mặt mày đứa nào cũng hồng hào, vì đã đi bộ thể dục một đoạn đường.

Cuối tháng 11, tuyết bắt đầu rơi nhẹ. Chúng tôi đi xuống phòng Caritas xin áo quần mùa đông. Ai không tìm được quần áo vừa ý thì đi mua. Hình như mùa đông lần đầu trên xứ Đức, chúng tôi ai ai cũng đều mặc áo lạnh của Caritas. Nhưng mặc dù là áo của Caritas, của „xã hội“ nhưng còn rất được. Còn tiền sở Xã Hội cho để mua quần áo mùa đông mới, chúng tôi đã dùng để mua đồ đặc gửi về nuôi thân nhân ở Việt Nam. Viết Bic, hộp quẹt gas, kem đánh răng, bàn chải, xà bông, vải..., chúng tôi tiếp tế đều đều bằng tiền trợ cấp của nhà nước Đức. Có nhiều anh sống một mình cứ mua cánh gà để ăn, hỏi ra mới biết anh để

dành tiền để gửi những thùng đồ về VN cho vợ bán lấy tiền nuôi con.

Ngày tuyết rơi đầu tiên, chúng tôi đứng từ cửa sổ của Hotel nhìn ra bên ngoài xem tuyết. Lần đầu tiên trong đời thấy tuyết! Nổi hân hoan như vừa nhận món quà. Những lần sau đó cũng bắt đầu „chơi“ với tuyết, cũng từng té ngã giữa trên đường vì tuyết (đóng băng). Tôi đi xe đạp bị té hà rầm. Ngày ấy còn trẻ, té cũng chẳng sao, đứng dậy lau lau, phui phui rồi lên xe đạp tiếp. Bây giờ, già rồi, chắc té là khổ!

Sau Lễ Giáng Sinh và Tết Tây đến gần cuối mùa đông ở Đức thì ở quê nhà VN là mùa Tết. Chúng tôi cũng tổ chức một cái Tết Tha Hương ngay trong phòng khách tiết của Hotel. Tụ họp người Việt cũ, mới, ở trong và ngoài Hotel. Mời mọc những ân nhân, bạn bè người Đức. Làm „văn nghệ văn gừng“ xôm tụ. Cũng có bánh tét bánh chưng. Cũng có Xuân Tha Hương hay Mùa Xuân Này Con Không Về từ những giọng ca tài tử.

Mùa đông lạnh lẽo đầy sương tuyết rồi cũng qua, để nhường cho mùa xuân đến. Tiếng chim kêu buổi sáng bắt đầu trên những cành cây. Nụ non hé mở. Màu xanh đã trở về và không khí dịu mát. Mọi người thở phào nhẹ nhõm vì đã chịu qua mùa đông đầu tiên trên xứ Đức, có khi lạnh xuống dưới 10 độ âm là chuyện bình thường. Lớp học vẫn tiếp tục. Ngày vẫn đi qua trên những niềm vui nỗi buồn của người xa xứ. Đêm về vẫn với những điệu nhạc lời ca Việt Nam từ chiếc cát-sét nhà ai trong Hotel: *Cho tôi được một lần nhìn hoa rơi đầu ngõ, một lần nhìn nắng ấm lên ngôi, một lần dìu em sang nhà mới, tình ta muôn ngàn lối... Cho tôi được một lần nhìn quê hương ngời sáng...* Nghe đoạn nhạc rồi

nghĩ về hoàn cảnh nước VN trong hiện tại thấy lòng ngao ngán.

Khi xuân đến trọn vẹn, mang làn gió mát vào những buổi sáng cuối tuần, không còn sợ lạnh, chúng tôi cũng tụ năm tụ ba, rủ nhau đi đá banh với những đội đá banh của người Thổ, hoặc đá với những đội đá banh của người Việt ở những trại tị nạn nơi khác đến. Tiếng reo hò khi vào khung thành địch cũng làm cho đội đá banh với toàn thành phần trẻ hưng phấn. Người VN tương tá nhỏ hơn người Thổ, nhưng được cái là đi banh hay hơn, nhanh hơn và lừa banh thì số một. Người Thổ thì to lớn, mạnh bạo nên khi đụng vai với họ thì thanh niên mình hay té nhào, còn các ông thần này đứng vững như trụ đồng, nhưng bù lại mình đứng dậy rất nhanh, lại tiếp tục theo banh, chạy tiếp. Kết quả thường là huề. Dĩ hoà di quý.

Những ngày xuân, cuối tuần, khi chiều xuống, chúng tôi hay đi dạo dọc bờ hồ. Vợ chồng tôi đây chiếc xe có thắng con nhỏ sáu tháng tuổi và có cả ghế ngồi cho đứa con trai lớn hơn em nó mười bốn tháng trên xe. Trời xuân, trong buổi chiều, mặt hồ Bodensee rất đẹp. Những chiếc phà, những du thuyền màu trắng chờ xe chờ người chạy đi chạy về từ Konstanz qua thành phố Meersburg, Friedrichshafen, Lindau... và ngược lại, xuyên suốt hết mùa đông, nay đến xuân, vẫn tiếp tục làm việc như không bao giờ có thì giờ để nghỉ. Mặt hồ trong xanh, nguồn nước từ sông Rhein xuất phát trên dãy núi Alpen đã tồn đọng tại đây thành một hồ nổi tiếng ở Âu Châu, tiếp giáp ba vùng đất nước Đức, Thụy sĩ và Áo. Những chiếc thuyền buồm, thuyền máy nhỏ chạy đều trên mặt hồ. Dọc bờ hồ đầy những con ngỗng trắng khổng lồ chờ ăn bánh mì từ những khách lãng du.

Khi mùa hè đến, lúc nước hồ bớt lạnh, chúng tôi có dịp cùng người địa phương, khách du lịch bơi lội trong hồ, rất vui. Có những bãi tắm, trưa hè, rất đông người. Bên kia hồ, Thụy Sĩ, ngày hè nổi lên những dải sườn đồi màu lá cây rừng.

Đảo Mainau nổi tiếng ở Konstanz chúng tôi cũng vào thăm ngay khi ngày hè vừa đến. Những con thú bông khổng lồ được đan kết (bông trồng lên những khối đất hình con thú như thiên nga, lạc đà, voi...) với nhiều màu sắc thật đẹp. Người người tập nập. Áo hoa đủ màu. Đứng ở ngôi nhà cao nhất trên đảo Mainau sẽ thấy toàn bộ cảnh hồ Bodensee. Nước màu trong xanh và những cánh buồm. Tàu lớn tàu nhỏ xuôi ngược, để lại sau lưng những đường sóng trắng nhấp nhô, kéo dài.

Rồi mùa hè cũng qua, xuân lại đến, đông sang, Konstanz lại chìm ngập trong sương mù. Sau này, sau những năm tháng đi đây đi đó trên toàn nước Đức, tôi chưa bao giờ thấy nơi nào có sương mù dày đặc như ở Konstanz. Sương mù đem ướt át, đem nỗi buồn, đem giá lạnh trong mỗi buổi sáng, nhưng bù lại Konstanz lại có cái hồ thật đẹp. Sự san sẻ của tạo hóa thật công bằng.

Nhưng dần dà chúng tôi, những người tị nạn, cũng phải rời bỏ Konstanz, chỉ vì công ăn việc làm. Konstanz là thành phố du lịch, không có hãng xưởng nên những người cần công việc làm đều phải đi về nơi khác: Freiburg, Singen, Reutlingen, Stuttgart, Schondorf ...v.v... Dù xa Konstanz, nhưng mỗi năm, khi hè đến, chúng tôi lại rủ nhau chạy xe về Konstanz, tắm hồ Bodensee; đi trên con đường rừng dọc bờ hồ để nhớ lại ngày nào, những ngày mới đến xứ lạ, thênh thang trên những con đường rừng, mà nơi đó, mùa hè, người ta

„FKK“ bình thường thả cửa, mặc mình cứ mắc cỡ, họ cứ thân nhiên đu cây như khi, chơi bóng chuyền tập thể, phân trên phân dưới đong đưa, nằm phơi mình trên cỏ, họ như sống giữa thiên nhiên không có loài người hiện hữu.

Sau một năm rưỡi trên nước Đức, lần đầu tiên trong đời tôi mua một chiếc xe hơi cho riêng mình! Một chiếc xe Opel cũ, giá 800 D-Mark. Mua xe một phần là vì lúc đó tôi đang theo học một lớp tiếng Đức của cơ quan Otto Benecke Stiftung, ở thành phố Heilbronn, cách Konstanz khoảng 200 KM. Khi gia đình tôi nhận được một căn nhà riêng bên ngoài, không còn phải ở chung trong Meßhotel nữa, cứ đến chiều thứ sáu tôi về lại Konstanz. Vừa thăm vợ con vừa lo cho căn nhà mới. Đã ba bốn tháng cứ đi đi về về bằng xe lửa, thấy bất tiện quá nên đã tìm mua xe hơi. Quả thật mua xe hơi thật tiện vô cùng. Chiều cuối tuần tôi đã có mặt ở Konstanz với gia đình. Chiều chủ nhật cứ tà tà chạy về trường cũ, không quá bận rộn như lúc còn đi xe lửa. Vài anh em ở có gia đình ở Konstanz, về Heilbronn học như tôi, cũng hay tháp tùng, cùng chia tiền xăng với tôi để lên đường về quê hương Konstanz, xum họp gia đình sau một tuần „đi học“ xa. Có xe hơi rồi cuối tuần tôi mới chớ được gia đình đi chơi xa như đến Überlingen, Meersburg, Ravensburg và qua cả xứ của hồ, núi: Thụy Sĩ. Nhưng xa nhất lúc đó cũng chỉ là thành phố Zürich, cách Konstanz khoảng 60 KM, chớ xe cũ tôi không dám chạy xa hơn. Hình chụp hai đứa con trai nhỏ ngồi „oai vệ“ trên mui chiếc xe Opel cũ, màu vàng, tôi và bà xã đứng bên cạnh, thỉnh thoảng nhìn lại tôi thấy thời gian ấy quả là „thời vàng son“ của người tị

THÈM

Sài Gòn trời rớt mưa hanh
Nước rơi thẳng đứng chảy quanh quán ngời
Lá me thành dấy thuyền trôi
Cong cong như nét bờ môi đang thèm.

Ý ANH

(Maryland)

nạn CS vừa đến từ VN. Chỉ đi học, gia đình có nhà nước nuôi, vậy mà còn có xe! Nhưng nói „dzậy chớ không phải dzậy!“ Vì khi học ở Heilbronn, mỗi tháng cơ quan từ thiện Otto Benecke Stiftung chỉ cấp cho chúng tôi mỗi đầu người 600 D-Mark. Số tiền này đủ để tôi tiêu xài ăn uống và gửi về tiếp tế bà già và gia đình các chị còn đang ở VN, nên tôi đâu có đủ tiền lo cho chiếc xe, và xăng nhớt..., vì thế tôi đã xin vào làm công nhân hút bụi trên những chiếc thảm trong khu bán quần áo, mỗi chiều chiều 2 tiếng đồng hồ, trong một siêu thị ngay giữa phố chính của thành phố Heilbronn. Làm khổ nhưng vui vì có tiền trang trải cho chiếc xe hơi.

Nhưng số chiếc xe Opel cũ cũng không ở lại với tôi được lâu! Chạy đâu được 5 tháng, khi mùa đông đến, nhiệt độ xuống đến trừ 10 độ, sáng ra đề máy xe không chạy, tôi lên phòng kêu thêm mấy người bạn cùng học xuống đẩy phụ dùm. Đây một hồi mệt là người, xe chạy đâu không thấy, chỉ thấy nước dưới bụng xe chảy ra ào ào. Ông Hausmeister của trường ra thấy ông kêu mein Gott, trời ơi! Kết quả là bẻ máy xe, vì nước đã đóng thành

băng trong các bộ phận máy. Chỉ vì tôi không biết trước để đổ thêm nước Frostschutz vào khi trời quá lạnh, nên chiếc xe đã thực sự từ giã tôi và từ giã luôn các con đường. Xe hơi mà bề máy thì xem như „giã từ vũ khí“. Sau đó ông Hausmeister đã giúp tôi gọi ADAC tới kéo xe về nghĩa địa xe. Tôi phải trả tiền kéo đến 50 D-Mark!

Khoá học hết, tôi về lại Konstanz bằng xe lửa, y như lúc lên, nhưng lại thấy vui vô cùng, vì được „đoàn tụ“ lại với gia đình sau một năm „đi học“. Tôi bắt đầu đi xe đạp trở lại, nhưng lần này không phải một mình như trước đây hơn một năm, mà có hai thằng con trai, đứa trước, đứa sau trên ghế ngồi chắc chắn. Mùa hè, ba đứa tôi tung hoành trên các nẻo đường ở Konstanz, nhưng khi đông vừa đến tôi dẹp xe đạp ngay vì sợ cả ba cha con có thể té sải sông ngoài đường khi bị trượt té, như những lần tôi bị trượt một mình trước đây. Đi bộ chắc ăn hơn.

Òi Bodensee của Konstanz, của Đức, Thụy sĩ, Áo một thời đã qua.

*

Mới đây lại một lần nữa tôi về lại Konstanz để thăm một người thân. Tôi cho xe chạy trên con đường Stein, có trại tị nạn „Meßhotel“ ngày nào. Những người xưa nơi đâu, nhưng cảnh cũ còn đây. Trời vừa vào xuân, những nụ non đã ra đầy trên những cành cây. Con đường này, 29 năm trước, tôi đi đi về về, nay không thay đổi nhiều lắm. Vẫn khu chung cư, vẫn những hàng cây...cho những nhánh tầng che mát cả con đường. Meßhotel vẫn còn đây, nhưng đã cũ lắm rồi. Hình như vẫn còn cho những người tị nạn từ các nước khác đến ở, vì các cửa sổ có gắn Satellit. Thường các trại tị nạn, người tị nạn hay làm như vậy để

xem những băng tàn truyền hình từ quê nhà: Afika, Kurden, Iran...

Rồi con đường Stein, tôi chạy qua con đường có khu chung cư, nơi gia đình tôi ở cách đây 29 năm. Ba dãy nhà to lớn vẫn còn nằm song song đó. Vẫn còn đẹp, chắc do sự tu bổ thường xuyên của chính quyền thành phố. Khu chơi cho trẻ em ở trước các dãy nhà vẫn y nguyên như ngày nào: Bãi đất trống, những chiếc ghế xích đu màu xanh đỏ.... Nhìn mảnh đất nhỏ bé này tôi nhớ đến ngày nào, khi con còn nhỏ, cứ chiều chiều tôi hay dẫn các con xuống đây để cho chúng nó chơi. Tôi chỉ ngồi trên ghế xích đu nhìn, mặc các con vọc đất chơi cho thoả thích với trẻ con Đức. Trong khi má tụi trẻ đang lo nấu ăn chiều trên nhà. Thỉnh thoảng một người Đức đi ngang tôi cất tiếng chào Guten Abend, lịch sự, vì toàn là những người hàng xóm. Sau đó nhìn lại mảng trời xanh trong nắng chiều và ngọn những cây đang dao động. Lòng trầm xuống trong cuộc đời tha hương. Chung quanh xa lạ. Cố hội nhập cho qua ngày. Quê hương xa vời vợi. Hành trình trên xứ người còn đang trước mặt. Chưa biết ngày sau sẽ ra sao. Kỳ nhất là khi ngồi đây tôi gặp ông Đức già ở tầng dưới, ngay dưới nhà tôi. Cứ trưa chiều, khi các con trong nhà chạy giỡn, phá giấc ngủ trưa, ông hay lẩy gậy thọt lên trần nhà ông kêu bộp bộp: cảnh cáo mây đứa nhỏ chạy nhảy bên trên. Thỉnh thoảng ông tự đi lên, gõ cửa than phiền. Vì sợ vậy nên cứ chiều, đi làm về là tôi đem các con xuống sân chơi ngay, để khỏi mích lòng hàng xóm. Gặp ông trước sân chơi cố gắng lắm tôi mới gượng gạo chào được ông. Trong khi ông nhìn mấy đứa nhỏ cười cười. Bây giờ các con đã lớn.

Hoài Vọng

Tha thướt ngày xưa mơ dáng hoa
Vấn vương hồn khách lữ hành xa
Nửa đêm trăng ngủ bên thêm cũ
Tỉnh giấc Nam Kha giọt ngọc sa.

Ba sáu phố phường giấc mộng đầu
Ngậm ngùi luyến tiếc lệ dòng châu
Nhớ người tráng sĩ ngàn năm trước
Soi bóng Hồ Gươm đọng mối sầu.

Phấn rũ canh trường phai sắc hương
Cung đàn vắng vắng bóng đêm vương
Thanh xuân nhòa nhạt, tim se thắt
Chất chứa đáy lòng bao nhớ thương.

Sân khấu đèn màu tình nghệ sĩ
Giã từ lưu luyến mộng buồn thêm
Phong sương bàng bạc dòng hoa lệ
Hoài cổ vắng trăng soi bóng đêm.

Đỗ Thị Minh Giang

(Louisiana)

Mỗi đứa mỗi ngã, tự ra đời bương chải, tự làm kiếm sống, thỉnh thoảng cha con mới gặp lại nhau.

Sau 29 năm bây giờ có lẽ ông bà hàng xóm đã chết rồi. Mọi phiên hà với người hàng xóm VN chắc ông không mang theo vào lòng đất để làm gì. Và các con cũng

không bao giờ có dịp gặp lại ông. Gặp lại cái ông già khó tính.

Hồ Bodensee vẫn mênh mông như muôn đời. Cứ khi gặp hồ, nhìn hồ, tôi lại nhớ đến biển quê hương. Khoáng đạt rộng lớn. Không gò bó chật hẹp. Trời đã vào xuân, sắp hè nên thấy ít sương trên mặt hồ. Thành phố đã cho xây thêm một chiếc cầu mới để bắt ngang sông. Cầu thanh thanh, rộng lớn. Giúp chiếc cầu cũ, nhỏ bé. Giải quyết được lượng xe lưu thông qua lại ngày càng nhiều. Chiếc phà, chúng tôi dùng qua lại ngày nào, chắc nay đã bị dẹp.

Một thời gian dài đã qua. Nhiều người thân từ VN đã mất. Cha mẹ mất. Bạn bè vài người bằng tuổi nhau ở đây, ở bắc Mỹ, ở VN cũng đã vào lòng đất. Nỗi sinh diệt u hoài. Đòi người bạn gái thời đi học ở VN đã già yếu, bệnh hoạn, nghèo, ung thư... cần sự giúp đỡ, cũng không thể làm tròn dù lòng rất muốn. Nỗi buồn riêng cho một con người cũng là nỗi buồn chung cho cả đất nước. Một dân tộc, một đất nước chưa thấy lối nào hay để thoát ra! Bê tắc, mà ai cũng thấy!

Và như bao người, tôi cũng phải tiếp tục ngày qua ngày, sáng đi chiều về, quay cuồn trong xã hội Đức. Nhưng được cái là vẫn có niềm vui từ gia đình, bạn bè, văn thơ... Vui để sống.



Vũ Nam

(Germany)

Chỉ Hăng Nói về M.ỗi M.ột Đề Tài, 35 năm Sau Ngày Việt Nam Cộng Hòa Thất Thủ

Thanh Nguyễn (California)

Lần lựa thì cũng đã 35 năm sau ngày chế độ Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam thất thủ.

Sau ngần ấy năm thì bao nhiêu nỗi oan khiên, đau thương, mất mát của những ai xưa kia sinh sống từ miệt Nam của vĩ tuyến 17 trở vào mà không theo Cộng Sản thì cũng đã được nói lên nhiều rồi. Người viết ở đây không muốn viết gì thêm về cái sa đọa của chủ nghĩa Cộng Sản, chế độ Cộng Sản. Chả còn việc gì phải đi sâu vào việc phân tích chủ nghĩa, chế độ Cộng Sản. Chả còn việc gì phải lôi Mác, Lenin, Stalin, Mao ra mà mổ xẻ, phân tích. Lại càng chẳng việc gì phải lôi Hồ Chí Minh ra mà bàn, bởi nhân vật này thì đã từng xác định rõ ràng mình bạch rằng mình chỉ là học trò của mấy tay kia.

Chả có hơi đâu phải nhắc đến mấy thứ đó bởi không phải chờ đợi cho đến tận ngày hôm nay thì mới có kết luận của Lịch Sử. Mười sáu năm sau năm 75 thì đất nước sản sinh ra chế độ Cộng Sản đã tiêu vong, dẫn theo sự tiêu vong của toàn bộ các chế độ CS Đông Âu vốn là những chế độ phát sinh không do sự chọn lựa của chính họ mà chỉ là những chế độ được dựng lên do thế lực quân sự của Nga Sô sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Nếu như ngày hôm nay đây mà vẫn còn ai gọi Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba, Việt Nam là những nước “Cộng Sản”, theo “chủ

thuyết Cộng Sản” thì tùy! Riêng người viết ở đây thì bấy nay vẫn coi các chế độ ở những nước vừa nêu như những chế độ “Phát Xít” theo đúng định nghĩa của hai chữ đó là mọi quyền lực đều được thu gọn trong tay của giới nắm quyền cai trị.

Nhớ lại những việc đã diễn ra ở nước nhà sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 thì người viết ở đây chỉ tạm xoay quanh có mỗi một đề tài nói về cái gọi là “Chính Sách đoàn kết dân tộc, chủ trương khoan hồng độ lượng của Đảng và Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam”.

Năm 1978, sau khi được “tạm tha” khỏi trại tập trung của CS, trước khi bị đưa vào trại tập trung một lần nữa vào cuối năm đó vì một chuyện vượt biên không thành, thì tôi có viết một bài hát ký tên Thanh Trang như xưa giờ tôi vẫn đề tên tác giả cho những bài hát của mình. Bài hát có tựa đề là “Sài Gòn nhớ, Sài Gòn thương” (*nam danh ca Anh Ngọc lần đầu tiên hát trong một buổi nhạc thịnh phòng ở Houston Texas vào đầu thập niên 90 và sau đó được ghi âm trên CD “Quê hương và tình yêu” của ông vào năm 1993*). Trong bài hát có câu: “Tôi đi trên đường phố Sài Gòn, ngày hôm nay như một vùng chiếm đóng” !

Những năm tháng sau khi viết xong bài hát tôi có dịp đọc bài báo của một ký giả ở phương Tây bình luận rằng đạo quân CS miền Bắc khi chiếm được miền Nam thì đã “xử sự như một đạo quân chiếm đóng”. Trong thập niên 90, một cán bộ Đảng cao cấp ly khai của chế độ CS Việt

Nam, ông Bùi Tín, trong một quyển sách của ông cũng đã lập lại cái ý đó.

Cho đến ngày giờ này, nhìn lại câu hát mình viết sau ngân ấy năm, tôi vẫn không hề nghĩ rằng khi xưa mình viết câu hát đó là do “cảm tính”, dẫn đến thậm xưng!

Vậy thì ta bàn về hành tung mang tính chiếm đóng của CS miền Bắc sau tháng Tư năm 75 trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa kể từ ngày ấy, năm ấy.

Mà cũng chớ cần phải viết gì cho thật đông dài. Tôi là người rất thích đọc về Lịch Sử. Thiên hạ vẫn thường quen dùng câu: “Việc ấy cứ chờ cho Lịch Sử phán xét”! Vậy thì ta đối chiếu một vài sự kiện lịch sử mà cho dù có ưa hay không ưa chế độ Cộng Sản thì giờ này, trừ những người có mắt nhưng vẫn đóng vai mù hoặc có óc nhưng tự để cho não bộ của mình tê liệt, không cách chi phân bác hay chối cãi!

“Phong kiến phương Bắc” - thuật ngữ mà các sách về “Lịch Sử” trong sách vở “Giáo Khoa” của CS VN vẫn quen sử dụng - đô hộ, chiếm đóng nước Nam trong 1000 năm.

Thực dân Pháp chiếm đóng Việt Nam trong vòng 100 năm.

Người viết ở đây đó ai lục lọi, tra cứu giai đoạn lịch sử của 1100 năm đó trong Lịch Sử nước nhà mà thấy được sự dã man tàn bạo một cách quy mô, rộng khắp, so với mức độ dã man tàn bạo của chế độ CS VN không riêng ở miền Nam sau năm 75, mà ngay cả trên miền Bắc sau năm 54.

Người viết ở đây tạm tránh, không đề cập gì đến việc Đế Quốc La Mã chiếm đóng gần ấy nước Âu Châu, Bắc Âu, Trung Âu, Trung Đông, Bắc Phi Châu v.v..., bởi “đụng” đến đó thì chớ còn biết phải lòi thêm vào bức tranh chiếm đóng này thêm bao nhiêu thời kỳ khác nữa! Ta chỉ tạm bàn đến những những ví dụ “gần gần” một chút.

Nói đến những chuyện “gần gần” thì, xem nào:

Mỹ, Anh, Pháp chiếm đóng các phần đất của Tây Âu sau Đệ Nhị Thế Chiến. Nga Sô chiếm đóng Đông Âu cùng thời kỳ đó. Lịch

Sử cho thấy gì? Lịch Sử cho thấy là người dân ở các phần đất Tây Âu có quân Mỹ, Anh, Pháp chiếm đóng (sách vở phương Tây xác định rõ ràng rằng đây là các “*occupying armies*”) thì sinh sống làm ăn vui vẻ. Chả có nơi nào có những cuộc “nổi dậy”. Còn những nơi do CS Nga Sô chiếm đóng thì ta có gì: Ta có các cuộc nổi dậy ở Đông Đức, ở Ba Lan, ở Hung-ga-ri; tất cả đều bị đàn áp thẳng tay! Lịch Sử chỉ cho thấy Dân Đông Bá Linh, Đông Đức, Ba Lan, Hung-ga-ri v.v.. dưới các chế độ CS có quân Nga Sô chiếm đóng, ngày đêm tìm cách vượt biên, tìm đường qua các nước phương Tây chứ không hề có chuyện ngược lại. Và đây là chưa nói gì đến người dân dưới chế độ các nước Sô Viết do Nga đứng đầu thuở đó vẫn tìm đường bôn tẩu ra khỏi đất nước mình không ngưng nghỉ! (*Tưởng cũng cần nhắc đến sự thể là vào những ngày cuối của Đệ Nhị Thế Chiến, trên các chiến trường Âu Châu thì các đạo quân của Hitler chỉ còn có mỗi việc là bàn tính sao cho có thể mở ra một đường rút lui để đầu hàng quân Mỹ, Anh, Pháp, Canada chứ đừng có nhè để mình lọt vào tay quân đội Nga Sô*).

Bên phía mặt trận Thái Bình Dương, sau khi Nhật đầu hàng Hoa Kỳ thì các đạo quân của Mỹ, dưới quyền tổng chỉ huy của Tướng Mac Arthur tiến vào chiếm đóng đất Nhật. Nhật lệnh đầu tiên của Mac Arthur đối với toàn bộ các lực lượng chiếm đóng dưới quyền của mình là gì? Trích đoạn sau đây từ tài liệu Lịch Sử cho tiện việc: “*MacArthur arrived in Tokyo on August 30, and immediately decreed several laws: No Allied personnel were to assault Japanese people. No Allied personnel were to eat the scarce Japanese food. Flying the Hinomaru or "Rising Sun" flag was initially severely restricted (although individuals and prefectural offices could apply for permission to fly it). The restriction was partially lifted in 1948 and completely lifted the following year.*”

Dịch nghĩa: (“Tướng Mac Arthur đến Tokyo vào ngày 30 tháng 08 (năm 1945) và lập tức ban hành một số đạo luật: Không một ai trong

Tiến

Ta tiến nhau về đêm giới nghiêm
Trên cao trắng hạ một nét huyền
Đường hoang úa lạ loang màu lá
Phổ bỗng rộng lòng ta trải ra.

Ta tiến nhau về đêm giới nghiêm
Mây khuya như vẽ sóng trong lòng
Đường xa nũng nịu hoài không tới
Chưa tiến nhau về đã ngóng mong.

Ý Anh

phe Đông Minh được hành hung người dân Nhật. Không một ai được dùng thực phẩm vốn đã khan hiếm của dân Nhật. Việc treo cờ “Mặt trời mọc” của Nhật thoạt đầu bị hạn chế một cách nghiêm ngặt, (tuy một số cá nhân cũng như văn phòng hành chính của Nhật vẫn được phép treo cờ Nhật nếu có giấy phép được treo). Qua năm 1948 thì việc hạn chế đó được nới lỏng phần bộ và qua năm sau, (1949), đã được bãi bỏ hoàn toàn“)

Từ một nước bị chiếm đóng sau ngày bại trận, nước Nhật đã vươn lên như thế nào cả về mặt chính trị lẫn kinh tế thì thiết tưởng chả cần phải nhắc lại ở đây.

Sau tháng Tư năm 75, Đảng và Nhà Nước CS VN (lúc bấy giờ trên danh xưng ngoài mặt thì vẫn là “Nhà Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa”; còn cái vụ “Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” sớm chết yểu do chế độ miền Bắc dựng lên rồi dẹp đi thì bàn đến mà làm cái gì?) lập tức hô hào khẩu hiệu “Đại Đoàn Kết Dân Tộc”

cùng chủ trương “Khoan hồng độ lượng” của Đảng và Nhà Nước. (Dùng cả hai danh xưng cho vui, chứ còn cái gọi là “Nhà Nước” kia thì còn ai ngoài Đảng vào đây?).

Không dưới một triệu những người trước kia thuộc thành phần quân, cán, chính của Việt Nam Cộng Hòa lập tức bị đưa vào các trại tập trung. Họ bị giam giữ như thế từ hai cho đến không dưới mười năm trong những điều kiện cực kỳ khắc nghiệt. Con số người thiệt mạng ở các trại giam do đói rét, bệnh tật không kể sao cho xiết. Người viết ở đây lấy con số “không dưới một triệu” người bị đọa đày trong các trại giam cho “tròn con số” để ước tính qua con số sau đây:

Cứ tạm tính đồ đồng là mỗi người bị đưa vào trại tập trung có bố mẹ, vợ và hai con, vị chi tổng cộng là 5 người thân thiết, máu mủ nhất, thì tức là Đảng và Nhà Nước CS đã gieo rắc tang thương lên số phận của thêm 5 triệu người ngoài các vòng rào giây thép gai của các trại tập trung. Nhưng viết đến đó thì nếu bình tâm lại, rốt cuộc cũng chẳng muốn viết thêm một điều gì khác! Viết thêm làm cái gì một khi mà không phải chỉ ở miền Nam mà ngay cả người dân của toàn miền Bắc - nơi xuất phát của đạo quân chiếm đóng kia - mọi người bình thường, không nằm trong hệ thống quyền lực của Đảng và Nhà Nước, đều quan niệm là cả đất nước có hai loại trại giam: một loại trong vòng rào giây thép gai hoặc những cánh cửa của ngục tối, và loại ở bên ngoài các trại giam, các nhà ngục?

Đôi dòng kết luận về mấy chữ “Nghĩa đồng bào, tình dân tộc, đại lượng khoan hồng” của chế độ CS VN:

Đất Mỹ này xảy ra một cuộc nội chiến, huynh đệ tương tàn từ năm 1861 cho đến năm 1865. Cuộc nội chiến tàn khốc đó chủ yếu là kết thúc với việc Tướng Robert E Lee, tổng chỉ huy của quân đội miền Nam (“The Confederate Army”) đầu hàng tướng Ulysses S Grant, tổng chỉ huy quân đội miền Bắc (“The Army of the Potomac”).

Tổng Tư Lệnh Quân Đội miền Bắc thời bấy giờ tất nhiên vẫn không ai khác ngoài Tổng thống Abraham Lincoln. Thế nhưng khi đôi

bên, hai ông Lee và Grant tiến hành thủ tục đầu hàng ở địa điểm vẫn được sử sách Hoa Kỳ gọi là “*The Appomatox Court House*” thì chả có đại diện chớp bu nào khác của “Đảng” hay “Nhà Nước” (thời bấy giờ là thuộc Đảng Cộng Hòa) hiện diện hay giựt dây. Trước khi cuộc chiến chấm dứt thì đã có lần Tướng Grant trò chuyện với Tổng Thống Lincoln và đôi bên cũng đã đề cập đến cách xử trí với quân dân tại các Tiểu Bang ly khai. Tổng Thống Lincoln chỉ nói chậm rãi và ngắn gọn :”Let’s get easy on them” - “Ta nên đối xử nhẹ nhàng thoải mái với họ”!

“Nhẹ nhàng thoải mái” cỡ nào?

Khi đến ký văn tự đầu hàng thì Tướng Lee và các sĩ quan tham mưu tùy tùng vẫn được cho phép đeo kiếm nơi người. Thủ tục đầu hàng thời bấy giờ là người thua phải trao lại kiếm hay súng ống cho kẻ thắng trận. Tướng Grant vẫn để cho Tướng Lee và các sĩ quan tùy tùng đeo kiếm hay súng ngắn nơi người. Tất cả sĩ quan và binh sĩ trong đám hàng quân còn lại thì chỉ việc giao nạp súng ống cho quân miền Bắc. Ai cưỡi ngựa thì được đem theo ngựa trở về nguyên quán để làm ruộng cho kịp vụ mùa sắp tới. Mỗi sĩ quan binh sĩ được hoàn toàn trả tự do để trở về nguyên quán sau khi đã ký nhận một tờ cam kết - giấy “Parole” - là từ đây trở về sau sẽ không còn cái màn ly khai ly khiếm gì nữa để cầm vũ khí chống lại “The Union” - tức thể chế quy tụ toàn thể các Tiểu Bang.

Sử sách của Hoa Kỳ ghi rõ rằng khi tiếp xúc với nhau thì đại diện cho phe thắng trận là Tướng Grant đã xử sự hết sức văn minh, lịch thiệp, thượng võ, đối với Tướng Lee là đại diện cho phe thất trận. Và chắc chắn không có cái màn như khi Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố với Thượng Tá Bùi Tín trong Dinh Độc Lập vào ngày 30 tháng Tư năm 75 :”*«Thưa quý ông! Chúng tôi chờ quý ông từ buổi sáng dựng chuyển giao chính quyền»*” thì Thượng Tá Bùi Tín (hoàn toàn không là đại diện chính thức cho giới lãnh đạo miền Bắc vì làm sao một Thượng Tá lại có thể có được tư cách đó?) đã trả lời :”*«Các ông còn có gì mà*

bàn giao; không thể bàn giao khi trong tay không còn có gì!» Ông Tướng Grant trong lịch sử Hoa Kỳ thì đảng nào cũng là cương vị đường đường là Tổng Chi Huy đạo quân miền Bắc (“*Union Army*” hay là “*Army of the Potomac*”), và đảng nào thì ông cũng là con dân của một nước có văn minh, có văn hóa, cho nên khi xử sự với kẻ thất trận thì ông vẫn hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ “Đồng Bào”; và ông không có nói năng theo cái kiểu khinh xuất, mỉa mai, chế riễu, miệt thị kẻ trước đây là địch thủ ngoài trận tiền nhưng một khi thua trận thì vẫn là đồng bào của ông !

Tất nhiên là con người ở đâu thì vẫn là con người. Gì mà chả có những trường hợp gây hấn, trả thù này kia do một số phần tử người miền Bắc Hoa Kỳ thời ấy đối với dân hoặc cựu binh sĩ miền Nam? Thế nhưng đây chỉ là những chuyện cá biệt, không phát xuất từ một chủ trương dẫn đến sự tàn ác man rợ như những gì đã xảy ra trên đất nước Việt Nam sau 30 tháng Tư năm 75.

Chỉ có điều đáng nói là sau cuộc Nội Chiến ở Hoa Kỳ khi xưa, chả có chủ trương hay chính sách nào của Tổng Thống Lincoln trong thời gian ngắn ngủi còn lại trước khi ông bị ám sát, hoặc dưới trào của Tổng Thống Ulysses S Grant sau đó, mà sử sách Hoa Kỳ lại có ghi lại dưới những từ ngữ mỹ miều như “Tình đồng bào dân tộc” hay “Chính sách Đại Đoàn Kết”, hay “Độ lượng khoan hồng”.

Người cầm quyền ở một nước có truyền thống văn minh dân chủ, với Hiến Pháp được xây dựng trên tinh thần đạo đức hướng thượng nơi con người, đề cao tín ngưỡng, tin tưởng vào Thượng Đế, thì họ không xử sự kiêu man rợ như một đám cầm quyền xây dựng quyền bính trên cơ sở “cầm thù giai cấp” khiến mấy chữ “Tình Đồng bào” chỉ còn là một trò hề, và đặc biệt khi cái chủ thuyết mà họ rêu rao theo đuổi lại là một chủ thuyết chủ trương vô tín ngưỡng từ gốc rễ .

Thanh Nguyễn (California)

Bên Dòng Potomac

Bến sông mang hồn Châu Á muôn đời
thuyền bè man mác
cột buồm chống không gian

Ai đem mùa thu xa xôi
đặt giữa hồn tôi?
bâng khuâng
tôi đứng bên sông,
một mình

Trầm hương quần quai, như lòng
trần gian ước mong
lên trời.
Ngàn sau người còn đau khổ chẳng thôi?

Nam Hoa đi một mình giữa hư vô
Nhân loại ngàn xưa
đi tìm thực tế trong mộng ảo
Có một đàn chim mang nặng cánh sầu
chẳng biết về đâu!

Về đâu, dòng sông ôi!
trời xanh đã nhuộm màu mây bạc
lửa khói mang mang hận ngút trời.

Hỡi ngày tuổi nhỏ
hồn ta nức nở nhớ thương
ta mở rộng đôi tay tinh khiết của hồn ta
ngừng im hơi thở
để đón hồn người hiển hiện về
trong bóng chiều thấp thoáng cánh hoa lê...

Người không về nữa
thế kỷ hai mươi
vũ trụ chan hòa lửa!

Và chiều nay lòng ta hé mở
như lòng người u ám mây trôi
để đón đưa trong phút giây ngắn ngủi
một niềm thông cảm bến sông muôn đời...

Bến sông mang hồn Châu Á xa xôi.

Vi Khuê

*

On the bank of the Potomac

The riverbank carries the everlasting soul
of the Orient
Here and there moored the sailboats
With masts pitting against the spacious sky

Who had brought the autumn of years past
placing it within my soul?
forlornly
I stood on the riverbank
alone

The curling incense smoke, just like the
soul
of the earth
yearning to reach heaven
But will the pain forever remain?

The Buddha walked alone in nothingness
Mankind from millennia
seeking truth within illusions
There fly a flock of birds, wings saddled
with sorrow
not knowing where to go!

Where does this river lead to?
the blue sky now has touches of silver clouds
smoke and fire abound, begrudging the heaven

Remembering the young days
when my heart wept with longings
The pure arms of my soul wide opened
holding my breath
to greet the arrival of the vaunted Spirit
in the twilight dotted with plum flower petals...
But He no longer returned
in the twentieth century
the universe consumed by fire!

And this night my heart opens
a soul filled with drifting dark clouds

to bid farewell in a fleeting moment
an appreciation of an everlasting
riverbank...

A riverbank that carries the soul of the
faraway Orient.

Trích dẫn từ tập thơ song ngữ "Sparkling
Necklace" có bán tại Amazon.com
SPARKLING NECKLACE
A compendium of favorite poems
by Vi Khue
translated by Dr.

Tam-Anh Chu

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia



CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM
Chủ Nhật: Theo hẹn
Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.



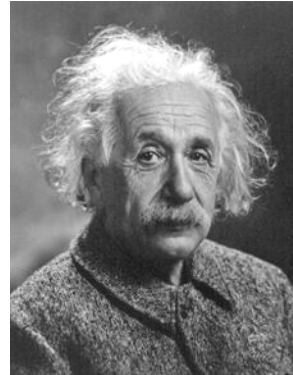
ALBERT EINSTEIN, NHÀ BÁC HỌC

Danh Tiếng Nhất Của Thế Kỷ Thứ 20

G.S.T.S. Phạm Đì nh Liên

1. TIỂU SỬ

Albert Einstein, sinh ngày 14-03-1879 tại Ulm (Đức), tạ thế ngày 18-04-1955 tại Princeton, New Jersey (Mỹ), thọ 76 tuổi. Từ thuở thơ ấu, Einstein đã ưa thích chơi cái đĩa bàn lúc được 5 tuổi, và thích nghiên ngẫm một quyển sách Hình học lúc 13 tuổi. Einstein học tiểu học và trung học ở Thụy Sĩ, tốt nghiệp trung học ngày 30-09-1896 (17 tuổi). Ông ta có rất nhiều năng khiếu về toán học, nhưng sau đó thi đậu vào kỳ hai trường Bách khoa ở Zurich (Thụy Sĩ) năm 1896, bị trượt kỳ đầu. Einstein đã suyt soát đủ điểm để tốt nghiệp trường Bách khoa này năm 1900, ông ta tự công nhận rằng khi học trường Bách khoa : “ông ta không thể theo nổi phần lý thuyết, không thể ghi chép lời thầy giảng dạy để học với tính cách... nhà trường!”. Tuy nhiên, trong thời gian 4 năm còn học ở trường và từ 1900 trở đi, ông ta đã tự học lấy một mình (autodidacte) bằng cách đọc những sách của Boltzmann, Helmholtz, Hertz, Maxwell... Trong thời gian từ 1900 cho đến 1902, ông ta đã xin việc ở nhiều nơi nhưng đều bị từ chối! Từ năm 1902 trở đi, ông ta được nhận vào làm việc ở “Sở xét cấp bằng” tại Berne (Thụy Sĩ), và trong 7 năm sau đó, yên thân, Einstein đã để dành tất cả những buổi tối và những chủ nhật để nghiên cứu và phát minh những lý thuyết làm đảo điên



ngành Vật lý. Luận án Tiến sĩ của ông về “Kích thước của phân tử” đã được trình năm 1905 và được các nhà khoa học quốc tế công nhận những thành tích khoa học của ông.

Einstein, nhà Vật lý và Toán học Đức, đổi sang quốc tịch Thụy Sĩ năm 1900, và sang quốc tịch Mỹ năm 1940. Ông ta có vợ đầu tên Mileva Maric và 3 con Lieserl (gái), Hans-Albert và Eduard (2 trai). Einstein ly dị bà vợ đầu để cưới bà vợ hai năm 1919 (3 tháng sau khi ly dị), một người bà con tên là Elsa Löwenthal, sinh trưởng ở Berlin. Einstein chết vì đứt mạch máu đầu năm 1955, tro của ông ta được rải rác trong một nơi bí mật, tuy thế não và đôi mắt của ông vẫn được ông bác sĩ pháp y giữ gìn sau khi mổ xác.

Về mặt văn nghệ, Einstein đàn violon rất hay và rất ưa thích Bach và Mozart, đã trình diễn đàn violon trước quần chúng.

2. CÔNG TRÌNH KHOA HỌC.

Hai định đề về thuyết “Tương đối thu hẹp” đã đưa Einstein đến công thức $E=mc^2$, có nghĩa là năng lượng trọn vẹn của một số lượng vật chất bằng trọng lượng của nó nhân với bình phương của tốc độ ánh sáng ($c = 3 \times 10^{10}$ m/s). Hai định đề ấy muốn phát biểu:

1) Những định luật vật lý đều có cùng hình thức trong tất cả các hệ thống xác định vị trí bất động.

2) Tốc độ ánh sáng trong chân không có cùng một giá trị trong tất cả các hệ thống xác định vị trí bất động.

Nên nhắc là một hệ thống xác định vị trí gọi là bất động nếu tất cả mọi vật biệt lập (trên các vật đó không có lực nào tác động hết hoặc trên các vật đó hợp lực là số không) trong đó hoặc đều bất động hoặc đều có chuyển động tịnh tiến thẳng đều.

Albert Einstein đã chứng minh, năm 1905, lý thuyết về sự tương đối $E=mc^2$. Do đó sau này, có những áp dụng mới mẻ của ngành vật lý hạt nhân như hòa lò nguyên tử, bom nguyên tử v.v... vì công thức đó là nguồn gốc của sự phóng thích năng lượng hạt nhân. Năm 1916, Einstein đã phát minh thêm lý thuyết về tương đối tổng quát, bàn đến sức hấp dẫn và những hiệu quả của nó trên quy mô lớn. Einstein được giải Nobel về vật lý năm 1921 vì sự giải thích của ông về hiệu quả quang điện.

Hai khái niệm về thuyết tương đối thu hẹp là:

– Sự giãn nở tương đối của thời gian. Chúng ta hãy gọi R, hệ thống xác định vị trí (bất động và) cố định (thí dụ quả đất), R' hệ thống xác định vị trí (bất động và) di chuyển (thí dụ cái hỏa tiễn). Kết quả của sự giãn nở tương đối của thời gian là nếu khoảng cách giữa 2 cái chớp đo trong R' (hệ thống hỏa tiễn) là 1 giây thì trong hệ thống quả đất R, khoảng cách đó bằng γ giây với $\gamma > 1$. Thời gian đó lớn hơn 1 giây rất nhiều! Đó là sự giãn nở của thời gian. Sau đây là một chuyện ngược đời của một cặp sinh đôi: một người trong cặp sinh đôi, sau một cuộc hành trình trong vụ trụ với một tốc độ gần bằng tốc độ của ánh sáng, tìm thấy lúc trở lại mặt đất kẻ sinh đôi với mình già hơn mình nhiều!

– Sự co rút tương đối của chiều dài. Chiều dài đo trong hệ thống di chuyển R' lớn hơn chiều dài đo trong hệ thống cố định R. Sau đây là một chuyện ngược đời của một chiếc xe hơi: chiếc xe hơi chạy vào trong nhà để xe (garage) với một tốc độ thật nhanh đã thấy cái garage ngắn hơn

chiều dài của xe rất nhiều! Khái niệm về thời gian và kích thước vì thế chỉ là tương đối!

3. HẬU QUẢ CỦA SỰ TƯƠNG ĐƯƠNG TRỌNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG : BOM NGUYÊN TỬ

Ngày 7-12-1941, không quân Nhật bản đã tấn công bất thành linh quân đội Hoa kỳ tại căn cứ Pearl Harbor. Tiếp theo trận tấn công ấy, Hoa Kỳ đã chuyển hướng việc nghiên cứu vào một thứ khí giới vô cùng mới mẻ và kinh khủng... đã bắt buộc Nhật Bản phải đầu hàng không điều kiện và chấm dứt cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chúng ta muốn nói đến bom nguyên tử!

Tất cả đều bắt đầu vào năm 1898, khi nhà vật lý học Rutherford giải thích sự phân rã của vài hạt nhân bởi tính phóng xạ. Tiếp theo đó, Einstein vào năm 1905 đã phát minh công thức nổi tiếng $E=mc^2$ về tương đương giữa trọng lượng và năng lượng. Trong một lá thư Einstein gửi cho Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt, người ta được biết chuyện có thể chế tạo một thứ bom vô cùng hiệu lực dùng năng lượng hạt nhân. Lập tức, Tổng thống Roosevelt ban hành đề án Manhattan, năm 1942, chế tạo bom nguyên tử. Sự nổ của bom nguyên tử là do sự phân rã hạt nhân. Sự phân rã hạt nhân sinh ra bởi sự đung của một neutron vào một hạt nhân Uranium 235, hay Plutonium 239 trong trường hợp hai bom nguyên tử năm 1945. Phản ứng hạt nhân dùng cho bom nguyên tử "Littleboy" thả ở Hiroshima, ngày 6-09-1945, là

$$n + {}^{235}\text{U} \rightarrow {}^{141}\text{Ba} + {}^{92}\text{Kr} + 3n + Q \quad (1)$$

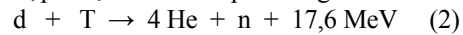
Những sản phẩm của sự phân rã ${}^{235}\text{U}$ là Baryum Ba141, Krypton Kr92 và 3 neutron n. Q là năng lượng phát ra trong phản ứng nói trên, $Q = 200\text{MeV}$ (MeV: đơn vị năng lượng dùng trong Vật lý hạt nhân). Trong sự phân rã hạt nhân, còn có sự phát ra nhiều neutron ngoài năng lượng Q dưới dạng nhiệt năng. Những neutron này được dùng để sản xuất sự phân rã của nhiều hạt nhân Uranium 235 khác và cứ thế tiếp tục, ta sẽ có một phản ứng hạt nhân theo

dây chuyền, với kết quả là sự phát ra một số lượng nhiệt năng rất lớn. Bom nguyên tử này (235U) có một hiệu lực bằng 13.000 tấn TNT (Trinitrotoluène), còn bom cổ điển có hiệu lực nhất kể đến ngày nay chỉ có hiệu lực khoảng 40 tấn TNT, do đó bom nguyên tử thả ở Hiroshima mạnh hơn 300 lần bom cổ điển.

Bom Nguyên tử “Fat Man” thả ở Nagasaki ngày 9-09-1945, 3 ngày sau khi bom “Littleboy” đã tàn phá Hiroshima, dùng sự phân rã của hạt nhân 239Pu, có một hiệu lực bằng 20.000 tấn TNT và đã san bằng thành phố Nagasaki. Bom nguyên tử có 3 hiệu lực tàn phá. Trước hết, nhiệt năng được tung ra trong không khí bằng một khối lửa có đường kính 1 km và nóng đến nhiều triệu độ. Ở trên mặt đất, nhiệt độ lên đến hàng nghìn độ ở điểm chạm đích. Trong một đường bán kính khoảng 1 km, tất cả mọi vật đều biến thành tro. Cho đến 4km chung quanh điểm chạm đích, nhà cửa và người ta đều cháy ngay tức khắc ; những người ở trong vòng bán kính 8 km bị cháy đến độ thứ 3. Sau nhiệt độ, đến phiên làn sóng va chạm tạo nên hiệu lực tàn phá như thử một bức tường đồ sộ tiến tới với tốc độ 1.000 cây số/giờ. Làn sóng va chạm biến thành tro bụi tất cả những gì ở trong một đường bán kính 2 cây số. Trong 90.000 ngôi nhà ở thành thị, 62.000 bị hoàn toàn phá hủy. Hiệu lực thứ ba là hiệu lực của sự nổ hạt nhân, đó là hiệu lực đặc thù nhất của bom nguyên tử và cũng là hiệu lực gây chết chóc nhiều nhất. Nó gây ra những bệnh hoạn làm chết người từng ngày, từng tháng, từng năm... sau khi bom nổ (ung thư, quái thai...)! Hiệu lực thứ ba này là hậu quả do các chất phóng xạ gây nên, đó là chưa kể đến những ảnh hưởng trên thời tiết. Bom thả ở Hiroshima đã gây nên 221.000 tử thương.

Nhiều năm về sau (1954), còn có loại bom gọi là bom H (bom Hydrogène) dựa trên các nguyên tắc: phân rã - phối hợp - phân rã của hạt nhân. Nguyên tắc phân rã như đã nói ở trên,

xem phản ứng (1). Nguyên tắc phối hợp dùng sức nóng của phản ứng phân rã tạo ra để phối hợp 2 hạt nhân theo phản ứng :



d (hạt nhân của Deutérium), T (hạt nhân của Tritium) đều là những đồng vị với Hydrogène, He là phân tử alpha (hạt nhân của Hélium). Ta thấy trong phản ứng phối hợp d và T này (2), có sự sản xuất neutron với động năng 14 MeV và nhiệt lượng lớn 17,6 MeV. Những neutron này dùng để gây sự phân rã của hạt nhân 238U với sự sản xuất một nhiệt lượng rất lớn. Do đó, 3 nguyên tắc phân rã, phối hợp, phân rã được dùng trong bom H để tạo nên một sức nóng kinh khủng (khối lửa có nhiệt độ cao hơn 100 triệu độ). Bom H vô cùng hiệu lực hơn bom nguyên tử, vì sức mạnh của nó là 57 Mt (mégatonnes) TNT, vị chi là 5.000 lần mạnh hơn bom nguyên tử .

Công trình chế tạo bom nguyên tử ở Phòng Thí nghiệm Quốc gia Los Alamos ở Mỹ, viết tắt là LANL, do nhà Vật lý học Robert



GS TS PHẠM ĐÌNH LIÊN
(Paris)

Oppenheimer cầm đầu với sự cộng tác của bốn giải thưởng Nobel về Vật lý: Bohr, Chadwick, Fermi và Rabi. Ngày 16-07-1945, thí nghiệm thành công của quả bom nguyên tử đầu tiên !

Thư mục :
Albert Einstein, Science & Vie, Hors-série (2005)
La bombe atomique, G. Lapointe et Kim Roux
Paris, 9-03-2010

Ngập ngừng tình em

Thơ : Duy An Đông
Nhạc : Minh Sơn

Thu qua.. ta đến Pa - ris Tình cờ nhìn thấy Trà My năm
nào Chao ôi! Sung sướng biết bao Vội ôn kỷ niệm rồi lòng nôn
nao Trường Tiền - Bến Ngự - Nam Giao Hình em soi bóng trăng sao sáng
ngời... Đột nhiên sóng gió gắt gay Ta đi nhập ngũ em quay nội
thành Chạnh buồn tin báo về nhanh Bến em đã có thuyền canh gát
rồi Tim ta đau xót rồi bởi Cố quên chuyện cũ cho đời yên
vui Xuôi chi dạo phố Pa - ris Thấy em đi đứng với người không
quen Nhìn em mà dạ băng khoảng Để xem bến cũ nhớ quên chuyện
mình Xích gôn đưa mắt liếc tình Em như không nhớ ta đành gặng
quên Phải chăng ngại có chồng em Lẽ đâu chẳng nhớ môi mềm ngày xưa!

04.12.2009

PHIÊN TÒA XÉT XỬ MARIE ANTOINETTE: 1793

NGUYỄN VĂN THÀNH

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 47)

Bị cáo: Marie Antoinette can tội: “
Phản quốc”
Luật Sư Biện hộ: Claude Chaveau-Lagarde
Công Tố Viện: Tòa Án Cách Mạng
Thẩm Phán: Tòa Án Cách Mạng
Nơi Xét Xử: Paris, Pháp
Ngày Xét Xử: Ngày 14 – 15 tháng 10 năm 1793
Phán Quyết: Có tội
Bản Án Kết tội: Đưa lên máy chém
Guillotine (ngày 16/10/1793)

Ý Nghĩa

Phiên Tòa xét xử Marie Antoinette, Hoàng Hậu cuối cùng, đánh dấu chấm dứt chế độ quân chủ kéo dài một ngàn (1000) năm tại Pháp.

Tòa Án Cách Mạng (Revolutionary Tribunal) tức Tòa Án Đặc Biệt (Tribunal d'exception) với thủ tục tố tụng giản dị, nhanh và không kháng án, hoạt động từ ngày 10 tháng 3 năm 1793 đến ngày 31 tháng 5 năm 1795, là công cụ của chính quyền thống trị bằng khủng bố, báo trước phiên tòa trình diễn này sẽ tái diễn vào thời kỳ chế độ độc tài xuất hiện trong thế kỷ 20.

GÓI PHỤ CAPET

Thăm Louis xong vào đêm cuối cùng trước khi lên máy chém, Antoinette trở về Tháp giam mặc bộ đồ trắng trần trọc nằm trên giường cùng với con chó nhỏ Odin, chờ sáng. Nàng đã nghĩ tới, lúc hành trình qua Pháp năm 14 tuổi, một người đã là chồng của mình từng chung sống với nhau trên hai mươi năm người mà nàng cũng không

hề quen biết hay tìm hiểu nhau, kết hôn do quyết định của Mẫu Hậu Marie Thérèse coi như con tốt trên bàn cờ chính trị Âu Châu. Nhưng nay người đó sắp lia côi trần đã làm tràn đầy nỗi tuyệt vọng giá lạnh trong lòng.

Tầng sáng vào một ngày mùa đông ẩm ướt, lạnh và sương mù, Antoinette run rẩy chờ một tiếng gọi ở ngay trong ngục Tháp nhỏ Temple này để đến chào già từ Louis nhưng tiếng đó không bao giờ, không bao giờ đến cả. Nàng chỉ nghe thấy tiếng chân rầm rập của binh lính bước lên cầu thang Tháp nhỏ giam Louis, tiếng hô tập hợp của Đoàn Kỵ Binh ở dưới sân, tiếng nghiêng của những bánh xe lăn trên đường Temple chờ Louis lên đoạn đầu đài. Rồi yên lặng, khoảng trống yên tĩnh thật kinh hãi cho những ai chờ một người mà người đó không có gì để lại ngoại trừ những giọt nước mắt.

Vào 10 giờ 22 phút, bỗng những tiếng súng thần công nổ rầm trời tại vùng bao quanh Quảng Trường Concorde, vang vọng tới ngục Temple phá tan bầu không khí im lặng bao trùm khắp nơi và đồng thời báo hiệu bạo chúa Louis 16 đã đến tội. Đường phố Temple trở lại cuộc sống bình thường. Xe cộ bắt đầu chạy. Dân chúng đổ ra đường hô to: “Cộng Hòa Muôn Năm! Cộng Hòa Muôn Năm!” Trong khi đó, Marie Antoinette lên cơn đau quặn quai trên giường vì tới kỳ kinh nguyệt, con gái lớn Thérèse Charlotte bị loét căng chân trầm trọng nằm ôm mặt khóc đã bỏ lỡ dịp chào già từ người cha yêu dấu và Charles Dauphin (Vua Louis 17) đau bệnh dịch hoàn (testicule). Riêng cô em út Elisabeth phải săn sóc chị dâu và hai cháu. Người hầu trung thành Cléry với hoàng

gia không thấy trở về và biệt tăm luôn từ ngày Louis 16 lên đoạn đầu đài.

Sau khi Louis được chôn cất xong, Ủy Viên Công Xã Ba Lê và Giám ngục Temple tới thanh tra các phòng giam Marie Antoinette và gia đình, thông báo bắt đầu từ nay các tù nhân được gọi danh xưng như sau: Góa phụ Capet (Marie Antoinette), Elisabeth Capet (em Vua), Charlotte Capet (con gái lớn), và Charles Capet (Vua Louis 17) tức tên chính thường dùng kèm theo tên dòng họ Capet. Sau đó, 3 Bác Sĩ được chỉ định chẩn bệnh và điều trị các tù nhân bị bệnh vì phòng giam ẩm ướt và thiếu ánh sáng. Tiếp theo Giám ngục cho phép và đôi khi còn bắt buộc tất cả các tù nhân phải xuống vườn Temple hoạt động như đi bộ hay tập thể dục để tránh bệnh tật. Chế độ nhà giam được nới lỏng dần dần. Hơn 300 lính canh phòng giam xuống còn khoảng 100, số ủy viên công xã còn 6 người, nhưng tất cả các chốt canh gác các điểm xung yếu vẫn giữ 2 người mỗi chốt thuộc thành phần trung kiên với cách mạng khó lòng mua chuộc

Biện pháp an ninh này được liên tục áp dụng tại ngục Temple, rồi sau đó, Antoinette bị chuyển tới nhà tù thành phố trong 75 ngày, nơi gần Pháp đình Paris để tiện điều tra đưa ra Tòa Án Cách Mạng. Như vậy, Antoinette bị đưa lên máy chém sau Louis lia đời 9 tháng và đúng như sự dự đoán của Antoinette đã tâm sự với cô em chồng Elisabeth, “Chị sẽ chết như Anh cô.”

Theo các nhà viết tiểu sử, sở dĩ chế độ nhà giam giữ tù nhân tại Temple được thay đổi như đã trình bày vì chính quyền Danton coi góa phụ Capet và gia đình như con tin quý giá để dự tính trao đổi tù binh quan trọng và đòi hỏi những điều kiện có lợi cho Pháp khi ký Hoà Ước Hoà Bình với Đế quốc Phổ và Áo. Vì vậy, số phận các tù nhân tại Temple tùy thuộc vào tình hình chính trị và quân sự giữa hai bên trong việc trao đổi có tính toán.

Dự tính của Danton bắt thành vì nội bộ Pháp bất ổn chưa từng thấy. Sau khi Vua Louis bị hành quyết, các vụ nổi loạn chống lại sự cai trị của Paris xảy ra ở một phần lớn lãnh thổ Pháp, đặc biệt phe bảo hoàng thống trị miền Tây như Vendée hợp tác với phe Girondin nhằm lật đổ Hội Nghị Quốc Ước để đưa Dauphin lên ngôi Vua tức Louis 17 theo hiến định với sự nhiếp chính của Bá Tước Provence. Trong khi đó, hầu hết các nước quân chủ tại Âu Châu, ngoại trừ Thụy Sĩ và Bán Đảo Scandinavie (gồm Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển) giữ thế trung lập, hình thành một Liên Minh Quân Sự vào tháng Hai, bao vây và ngăn chặn quân đội cách mạng Pháp bành trướng lãnh thổ tự coi như biên giới thiên nhiên của Cộng Hòa Pháp Quốc vậy.



Góa phụ Capet

BỘ ÁO DÀI TRẮNG MÀY CHÀN BÁT TỬ

Chiến trận ngày một leo thang, vào tháng Hai, Antoinette lợi dụng thời gian cai tù đối xử khá tử tế, đã may được 2 bộ áo đen và trắng. Cả hai bộ đều bị Ủy Viên Công Xã đại diện nhà tù Temple cấm mặc khi Antoinette đi dạo trong vườn Temple. Đề phòng có thể chuyển nhà tù khác, Antoinette để lại bộ áo màu đen để tang mà chỉ mang bộ áo dài màu trắng nên xếp cẩn thận rồi giấu trong các áo quần tạp nhạp dơ bẩn để tránh sự khám xét của cai tù nếu bắt thân chuyển nhà giam. Chính bộ áo dài màu trắng này đã được Họa sĩ David nổi tiếng với nét bút chì xuất thần, đã phác họa hình ảnh cuối cùng của Antoinette sắp bước lên máy chém để lại đời đời trong sử sách.

Thoạt đầu, Antoinette lục lọi những quần áo được cấp phát từ trước tại ngục Temple, lựa màu đen lấy ra để sửa lại và may một bộ áo, dù là màu đen cũng phải nói lên được sự khổ hạnh ẩn dấu nét tao nhã khi mặc để tang Louis. Sau đó, Ủy Viên Công Xã đại diện ngục Temple cho phép

Giám ngục cung cấp đầy đủ áo quần cho 4 tù nhân và nếu cần cho người chuyên môn tới sửa. Những nhà may nổi tiếng quen thuộc với các bộ áo lễ hội hoàng gia bị phá sản, nay nhận những bộ áo quần tạp nhạp được cấp phát, Antoinette và cô em chồng tự sửa và may lấy sao cho hợp với vóc dáng và phải nói lên được điều gì đó qua trang phục, không phải về nghi thức triều đình, mà là để tang chồng trong nhà tù.

Như chúng tôi đã đề cập một vài bài viết trước, Antoinette nổi tiếng tại quê nhà, thành Vienne về các bộ áo dạ vũ, yến tiệc và lễ nghi trong cung đình Hapsburg đáp ứng được đòi hỏi sự lịch duyệt trong phong cách và vẻ đẹp trong kiểu mẫu nên được các giới quyền quý cao sang phong cho tước, “Công Chúa Thời Trang”. Hành trình qua Pháp, Antoinette lại nổi danh trong triều đình Versailles với các bộ lễ phục và lễ hội mang vẻ đẹp kiêu sa trang nhã được các ông hoàng bà chúa cùng giới quý phái quyền quý tôn vinh “Nữ Hoàng Thời Trang”. Quả vậy, theo các nhà viết sử cũng như các nhà thiết kế thời trang viết trong báo French Vogue ngày nay tỹ như Caroline Weber cho rằng, sở dĩ Antoinette thành công vì đã áp dụng triệt để nguyên tắc bất di bất dịch đòi hỏi vền vẹn chỉ có hai chữ, đó là sự “giản dị” Thực hành nguyên tắc đó không phải là chuyện dễ. Cần phải tổng hợp cách nhìn nghệ thuật một cách thật tinh tế mới đáp ứng được điều kiện đó. Bởi vì sự giản dị trong y phục phải nói lên được một cách hùng hồn về cái ta của ta. Ta là ai? Thuộc giai cấp nào trong xã hội? Có quyền uy và hấp dẫn không? Trong hoàn cảnh bị giam giữ trong ngục tù, Antoinette đã hoàn tất may được bộ áo để tang Louis không đi ra ngoài nguyên tắc đó.

Trong khi may bộ áo để tang màu đen, Antoinette kể chuyện lại cho cô em chồng rõ khi mở lớp hướng dẫn các mệnh phụ phu nhân và giới quý phái trong vương triều Versailles để thiết kế các bộ áo yến tiệc lễ nghi sao cho có vẻ đẹp thanh tao lịch lãm làm biến đi dáng dấp tính lè cùng sự phô trương kiểu các diễn viên. Có một công chúa ở nước ngoài đến tham dự nêu ra

vấn đề tang chế. Công chúa đó hỏi, “ Nếu để tang một người thân hay sơ thì may bộ áo để tang ra sao? Chị trả lời, “ Dùng thêm vài màu xanh thẫm, nhiều hay ít tùy theo thân hay xa, còn đại tang thì hoàn toàn màu đen. Những kiểu áo may để tang đó cần phải may chần tức là may nhiều đường để ghép chặt vào nhau mấy lớp vải hoặc có đường viền giữa hai lớp vải”

Thực ra, vì bị các người bắt giữ cấm Antoinette mặc bộ áo màu đen để tang nên Antoinette đã chọn màu trắng tương phản với màu đen để thay thế vì có sự qui định cấm từ tội mặc áo để tang lên máy chêm..

Còn may bộ áo dài màu trắng (a white pique dress) bằng hai lớp vải bông may chần cũng giống như trên nhưng những đường thẳng ghép giữa hai lớp vải xếp sao tạo ra các hình vẽ nghệ thuật thu hút sự chú ý của người quan sát. Antoinette đã mặc bộ áo đó ngồi như pho tượng trên chiếc xe bò do hai con ngựa già kéo đi qua phố phường Paris vào phút tận cùng sắp bước lên máy chêm. được họa sĩ nổi tiếng David phác họa “Nữ Hoàng Thời Trang” để lại mãi mãi cho mai sau.

Chúng tôi sẽ in bức phác họa đó vào cuối bài viết với sự nhận xét của các sử gia và lời nói cuối cùng của Cựu Hoàng Hậu Marie Antoinette trước khi lia trần thế.

ÂM MƯU TRÓN NGỤC TEMPLE

Từ ngày bị giam cầm vào tháng 8 năm 1792, lúc nào Antoinete cũng ước mơ có ngày trốn thoát khỏi Ngục Temple. Đó chắc cũng là tình trạng chung giống như bao nhiêu tù nhân khác, nhưng trong hoàng gia chỉ có Antoinette là người duy nhất đã đề xướng ra rất nhiều âm mưu giải cứu tù nhân. Vậy phải có sức hấp dẫn như thế nào mới thúc đẩy không ít Hiệp sĩ đã ra tay giải cứu người hoàng phái gặp nạn. Vũ khí của Antoinette không có gì thay đổi: mệt mỏi, buồn chán, già trước tuổi, và nhục nhã. Mặc dầu vậy, Antoinette vẫn tiếp tục đạt được sức quyến rũ lạ kỳ không thể nào chối cãi được tỹ như qua cuộc gặp gỡ bất ngờ một nhân vật phi thường, Hiệp Sĩ Francois Andrien Toulan.

Người anh hùng Toulain nổi tiếng về tài hùng biện, thông minh và dũng cảm, quê ở Toulouse, đến Paris hăng say tham gia cuộc tấn công như vũ bão vào Điện Tuileries ngày mùng 10 tháng 8 với lý tưởng xóa bỏ chế độ quân chủ thay thế bằng thể chế Cộng Hoà như các nhà Cách Mạng 1789 đề ra.. Cuộc tấn công thành công, đương sự được Cách Mạng ban thưởng nhiều huy chương cao quý và được tin nhiệm đảm trách chức Ủy viên đại diện Công Xã Ba Lê, thanh tra và quyết định mọi biện pháp thích nghi trong việc giam giữ goá phụ Capet và gia đình tại Ngục Temple.

Antoinette, trước khi được đăng quang ngôi Hoàng Hậu, đã có một vài lần tổ chức dạ vũ hóa trang tại Điện Versailles, cùng với đám cận thần trốn ra ngoài đến chơi bài tại Đại Hí Viện Paris. Antoinette đã gặp Toulain chơi bài và quen biết từ đó. Cả hai đều giống nhau thích mạo hiểm và say mê đánh bài. Nay được cử giữ thanh tra các tù nhân hoàng gia dưới sự trách nhiệm, Toulain xúc động và thương cảm cho nỗi bất hạnh của Antoinette nên nảy ra ý định sẵn sàng giúp cứu Hoàng Hậu vào thời gian thuận lợi.

Sau khi Vua Louis 16 qua đời, Toulain đã lập được chiến công đầu tiên. Trước khi lên máy chém, nhà Vua đã giao phó cho người hầu Cléry đưa cho Hoàng Hậu Antoinette những kỷ vật như chiếc nhẫn cưới khắc tên chữ đầu của vợ M. và ngày cưới, hộp đựng tóc của vợ con và em gái, cùng con dấu biểu tượng của Nhánh Bourbon. Nhưng Hội Đồng Cổ Vấn Công Xã Ba Lê bác bỏ ra lệnh trao cho Ban quản trị nhà tù Temple cất giữ cẩn thận những kỷ vật đó. Cléry báo cho cựu Hoàng Hậu rõ sự việc rồi biệt tăm luôn. Trong một cuộc thanh tra phòng giam, Antoinette kể lại câu chuyện đó và ngó ý với Toulain muốn lấy lại các kỷ vật của Louis trao tay cho Cléry. Không chút do dự, Toulain nhận lời ngay và hai ngày sau, bí mật giao lại cho Antoinette tất cả đồ vật của Louis ký thác tại nhà tù Temple. Vụ bê khóa lấy cắp tang vật bị phát giác và cuộc điều tra không bao giờ tìm ra được thủ phạm cả.

Vào ngày mùng 2 tháng 2 năm 1793, Jarjays là một trong số các Hiệp Sĩ được tiếng dũng cảm nhất và cũng là người cương quyết nhất, vẫn còn ẩn trốn tại Paris với hy vọng một ngày nào đó, sẽ giúp cựu Hoàng Hậu thoát khỏi ngục tù. Đương sự tiếp đón một người khách lạ. Đó là Toulain đưa một bản ghi chép sau: “Hiệp Sĩ có thể tin tưởng người này nói chuyện thay tôi. Ông ta có rất nhiều thiện cảm, ông ta không hề thay đổi suốt 5 tháng vừa qua...” Jarjays nhận ra ngay chữ viết tay của cựu Hoàng Hậu Antoinette nhưng tỏ vẻ hoài nghi về khả năng giúp 4 tù nhân trốn ngục Temple được hàng trăm lính phòng vệ canh gác ngày đêm. Để thuyết phục Jarjays, ủy viên công xã Toulain thông minh và mưu trí đề ra ý kiến sẽ trá hình Jarjays như người đốt đèn nhà tù Temple vào một buổi tối để đưa Jarjays vào gặp Antoinette.

Vấn đề đưa 4 tù nhân thoát khỏi pháo đài Temple được canh gác cẩn mật không làm sorn lòng những người mưu tính giúp hoàng gia thoát nạn. Bây giờ họ chỉ cần thêm một ủy viên công xã nữa là kế hoạch táo bạo và hiểm nguy đó sẽ hoàn tất như ý muốn.

Antoinette lưu ý và nhấn mạnh tới một ủy viên trẻ can đảm nhiều tham vọng nhưng không có kinh nghiệm chính trị. Đó là Lepitre trong số các ủy viên đại diện Công Xã tại Temple. Đương sự là cựu nhân viên ngân hàng của Hoàng Hậu và cũng là đồng môn dạy học với Toulain. Hiệp Sĩ Jarjays hỏi lộ Lepitre một số tiền khá lớn. Toán giải cứu hoàng gia trốn ngục Temple hình thành gồm có Toulain, Jarjays và Lepitre. Ngoài ra, còn có hai nhân viên tinh báo Anh cung cấp tin tức và bí mật hỗ trợ Jarjays đưa gia đình hoàng gia từ nhà tù Temple tới bờ biển Normandie ở miền Bắc Pháp để chạy sang tị nạn tại Anh. Quốc.

Kế hoạch trốn nhà tù đã được xếp đặt xong xuôi, Antoinette và Madame Elisabeth cải trang như lính canh phòng thành phố, Madame Royale và Dauphin cũng nguy trang đi theo Jarjays. Hai xe ngựa chờ sẵn ở điểm hẹn. Nhưng thật đáng tiếc những khó khăn không lường trước

được đã xảy ra. Lepitre cho biết tin tức ngoài mặt trận ngày càng xấu hơn gây náo loạn trong dân chúng. Chính quyền ra lệnh dựng hàng rào giây thép gai ở các điểm xung yếu và đóng tất cả công ra vào thành phố. Thật vô cùng nguy hiểm hầu như không thể thực hiện được việc đưa trẻ em như Dauphin ra ngoài thành phố vào thời điểm đó. Lepitre bắt đầu lo sợ nhưng cả hai, Jarjays và Toulan vẫn quyết tâm giúp Hoàng Hậu chạy trốn một mình.

Antoinette cương quyết từ chối vì không nỡ lòng nào bỏ lại hai con, nhất là cục cưng Dauphin, để thoát hiểm một mình với quan niệm “vui cùng hưởng họa cùng chịu” Cô em thánh thiện Elisabeth hy sinh cả thời niên thiếu nay đã 29 tuổi để bảo vệ anh chị và hai cháu, trấn an chị dâu, “Chị là người bị đe dọa và coi như nguy hiểm nhất cần phải ra đi. Em tình nguyện ở lại sẽ thay thế chị như người mẹ hết lòng trông nom hai cháu. Jarjays cũng cố thuyết phục cựu Hoàng Hậu chấp nhận đề nghị của cô em chồng nhưng không sao lay chuyển nổi quyết tâm của Antoinette.

Trước khi rời Tháp Temple chạy qua Anh Quốc, Jarjays ngỏ lời mong muốn cựu Hoàng Hậu giao phó nhiệm vụ thực hiện một điều gì đó cần phải làm trong thời gian bị cầm tù. Antoinette vui vẻ nhận lời ngay và nói, “Đây là một bằng chứng cho thấy lòng trung tín tuyệt đối của Hiệp Sĩ đối với hoàng triều, tôi vô cùng cảm kích. Tôi không thể nhận lời chạy trốn một mình được. Tôi chấp nhận ở lại và không bao giờ hối tiếc. Vậy tôi nhờ Hiệp Sĩ trao tận tay hai ký vật này cho hai người sau đây:

-Con dấu của nhà Vua cho Bá Tước Provence quyền nhiếp chính Vua Louis 17 tức Dauphin để làm kỷ niệm.

-Chiếc nhẫn khắc 5 chữ tiếng Ý, “Tutto a te mi guida”, có nghĩa chưa bao giờ sự thật lại rõ ràng hơn như bây giờ và theo cuốn hồi ký của Ferson (mọi chuyện đều dẫn tôi tới Antoinette) cho Bá Tước Axel Ferson hiện đang ở Brussels, Bỉ Quốc, người mà Hiệp Sĩ đã gặp tại Điện Tuileries đến chào già từ tôi để trở về Thụy Điển.”

Jarjays nhận hai ký vật đó và hứa sẽ cho người thân tín tới báo cho cựu Hoàng Hậu rõ khi vật đó tới tay người nhận. Khoảng một tháng sau, Antoinette được vợ của người hầu cho biết Hiệp Sĩ Jarjays đã hoàn tất nhiệm vụ.

Vào đêm thực hiện âm mưu trốn ngục Temple, Simon nghi ngờ Lepitre nằm trong âm mưu đó nên chạy bộ tới Ủy Ban Tình Báo Công Xã Ba Lê tố cáo. Trưởng Ban Tình Báo hoài nghi mãi tới trưa hôm sau mới tới Temple điều tra.

Biết trùm tình báo Tison tại Temple bị bệnh suyễn nặng, Toulan đặt một loại thuốc tỏa hơi trong phòng khiến Tison ngủ thiếp đi trong vòng 5 hay 6 tiếng, thời gian đó đủ để Jarjays đưa gia đình hoàng gia tới vùng an toàn, nơi có thêm nhân viên tình báo Anh chuẩn bị tàu thuyền đưa người chạy trốn sang Anh Quốc.

Kết quả cuộc điều tra cho thấy không có bằng chứng cụ thể nào về vụ âm mưu trốn ngục Temple. Tuy nhiên, Lepitre và Toulan bị sa thải và sau đó bị đưa lên máy chém. vào đợt khủng bố thứ hai được gọi Đại Khủng Bố, tháng 6 và 7, năm 1794 (La Grande Terreur, Juin-Juillet 1794) trừng phạt những người bị tình nghi do Đạo Luật ban hành ngày 10-6-1794 bãi bỏ tất cả an toàn pháp lý bảo vệ quyền nhân thân của bị cáo như quyền tự do cá nhân và chống lại mọi sự giam cầm trái phép. Tương cũng nên đề cập thêm đợt Khủng Bố thứ nhất (10-8 và 20-9-1792) xảy ra vì lý do Quân Đội Phổ xâm lăng Pháp Quốc cùng thể hiện việc bắt giữ Vua Louis 16 về tội “Phản quốc”. Đợt Khủng Bố thứ hai được mệnh danh Đại Khủng Bố như vừa trình bày ở trên diễn ra vì Hội Nghị Quốc Ước trên đã sụp đổ nên coi phe bảo hoàng cùng các tổ chức ủng hộ khác như kẻ thù không khoan nhượng cần phải khử trừ để tồn tại.

ĐỀ TẾ THẦN

Cựu Hoàng Hậu Antoinette cũng bị điều tra về âm mưu trốn ngục Temple nhưng chưa có quyết định vì chính quyền Danton còn đang trả giá cuối cùng với người cháu của Antoinette nối ngôi Hoàng Đế Áo Joseph II, để trao đổi con tin hoàng gia nhận lại nhiều tướng

tá và nhân vật trọng yếu đào ngũ qua Quân Đội Áo. Ta thấy Hầu Tước Lafayette chạy qua Bỉ vì nằm trong kế hoạch thiết lập nền quân chủ lập hiến, Tướng Dumouriez cũng vậy đưa toàn bộ tham mưu và 1.000 quân sĩ đào ngũ qua quân đội Áo, do thất bại trong vụ lật đổ Ba Lê Công Xã để đưa Dauphin lên ngôi Vua Louis 17 theo hiến định.

Tình hình quân sự và chính trị rối loạn chưa từng thấy. Quân đội Phổ tiến chiếm miền sông Rhin (Rhineland), quân Áo, Hòa Lan, Anh và Hanoverian (Vương Quốc Hanover) bao vây các pháo đài miền Bắc, quân Tây Ban Nha tiến vào rặng núi Pyrénées và quân Anh bao vây căn cứ hải quân Toulon.

Ở trong nước, không có phe phái nào đủ mạnh để dẹp nhóm cách mạng Jacobin ngoại trừ giới bình dân (the sans-culottes). Trước tình hình đất nước lâm nguy, giới này thuộc thành phần đại đa số trong dân chúng, xuống đường khắp nơi ca vang bản La Patrie (Tổ Quốc) đòi lấy đầu Antoinette và đưa tất cả tướng tá bắt tạt tham những lên máy chém.. Họ bất tuân thượng lệnh và xông xáo khắp mọi nơi. Những nhà cách mạng bắt đầu thất vọng và lo sợ phải đối đầu với nguy cơ khủng khiếp của bọn hỗn loạn ngày một lớn mạnh đe dọa an ninh và trật tự của đất nước.

Hébert (Jacques), nhà báo và nhân vật chính trị đang giữ chức Phó Biện Lý cạnh Ba Lê Công Xã, mang tính mệnh mình ra hứa hẹn với đám đông hỗn tạp hung dữ Ba Lê (The Parisien mob) sẽ lấy đầu Antoinette. Hébert báo động “*chúng ta trước hết phải thỏa mãn tất cả đòi hỏi của giới bình dân.*” Đương sự cũng kể cho bạn bè rõ nếu nhóm Jacobin thất bại hoặc không muốn hành quyết Marie Antoinette thì họ sẽ phanh thây tất cả những nhà cách mạng. Chúng

ta không có đường lối nào khác và “*chúng ta chỉ còn cách trả thù*” (we have nothing to live for except revenge). Thế là vụ trả thù nhắm vào phe Girondin và những người ôn hòa Jacobin cùng phái bảo hoàng. Người trở thành mục tiêu hàng đầu là Góa phụ Capet bị truy tố trước Tòa Án Cách Mạng về những hành động khác nhau về tội “*Phản Quốc*” bị coi như dê tế thần vậy.

Một biến cố quan trọng xảy ra đã giúp phe Jacobin thêm lý do vững mạnh đưa Góa phụ Capet lên máy chém.. Đó là Charlotte Corday đâm chết Marat (Jean -Paul) trong phòng tắm khi đang chữa bệnh ngày 13 tháng 7.

Thiếu nữ Charlotte Corday, 24 tuổi, được giáo huấn tại tu viện Caen, Normandie, hậu duệ của Pierre Corneille, nhà soạn bi kịch đại tài của Pháp, bắt bình với Marat, y sĩ và sáng lập tờ báo Bạn Dân (*l'Ami du peuple*) được giới bình dân ưa thích, đã

đưa hàng trăm người dân vô tội tại quê hương của cô lên máy chém. Corday đã dùng dao bếp, cán gỗ, lưỡi dao dài 5-inch đâm chết Marat vì nhà độc tài thuộc phe Jacobin này đã ra lệnh hành quyết khoảng 2.000 người tại miền Normandy bị coi như kẻ thù của cách mạng.

Đối với những nhà theo chủ nghĩa bảo hoàng và giới ôn hòa Jacobin, Charlotte Corday được tôn vinh như nữ anh hùng và tử vì đạo. Vụ hạ sát Marat mở ra một giai đoạn mới triệt hạ mạnh mẽ sự thống trị bằng khủng bố do Robespierre, Danton và Jean-Paul Marat chủ xướng dưới thời cách mạng 1789.

Nữ tử tội Charlotte Corday bị đưa lên máy chém. vào buổi chiều ngày 17 tháng 7 năm 1793. Corday mặc bộ vào tù hình sự màu tím, đứng thẳng trên xe tumbrel, hai đầu gối tựa vào cửa sau xe trên đường đi tới đoạn đầu đài. Pierre Notelet đứng cùng với đám đông xúm lại xem nữ tử tội đi qua đường Saint-Honoré. Bộ



Charlotte Corday

mặt đẹp và diêm tinh của Corday như pho tượng đã ám ảnh Notelet một thời gian khá dài.

Bức họa Marat bị Corday ám sát của Họa Sĩ tên tuổi Louis David được bảo tồn tại Viện bảo tàng hoàng gia, Bruxelles. Và cũng chính Họa Sĩ David lưng danh này đã được giải thưởng Rome và đứng đầu Trường phái tân cổ điển đã phác họa Hoàng hậu Marie Antoinette mặc bộ áo dài trắng để đời ngồi trên chiếc xe bò do ngựa kéo qua đường Saint-Honoré tiến tới nơi hành quyết tại Quảng Trường Concorde Paris.

Như chúng tôi đã trình bày vụ án Marie Antoinette và Charlotte Corday có ý nghĩa lịch sử nhất tác động rất mạnh vào các thế kỷ mới đây, đặc biệt về Luật quốc tế nhân quyền. Còn một phụ nữ nữa cũng đáng được đề cập thêm đã hy sinh mạng sống vì tranh đấu chống lại áp bức, vì lý tưởng Tự Do mà tiêu biểu là Bà Roland (de La Platière) vợ nhà chính trị cách mạng và cũng là thành viên của Đảng Jacobin, bị bè nhóm Robespierre đưa ra pháp trường ngày 8 tháng 11 năm 1793. Trước khi bị chặt đầu, Bà Roland đã cúi chào bức tượng “Tự Do” bằng đất nung (clay Statue of Liberty) đặt gần máy chém và than: “Ôi, Tự Do! Người ta đã nhân danh Mi để gây ra biết bao Tội Ác!” (Liberty, What crimes are committed in thy name.)

TOÀ ÁN CÁCH MẠNG XÉT XỬ GÓA PHỤ CAPET

Sau khi Vua Louis lia đời được 6 tháng, Góa phụ Capet bị chuyển ngày 2 tháng 8 năm 1793 tới nhà tù thánh phố Ba Lê (*the Conciergerie*) còn được gọi “Phòng đợi lên máy chém.” (*the antechamber*). Tù nhân bị nhốt, một mình, trong phòng chiều dài 11-foot, ngang 6-foot với 2 sen đầm canh gác ngày đêm. Nhưng có điều đặc biệt là Quản Đốc nhà tù cho phép Antoinette đem con chó nhỏ Odin từ tháp Temple tới đây được ngủ chung phòng với chủ nhân của nó cho đến giờ phút tận cùng Antoinette lên máy chém.. Ngay sau đó, Đức Ông Salomon bị tổng giam tại phòng giam của cựu Hoàng Hậu Anoinette trong 3 tháng. Theo cuốn nhật ký, Đức Ông trông thấy con chó nhỏ

mũi ngắn (pug-dog) của cựu Hoàng Hậu được lính canh phòng Richard cho nó một chỗ ở. Sáng nào cũng vậy, con chó nhỏ púc chạy hít và ngửi tìm hơi chủ trong suốt 3 tháng khi Đức Ông bị giam ở đây.

Góa phụ Capet mới 37 tuổi và chỉ còn 2 tuần lễ sẽ mừng sinh nhật 38 tuổi, nhưng thời gian trong lao tù đã làm nhan sắc ngày một tàn tạ. Tóc bắt đầu lưa thưa điếm bạc, xanh xao và phờ phạc, đôi khi lên cơn đau quần quại lúc có kinh nguyệt, mặc dầu vậy, Antoinette vẫn tỏ ra thật bình tĩnh trong mọi tình huống khó khăn khi bị cầm tù.

Như người viết đã đề cập ở trên, có rất nhiều âm mưu cứu tù nhân nhưng đa số không thành công vì không có kế hoạch rõ ràng, duy chỉ có vụ chạy qua Anh do 3 Hiệp Sĩ Jarjayes, Toulan và Lepitre chủ xướng là dễ thành công nhất. Tiếc rằng cựu Hoàng Hậu Antoinette từ chối chạy trốn một mình, nếu không đã tị nạn ở Anh cùng với Hiệp Sĩ Jarjayes rồi. Âm mưu cuối cùng được tổ chức ngày 28 tháng 8 giải cứu Antoinette thoát khỏi nhà tù thành phố có tên “Âm Mưu Hoa Cẩm Chương” (*Carnation Plot*) do Hiệp Sĩ de Rougeville và Michonis lãnh đạo bị thất bại, đã thúc đẩy Biện Lý Toà Án Cách Mạng Fouquier-Tinville đưa Marie Antoinette ra Tòa. Hiệp Sĩ de Rougeville được phép mang bó hoa cẩm chương vào phòng giam để tặng cựu Hoàng Hậu Antoinette. Khi trao bó hoa, de Rougeville cố tình đánh rơi một bông xuống chân Hoàng Hậu. Có một tấm giấy cài ở cánh hoa ghi” Sẽ tới giải cứu. Viết trả lời đưa cho Gilbert.” Gilbert là cựu cận vệ của Antoinette nằm trong âm mưu đó. Antoinette không có giấy và bút nên lấy cái kim gài ở cánh hoa đâm từng lỗ nhỏ ở tấm giấy đó ra hình chữ để trả lời. Chờ 5 ngày không thấy động tĩnh gì, Gilbert tố cáo để tránh hậu họa. Michonis bị bắt đưa lên máy chém. còn de Rougeville chạy thoát.

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN THÀNH
(Virginia)

Christmas Gift in the Summer

Hoàng Dung

Tôi không biết ông “sinh” vào lúc nào, nhưng khi tôi gặp ông là lúc ông đã là một ông “lão” ít nhất là trong mắt của tôi, tôi cũng đã chứng kiến thời gian ông “bệnh”, rồi hôm nay ông qua đời, cuộc “tử” ly nào cũng khiến người ở lại cảm thấy buồn bã.

Bầu trời hôm nay không xám lấm, nhưng lòng tôi rất xám.

Người nhà ông hẹn tôi 10 giờ ở nhà quà, không hiểu sao tôi lại nhớ là 9 giờ, cho nên đã đến sớm hơn 1 giờ 15 phút. Nhưng không sao, tôi sẽ dành 1 giờ 15 phút này để nghĩ về ông, một người mà tôi không biết đặt ở địa vị nào trong lòng tôi.

Ông là một người Mỹ như hàng vạn người Mỹ chung quanh tôi, ông liên hệ với tôi qua công việc làm từ hơn 20 năm nay, ông lớn tuổi hơn tôi rất nhiều, ông có vẻ xem tôi như con gái của ông, có đôi lúc ông nhìn tôi bằng con mắt của một người đàn ông nhìn một người đàn bà, trong lòng ông nghĩ gì, muốn gì chắc không khác mấy với những người đàn ông si tình trên cõi đời này.

Ông thường mua hoa cho tôi, có khi có những bó hoa rất lớn được đặt mua tận bên Hoà Lan gửi đến nhà tôi.

Cơn bạo bệnh đầu tiên quật ngã ông, tôi có vào bệnh viện thăm ông, tôi mang cho ông một chậu lan màu trắng, và nói với ông rằng “ông biết không loại hoa này sống rất lâu” mong rằng ông hiểu được ý của tôi.

Sau một thời gian dài ông vật vã với các cơn bạo bệnh. Một hôm ông báo cho tôi biết người ta đã cắt bỏ đôi chân của ông rồi, tôi nghe mà cảm thấy kinh hoàng và đã rất hèn nhát là đã không đi thăm ông. Tôi đã tự chống chế rằng tôi không muốn thực tế làm mất đi cái hình ảnh hào hoa vui vẻ trước kia của ông trong trí nhớ tôi.

Những món quà Christmas ông thường tặng tôi là những “kiện” kẹo bánh rất lớn, mà cả nhà và cả bạn bè tôi chắc ăn cả tháng cũng không hết.

Ngoài ra hằng năm trong rất nhiều năm, ông còn tặng tôi một món quà rất đặc biệt đó là một cái “Ornament” dùng để trang trí cây thông trong mùa Giáng Sinh, nó được sản xuất bởi “White house Historical Association” mỗi năm có một design khác nhau nhằm nhắc đến lịch sử nước Mỹ.

Sau khi ông bị cưa mất cả hai chân, phải ngồi xe lăn, ra vào nhà thương như đi chợ. Bỗng một hôm, một ngày của tháng bảy trong một mùa hè nóng bức, tôi nhận được một món quà, mở ra là cái “Ornament” mà đáng lẽ tôi sẽ nhận được

vào tháng mười hai của một ngày mùa đông đầy giá lạnh mới đúng.

Tôi ngạc nhiên gọi điện thoại cho ông và hỏi rằng: Chào Ông Fick, tại sao tôi lại nhận được món quà Giáng Sinh vào mùa hè như thế này.

Ông nói với tôi rằng “Tôi e rằng tôi sẽ không còn sống nổi qua hết mùa đông năm nay& cho nên tôi đã gửi tặng cô món quà hằng năm sớm hơn một chút, cô có thể gọi đó là “Christmas gift in the Summer”. Ông làm tôi ghen hòng, buồn tim đau buốt& tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho ông, qua được thật nhiều& thật nhiều mùa đông.

Cứ như thế tôi đã nhận được vài ba lần món quà mùa đông trong những ngày hè rực nắng.

Mùa hè năm nay tôi đợi mãi không thấy món quà “Christmas in the summer” tôi lo lắng gọi cho ông, có khi nghe được giọng của ông vẫn reo vui yêu đời, có khi nghe người nhà của ông cho biết ông đang vật vã trong bệnh viện, tôi vẫn cứ& hèn nhát không dám đi thăm ông.

Mùa hè vẫn còn quanh quẩn, tôi vẫn cứ mong món quà, tôi mong không phải vì lòng tham, mà mong vì muốn thấy rằng ông vẫn còn minh mẫn và vẫn còn hiện hữu quanh tôi.

Tôi đợi mãi... tôi đợi mãi... rồi mùa hè cũng qua đi, những ngọn thu phong đã bắt đầu đổi màu, lòng tôi cũng ứa vàng theo&

Bỗng một hôm cách đây không lâu, Iren con gái lớn của ông đích thân mang đến cho tôi món quà mà tôi hằng mong đợi, tôi cảm động đến ghen lời, và được

Giao Mùa

Nằm nghe tiếng đất trở mình
Và nghe gió lộng trong thính không này
Nghe trong leo lách cành cây
Có con chim lạ về đây mở mùa
Hàng trăm cánh蝶 tranh đua
Goi đêm trở dậy dựng mùa hợp hoan
Tầng cao mây trắng hợp đoàn
Êm trôi lững thững gió ngàn viễn du
Tình quê xa tít mịt mù
Xuân sang hờ hững nắng thu nhạt nhòa!

Yên Vi

02/10

biết ông đang hấp hối, ông đang vật vã với những cơn đau trong bệnh viện, vậy mà ông vẫn còn nghĩ đến tôi, ông vẫn có thể bắt cô con gái năm nay đã ngoài 50 tuổi mang quà đến cho tôi.

Ai bảo con cái bên này không biết “hiếu đễ” là gì, họ sai rồi đấy...

Hôm nay tôi đến dự đám tang của ông, được biết ông hưởng thọ 81 tuổi, ông đã sắp xếp hậu sự của ông để không phiền hà đến ai, ông muốn được thiêu và nằm gọn

CHỜ NHAU

(cho tha nhân)

Em thả đời theo những ước mơ
Phố quen vẫn kẻ dại mong chờ.
Người đi dấu cũ còn nguyên đó
Nhà vắng đèn khuya lại thẫn thờ!
Ôm phím ngà xưa tìm bóng cũ
Mà nghe hồn ngẩn khúc đêm thu.
Bỗng dung ta nhớ bài em hát
Dù dặt lời thơ tiếng sáo ru.
Từ độ em về quên mất lối
Gió ngàn quyến rũ nét son môi.
Còn ta tình lẫn vào sương tuyết
Lặng lẽ buồn riêng một góc trời.
Ngày tháng mỗi mòn xuân chắp cánh
Làm sao em hiểu nỗi buồn quanh
Nắng tàn khói thuốc thâm quầng mắt
Ta vẫn chờ em phố vắng tanh!

Đỗ Bình

(Paris 2009)

ghế trong một cái hộp vuông mà ông đã
đích thân chọn và đặt làm sẵn từ bao giờ,
ông không muốn ai thấy cái hình hài đã

tàn tạ trong những ngày cuối cùng của
cuộc đời ông.

Ông cũng đã từng phục vụ trong quân
đội 28 năm, và làm việc cho chính phủ 25
năm. Đám tang đã được thực hiện theo
quân cách, tại nghĩa trang quân đội ở
Occoquan, có quân đội dàn chào và bắn ba
phát súng tiễn đưa ông.

Ông có rất nhiều bạn bè thân nhân, ai
cũng nhắc tới ông với lòng yêu mến.

Ông ra đi mà nhắn lại rằng:

- Đừng đau buồn cho tôi, vì kể từ nay
tôi đã rời bỏ được tất cả các hệ lụy của
cuộc đời, và đã cảm thấy rất thanh thản
bên cạnh “ngài”. Tôi đã nắm lấy tay
“ngài” khi “ngài” gọi tôi.

Thật khó khi mà phải rời khỏi các bạn,
nhưng dấu sao mong rằng các bạn hãy nhớ
đến những trận cười, những cái hôn, những
điều chúng ta hằng chia sẻ.

Cuộc đời đã cho tôi một cuộc sống hết
sức trọn vẹn, tôi đã có một gia đình rất
đằm ấm, những người bạn thật tốt, những
người thật tình yêu thương tôi, những thời
gian sống thật tuyệt vời.

Vậy nhé, chúc các bạn ngày mai một
bầu trời thật tươi, một con đường còn dài
thật tốt đẹp.

Rồi có một lúc nào đó chúng ta sẽ lại
gặp nhau.

Hoàng Dung
Virginia, 12/08/2009

NGUYỄN CÔNG TRÚ (1778 – 1858)

Hải Bằng.HBB

(Tài liệu: *Tuyển Tập Văn Học* của Nguyễn Khắc Kham; *Việt Văn Điển Giảng/Trường Nguyễn Khuyến*; và bài đăng trên các trang web)

Văn Học cổ điển Việt Nam chịu ảnh hưởng của ba dòng tư tưởng Phật Thích Ca (623 TCN – 543 TCN), Lão Tử (sinh trước Khổng Tử ít lâu), và Khổng Tử (551 TCN – 479 TCN). Có ba nhà nho tiêu biểu thể hiện rõ xu hướng theo các dòng tư tưởng nói trên qua thơ văn và lối sống, đó là Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, và Nguyễn Công Trứ. Vì thời thế (loạn: thay bậc đổi ngôi) và hoàn cảnh (giàu hay nghèo) khác nhau nên *ba cụ đã chọn cho mình một nhân sinh quan, một lối sống khác biệt để tồn tại.*

Trong khi Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) nghiêng về Lão Giáo: gác bỏ danh lợi, lui về ẩn dật, sống một cuộc sống dân dị:

Một mai, một cuộc, một căn câu

Thơ thần dấu ai vui thú nào

Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn người đến chốn lao xao

Và Tiên Điền Nguyễn Du nghiêng về Phật Giáo: thuyết về chữ Nghiệp, chữ Tâm của Đạo Phật:

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Thì Uy Viễn Nguyễn Công Trứ nghiêng về Khổng Giáo: quyết chí học để ra làm quan giúp đời.

Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp



Mà chữ danh liền với chữ thân

Thân đã có ắt danh phải có

Bàn riêng về Nguyễn Công Trứ, thơ văn và cuộc đời của ông quả đã làm sống lại tinh thần của Nho Giáo của Khổng Tử chủ trương đào tạo lớp người có kiến thức và đạo đức kiện toàn để ra

gánh vác việc quốc gia gọi là **Kẻ Sĩ**. Khổng Tử đã quay về san định và hệ thống hóa những tư tưởng của tiền nhân để vạch ra những con đường gọi là “đạo” phải đi theo để trở thành con người có ích cho quốc gia. Đó là đạo vua-tôi (quân-thần), đạo cha-con (phụ-tử), đạo vợ chồng (phu-phụ), đạo thầy-trò (sư-đệ), đạo bằng hữu (bạn bè), đạo Trung Dung” (xử thế ở đời), v.v.

Nền tảng tư tưởng của Khổng Tử là chữ *Thiện*; phương tiện phát huy tư tưởng là *học hỏi*. Ông đề xuất: “Nhân chi sơ tính bản thiện” và “nhân bất học bất tri lý”. Từ 15 tuổi, ông đã lập chí học và ông tiếp tục học cho đến lúc lìa đời (73 tuổi). Từ Công (xem *Mạnh Tử*) sau này thuật lại: “**Học không biết chán, ấy là trí; bảo ban không biết mệt, ấy là nhân. Có Nhân và lại có Trí, phu tử là thánh vậy.**” Khổng Tử nhận định: “*Học là khởi điểm để trở thành kẻ sĩ và chỉ có quá trình không ngừng học hỏi mới có thể giác ngộ về nhân ái.*” Chính Nguyễn Công Trứ đã dành hầu hết cuộc đời để tranh đấu vượt các trở lực gia cảnh nghèo khó, quan trường tham nhũng, và triều đình kết bè phái hầu sống xứng đáng là một Kẻ Sĩ.

*

Thân Thế và Sự Nghiệp Nguyễn Công Trứ (1778- 1858)

Nguyễn Công Trứ là một nhà thơ còn để lại nhiều tác phẩm đủ để cho có thể hiểu về thân thế, sự nghiệp, tâm tư, và chí hướng của ông.

Ông sinh năm 1778 và mất năm 1858; thua Nguyễn Du (1765 – 1820) mười ba tuổi và kém Hồ Xuân Hương (1772 – 1822) sáu tuổi. Như vậy on mưa móc của Nhà Lê đối với cụ không được là bao. Ông quê ở huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh (cùng quê với Nguyễn Du). Cha ông là Nguyễn Tân đỗ Hương Cống tức Cừ Nhân, làm một vị quan nhỏ dưới triều Lê.

Năm 1813, lúc đó Nguyễn Công Trứ được 36 tuổi mới đậu Tú Tài. Sáu năm sau, năm 1819, ông được 42 tuổi, mới đậu Giải Nguyên. Ông từng giữ chức Binh Bộ Thượng Thư và Tổng Đốc nên dân còn gọi ông là cụ Thượng. Cuộc đời làm quan của ông có nhiều lần thăng giáng. Năm 1841 ông bị án trảm rồi được xét lại và được tha. Năm 1843 ông bị cách xuống làm lính trơn. Năm 1848, ở tuổi 71, ông về hưu với chức hàm Phủ Doãn Thừa Thiên. Ông qua đời ở tuổi 81 và được truy phong “Đinh Bình Hầu”.

Ông lập được nhiều công trạng đáng kể và để lại nhiều bài thơ đủ thể loại phản ánh cuộc đời và nhân sinh quan của ông.

Về quân sự: ông dẹp loạn Lê văn Lương (1825); loạn Phan Bá Vành (1827); loạn Nùng Văn Vân (1833); và Giặc Khách (1835); năm 1835, lúc đó đã 67 tuổi, ông xin tòng quân đánh Pháp lúc quân Pháp tấn công Đà Nẵng.

Về Kinh tế: ông đưa dân nghèo đi khai khẩn đất ở vùng biển Kim Sơn thuộc Ninh Bình và vùng Tiền Hải thuộc Thái Bình (1828). Dân địa phương lập từ đường thờ để nhớ công đức của ông.

Về thi văn: Thơ văn của ông phong phú và đa dạng. Ông sáng tác 52 bài thơ, 63 bài ca trù, một bài phú, một bài tuồng (Tứ Hội), và ít câu đối. Thơ và ca trù của ông đọc nghe đầy ý tình cảm khái: hăng hái, ý nhị, bông đùa, vui nhiều hơn buồn, và không có ý châm chọc hay oán than ai. Thơ của ông được đem vào chương trình giáo dục và học sinh nào cũng nằm lòng một số câu đặc ý của ông về nhiều lãnh vực. Những bài được nhiều người biết đến là: “Than

Nghèo”, “Kẻ Sĩ”, “Chí Làm Trai”, “Phận Sự Làm Trai”, “Đi Thi Tự Vịnh”, “Làm Quan Bị Cách”, “Cầm Kỳ Thi Từ”, “Chữ Nhân”, “Cây Thông”, “Gánh Gạo Đưa Chồng”, “Thoát Vòng Danh Lợi”, “Tương Tư”, “Già Cưới Nàng Hầu”, “Vịnh Hàn Tín”, “Vịnh Tiền/Hậu Xích Bích”, “Vịnh Thúy Kiều”, “Vịnh Đồng Tiền”, “Thú Ân Dật”, “Thích Chí Ngao Du”, v.v.

Cuộc đời của ông có ba giai đoạn: (1) Thuở Hàn Vi; (2) Lúc Hiển Đạt; và (3) Hương Lạc. Thơ văn của Nguyễn Công Trứ xoay quanh ba đề tài: (1) Chữ Nghèo (2) Phận Sự Làm Trai và (3) Chữ Nhân. Những câu hỏi có thể đặt ra về ông là: (1) Ông chịu ảnh hưởng của Phật – Lão - Khổng như thế nào? (2) Tại sao ông bị thăng giáng nhiều lần trong lúc làm quan? (3) Những bài học gì có thể rút ra từ cuộc đời của ông? Nhưng trước hết hãy nhìn sơ xem Khổng Giáo quan niệm như thế nào về cái nghèo.

Khổng Giáo và Chữ Nghèo

Người ta thường nói nghèo không phải là cái xấu, nhưng là cái tội – cái tội nghèo vì *nghiệp quả* từ những kiếp trước. Nhưng cái nghèo cũng là thử thách hay là một động cơ thúc đẩy con người có chí phấn đấu vươn lên. Hàn Tín đời xưa ở Trung Quốc lúc nhỏ cũng nghèo lắm, nhưng bền chí mài kiếm sắt, binh pháp, và phải ăn nhờ cơm của một bà thợ giặt mướn bên sông; sau làm nên Tướng Quốc.

Khổng Tử lúc còn nhỏ cũng cơ cực lắm, nhưng ông lúc nào cũng mở sách ra đọc. Cha là Khổng Lương Hột mãi tới 60 tuổi mới lấy vợ là Nhan Chính, 20 tuổi. Khổng Tử ra đời ngày 28 tháng 5 năm 551 Trước Công Nguyên, mất vào tháng 4 năm 479 TCN và được 3 tuổi thì cha qua đời. Cái kinh nghiệm của cuộc sống nghèo hãn đã giúp ông đưa ra lối sống “**an bản, lạc đạo**” làm một giá trị đạo đức trong phẩm cách của người “quân tử”. Khổng Tử ca ngợi đệ tử Nhan Hối: “Hiền thay, Nhan Hối! Một giỏ cơm, một bầu nước, sống trong một ngõ nhỏ

hẹp, mà Hòi vẫn vui vẻ!”. Chính Không Tử cũng tự vui với cảnh nghèo và nói: “Cơm rau, nước nhạt, gối đầu lên cánh tay mà ngủ; còn làm điều bất nghĩa mà được giàu sang thì ta không màng đến.”

Các nhà Tống Nho sau này tự hỏi vì nguyên do gì mà Không Tử và Nhan Hòi ở trong cảnh nghèo khó mà vẫn vui và cho rằng vì Không Tử và Nhan Hòi đạt tới mức độ hiểu được “mệnh Trời” và lòng tràn đầy nhân ái. Nguyễn Công Trứ tin vào mệnh Trời và rằng số mệnh của mình sẽ tốt đẹp, sự cố gắng của bản thân sẽ được đền bù. Dù sao cảnh nghèo cũng là một cảnh phải gượng mà vui thôi.

(1) Thuở Hàn Vi: Nguyễn Công Trứ với Chữ Nghèo

Sinh ra trong một gia đình không sung túc như Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ vẫn vững chí lập thân và không sợ cái nghèo. Nguyễn Công Trứ nghèo nhưng ông cố gắng chịu đựng thiếu thốn và chịu khó trau dồi văn chương, chữ nghĩa chờ mở khoa thi. **Nghèo mà vẫn vui với Đạo** hay là “An bản lạc đạo” chính là thái độ của người quân tử: “*Người quân tử không đổi lòng lúc khó khăn cùng; kẻ tiểu nhân gặp cảnh khó khăn cùng thì làm bậy*”.

Người ta thường nói nghèo không phải là xấu và tiền bạc có thể không mang lại hạnh phúc. Nhưng tiền bạc chần chẫn không làm cho người ta buồn chán và còn làm con người tự mãn, tự kiêu rất đáng ghét. Người không có tiền thường có tâm trạng chán nản và thiếu tự tin. Tục ngữ có câu “Mạnh vì gạo, bạo vì tiền” là vậy. Nguyễn Công Trứ lúc hàn vi cố gắng chịu đựng để gửi phẩm cách theo câu: “giấy rách còn giữ lấy lề” (giữ lấy gốc) hoặc “đói cho sạch, rách cho thơm”. Làm thế nào cụ có thể giữ “lấy lề” hay “rách cho thơm”? Đó là nhờ hấp thụ và thực hành những điều dạy của Nho Giáo và từ đó ông nung chí vươn lên để xóa nạn

nghèo cho ông và cho dân nghèo. Hãy xem Nguyễn Công Trứ phơi bày hình ảnh của con Ma Nghèo trong bài “Hàn Nho Phong Vị Phú” và chỉ những người đã từng sống ở thôn quê, thấy cảnh sống của người nghèo mới thấy Nguyễn Công Trứ quả đã tả rất chân thực cảnh nghèo của mình với những lời thơ đượm mùi vị chua xót, đắng cay mới thông cảm cho những nỗi chán của cảnh nghèo.

Chém cha cái khó!

Chém cha cái khó!

Khôn khéo mấy ai?

Xấu xa một nó!

Lục cực bầy hàng sáu

Rành rành kinh huấn chẳng sai

Vạn tội ấy làm đầu

Ấy ấy ngàn ngôn hẳn có

Kìa ai! Bốn vách tường mo, ba gian nhà cỏ

Đầu kèo một đục vẽ sao, trước cửa nhện giăng màn gió

Phên trúc ngăn nửa bếp, nửa buồng; ống nửa đựng đầu kê, đầu đỗ

Đầu giường tre, mối dũi quanh co; góc tường đất, giun đùn ló nhỏ

Bóng nắng dọi trịnh gà bên vách, thằng bé tri trô

Hạt mưa soi hang chuột trong nhà, con mèo ngáp ngó

Trong cũi, lợn nằm, gặm máng, đói chẳng buồn kêu

Đầu giàn, chuột cạy, khua niêu, chán thôi lại bỏ

Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no

Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngó

Ám trà góp lá bàng, lá vối; pha mùi chát chát, chua chua

Miếng trầu tèm vỏ mận, vỏ dứa; buồn miệng nhai nhai, nhỏ nhỏ

Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mền, nực làm gói; bốn mùa thay đổi bấy nhiêu ...

Mới biết:

Khó bơi tại Trời; giàu là cái số

Dầu ai ruộng sâu, trâu nái; đụn lúa, kho tiền

Cũng bắt quá thủ tài chi lỗ

Và đây thêm một đoạn trong bốn đoạn của bài thơ thất ngôn liên hoàn:

Than Nghèo

Chừa chán ru mà quấy mãi đây?

Nợ nần dan dẫu bấy lâu nay

Mang danh tài sắc cho nên nợ

Quen thói phong lưu hóa phải vay

Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt

Anh hùng khi gặp cũng khoanh tay

Còn trời, còn đất, còn non nước

Có lẽ ta đâu mãi thế này

*

Nhiều người đời sau rất tâm đắc câu “**Còn trời, còn đất, còn non nước. Có lẽ ta đâu mãi thế này**”. Đối với một số học sinh nghèo thì đây là những câu từng giúp họ kiên nhẫn cố gắng học hành vươn lên. Trong bài này, ông cũng nêu lên một tư tưởng căn bản của Nhà Nho là lẽ “Xuất, Xử”. Xuất là xuất chính ra làm quan giúp đời; Xử là lui về ẩn dật, thoát ra khỏi vòng danh lợi. Cuộc đời của ông phản ánh đúng quan niệm “xuất, xử” đó: khi gặp thời thì ra làm quan giúp nước; khi chưa gặp thời thì lui về ẩn, chờ thời.

Tại Sao Nguyễn Công Trứ Thi Rớt Nhiều Lần

Nguyễn Công Trứ là người thông minh, chăm học. Nhưng mãi tới năm 36 ông mới đậu được Tú Tài và năm 42 tuổi mới đậu Giải Nguyên. Như vậy, Nguyễn Công Trứ đã thi rớt vài khóa. Tại sao?

Ông biết mình có tài và có chí nên ông tin tưởng ông sẽ thành đạt. Từ sự tin tưởng đó, ông cố gắng không ngừng dù đã nhiều lần thất bại trên đường thi cử. **Ông thực sự có tài không?** Và, tại sao bị thi rớt nhiều lần? Ông đã thi đậu, ra làm quan, đánh đông, dẹp bắc, khai khẩn đất hoang; như vậy, ông tự chứng tỏ có tài. Tài này có thể do thiên bẩm và cũng là do ông trau dồi sự học. Và chính ông, ông tự nhận: “**Trời đất cho ta một cái tài. Giắt lưng dành để**

tháng ngày chơi”. Câu này biểu lộ tinh tự đắc khiến nhiều quan đương thời ghét ông.

Nhưng ông thi rớt nhiều lần có lẽ cũng vì nghèo không có tiền mướn thầy dạy mà phải tự học và cũng có lẽ không có tiền để lo lót quan trường. Cái tệ nạn lo lót quan trường đã có từ thời Mạc, Trịnh. Năm 1750, họ Trịnh đặt lệ “**Thông Kinh**”: hễ nộp đủ ba quan tiền thì được miễn khảo hạch và coi như trúng sinh đồ, vì thế dân có câu “sinh đồ ba quan”. Cụ Lê Quý Đôn (thế kỷ 1726 - 1784) viết “**Bảy giờ mọi người tranh nhau nộp tiền để lĩnh bằng**.” Trong dân gian có câu ca: “**Mười quan thì dựng tước Hầu. Năm quan tước Bá, ai nào kém ai?**”. Như vậy, cái nạn thi rớt của Nguyễn Công Trứ hẳn cũng do cái nghèo chẳng khác gì đa số các học sinh nghèo ở Việt Nam ngày nay không có tiền học thêm hay mua đề thi vậy. Xin hãy nghe ông tâm sự tự nói lên ý chí của mình trong bài:

Đi Thi Tự Vịnh

Đi không, chẳng lẽ lại về không?

Cái nợ cầm thư phải trả xong

Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt

Lỡ đem thân thế hẹn tang bồng

Đã mang tiếng ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông

Trong lúc trần ai, ai dễ biết?

Rồi ra mới rõ mặt anh hùng

*

Nhiều người hẳn rất tâm đắc với hai câu luận: “**Đã mang tiếng ở trong trời đất. Phải có danh gì với núi sông**”. Hai câu này thực tế đã giúp nhiều học sinh quyết chí học hành để lập công danh.

(2) Thời Hiễn Đạt: Nguyễn Công Trứ và Phận Sự Làm Trai

Tại sao ông hiễn đạt? Ông đã tạo được những công đức gì? Tại sao ông bị thăng giáng nhiều lần? Ông không hoàn toàn toại chí là tại sao? Đó là vài câu hỏi gợi ý cho phần trình bày sau.

Tại sao ông hiễn đạt?

Ông hiển đạt là do ông *có chí* như câu tục ngữ “Có chí thì nên” hoặc câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim”. Nhưng biết đâu ông cũng đã phải vay tiền để lo lót quan trường? Và, có lẽ cũng phải nói thêm là ông *có số làm quan*. Vì thế, đối với chữ “**mệnh**” và thể thái nhân tình, ông có viết:

*Đi lại chẳng qua thời với mệnh
Cũng đừng thắc mắc, chớ đo lường
Vận mệnh khi may, đen hóa đỏ
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận mệnh
Thể thái nhân tình góms chết thay
Nhặt nòng coi chiếc túi voi đầy
Ra trường danh lợi: vinh liền nhục
Vào cuộc trần ai: khóc lộn cười*

Chịu ảnh hưởng của Nho Giáo, Nguyễn Công Trứ có hoài bão giúp đời. Do đó, ông đã kiên trì dùi mài kinh sử có thi đậu để ra làm quan và có lẽ cũng là cách duy nhất để ông thoát khỏi cảnh nghèo bị bà con, bạn bè dè bieu, chê trách. Về phận sự làm trai, ông bày tỏ ý chí của ông trong nhiều bài thơ rất được các học sinh tán thưởng, chẳng hạn, bài “Chí Nam Nhi” và bài “Kê Sĩ”. Sau đây là bài mà học sinh nào cũng đọc qua là thuộc vì nó cũng nói lên hoài bão của chính mình trong bài hát nói (ca trù) đủ 3 khổ:

Chí Nam Nhi
*Thông minh nhất nam tử
Yếu vì thiên hạ kỳ
Trót sinh ra thì phải có chí chi
Chẳng lẽ tiêu lung ba vạn sáu
Đổ kỹ xá chi con tạo
Nợ tang bồng quyết trả cho xong
Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung
Làm cho rõ tu mi nam tử
Trong vũ trụ đã dành phận sự
Phải có danh mà đối với núi sông
Đi không chẳng lẽ về không*

Ông cũng bàn tới vai trò của **Kê Sĩ là người đỗ đạt, ra làm quan giúp nước**. Kê Sĩ phải được

xếp vào hàng lãnh đạo chỉ huy đứng đầu trong nấc thang xã hội. Suốt cả cuộc đời ông đã làm đúng y như những lời trong bài thơ này:

Kê Sĩ
*Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt
Dân hữu tư, sĩ vi chi tiên
Cổ giang san thì sĩ đã có tên
Từ Chu, Hán, vốn sĩ này là quý
Miền hương đảng đã khen rằng hữu nghị
Đạo lập thân phải giấy cương thường
Khí hào nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất
Lúc vị ngộ hối tàng nơi bồng tạt
Hiêu nhiên nhiên điệu vị canh sắn
Xe bỏ luân dầu chưa gặp Thang, Văn
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị ...*

*

Ông tạo được những công lao gì?

Ông tạo được nhiều chiến công rực rỡ tuy chỉ là một quan văn. Ông tự hào với những thành tích của mình trong:

Bài Ca Ngát Ngưỡng
*Vũ trụ nội mạc phi phận sự
Ông Hi Văn* tài bộ đã vào lòng
[* Hi Văn là biệt hiệu của Nguyễn Công Trứ]
Khi Thủ Khoa, Khi Tham Tán, khi Tổng Đốc*
Đông [* Tổng Đốc Hải Dương]
Gồm thao lược đã nên tay ngát ngưỡng
Lúc Bình Tây, cờ Đại Tướng
Có khi Phủ Doãn Thừa Thiên
Đô môn* giải tổ chi niên
[* Năm ở cửa Kinh Đô xin về hưu]
Đạc ngựa, bò vàng đeo ngát ngưỡng*

Ông đã đem dân khai khẩn hai huyện Kim Sơn ở Hải Dương và huyện Tiền Hải ở Thái Bình và ông đã đánh đông, dẹp bắc nhiều lần, như dẹp loạn Lê Văn Lương, Phan Bá Vành, Nùng Văn Vân, Giặc Khách. Tuy nhiên nên lưu ý là nguyên nhân của các cuộc nổi dậy này vì người dân bất mãn chính sách áp bức và bóc lột của vua quan Triều Nguyễn.

Tại sao ông lại bị cách chức nhiều lần?

Tại vì ông có tài, tính tình bộc trực, tự cao, tự mãn, không chịu lo lót nên bị nhiều kẻ dèm pha, vu cáo. Ông dâng vua **Thái Bình Tập Sách** dựa vào quan điểm chính trị của Khổng Tử, kêu gọi **trị quốc bằng Đức và chinh đốn xã hội bằng Lễ**. Nhưng thực tế quốc sách này đã không tạo những thiện cảm về ông trong triều đình tham ô thời đó.

Năm 1828, ông làm bài sớ tâu vua Minh Mạng:

Cái hại quan lại là một, hai phần mười bởi vì quan lại chẳng qua là kiếm lợi nhỏ ở giấy tờ, đòi tiền ngoại lệ ở thuế khóa; cái hại gần và nhỏ. Việc phát lộ thì giáng cách ngay rồi cũng biết hối. Còn cái hại cường hào nó làm cho con cái người ta thành mồ côi, vợ người ta thành góa bụa, giết cả tính mạng người ta, kiệt cả gia tài người ta mà việc không lộ, cho nên cứ công nhiên mà không sợ gì.

Sớ này chỉ nói đến việc của cường hào thôn quê và chút chút về quan lại tham ô. Nhưng còn nhà vua thì sao? Một người Pháp tên là Borel đến VN năm 1818 viết:

Nhà vua sử dụng tất cả nhân lực vào việc xây thành, đắp lũy ... Khi tôi đến Huế, đã có 80 ngàn dân được điều động từ khắp nơi trong nước đang xây dựng các thành lũy bằng gạch". Một người Anh viết: "Từng đoàn dân dài, thợ đang chuyên chở vật liệu, những đồng gạch đá, những xưởng rèn, những doanh trại, ... Tất cả tạo thành một cảnh tượng khó hình dung ra nếu không tận mắt chứng kiến. Tiếng búa đập, tiếng la gọi của đoàn dân phu ấy gây thành một thứ ồn ào nhưc óc. Nhưng tất cả vẫn cặm cụi làm việc, chẳng ai dám nghỉ tay". "Riêng việc xây bờ thành đã tốn những khoản tiền khổng lồ và làm thiệt hàng ngàn nhân mạng vì phải khổ dịch liên tục. (Xem Lịch Sử Việt Nam của Nguyễn Phan Quang và Võ Xuân Đàn, tr. 344).

Sớ của Nguyễn Công Trứ chắc chắn chẳng mang những ấn tượng vui chút nào cho nhà vua và triều đình. Vì vậy, khi về hưu, ông được dân

Huyện Tiền Hải tổ chức đón rước vinh danh ông rất long trọng. Một nhóm quan ghen ghét ông đã tâu vua Tự Đức rằng ông có mưu đồ làm phản dựa vào bài thơ có bốn câu nhấn bạn đem cỗ bài 120 quân qua sông đánh tổ tôm:

Tứ tướng dĩ cụ	Bốn tướng sẵn rồi
Chi khiếm nhất viên	Chi thiếu một thoi
Tương bách nhị binh	Mang quân trăm hai
Độ hà kịch chiến	Qua sông giao chiến

Vua Tự Đức cho vời ông vào triều xét hỏi. Ông buồn quá mới làm bài:

Con Tào Ghen Ghét

Danh giá Tào Vật chi sở kị

[Người có danh thường bị Tào Hóa ghen ghét]

Ghét chứng chi, ghét mãi, ghét hoài

Lúc tuổi xanh chi khỏi cậy tài

Sức bay nhảy tương ra ngoài đào chú [đào là đúc; chú là nặn; ý nói số mệnh]

Tóm lại, vì có tài, có công, không luồn cúi, lại bộc trực, nói thẳng, hẳn nhiên ông bị nhiều quan lại tham ô ghét và dẫn đến sự kiện ông bị vu cáo và bị thăng giáng nhiều lần. Nhưng, ông không buồn bực mà còn thách thức:

Nào! Nào! Thăng nào sợ thăng nào?

Đã sa xuống thấp lại lên cao

Và,

Trời đất cho ta một cái tài

Giắt lưng dành để thàng ngày chơi!

Với tất cả những kinh nghiệm thăng giáng vinh liền nhục đó, ông dần dần quay về hưởng nhàn vào lúc tuổi ngoài bảy mươi. Nhưng cách hưởng nhàn của ông khác hẳn với cách hưởng nhàn của Nguyễn Bình Khiêm.

*

(3) Nguyễn Công Trứ và Chữ Nhàn

Cách hưởng nhàn của ông Nguyễn Công Trứ khác hẳn với cách hưởng nhàn của cụ Nguyễn Bình Khiêm. Chữ Nhàn của ông Nguyễn Bình Khiêm phản ánh trung thực tư tưởng “**Vô Vi**” của Đạo Lão nổi tiếng với những tư tưởng triết lý ghi trong cuốn **Đạo Đức**

Kinh. Đó là cuốn sách có trên 5000 chữ gồm hai phần “Đạo” và “Đức” mà sử gia Tư Mã Thiên cho là của Lão Tử viết để lại cho đời trước khi ông mai danh, ẩn tích. Tư tưởng của Lão Tử khó hiểu và mỗi người có thể diễn giải một cách khác. Đời sau, có người tôn Lão Tử là Tổ của phái Tu Tiên. Nhà cầm quyền đương thời không tán thành lý thuyết “Vô Vi” của ông, bởi vậy ông bỏ đi ở ẩn trong núi. Từ đó, có người cho là Lão Tử khởi xướng “Đạo Nhân”. Nhưng Nguyễn Công Trứ không hưởng nhân theo Lão Trang. Ông hưởng nhân theo ý riêng của ông là đi đó, đi đây, ngắm cảnh, và làm thơ cho à đào ca hát, chứ không chỉ đóng khung trong một mảnh vườn và ao cá.

Đạo Lão và Chử Nhân

Trong *Đạo Đức Kinh*, Lão Tử cho rằng Đạo là chân lý tuyệt đối, hằng cửu, không có khởi thủy, không có kết thúc, là nguyên nhân tạo ra vạn vật, và không có tên nên đặt là Đạo để gọi. Con người muốn trường thọ và hạnh phúc thì phải sống theo quy luật của tự nhiên để trở về hợp nhất với Đạo. Như vậy con người phải sống có Đức: giản dị, khiêm tốn, yêu thiên nhiên, tuyệt đối tránh đặt ra những phép tắc, luật lệ gây phiền toái cho con người. Đó chính là nội dung của hai chữ “Vô Vi” hay “Không Làm” hàm ý không làm gì trái với tự nhiên. Từ đó Lão Tử bác bỏ cái gọi là “trí” hay hiểu biết” của con người đi. Ông viết: “Bỏ cái trí đi rồi, nước sẽ ổn. Dân mà biết nhiều quá thì khó trị nước. Trong nước, càng cấm kỵ thì dân càng nghèo. Dân càng có nhiều phương tiện kiếm lợi thì quốc gia càng hỗn loạn. Pháp lệnh càng nhiều thì trộm cướp càng tăng. Cho nên các bậc thánh nhân, tức các nhà được dân tôn sùng, bảo: Ta ‘vô vi’ mà dân tự cải hóa; ta ưa tĩnh mà dân tự sửa đổi; ta không làm gì cả mà dân tự giàu; ta không ham muốn gì cả mà dân tự hóa ra chất phác”.

Triết thuyết của Lão Tử không được các vua chúa đương thời hưởng ứng vì khó ứng

dụng. Khổng Tử, cũng thắc mắc cái lối sống quay về với thiên nhiên và bỏ hẳn đi cái “trí” đi, đã đến hỏi Lão Tử về “Lễ”. Lão Tử trả lời: “Người quân tử gặp thời thì đi xe; không gặp thời thì đội nón lá và đi chân. Ta nghe nói người buôn bán giỏi thì khéo dấu của, coi như chẳng có gì cả; người quân tử có đức tốt, coi bề ngoài như ngu đần. Thầy nên bỏ cái khí kiêu căng, cái lòng ham muốn sắc dục và dâm chí đi. Những cái đó không lợi gì cho thầy.” Khổng Tử về nói với các đệ tử: “Chim thì ta biết nó bay được; cá thì biết nó lội được; thú biết nó chạy được. Con con rỗng thì ta không biết nó cưỡi gió, cưỡi mây bay lên trời như thế nào. Hôm nay, ta thấy Lão Tử như con rỗng vậy”.

Thẩm nhuần tư tưởng này, Nguyễn Bình Khiêm có dịp từ bỏ danh lợi là cụ làm, và ông khuyên người ta muốn an thân thì an phận, nhường nhịn, bỏ ngoài tai lời khen, tiếng chê:

Cơ mâu Tạo Hóa mặc tự nhiên

Yên phận thì hơn hết mọi điều

Hãy yên thừa phận ấy nên vui

Dù hay phận nhỏ mới yên phận

Lành, dữ, khen, chê, cũng mặc ai

Mọi điều nhân, ngã, nhân thì qua

Dù được, dù thua, ai mặc ai

Dù kém, dù hơn, ai mặc ai

Nhưng nhưng mọi sự gác ngoài tai

Mệnh ở trời há phải cầu

Được, thua, phú, quý, đều thiên mệnh

Chen chúc làm chi cho nhọc nhàn

Tóm lại, ông khuyên bỏ tất cả để được nhân:

Được nhân, ta xá dưỡng thân nhân

Thân nhân, phúc mới lại vô nhân

Rồi nhân, thời ấy tiên vô sự

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491 và mất năm 1585, thọ 95 tuổi, vào lúc Nhà Mạc lộng quyền rồi tiếm ngôi Nhà Lê. Ông không có ý ra giúp Nhà Mạc. Nhưng sau vì anh em thúc bách mãi nhiều lần, ông mới chịu ra ứng thi và đậu Trạng Nguyên năm 1535. Ông được liệt vào bậc thiên hạ kỳ tài (xem *Lịch Triều Hiến*

Chương của Phan Huy Ích). Làm quan được 7 năm, ông làm số hạch tội 18 lạng thân, nhưng không được vua nghe. Ông bèn từ quan (1542) rồi về quê dựng Am Bạch Vân Cư Sĩ và soạn hàng trăm bài thơ vừa Hán vừa Nôm.

Nguyễn Công Trứ Hưởng Nhân Như Thế Nào?

Nguyễn Công Trứ có khoảng 10 năm để tận hưởng những gì ông đã từng ao ước từ thuở còn nghèo. Nhưng khác hẳn với các nhà nho khác, ông tự tạo cho mình một cách hưởng nhân riêng, nghiêng về hưởng lạc nhiều hơn là hưởng nhân. Nếu trong cuộc đời làm quan, ông xông xáo đánh đông, dẹp bắc, khai khẩn đất hoang để thỏa cái chí “làm nên đấng anh hùng đầu đất tở”; thì trong giai đoạn hưởng nhân, ông cũng chơi ngông, không chỉ với bầu rượu túi thơ vui trong một mảnh vườn hay một thửa ruộng con ở một nơi, mà ông sắm hẳn một cỗ xe bò và đem theo vài tiểu đồng hầu hạ, đi nhiều nơi trong tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh hoặc thuê thuyền đi ngao du tới Huế, Hà Nội, Gia Định làm thơ cho các ả đào danh tiếng hát:

*Liễu tía, đào hương, mai trắng trắng
Lan tươi, huệ tốt, lý xanh xanh
Hoa với khách như đà có hẹn
Ưu màu nào màu ấy là xinh*

Kiểu ăn chơi của ông thời đó ít có nhà nho làm. Nhưng sau này, vào thời đại của các nho sĩ về chiều khoảng đầu thế kỷ 20, phong trào hát ả đào (cô đầu) lại mở ra khá rầm rộ ở Phố Khâm Thiên, Hà Nội.

Tại sao ông Nguyễn hưởng nhân một cách phóng túng như vậy? Có lẽ đó cũng là do cá tính của ông, một con người ham hoạt động và có lẽ cũng vì ông chịu ảnh hưởng một phần tư tưởng của Lão Trang để tự mình coi trời dẫu dẫu khỏi những ràng buộc đầy vinh nhục của cái danh và cái lợi mà ông đã trải qua. Lúc nghèo thì bị người ta khinh thường; khi làm quan ngay thẳng thì bị dèm pha chịu thẳng

giáng nhiều lần. Các kinh nghiệm đó tất khiến ông không thể không chán chường mà phải tìm cách “trả miếng” trong những câu thơ đặc chí qua tiếng ca ngọt ngào của các đào nương, đúng với câu:

*Chơi cho thanh lịch mới là chơi
Chơi cho dài các cho người biết tay
Tài tình dễ mấy xưa nay*

Ba câu thơ trên trích trong bài “Cầm, Kỳ, Thi, Tấu” nói lên bốn cái thú tiêu khiển:

Cầm, kỳ, thi, tấu

*Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay
Đàn năm cung gió giắt tình tình dây
Cờ đôi nước dập dình xe ngựa đó
Thơ một túi phâm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà
Thú xuất trần tiên vẫn là ta
Sánh Hoàng Thạch, Xích Tùng ở cũng đáng*

Bài hát nói “Chữ Nhân” có thoáng một vài ý đượm màu Phật Giáo được nhiều người thuộc nhất, trong đó ông khuyên mọi người hãy lo mà hưởng nhân đừng chờ đợi. Những người quanh năm suốt tháng chỉ lo kiếm tiền cho đầy túi, đầy rương, tưởng nên tìm đọc bài này:

*Thị tại môn tiền nào
Nguyệt lai môn hạ nhân
So lao tâm, lao lực cũng một đoàn
Người trần thế muốn nhân sao được?
Nên phải lấy chữ nhân làm trước
Trời tiếc ru ta cũng xin nài
Cuộc nhân sinh bảy, tám, chín, mười, mười
Mười lăm trẻ, năm mươi già không kể
Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc
Trần có vui sao chẳng cười khi
Khi hỉ, nộ, khi ái, ó, lúc sầu, bi
Chứa chi lắm một bầu nhân dục?
Tri túc, tiện túc; đãi túc hà thời túc?
Tri nhân, tiện nhân; đãi nhân, hà thời nhân
Cầm kỳ thi tấu với giang san*

*

Nói theo bây giờ, ông là người khoái thụ hưởng nên ông khuyến người ta “*Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy. Nếu không chơi thiệt ấy ai bù? Nghề chơi cũng lắm công phu*”. Tư tưởng này thể hiện hành động của ông khi cụ cưới một cô hầu lúc ông đã 73 tuổi xuân vàng:

Tân nhân dục vẫn lang niên kỷ
Ngũ thập niên tiền, nhị thập tam
*Cô dâu muốn hỏi chàng bao tuổi?
Năm chục năm “qua” mới hăm ba*
Trong trần thế duyên duyên, nợ nợ
Duyên cũng đành mà nợ cũng đành
Xưa nay mấy kẻ đa tình?
Lão Trần* là một với mình là hai
Càng già, càng dẻo, càng dai

[* Trần Tu đời nhà Lê đậu Tiến Sĩ được vua gả công chúa mới 17 tuổi cho]

Nhưng trong cuộc đời, ông có vướng mắc tình yêu với ai không? Ông vốn là chàng trai hào hoa, đa tình, đa tài, làm sao không có những chuyện tơ tình giăng mắc? Nếu không, tại sao ông viết bài “Sầu Tình” như muốn nói tới một người tình nào đó trong tư tưởng, với những lời thơ thật mênh mang gợi cảm:

*Sầu ai lấp cả vùng trời
Biết chẳng, chẳng biết, hỏi người tình chung?
Hỏi trăng gió, gió trăng hờ hững
Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm ngùi*
Càng tài tử, càng nhiều oan trái
Cái sầu kia theo hình ấy mà ra
Mua sầu lại kẻ hòa hoa

*

Trong bài “Tiễn Biệt”, lời thơ, và ý thơ thật cũng rất thắm thiết không thua gì những câu thơ trong bài “Rondel de L'adieu” của Edmond Haraucourt (Pháp) mở đầu bằng những câu:

Partir, c'est mourir un peu
C'est mourir à ce qu'on aime
On laisse un peu de soi-même
En toute heure et dans tout lieu
Dịch là:

Chia ly là chết đi một chút
Là chết cho mỗi phút mình yêu
Tự mình để lại chẳng nhiều
Mọi giờ, khắp chốn, bấy nhiêu là cùng

Và Xuân Diệu đã lấy ý để viết ra những câu:
Yêu là chết ở trong lòng một chút
Vi mấy khi yêu mà đã được yêu
Cho rất nhiều, song nhận chẳng được bao nhiêu
Người ta phụ hoặc tơ không biết

Ông Nguyễn Công Trứ đã tiễn biệt ai? Đây phải là một người ông yêu mà không thể thổ lộ được. Đó là một loại “ẩn tình”, một thứ “secret love” chung của nhiều nghệ sĩ. Ông viết:

Tiễn Biệt

*Kẻ về, người ở
Bồi hồi thay lúc phân kỳ
Khéo quấy người thay chữ “tình si”
Lừa ly biệt bằng bằng không lúc nguội
Bát ngát trăm đường bói rói
Biết thời dung dị, kiến thời nan (xa thì dễ mà gặp thì khó)
Trót đa mang khúc hát, cung đàn
Nên dan díu mối tình chưa dứt
Sá nghĩ xa xôi nghìn dặm đất
Tiếc công đeo đẳng mấy năm trời
Khi ra vào tiếng nói, giọng cười
Một ngày cũng là người tri kỷ
Sao nỡ để kẻ vui, người tẻ?
Gánh tương tư riêng nặng bẻ bẻ
Thương thay người ở đôi quê
Nẻo đi thời nhớ, nẻo về thời thương
Tình sao cho vẹn trăm đường?*

*

Người đời, tuy vui chơi, hưởng lạc đến đâu chẳng nữa, cũng phải đến lúc anh hùng thất mệ. Ông Nguyễn Công Trứ cũng thế. Sau khi đã đắc chí với hai chữ công và danh; sau khi đã hưởng đủ mùi vị của chữ nhân, thân, và tâm tương đối an lạc, ông quay trở về với tư tưởng của Phật, Lão, Trang tìm một lối thoát cho cuộc

đời của ông bấy lâu quay cuồng trong thế giới của dục vọng. Ông bày tỏ tâm tư về cuộc sống trong bài:

Vịnh Nhân Sinh

*Ôi! Nhân sinh là thế ấy
Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như
chiêm bao
Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào
Vừa tỉnh giấc, nỗi kẻ chưa chín
Vật thái mạc cùng vân biến ảo [Trò đời thay đổi
như mây: khi tan, khi hợp]
Thế đồ vô lự thủy doanh hư [Cuộc đời lên
xuống như nước: lúc đầy, lúc vơi]
Cái hình hài đã chắc thiết chưa?
Mà lẽ đẽo khắc sấu rủa mãi!
Trời đất hời, có hình thì cũng hoại
Ý chi chi mà chắc chắn chi chi?
Cuộc làm vui liệu phải kịp thì
Khi đắc chí lại có khi thất chí
Tròng đó đó hãy suy cho kỹ
Dầu xưa nay nào có trừ ai
Có tài mà cậy chi tài*

*

Rồi dường như ông muốn trách khéo mình về cái tính hăm hở, cậy tài, cậy sức của tuổi trẻ rằng:

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay
Chỉ làm trai nam, bắc, đông, tây
Cho phỉ chí vẫy vùng trong bốn biển*

Đề rồi cuối cùng sự tinh mới thấy:

*Chen chúc lợi danh đã chán ngắt
Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao
Đám phồn hoa trót bước chân vào
Sự nghĩ lại giặt mình sao xiết kể!*

Ông giặt mình là phải vì xưa nay đã có không ít tâm gương của những vị công thần vào cuối cuộc đời danh vọng bị rơi vào cảnh thân bại, danh liệt như Hàn Tín đời Nhà Hán, Nguyễn Trãi đời Nhà Lê, Lê Văn Duyệt và

Nguyễn Văn Thành đời Nhà Nguyễn. Cuộc đời của ông được thoát tử hình là may bởi vì ông cũng đã bị kết án tử hình một lần rồi. Và ông trách trời hay trách mình qua bài thơ sau đây:

Vịnh Cây Thông

*Ngồi buồn mà trách ông Xanh
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười
Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thì trèo với thông*

*

Tại sao ông lại bày tỏ ý “chớ làm người”? Nói chung, người ta chỉ không muốn làm người nữa khi các xã hội họ đang sống không có gì tốt đẹp để xứng đáng cho người ta sống, chẳng hạn, nhiều người thoát ra khỏi Việt Nam sau 1975 bày tỏ không muốn sống làm người Việt một lần nữa trong cái gọi “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam” hiện tại. Ông Nguyễn chắc cũng muốn nói là không muốn làm kiếp người nữa dưới chế độ mục nát của Triều Nguyễn: vua quan kết bè đảng đục khoét, hương lạc; hiền tài bị chèn ép; dân chúng bị bóc lột.

Tóm kết lại, thơ văn của ông Nguyễn Công Trứ được nhiều người ưa chuộng và ngâm nga là vì nó có tính thực tế: khuyên thanh niên phải cố gắng học thành danh để giúp đời. Đó là tư tưởng của Khổng Giáo: sống để trở thành người quân tử và giúp đời. Hơn ba mươi năm sau, một nhà nho lỗi lạc khác ra đời, cũng sống trong cảnh nghèo, cũng tài cao, chí lớn, nhưng quá kiêu ngạo nên chỉ làm được một vị quan nhỏ dưới Triều Nguyễn, rồi sinh ra bất mãn rồi tôn Lê Duy Cự dựng cờ khởi nghĩa chống Triều Đình và bị xử tử. Người đó là Cao Bá Quát.

HBHDB
(Arizona)

THƠ XƯỚNG HỌA

Tân nhân dục vấn lang niên kỷ?
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam!
(Nguyễn Công Trứ)

CHÀO 70

Đúng thẳng người lên, chào bảy chục
Ô hô, co rút xác thân già
Sáng pha một tách trà Dân tộc
Tối đọc vài tin báo Quốc gia
Trưa gió làn mây rơi trước mặt
Chiều nghe hơi gió thổi quanh nhà
Chẳng còn ngày tháng, sao thời khắc
Có vẻ dư thừa mỗi bước ta
Hawthorne, 1.2.2010

CAO MỸ NHÂN

Họa vận

ĐÚA CON HOANG ĐÀNG

Chân cầu hồ hững con trắng lạnh
Bờ cát đọng đưa bóng liễu già
Cảnh cũ nhói hoài tim lữ khách
Đàn xưa vọng mãi khúc ninh gia
Thieu thân thuở ấy phù hoa hội!
Trở gót hôm nay ấm mái nhà?
Hạnh phúc bưng lên trong ý tưởng:
Cuối đường đứng đợi, chính Cha ta!

ĐOÀN CHINH NAM

Họa vận của

THƠ GỬI BẠN

Bấm đốt ngón tay tưởng tám ba
Đâu ngờ bằng hữu tuổi chưa già.
Vấn chương vấn đẹp như rồng phượng
Xướng họa còn nhanh tựa thỏ gà.
Đã rõ công danh tăng lại giảm
Mà hay tình nghĩa thiếu rồi đa.
An chi lão giả xin bình thân.
Đừng cố vào và chớ cố ra.
[22.3.2010]

NGUYỄN PHÚ LONG

Họa vận

BẢY BA TỰ TRÀO

Uy Viễn Tướng Công thuở bảy-ba
Vấn còn tráng kiện, phải đâu già
Nàng hầu lấm lúc ôm eo ếch
Quan lớn đôi khi quẹo cổ gà
Vụ ấy lão đây trai tịnh lấm,
Khoản này bà nó nhín thềm đa!
Năm thì mười họa thăm em út
Đấm bóp cả giờ mới chịu ra

HỒ CÔNG TÂM

April 21, 2010

Love, Everything

When I die,
I want to be Happy
With a Smiling face.
'Cause life is nothing
Even die!

When I live
I want to be Happy
With my living life
'Cause life is nothing
If only live.

When I love
I want to be happy
With my loving life
'Cause life is nothing
Without Love!

Yên Vi
Yvette Springfield
(Minnesota)



NGÀY LONG TRỜI LỎ ĐẤT của tác giả **TRẦN THẾ NHÂN** (trong nước), là một cuốn tiểu thuyết lần đầu tiên trong văn học nước nhà được viết rất thật về cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam. Phơi bày những tội ác tày trời của tập đoàn lãnh đạo DCSVN đối với nhân dân, phơi bày thực trạng cực kỳ đen tối của xã hội, những chuyện hãi hùng khủng khiếp khôn cùng, những đau thương, khổ nhục è chề nơi địa ngục trần gian mà người dân Việt Nam đã phải gánh chịu.

Sách dày 370 trang với hình ảnh, bằng chứng thật. Ấn phí 15 MK (cộng cước phí bưu điện \$2.77). Liên lạc:

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ:
2607 Military Rd.,
Arlington, VA 22207 – USA.
Tel. (703) 525-4538
Email <canhnam@dc.net>

NHỮNG NGƯỜI CON CỦA THĂNG LONG XƯA:

Đệ nhất thi sĩ Nguyễn Du viết về

Đệ nhất đào nương: Cô Cầm

Long Thành Cầm Giả Ca (Bài ca nàng Cầm ở Long Thành)

Thi hào Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765) tại Phường Bích Câu, thành Thăng Long, nguyên quán làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, châu Hoan. Ông là Nguyễn Nghiễm làm quan tới chức Tham Tụng chính phủ chúa Trịnh (tức Tể Tướng triều Lê), mẹ là Trần thị Tần, vợ thứ ba, người sứ Kinh Bắc. Qua bao nhiêu thăng trầm cùng lịch sử, từ triều đại vua Lê chúa Trịnh, tới nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn... Năm 1813 Nguyễn Du trở thành Chánh sứ triều Nguyễn, cùng sứ đoàn sang Trung Hoa tiến công. Khi đi ngang qua Bắc Thành, quan Tuyên Phủ mở tiệc khoản đãi, ông được nghe lại khúc đàn hai mươi năm trước, tấu lên bởi chính người danh cầm ngày xưa. Xúc cảm đầy lòng, Nguyễn Du viết bài trường ca rất nổi tiếng này.

Bài ca này đã từng được nhiều nhà nghiên cứu viết thơ dịch, thường là theo thể lục bát hoặc song thất lục bát, theo âm hưởng của Kiều... và một vài bản theo thể thất ngôn trường thiên. Nhưng thời nào vẫn có những tìm kiếm, những cách viết mới, cách hiểu mới. Bài này là một thí dụ:

Long Thành cầm giả ca

Long Thành giai nhân,
Tính thị bất ký thanh.
Độc thiện Nguyễn cầm,
Cử thành chi nhân dĩ Cầm danh.
Học đắc tiên triều cung trung Cung Phụng khúc,

Tự thị thiên thượng nhân gian đệ nhất thanh.
Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến,
Giám hồ hồ biên dạ khai yên.
Kỳ thời tam thất chánh phương niên,
Hồng trang yểm ái đào hoa diện.
Đà nhan hám thái tối nghi nhân,
Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến.
Hoãn như sơ phong độ tùng lâm,
Thanh như song hạc minh tại âm.
Liệt như Tiên Phúc bi đầu toái phích lịch,
Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm.
Thính giả mi mi bất tri quyện,
Tiện thị Trung Hoà đại nội âm.
Tây Sơn chư thần mãn tọa tận khuynh đảo,
Triệt dạ truy hoan bất tri bão.
Tả phao hữu trịch tranh triền đầu,
Nê thổ kim tiền thù thảo thảo.
Hào hoa ý khí lãng công hầu,
Ngũ lãng thiếu niên bất túc đạo.
Tính tương tam thập lục cung xuân,
Hoạt tổ Trường An vô giá bảo.
Thử tịch hồi đầu nhị thập niên,
Tây Sơn bại hậu, dư nam thiên.
Chỉ xích Long Thành bất phục kiến,
Hà hướng thành trung ca vũ diên,
Tuyên phủ sứ quân vị dư trùng mãi tiếu,
Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu.
Tịch mặt nhất nhơn phát bán hoa,
Nhan sáu thần khô, hình lược tiếu,
Lang tạ tàn my bất sức trang,
Thùy tri tự thị đương thời thành trung đệ nhất diệu.
Cự khúc tân thanh ám lệ thùy,

Nhĩ trung tĩnh tĩnh tâm trung bi,
 Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự,
 Giám hồ tịch trung tầng kiến chi.
 Thành quách thôi di nhân sự cải,
 Kỳ xứ tang điền biến thương hải,
 Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong,
 Ca vũ không di, nhất nhân tại.
 Thuấn tức bách niên năng kỹ thi,
 Thương tâm vãng sự lệ triêm y.
 Nam hà quy lai đầu tận bạch,
 Quái để giai nhân nhan sắc suy.
 Song nhân trùng trùng không tưởng tượng,
 Khả liên đối diện bất tương tri.

Thơ dịch:

Bài Ca Nàng Cầm Ở Long Thành

Người đẹp Long Thành
 Tên họ chẳng ghi lại rõ ràng
 Giỏi nhất đàn Nguyễn cầm
 Người trong thành gọi cô Cầm, nên danh
 Học được trong cung triều xưa khúc Cung
 Phụng
 Trên trời dưới thế tuyệt vời âm thanh
 Nhớ xưa tuổi trẻ từng thấy đến
 Bên bờ Hồ Giám đêm tiệc yến
 Áo hồng chìm dưới mặt hoa đào
 Mới vừa hai một mùa xuân điểm
 Đáng yêu má rượu đỏ hây hây
 Năm cung biến tấu tay luân chuyển
 Tiếng khoan như gió thoảng rừng thông
 Trong như đôi hạc kêu đêm không
 Mạnh như sét đánh tan bia đá
 Buồn như Trang ồm Việt ngâm nồng
 Người nghe say sưa hồn thu hút
 Đứng là Trung Hoà Đại Nội Cung Phụng khúc
 Quan khách Tây Sơn thoả thích ngồi ngất ngây
 Say sưa đắm đuối năm canh suốt
 Tả hữu tranh nhau gieo thưởng tiền
 Bạc vàng như đất quặng như rác
 Hào hoa sang cả át vương hầu
 Thiểu niên Ngũ Lãng thâm vào đầu !
 Minh nàng ba mươi sáu cung chung đúc
 Lung linh vô giá Thăng Long bảo châu

Đêm tiệc đã qua hai mươi năm
 Tây Sơn thất bại, ta vào nam
 Gang tắc Long Thành chẳng thấy lại
 Nửa là Hồ Giám chiếu ca ngâm
 Đêm nay, Tuyên Phủ vì ta mở tiệc mua vui, vời
 ca kỹ
 Đây chiếu đào nương tuổi xuân thì
 Cuối chiếu có nàng tóc pha bạc
 Vô vàng nhỏ bé mặt ủ ê
 Sắc tàn mi ủa không trang điểm
 Ai biết tài hoa bạc nhất chốn Kinh kỳ ?
 Khúc xưa thánh thốt ẩn lệ rơi
 Lọt tai, lắng tiếng, dạ bồi hồi
 Bỗng nhớ chuyện xưa hai mươi năm về trước
 Hồ Giám chiếu hát từng thấy người
 Thành quách tàn đi, người thay đổi
 Bao nhiêu ruộng dâu thành biển khơi
 Tây Sơn cơ nghiệp tan tành hết
 Đào nương còn đó một nàng thôi
 Trăm năm thoáng chốc đáng bao nhi?
 Đau lòng ướm áo lệ trào mi
 Nam Hà trở lại ta trắng tóc
 Lạ gì người đẹp sắc phai đi
 Đơi mắt trùng trùng không tưởng nổi
 Thương ơi, đối diện chẳng biết gì !

Bình chú

Long Thành là thành Thăng Long, lúc đó còn
 gọi là Bắc Thành.
 Nguyễn cầm: Đàn nguyệt.
 Giám hồ: Hồ ở khu Quốc Tử Giám, Văn miếu.
 Xưa vùng này có một loạt hồ thông nhau, tổng
 cộng rộng hơn Hồ Tây. Hiện nay hãy còn di tích
 Hồ Văn thuộc Giám.
 Yểm ái : Âm mạo, nghĩa là bị mờ đi vì..
 Trung Hoà Đại Nội: Cung điện thuộc nội thành
 Thăng Long rất huy hoàng lộng lẫy của các vua
 nhà Lê xưa. Chắc rằng khi Nguyễn Du còn nhỏ,
 ông đã được thấy diện trước khi những cuộc
 chiến tranh tàn khốc xảy ra, cũng như lệnh vua
 Gia Long phá thành Thăng Long xây mới.
 Ngũ Lãng: Khu mộ nhà Hán xưa, nơi bọn tài tử
 trẻ tuổi thường đến chơi.
 Tuyên Phủ : Quan trấn thủ Bắc Thành.

Nam Hà: Phía nam của sông Cái, chỉ Thuận Hoá, nơi Nguyễn Du đang làm quan với nhà Nguyễn.

Trước bài Long Thành Cẩm Giả Ca, Nguyễn Du viết một bài Tiểu Dẫn văn xuôi. trong đó thi nhân mô tả sắc đẹp, tính cách nàng Cẩm và những lần ông gặp gỡ nàng: Ngoài hai lần đầu và cuối tả trong bài thơ, còn có những lần được nghe nàng đàn hát ở nhà Nguyễn Nễ, anh ông, đang làm quan cho nhà Tây Sơn ở Thăng Long. Sau cùng là những xúc động khi gặp lại nàng Cẩm bây giờ tiều tụy, khiến ông làm bài thơ này.

Mở đầu bài thơ, thi hào giới thiệu và mô tả nàng Cẩm tươi đẹp rực rỡ trong bữa tiệc yến mời quan khách Tây Sơn bên Hồ Giám:

Áo hồng chìm dưới mặt hoa đào

Mới vừa hai một mùa xuân điếm
Đáng yêu má rượu đỏ hây hây...

Đây cũng là lần đầu Nguyễn Du được thưởng thức khúc đàn mê hoặc do bàn tay nghệ sĩ lịch lãm của cô trình tấu:
Năm cung biến tấu tay luân chuyển...

Nào khoan, nào nhặt, nào trong trẻo, nào mạnh mẽ, nào trầm buồn...
Tương như trên trời dưới thế tuyệt vời âm thanh...

Tiếng đàn lung linh đầy màu sắc đã lên đến tuyệt đỉnh của nghệ thuật, đời người may mắn lắm cũng chỉ được nghe một vài lần. Đối với một nghệ sĩ tinh tế vượt bậc như Nguyễn Du thì những âm thanh được nghe đó, không thể nào quên.
Người nghe say sưa hồn thu hút
Đúng là Trung Hoà Đại Nội Cung Phụng khúc
Quan khách Tây Sơn thoả thích ngồi ngất ngây
Ham vui không chán năm canh suốt....

Riêng lòng ông khắc sâu tài nghệ và hình ảnh người đào nương đệ nhất:
Mình nàng ba mươi sáu cung xuân đúc

Long lanh vô giá Thăng Long bảo châu

Nhà Tây Sơn tan vỡ, riêng ta từ đó vào Nam, nào có bao giờ được thấy lại Thăng Long? Hai mươi năm đã qua đi, đêm nay, lần đầu được trở lại cố đô, trong dạ yến chiêu đãi của Tuyên Phủ Bắc Thành, bỗng thoảng đâu tiếng đàn trời bài nhạc cũ, thi sĩ lập tức lắng nghe... Ôi có lẽ nào! Chính khúc đàn xưa đang rung lên trong không gian, như đánh thức tâm tư sâu thẳm của người nghe, kêu gọi tới tận những niềm riêng đã từ lâu im ắng... Thật bất ngờ, quá khứ không đợi mà quay về, như những đợt sóng vỗ vào bờ đá, trùng trùng không dứt, tung lên dạt xuống, dầy vò kẻ tha hương vừa về lại chốn xưa... Tất cả quá khứ hiện tại, hiện tại quá khứ suốt hai mươi năm loạn ly đầy biến động như trộn lẫn vào nhau, cùng hiện hiện trong lòng thi sĩ.: Quá khứ thời Tây Sơn khi ông lần đầu được nghe nàng đàn, và quá khứ của quá khứ vì khúc đàn đó chính là khúc Cung Phụng của Đại Nội Triều Lê. Và lạ lùng thay, âm thanh du dương kia còn ản ản giọt lệ tủi hờn:
Thánh thốt khúc xưa ản lệ rơi
Lọt tai lắng tiếng dạ bồi hồi...

Nguyễn Du rung động theo tiếng đàn, chơi vui giữa bây giờ và ngày ấy. Sự tinh tế đã lên đến tuyệt đỉnh của cả người tấu nhạc lẫn người nghe, dù rằng, thi hào chỉ biết người tấu đàn đêm nay đang ngồi cuối chiếu:
Cuối chiếu có nàng tóc pha bạc
Võ vàng nhỏ bé mặt ủ ê
Sắc tàn mi ủa không trang điếm..

Nhưng trong lòng, ông thấy hình bóng Cô Cẩm và những ngày xưa :
Bỗng nhớ chuyện xưa hai mươi năm về trước
Hồ Giám đêm hát từng thấy người

Tiếng đàn đêm tiệc ám ảnh quá sâu xa, khiến cho quan chánh sứ phải tìm người dò hỏi. Khi được biết kẻ chơi đàn tiều tụy kia chính là Cô Cẩm ngày cũ, ông vỡ oà niềm thương xót:
Nam Hà trở lại, ta trắng tóc

Lạ gì người đẹp sắc phai đi
Đôi mắt trùng trùng lòng tưởng nhớ
Thương ôi, đôi diện chẳng biết gì!

Câu kết này trong nguyên tác là: Khả liên
đôi diện bất tương tri.

Nghĩa là: Thương thay đôi mắt mà hai
người cùng không nhận ra nhau.

Riêng tôi, tôi nghĩ đúng là Nguyễn Du
không nhận ra cô Cầm, nhưng chắc ông không
ngờ rằng “Chắc chắn Cô Cầm có nhận ra
Nguyễn Du”! Bởi vì dạ tiệc đêm nay, Nguyễn
Du là khách chính, là quan chánh sứ do vua Gia
Long gửi đi. Ông lại là một người “Thăng Long
cũ”, một danh sĩ danh gia vọng tộc bậc nhất thời
Lê Trịnh, trong thành không ai không biết tiếng.
Còn đối với cô Cầm, ông chính là người bạn tri
âm tuyệt vời từng say mê tiếng đàn của cô hai
mươi năm về trước. Trong đời người nghệ sĩ,
tri âm không dễ có hai người, làm sao cô quên
được Nguyễn Du! Nhưng đêm nay, ông đang
ngồi trên chiếc chiếu cao nhất của buổi tiệc
trong dinh quan Tuyên Phủ, thì dù cô biết rõ
ràng đến mấy cũng không thể đứng ra nhận
người bạn cũ, nhất là ... “nhân sắc ta đang vô
cùng tàn úa thế này!”.

Khi đã biết được ai đang ngồi đó, cô Cầm
hiểu rằng đây là cơ hội đẹp nhất mà cuộc đời
còn dành lại cho cô, khi đã tàn phai nhan sắc:
“Cô lại được đàn cho Nguyễn Du nghe!” Ôi! chỉ
có một lần này, một lần cuối này nữa thôi, cô
còn có thể gửi lòng qua tiếng đàn tới người tri
âm đó!. Cho nên, tiếng đàn mới “nức nở” đường
ấy, mới “ân lệ rơi” đường ấy. Cho nên, Nguyễn
Du, lúc đó dù chưa nhận ra cô Cầm, đã hiểu
thâm ý của tiếng đàn, hiểu hồn người tấu nhạc,
ông đã lập tức cảm thấy lòng đầy thương xót
(tâm trung bi), và để lại cho hậu thế chúng ta
một bài thơ thần sầu đến như thế.

Nhưng chưa hết, ngoài cô Cầm, Nguyễn Du
còn thương đến cả sự sụp đổ của triều đại Tây
Sơn. Quân Tây Sơn nguyên là kẻ thù của ông, là
kẻ đánh tan tành cả triều đại vua Lê chúa Trịnh,
“cố quốc” của ông, kẻ đốt phá tàn rụi quê hương
Tiên Điền, kẻ giết anh Nguyễn Quýnh ... Nhưng,

đối với người thơ, “kẻ thù ta không phải là
người”, trước sự đau khổ đắng cay của nhân thế,
lòng ông không hề thù hận ai cả, mà trái lại
thông cảm họ, hiểu công lao của họ đã đánh tan

hai mươi vạn quân Thanh. Trước sự tan vỡ
của họ, không phân biệt ta, người, ông hoà lòng
ông với nỗi lòng đau của họ, trở thành họ.
Những quan khách Tây Sơn ngày xưa, sao mà
hào sảng, triều đại Tây Sơn ngày xưa sao mà
anh hùng... Cơ nghiệp ấy đã tan tành trong chớp
nhoàng!. Nguyễn Du khóc, thương cho quân
thần Tây Sơn, thương cho con người trước cảnh
vô thường... không phải thi sĩ khóc nhỏ lệ sùi
sùi, rơm rớm nước mắt, mà là con khóc ngất, xé
lòng, đầm đìa nước mắt, ướt áo đầm khăn:

Cơ nghiệp Tây Sơn tan tành hết
Đào nương còn đó một nằng thoi
Trăm năm thoáng chốc đáng bao nhĩ
Đau lòng ướt áo lệ trào mi...

Đọc những câu này, quả thật, lúc đầu tôi đã
không hiểu vì sao mà Nguyễn Du không thù hận
Tây Sơn. Có người đã bảo tôi là: “Đó là cái
“hèn” của thư sinh chứ còn gì nữa!”. Nhưng, từ
khi nghe Đức Đạt Lai Đạt Ma của Tây Tạng nói
rằng: Đối với những người chiếm nước ngài,
muốn Hán hoá dân ngài, vì muốn dẹp tan sự
chống đối, đã đối sử bạo ngược với biết bao
người dân đau khổ, bạo ngược ngay cả với
chính ngài... Ngài đã giữ lòng không thù hận
với người đã ra tay, ngài đã không đòi độc lập,
chỉ xin cho giữ lại văn hoá, xin đừng đồng hoá
dân tôi...

Từ đó, tôi mới hiểu lòng Nguyễn Du, ông
không những không thù hận mà còn thương
người, đau cái đau của người... và cho tôi biết
thế nào là Tâm Đại Bi hùng tráng. Cho nên, tôi
chỉ còn biết tán thán: Ôi tâm lòng thanh tịnh
không hận thù của các vị bồ tát!

PHẠM THẢO NGUYỄN

(New York)

NỒI CƠM ĐIỆN CỦA BÉ THÙY

TÔN NỮ MẶC GIAO

** Viết theo lời kể của một bố mẹ khổ đau. Nạn nhân cuộc “giải phóng miền Nam” của cộng sản Bắc Việt.*

Hạnh vất vả lắm mới chui được ra khỏi chiếc xe buýt chật đầy những người là người, nằng bực tức, vừa đưa tay phải lấy phải để đàng sau mông mình, vừa đưa mắt nhìn theo chiếc xe buýt lại sắp sửa ì ạch rời bến sau khi “nhả” người xuống thì ít mà “hốt” người lên thì nhiều. Nàng làu bàu trong miệng: “đồ cà chớn! thiệt là bực cái mình”. Không phải Hạnh chửi vì xe buýt đông người quá mà vì nàng bị một người đàn ông đứng sau lưng nàng lợi dụng sự ngả nghiêng qua lại của chuyến xe buýt đông người đã dí cái “của nợ” vào lưng nàng mỗi khi xe buýt thắng lại.

Trước 30 tháng 4 làm gì có nạn khan hiếm xe lam hoặc xe buýt mà phải nhét người như cá hộp vậy. Chỉ tại bọn “phải gió” việt cộng miền Bắc, tự đứng miền Nam người ta đang sống yên vui khi không đòi “giải phóng” cái chó gì làm khốn khổ không biết bao nhiêu là người. Cuộc sống khó khăn, vật lộn với miếng cơm manh áo hằng ngày cũng đủ chết rồi, cho nên nhà nào có xe gắn máy trong nhà mới được “nhà nước” bán xăng cho, nhưng họ không chạy mà đem ra bán chợ đen hết để đổi lấy cái ăn. Thành ra phương tiện di chuyển dồn hết vào xe buýt với xe lam cho nên mới có “chuyện” vừa xảy ra. May cho gã đàn ông, Hạnh vì mắc cỡ và cũng vì vừa đến trạm nhà nên nàng xuống quách cho xong việc. Chả bù

với chị “bộ đội cái” nàng gặp hôm tuần rồi, cũng trên chuyến xe buýt chật cứng người. Chị ta quay ngoắt lại, đưa cùi chỏ húc mạnh vào bụng gã đàn ông “dê”, trừng mắt nạt lớn:

- “Đồng chí” đứng nghiêm chỉnh một tí, đừng có “nội” dụng xe “núc na núc nắc” mà dí cái “của nợ” vào “nưng” người ta như thế!

Mọi người tuy chẳng ưa gì người “nữ đồng chí” nhưng cũng đưa mắt ngó anh chàng cười âm lên, anh chàng thẹn quá cho nên xe vừa ngừng trạm là anh chàng “lẩn” ngay. Hôm nay đến phiên Hạnh gặp “y chang” như vậy nên bực mình vô cùng. Nàng lằm lũi bước sâu vào trong hẻm, lòng nặng trĩu khi nghĩ đến khuôn mặt bốn đứa con nhỏ đang ở nhà với bà nội chờ nàng về xem có thêm chút thịt cá gì ăn với cơm không, hay chỉ lại rau luộc chấm chao. Kể từ sau khi “giải phóng”, tướng đầu Trác, chồng nàng chỉ đi “học tập” đúng 10 ngày như “cách mạng” đã hứa rồi về, nào ngờ bọn chúng thật là lật lọng, lừa bịp nói: “mười ngày lương không chuẩn bị đi đường chứ không phải mười ngày rồi được về”. Hạnh chán nản chờ đợi hết ngày này qua ngày khác, không biết đến chừng nào Trác mới “học tập” tốt để được cách mạng “khoan hồng” như lời bọn họ nói đây? ngày nào nàng cũng làm nghề “chà đồ nhôm” tức “chôm đồ nhà” đem ra chợ trời bán lấy tiền đổi gạo cho con ăn, “chôm” riết được hơn nửa năm, nàng giật nảy mình khi thấy trong nhà bắt đầu túng hụt, chẳng còn cái gì đáng giá để có thể bán đổi được một ngày no cơm cho bốn đứa con và một bà mẹ chồng nữa, nàng không dám tính mình trong đó, bởi đã từ lâu, nàng chỉ chờ cho mẹ chồng và bốn đứa con ăn no rồi nàng mới vét cơm thừa còn một ít trong nồi đồ

hầm bà lằng thập cẩm, nghĩa là đồ xào hoặc đồ mặn gì đó với một ít nước canh chiều cho qua bữa rồi lại ngồi tính toán đến bữa mai. Vậy mà nàng cũng cầm cự được hơn một năm qua, nhà nàng bây giờ trống hốc từ trong ra ngoài, chỉ còn một chiếc giường con để cho bà cụ mẹ chồng nằm là nàng không dám đụng đến mà thôi! Tối đến, mấy mẹ con nàng trải chiếu nằm sắp lếp trên sàn gạch xếp, ban ngày bốn đứa nhỏ chơi dưới nhà, lau sạch sàn gạch bông bóng loáng nằm cho mát.

Hôm nay đây sau khi vợ vét nốt mấy cái áo dài cuối cùng đem ra chợ trời, chào mời mỗi cả miệng mới có người lấy được cao giá một tí, còn nếu cứ thấy cho mấy cái sạp mua đi bán lại thì chả còn bao nhiêu. Hạnh đẩy cửa bước vào nhà, bốn đứa con chờ mẹ chắc đói quá nằm la liệt dưới sàn gạch, bà mẹ chồng đang nằm trên giường nghe động bật nhồm dậy hỏi:

- Con về rồi đấy à? hôm nay có bán được gì không?

Hạnh thở dài ảo não:

- Cũng được bữa cơm ngày hôm nay.

Rồi Hạnh lật đật xuống bếp thổi cơm cho các con ăn. Trong khi nàng chống hông thổi phù phù vào cái bếp lò cho củi cháy lên thì Thùy, đứa con gái lớn của nàng đến sau lưng lên tiếng:

- Mẹ! hồi sáng có cô Dung đến chơi, cô hỏi con có muốn sang nhà giữ con cho cỗ không? Cỗ cho tiền. Con muốn kiếm tiền giúp mẹ, mẹ có cho con đi không?

Hạnh vừa thổi phù phù vừa dụi mắt vì cay khói vừa nhăn mặt kêu lên:

- Không được, con còn phải đi học nữa chứ!

- Nhưng tuần tới con nghỉ hè rồi.

Hạnh vuốt tóc con gái:

- Tại sao con lại muốn đi giữ con cho cô Dung?

- Tại vì nhà mình hết đồ để bán rồi.

Hạnh ngạc nhiên:

- Ai bảo con thế?

- Con nghe mẹ với bà nội nói chuyện.

Hạnh thật không ngờ, con bé chỉ mới 10 tuổi thôi mà sao nó lại để ý đến thế, nàng nhìn con ứa nước mắt:

- Con còn nhỏ lắm! cứ ở nhà trông chừng hai em Trung và Trục là được rồi, để mẹ lo.

Bé Thùy ngược cặp mắt sáng ngời ngây thơ nhìn mẹ hỏi một câu rất là người lớn:

- Ngày mai mẹ đi chợ bán cái gì? Con thấy nhà mình hết đồ rồi.

Hạnh vuốt tóc con nói lằng:

- Con lên nhà xem em dậu chưa, chơi với em, mẹ thổi cơm nhanh lắm! Có ăn ngay.

Bé Thùy cố nói thêm:

- Con muốn đi giữ con cho cô Dung để kiếm tiền cho mẹ chuộc lại cái nồi cơm điện, để con có thể ở nhà giúp mẹ cắm nồi cơm chờ mẹ về được, còn bây giờ con không giúp gì được hết, mẹ nói con còn nhỏ đốt lửa sợ làm cháy nhà. Con chỉ làm cho cô Dung đến tự trường con về đi học lại, khi con đi làm đã có em Thảo với bà nội ở nhà coi chừng hai em Trung và Trục rồi, được không mẹ?

Dung ôm con vào lòng khốc thâm: Trời ơi! con nàng vì quá cực khổ mà khôn trước tuổi, một đứa trẻ chỉ mới 10 tuổi đầu, đáng lẽ chỉ biết vui chơi an ổn trong vòng tay cha mẹ, thì con nàng giờ đây đã biết tính toán cho cuộc sống ngày mai. Nàng đã phạm phải điều nói đối với con, cái nồi cơm điện hằng ngày trước khi ra chợ trời, nàng đã dạy con cách xử dụng và dặn dò con gái ở nhà khi đi học về hãy cắm trước nồi cơm cho chín khi mẹ đem thức ăn về sẽ có cơm ăn liền đỡ phải chờ lâu, lỡ hôm nào mẹ có về trễ, đứa nào đói bụng thì cũng có nồi cơm dẫn bụng đỡ với xì dầu chờ mẹ về. Đến

khi không còn gì để đem ra chợ trời nữa, nàng đòi bán nồi cơm điện bé Thùy không chịu, nó nói để con giúp mẹ nấu cơm. Nàng phải nói dối là đem cầm đờ, mai mốt có tiền sẽ chuộc lại, thế mà con bé ghim trong đầu, vì muốn “chuộc” lại nồi cơm điện để giúp mẹ, nó nhất định đòi đi “ở đợ” cho người ta.

Nàng đẩy con lên nhà trên, vừa nấu cơm vừa khóc nước mắt chan hoà, nàng tủi thân thương con đứt ruột. Trời ơi! sao cuộc đời nàng khổ thế này! 16 tuổi lấy chồng vì sợ nhiều hơn là yêu đương. Năm đó nàng đang học lớp 9, mới 15 tuổi thôi, Trác ở con hẻm phía sau nhà nàng ở xóm Bán Cờ, đi lính hồi nào không biết, chỉ biết khi nàng quen Trác thì Trác đã là đại úy Thủy quân lục chiến, hơn nàng đến 12 tuổi. Trác thấy Hạnh lớn lên trở mã coi được quá là theo “cua” liền. Hạnh thấy người ta có bồ lính mình cũng bắt chước có bồ (lúc đó phong trào người yêu của lính đang thịnh hành). Hạnh thấy các bạn khen Trác “ngon lành” cấp bậc đại úy hơn hẳn “bồ” của các bạn thì khoái quá! cứ út mắt lên. Các bạn học của Hạnh còn ngây thơ lắm! chưa đứa nào có bồ. Nếu có người ngắm ngía cũng chỉ là sinh viên sĩ quan còn trong quân trường hoặc cao lắm là thiếu úy mà thôi! Thấy các bạn đùa gọi mình là “bà đại úy”, Hạnh cứ út mắt lên, thế mới kệt.

Quen Trác được một thời gian, Hạnh đi học thêm Anh văn ở trường Diên Hồng, gặp Đức là thầy dạy Anh văn của Hạnh, bốn mắt nhìn nhau tìm đập rộn rã, tuy không nói nhưng còn hơn vạn lời nói ra, ngày nào không gặp Đức là Hạnh nhớ lắm! Cái cảm giác này không hề có với Trác bao giờ, thế là Hạnh tìm cách lánh mặt Trác dần dần, nhưng đâu có dễ, Trác rất khôn lanh và quỷ quyệt, điều tra biết được, hấn dờ thói vũ phu, tuy chưa đến nỗi thượng cẳng chân hạ cẳng tay, nhưng hùng hổ, rút súng “lên

cờ” rộp rộp hăm he bắn chết cả hai đứa (Hạnh và Đức). Thế là Hạnh sợ quá im thin thít, rồi Hạnh thất thân với Trác, ôm cái bầu bé Thùy hai tháng mới làm đám cưới. Cưới xong Hạnh phải bỏ học ra tiền đồn sống với Trác. Bố mẹ Hạnh lần lượt qua đời, Hạnh là con một, nhưng Trác không cho nàng dẫn các con về Sài Gòn để thừa kế căn nhà của cha mẹ, Trác sợ nàng gặp lại Đức, Trác ghen đến độ bắt nàng phải bán căn nhà đó đi ôm tiền theo chàng sống tiếp tục khắp bốn vùng chiến thuật.

Đầu xuân 75, vì mẹ chồng đau ốm liên miên, không người chăm sóc. Bố của Trác đã mất từ lâu, Trác có hai anh em, nhưng người em trai cũng là lính tác chiến tít tận vùng một. Trác lúc đó đang đóng ở Mỹ Tho gần Sài Gòn hơn. Hạnh cũng đã 3 con sắp đẻ đứa thứ tư. Tiền bán nhà của bố mẹ nàng xài cũng sắp cạn. Trác bắt Hạnh dắt các con về sống với mẹ chàng để có người trông nom bà cụ. “Giải phóng” được hơn hai tuần thì Hạnh đẻ đứa con trai út, chưa kịp ăn đầy tháng thằng bé thì Trác đi “cải tạo” không có ngày về. Hạnh chỉ là một cô nữ sinh chưa tốt nghiệp trung học, 16 tuổi đã lấy chồng, bây giờ vì hoàn cảnh đất nước, chồng bị “tù” một cách lãng xẹt, 26 tuổi đời, một nách 4 đứa con thơ, một bà mẹ chồng, Hạnh chỉ còn biết bán lần đồ trong nhà đi để ăn thôi chứ biết làm nghề gì để nuôi con đây? Salon, bàn ghế, tủ giường, chén kiếu, chén cổ, ti vi, tủ lạnh, quạt máy, bàn ủi gì nàng cho ra chợ trời ráo. Đến hôm nay thì trong nhà đã sạch nhẵn không còn một thứ gì để có thể bán được nữa, nàng bắt đầu bối mớ trong đống quần áo của nàng xem còn được cái nào có thể có giá để người ta có thể mua được không? Và nàng đã bán hai cái áo dài cuối cùng của nàng, ngày mai đây, không biết cuộc sống của mẹ con nàng rồi sẽ ra sao?

Mộng Trưng Vương

Đêm qua mộng dẫn về trường
Gặp thầy gặp bạn yêu thương thuở nào.
Khi môi còn thắm hoa đào
Khi em còn dáng thon cao gót hài.
Cổng trường e lệ mắt nai
Khẽ nghiêng vành nón thoáng ai đứng chờ.
Đời êm như một bài thơ
Hồn nhiên em bước đến bờ yêu đương.
Tay trong tay dạo phố phường
Bô Na Nguyễn Huệ đến đường Tự Do.
Saigon đẹp tựa như mơ
Trước tòa Đô Chính mình chờ đợi nhau.
Sánh vai cùng dạo bến tàu
Gió bay tà áo xanh màu nhớ nhung
Trưng Vương yêu dấu vô cùng
Trường xưa dù đã muôn trùng cách xa.

Hồng Thủy

(Maryland)

Đối với Trác, nàng sợ nhiều hơn là yêu, có thể nói nàng không có tình yêu với chồng, lúc trẻ tại nàng ham danh thì nàng ráng chịu, tưởng chỉ “đùa chơi” tí rồi thôi, nào ngờ đụng phải “thứ dữ” nàng đành cam chịu, hy vọng tình yêu sẽ đến sau hôn nhân. Nào ngờ Trác thật là vũ phu và lỗ mãng, lên cơn ghen là hành hạ nàng đến khổ sở. Hấn hùng hục “làm tình” và nghiện răng bên tai nàng những lời đay nghiến bản thủ: “cho mày chết! cho mày chết! mặt cứ

“thộn” ra như thế kia! đang tưởng tượng “ngủ” với “nó” phải không?”. Hạnh chẳng buồn trả lời, cứ trơ trơ mặc cho Trác muốn làm gì đó thì làm, thái độ trơ như gỗ đá của Hạnh càng làm cho Trác điên tiết, có lúc chịu không được, nàng đòi ly dị, Trác cầm súng dí vào hai mẹ con đòi bắn chết hết, lúc đó Hạnh chỉ mới có một đứa con đầu lòng mà thôi, Hạnh thương con phải chịu đựng, cuối cùng rồi cũng trôi theo tháng ngày. Ở với nhau hơn 10 năm trời, có 4 mặt con, hai đứa con gái đầu sinh năm một. Đến năm 1976, bé Thùy 10 tuổi, Thảo cũng lên 9, nhưng hai đứa con trai cách xa người chị những 5 năm, Trung 4 tuổi, Trục mới được hơn một năm. Lấy nhau mười năm trời, Trác không đem lại cho nàng một tí của cải vật chất gì ngoài một cái đám cưới đơn giản như một cái lễ “thú phạt” vì đã ăn ở với nhau rồi mới đám cưới, không một món nữ trang nào đáng giá ngoài cái nhẫn cưới ba phân, vàng 18 đeo vào ngón áp út của bàn tay trái cho có hình thức gọi là gái đã có chồng. Nhà chồng nghèo, nàng phải co giắt xoay quanh trong số lương đại úy hàng tháng của Trác để sinh sống, lương nhà binh đã ít oi mà còn phải trích ra một phần gửi về nuôi mẹ chồng. Em trai của Trác cũng làm như vậy, nàng hiểu bốn phận con cái nuôi cha mẹ nên Hạnh không có ý kiến, nếu không nhờ có số tiền bán nhà của cha mẹ nàng để lại, không biết nàng còn khổ đến cỡ nào.

Dung là người bạn gái thân nhất thời trung học với Hạnh, và cũng là bạn lối xóm hồi nhỏ hai nhà ở cạnh nhau. Dung lấy chồng xong vẫn ở nhà mẹ không bị làm dâu. Nhà Dung ở ngay mặt đường đầu góc con hẻm lớn Nguyễn Thiện Thuật dẫn vào con hẻm nhỏ phía trong nhà chồng nàng, Dung con nhà khá giả lại lấy chồng giàu không dính vào nhà binh nên

không bị đi “học tập”. Từ ngày Hạnh lấy Trác, Dung ghét cái bản mặt “đĩ thõa” của Trác nên ít liên lạc với Hạnh. Nhưng từ ngày Trác đi “học tập” không về, Dung vẫn thường xuyên thăm nom và giúp đỡ cho Hạnh. Chẳng lẽ bắt bạn phải cưu mang mẹ con nàng suốt đời hay sao? Cho nên Hạnh cố bưng chải, khi nào không còn lo được nữa mới tính sau. Tối hôm đó, Dung bế thằng con trai đầu lòng được hơn 6 tháng tuổi, đi bộ đến chơi nhà Hạnh và xin cho bé Thùy sang nhà giúp nàng bồng bế thằng con trai đầu lòng vì sức khỏe nàng không được khá. Hạnh thương con không muốn con cực khổ, nhưng bé Thùy cứ một mực đòi đi nàng đành cam chịu. Dung dúm cho Hạnh một nắm tiền khuyên Hạnh hãy nấu một cái gì đó bán quanh trong xóm để có thì giờ trông con. Cái xóm nghèo gặp thời buổi eo hẹp, Hạnh luộc khoai, nấu xôi bán vớ vẫn được một thời gian rồi cũng ế, lời đâu không thấy chỉ thấy vốn cạn dần. Sợ hết vốn, Hạnh lại ra chợ trời bắt chước người ta buôn đi bán lại hy vọng có thêm đồng ra đồng vào. Với lại Hạnh cũng muốn tìm xem có cái nồi cơm điện nào giống cái nồi cơm điện cũ của nàng không thì mua lại để khỏi thất hứa với con.

Bé Thùy bế thằng cu Tun xà xuống một gian hàng đồ cũ trên vỉa hè lề đường Nguyễn Thiện Thuật, mắt nó chăm chú nhìn và quan sát một cái nồi cơm điện cũ mà nó cho là nồi cơm của nhà nó. Chắc ăn, nó đưa tay xoay nghiêng cái nồi đi để tìm vết tích một cái chân của đế nồi bị mẻ một miếng vì có một lần em Trung của nó vì đói bụng quá, đã với tay lên bàn kéo nồi cơm xuống để ăn nên nồi cơm bị rớt xuống đất. May mà em nó không sao nhưng một cái chân của đế nồi bị mẻ một miếng. Người đàn ông bán hàng la lên:

- Ê! con nhỏ kia phá cái gì đó?

Bé Thùy hốt hoảng rút tay lại sau khi đã nhìn thấy vết mẻ, nó nhìn người đàn ông rút rề:

- Ông ơi cái nồi cơm điện này là của nhà cháu đó! Ông có thể cho cháu “chuộc” lại cái nồi cơm này không? Nó nghe mẹ nó nói có tiền sẽ đi chuộc lại nồi cơm nên nó cũng xin chuộc chứ nó có hiểu nghĩa là gì đâu.

Người đàn ông xẵng giọng:

- Đây không phải là tiệm cầm đồ, mà ỳ có tiền thì mua, không tiền thì đi chỗ khác chơi cho tao bán hàng, rồi ông xua tay lia lịa: đi! đi đi! đi chỗ khác cho tao buôn bán mà ỳ cứ ngồi trước cửa hàng tao như thế thì làm sao tao buôn bán được.

- Cháu phải có bao nhiêu tiền mới được?

Người đàn ông nhìn nó dò xét:

- Mà ỳ thật muốn mua?

Bé Thùy gật đầu:

- Cháu muốn lắm! vì đây là nồi cơm của nhà cháu. Bố cháu đi “học tập” chưa về. Nhà cháu nghèo, mẹ cháu nói đem nồi cơm đi “cầm” lấy tiền đong gạo khi nào có tiền sẽ “chuộc” về, nhưng mẹ cháu chưa có tiền, cháu muốn chuộc nồi cơm này về để giúp mẹ cháu nấu cơm.

Người đàn ông tò mò:

- Làm sao mà ỳ biết nồi cơm này là của nhà mà ỳ?

Bé Thùy đưa tay chỉ vào chỗ bị mẻ:

- Cái chỗ mẻ này là em cháu làm rớt.

Người đàn ông cầm cái nồi cơm giơ lên xem, ông gật gù rồi tặc lưỡi:

- Nếu đúng là cái nồi cơm của nhà mà ỳ thì tao sẽ bán rẻ lại cho mà ỳ, tao cũng phải bỏ tiền ra mới mua được, tao cũng chẳng giàu có gì hơn nhà mà ỳ, thôi thì để vốn lại cho mà ỳ 40 đồng, mà ỳ có tiền không?

Bé Thùy mừng run lên, nó lật đật:

- Dạ được, nhưng cháu không trở ra liền được, đến chiều có được không ông?

Người đàn ông hít tay dịu giọng:

- Em đi về đi, nếu chiều còn sớm thì tôi bán cho em, còn không thì sáng mai cũng được, tôi sẽ giữ cái nồi cơm này cho em.

Nói xong ông cầm lấy cái nồi cơm cất vào trong một cái thùng thớt to có bánh xe đẩy. Bé Thùy bỗng thẳng Tun quay trở về nhà cô Dung, trưa hôm đó sau khi đỡ cu Tun ngủ xong, nó suy nghĩ hoài muốn mượn tiền cô Dung rồi chạy ra ngay mà không dám. Nó cứ sợ người đàn ông bán mất cái nồi cơm của nó, rồi nó lại lắc đầu tự an ủi: không đâu! Người lớn không có nói láo đâu! Mẹ nó đã chẳng nói với nó là có tiền sẽ chuộc về cái nồi cơm đó hay sao? Tại mẹ nó chưa có tiền chứ mẹ chưa nói dối với nó bao giờ. Rồi nó nghĩ đến Hạnh đang đau nằm chèo queo ở nhà. Mấy ngày qua, Hạnh bị một cơn mưa buổi tối nên bị cảm không ra chợ trời được. Nó thương mẹ nên đánh liều hỏi mượn trước Dung 40 chục đồng rồi xin về sớm để “chuộc” cái nồi cơm đem về cho mẹ mừng. Dung cũng chỉ hỏi qua loa cho có lệ rồi cũng lấy tiền cho nó mượn. Dung còn đưa thêm cho nó hai hộp sữa bò mang về cho mẹ bồi dưỡng và dặn ra đường cẩn thận. Vì nhà gần, người đầu hẻm lớn ngoài mặt đường, người sâu trong hẻm nhỏ phía sau nên Dung không phải đưa đón gì cả. Cứ sáng sớm bé Thùy từ trong hẻm nhỏ chạy đến nhà Dung trông nom thẳng cu Tun, chiều cơm nước xong xuôi, bé Thùy đi bộ về nhà ngủ với mẹ khỏi phải đưa rước gì cả.

Bé Thùy cầm 40 chục đồng mừng rỡ chạy thật mau đến vỉa hè đồ cũ thờ hớn hớn vì sợ ông chủ dẹp hàng mất, may quá ông vẫn còn đang ngồi “ngáp ruồi”. Thấy nó ông cười hỏi:

- Thế nào? có tiền không?

Bé Thùy chia 40 đồng cho ông mà vẫn thờ phì phò không nói được tiếng nào vì chạy mau quá nên mệt. Người đàn ông cầm lấy tiền nhìn nó thương hại:

- Tôi đã nói với em sáng mai cũng được, em vội vàng làm gì cho nó mệt. Rồi ông mở thùng lấy cái nồi cơm trao cho bé Thùy.

Bé Thùy đặt hai hộp sữa bò của Dung cho vào trong lòng nồi cơm, đập nắp lại rồi ôm lên tay quay ngược trở về con hẻm lớn để về nhà nó trong con hẻm nhỏ. Vừa đi nó vừa tưởng tượng một lát nữa đây, mẹ nó sẽ cảm động đến rơi nước mắt khi nhìn thấy cái nồi cơm điện đã được “chuộc” về, để từ nay mẹ nó đỡ phải vất vả phần nào trong việc thổi cơm cho mấy chị em nó ăn. Nó cảm thấy trong lòng rất vui và hạnh phúc vì đã chia sẻ được phần nào sự khổ sở trong cuộc sống mà mẹ nó đang gánh chịu.

Bé Thùy đang sung sướng với dòng tư tưởng miên man, nó nghe đằng sau lưng có tiếng xe gắn máy nổ thật gần một bên. Nó chưa kịp ngoái cổ lại nhìn thì hai người thanh niên đeo nhau trên một chiếc Honda Dame, người thanh niên phía sau đưa tay giật lấy cái nồi cơm điện của nó, gã thanh niên phía trước rồ ga thật mạnh phóng nhanh xuống lòng đường chạy mất dạng. Bé Thùy phóng theo xuống lòng đường la lớn:

- Trả lại em cái nồi cơm....

Có tiếng thắng rít lên ghê rợn của xe bốn bánh, mọi người đổ xuống đường bu quanh một em bé gái trước khi tắt nghỉ miệng vẫn còn lảm bảm:

- Cái nồi cơm điện, cái... nồi cơm... điện...

TÔN NỮ MẶC GIAO

(California)

NGHE RỪNG LẠC LỐI

Em tôi ơi, hoa đời đang ngóng đợi
Mắt như lòng, đi tìm mãi không ra
Để hồn ta quanh quẩn dưới trăng tà
Đôi mắt em rạng ngời trong đêm tối.

Khao khát ân tình như mùa bão nổi
Thiếu vắng em, vó ngựa hồng rất vội
Đêm chưa tàn mà ngày đến lao xao
Con gió thoảng, ôi rộn ràng hơi ấm..

Dư âm xưa đang trở về rất chậm
Dòng thời gian.. đem hạnh ngộ tới dần
Trần gian ta phủ đầy hương ân ái
Nắng mai về quyện lẫn chút thương đau!

Từ lâu rồi đã làm khô lụy nhau
Môi hôn đỏ cho ta say tình tự
Con mưa đến lòng dâng lên sóng dữ
Dòng sông nào nước chẳng chảy về xuôi..

Ai không một lần, nghe rừng lạc lối?
Kỷ niệm nào thiếu vắng một bờ môi?
Tiếng gió nào mang hơi thở em tôi
Trong hạnh ngộ.. đã gieo mầm xa cách..

Buổi tàn thu Virginia
Nov..25,08

BÙI THANH TIÊN

TUỔI MƯỜI SÁU

Tuổi mười sáu em vào đời bỡ ngỡ
Đường đến trường cây cỏ níu bước đi
Tóc thơm hương rục thắm nét xuân thì
Mộng vu vơ lẩn dài trên tập vở

Tuổi mười sáu trăng rọi thêm rục rờ
Hồn em say theo từng áng mây bay
Ngỡ mắt ai trên những đám sao gầy
Tỏ nỗi niềm cho tình thêm ngây ngất

Tuổi mười sáu nước hồ xanh màu mắt
Con thuyền tình vẫy gọi bến thêm say
Má đỏ hồng cho giọt nắng đọng đầy
Mang nỗi nhớ gom vào thơ trải mộng


Tuổi mười sáu áo dài vờn gió lộng
Chiều hè buồn lác đác lá me rơi
Ghế sân trường vương vấn chẳng muốn rời
Tay chưa nắm tim vẫn sai nhịp đập

Tuổi mười sáu ô mai đầy nhét cặp
Ngọt tình ai ô mai chẳng còn chua
Vào lớp học mà hồn mộng đọng đưa
Tiếng mưa rơi buồn chợt giăng ngoài cửa

Tuổi mười sáu là tội mình hai đứa
Yêu nhau chưa sao mắt chẳng chịu rời
Đời hợp tan tuổi mộng cũng chơi vơi
Vẫn nhớ mãi thời em tròn mười sáu.

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

(Texas)

Mẹ hiền ! ơi mẹ Việt Nam
Tình hương muôn đời tỏa lan mẹ hương
Dạy con, nghĩa núi tình sông !
Dạy con nhớ gốc chồi đặng biết nguồn
Thị Nga
Thư họa  2010

Thần Người Giao-Hoan: WILLIAM BUTLER YEATS Leda and the Swan

A sudden blow: the great wings beating still
Above the staggering girl, her thighs caressed
By the dark webs, her nape caught in his bill
He holds her helpless breasts upon his breast

How can those terrified vague fingers push
The feathered glory from her loosening thighs?
And how can body, laid in that white rush,
But feel the strange heart beating where it lies?

A shudder in the loins engenders there
The broken wall, the burning roof and tower
And Agamemnon dead.
Being so caught up,
So mastered by the brute blood of the air,
Did she put on his knowledge with his power
Before the indifferent beak could let her drop?
(1924)

Dịch xuôi:

Nàng Leda và Thần Điều Thiên Nga
Một cú đập thành linh bất chợt: Hai cánh
lớn còn vừa vẫy vừa đứng yên
trên thân người thiếu nữ lầy bầy choáng
váng, hai bắp đùi nàng được môn trớn
bởi hai màng chân đen, gáy nàng bị quặp
chặt bởi chiếc mỏ của chim thiên nga
Ép sát bộ ngực không cự được của nàng
vào ngực nó.

Làm sao mà những búp ngón tay bùn rùn
kinh hoàng đó có thể đẩy mạnh
vật hào quang hưng phấn của thần điều khỏi
cặp đùi của nàng đang dần dần nói lỏng
Và làm sao mà tâm thần, bị đè trong cái đẩy
của thân chim màu trắng

Mà không cảm thấy nhịp tim lạ đang đập.

Con rùng mình phía dưới bụng
Tuồng thành bể, mái và lầu chày
Và Agamemnon chết.

Bị kẹt bất thành linh như vậy
Chế ngự bởi giòng máu thô bạo từ trên không
Nàng có thêm ý thức với sức mạnh của thần
Trước khi chiếc mỏ vô tình thả nàng xịu xuống?



Leda

Chú thích 1:

This poem of erotic overtone describes the Greek God Zeus, who transformed into a swan and raped Leda, the wife of King Tyndareus. This sonnet is written in Petrarchan structure in the rhyme scheme: abab cdcd efg efg. Lines 1-4: the rape: the swan hangs in the air above the girl with his wings still flapping; Leda staggers under her assailant; he caresses her thighs with his black webs and holds her tight with his bill; lines 5- 8: she cannot resist; lines 9-11: the culmination of the act is the birth of Helen and the 10-year Trojan war, in which

Agamemnon commanded the Greek force, and using a ruse of the wooden horse left outside the wall of Troy, his soldiers were able to enter the inside, and destroyed Troy, and brought Helen back. Upon return, Agamemnon was killed by his wife. Lines 12-13-14: the poet wonders if Leda “put on his knowledge with his power before the indifferent beak could let her drop?”

Trong bài tình thi sonnet kiểu Ý theo thi sĩ Petrarch, Yeats kể một truyện thần thoại: thần Thiên vương tinh Zeus--người La Mã gọi là thần Jupiter hay thần Jove-- hóa thành chim thiên nga, cưỡng hiếp một thiếu phụ là nàng Leda. Theo thần thoại Hy Lạp, Leda là vợ của Tyndareus, vua xứ Sparta, mẹ đẻ ra Clytemnestra là người về sau lấy Agamemnon. Leda sinh ra trứng, nở thành nàng Helen of Troy, người đẹp tuyệt trần, sau làm vợ Menelaus, vua Sparta, em của Agamemnon. (Thi sĩ Anh cùng thời với Shakespeare, Christopher Marlowe tả Helen bằng câu, “...the face that launched a thousand ships” trong kịch Doctor Faustus). Hoàng tử Paris xứ Troy mê nàng, bắt cóc Helen đem về thành Troy. Đây là khởi nguồn trận chiến 10 năm giữa Athens và Troy. Quân Athens lập mưu bỏ lại một con ngựa gỗ ngoài thành Troy, nhưng ngầm cho binh sĩ nằm bên trong. Đêm đến, khi quân thành Troy không kịp đề phòng, quân Hy Lạp từ ngựa gỗ kéo ra, giết binh sĩ và đốt thành Troy. Agamemnon, theo thần thoại Hy Lạp, là vua của xứ Mycenae, được chọn làm lãnh tụ quân Hy Lạp trong trận chiến thành Troy, trả thù cho anh là vua Menelaus, chồng của Helen. Sau khi thắng trận trở về, Agamemnon bị vợ là Clytemnestra, cùng người yêu là Aegisthus giết để trả thù vì ông đã đem con gái là Iphigenia tế thần Artemis, cầu cho có gió để đoàn chiến thuyền có thể giông buồm

tiến được. Trong thần thoại này, thần và người giao hợp. Bài thơ “Leda and the Swan” của Yeats, khi mới in ra năm 1924, bị nhiều nhà Thiên chúa giáo cực lực lên án, nhưng về mặt văn chương, được coi là một bài thơ hay của Yeats.



Leda-Swan-Davinci

Chú thích 2:

1. Hai hình kèm theo là bản vẽ lại của bản chính bị thất lạc của nhà họa sĩ, tạc tượng và kiến trúc sư và thi sĩ thời Phục Hưng Michelangelo Buonarroti người Florence, Ý (1530), và hình 2 là bản sao lại bức vẽ của Leonardo Da Vinci (thế kỷ 16).
2. Tả vẻ đẹp mê hồn nghiêng nước nghiêng thành của Helen, thi sĩ Anh Christopher Marlowe trong vở kịch thơ Doctor Faustus, viết, “Was it the face that launch’d a thousand ships,/ And burnt the topless towers of Ilium?”--Phạm Trọng Lệ--Virginia 8/31/09.

WILLIAM BUTLER YEATS,
NHÀ THƠ ÁI NHĨ LAN,
GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1923

Phạm Trọng Lê

Đính chính: Trong Cỏ Thơm số 50, tháng 3, 2010, trang 162, bài *When You Are Old* thiếu câu đầu. Nay xin đăng lại toàn bài:

WHEN YOU ARE OLD

When you are old and gray and
full of sleep,
And nodding by the fire, take down
this book,
And slowly read, and dream of
the soft look
Your eyes had once, and of their
shadows deep;

How many loved your moments
of glad grace,
And loved your beauty with love false
and true,
But one man loved the pilgrim soul
in you,
And loved the sorrows of your
changing face;

And bending down beside
the glowing bars,
Murmur, a little sadly, how Love fled,
And paced upon the mountains
overhead
And hid his face amid a crowd of stars.

WILLIAM BUTLER YEATS, 1892

-Dịch sang văn vần:

“KHI TUỔI CHIỀU XẾ BÓNG”

Khi người yêu trong tuổi chiều
xế bóng,
Làn tóc muối tiêu, cơn mộng mơ màng.
Ngồi gật-gà bên ánh lửa tro tàn,
Xin chậm lật lại mấy hàng thơ cũ.
Đôi mắt xưa với dáng nhìn quyến rũ,
Quầng mắt sâu như chứa đủ ngàn lời.

Biết bao người trong giờ phút vui chơi,
Mê vẻ đẹp--trọn đời hay giả tạo.
Riêng yêu em có tâm hồn ngoan đạo,
Yêu vẻ buồn trên dung mạo một thời.

Khi cúi đầu bên song cửa sáng ngời,
Buồn, thâm nhũ, tình chơi vơi
bồng đảo.
Chậm bước chân trên núi rừng
thu thảo,
Tìm mắt ai trong tinh ảo ngân hà.

Phạm Trọng Lê
(phỏng dịch)

THỔ NHĨ KỲ

Lịch sử-Văn hóa-Phong tục



Nguyễn Quý Đại Phần I

Lịch sử và địa lý tóm lược

Cộng Hoà Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia có nền văn hoá lâu đời, từng là đế quốc qua nhiều triều đại. Đầu thế kỷ 11 người Thổ bắt đầu mở rộng bờ cõi về phía tây tới Armenia và Tiểu Á

Năm 1299 Osman I (1259 † 1326), thành lập triều đại Ottoman. Đến thời Mehmet II ngày 29.5.1453 chiếm Konstantinople từ đó đế quốc Byzantine bị xoá tên và đánh chiếm các quốc gia Serben(1459) Griechenland(1461) Bosnien và Albanien (1479), Syrien, Palästina, Ägypten và Bắc phi các



năm (1516/1517) Bagdad (1522) và Ungarn. Người Thổ Seljuk đã thiết lập địa vị chắc chắn tại Tiểu Á cuối cùng đã trở thành vương quốc Ottoman

Thế kỷ 16 và 17, đế quốc Ottoman có lực lượng hải quân hùng hậu thống trị các khu vực rộng lớn trên biển Đại Trung Hải, Biển Đen, Biển Đỏ, Vịnh Ba Tư và Ấn Độ Dương, chiếm cả Anatolia Bắc Phi, Trung Đông, Đông nam và Đông Âu... Trong ý định Hồi Giáo hóa Âu Châu, đế

quốc Ottoman đã nhiều lần tấn công vào Trung Âu. Năm 1529, đế quốc Ottoman vây thành Vienna của nước Áo và năm 1683 lại tấn công lần nữa vào thành phố Habsburgs của nước này nhưng bị đánh bại và phải triệt thoái. Đế quốc Ottoman bị suy yếu mất dần các „thuộc địa“.

Năm 1773 Nga chiếm Bulgarien, Mohammed Ali đòi độc lập cho Ai Cập, năm 1827 Hy Lạp được tự do....Dưới thời Abd ül-Medschid I (1839-1861) được sự hỗ trợ của Anh-Pháp cuộc chiến Krimkrieg (1853-1856) chống lại Nga. Cuộc chiến 2 năm (1877/78) Nga chiến thắng phải ký hiệp ước 1878 tại Berlin Thổ trả „độc lập“ cho Rumanien, Serben, Montenegro, Anh chiếm đảo Zypern, Pháp chiếm

Tunesien(1881) Anh chiến Ägypten (1882)....

Thế chiến I (1914-1918) Đế quốc Thổ kiểm soát phần lớn vùng Trung Đông, và theo phe Đức, Đế quốc Áo-Hung. Ngược lại Anh-Pháp liên minh với Nga để chống Đức và Thổ. Ngày 16.4.1917 quân đội Mỹ tham chiến với quân Anh- Pháp-Nga đánh bại liên quân Đức, phe này thua trận. Các dân tộc vùng Trung Đông theo liên quân Anh-Pháp-Mỹ-Nga nổi lên giành độc lập. Hy Lạp chiếm Izmir, một phần đất của Thổ bị phe chiến thắng chiếm đóng. Năm 1919 nhờ Mustafa Kemal Atatuerk (1881-†1938) người hùng thời đại đứng lên giành độc lập. Kemal được Quốc Hội trao tên tôn kính *Atatürk* (nghĩa "Cha của người Thổ") là Tổng thống đầu tiên của Cộng hoà Thổ. Kemal cải cách sâu rộng phát triển phục hưng đất nước và loại bỏ những chính sách từ thời Ottoman. Bãi bỏ luật đa thê, ban hành quyền bình đẳng cho phụ nữ và thêm nhiều biểu hiện Hồi Giáo công khai như đeo khăn che mặt tại công sở và trường học....

Hiệp ước ký ngày 24 Juli 1923 tại Lauranne quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ được thế giới công nhận. Thổ Nhĩ Kỳ thành lập Cộng Hoà Thổ Nhĩ Kỳ (29/10/1923), chấm dứt sự tồn tại hơn 600 năm của đế chế Ottoman Năm 1939 Kemal qua đời Ismet İnönü thay thế , Thế chiến II Thổ trung lập, thời kỳ chiến tranh lạnh Thổ thi hành chính sách thân Mỹ, được Mỹ viện trợ kinh tế cũng như quân sự. Thổ tham gia vào cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) và gia nhập Liên hiệp quốc UN năm 1945 và khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương-NATO năm 1952. Năm 1964 trở thành thành viên dự khuyết của Cộng đồng



Châu Âu. Thổ Nhĩ Kỳ là nước ảnh hưởng Tây phương cởi mở và tân tiến, không gò bó như các quốc gia Hồi giáo khác của khối Ả Rập.

Thổ Nhĩ Kỳ nằm ở phía Đông Địa Trung Hải, với diện tích trải dài trên cả 2 châu lục Âu và Á. Diện tích 783.562 km². Biên giới dài 9.850 km, (bờ biển dài 7.200 km và biên giới với các quốc gia lân cận 2.648 km) phần lớn lãnh thổ nằm về phía châu Á. Bắc giáp Hắc Hải, Đông Bắc giáp Armenia(268 km), Georgien(252 km), Đông giáp Iran(499 km) Nam giáp Iraq(352 km) và Syria, (352 km) Tây Nam giáp Địa Trung Hải, Tây Bắc giáp Hy Lạp(206 km) và Bulgaria (240 km), Bán đảo Anatolia (*Anadolu*) gồm một cao nguyên có độ cao với những đồng bằng hẹp ven biển, nằm giữa Koroğlu và dãy núi Đông Biển Đen ở hướng bắc và dãy núi Taurus (*Toros Dağları*) ở phía nam trải dài thành một vòng cung 1000km có nhiều núi đỉnh cao trên 3.000-3.700 m. Có 6 dãy núi cao nhưng đỉnh núi Ararat cao nhất Thổ Nhĩ Kỳ 5.137 m, núi thấp nhất

Erciyes(*Erciyes Dağı*) 3.891 m có núi lửa đã ngưng hoạt động. Có 9 con sông lớn như Euphrates(Firat) dài 2.781 km chia thành hai nhánh Kara Su & Murat, Sông Euphrates là nền tảng cho nền văn minh trồng trọt đầu tiên ở Sumer chảy qua Syrien, Irak. Sông Tigris dài 1.900 km Kizilirmak dài 1.355

km. Có 6 Hồ lớn nhất là hồ Van Gölü rộng 3.713 km² nhỏ nhất Iznik Gölü 198km² và 7 hải đảo, đảo lớn nhất Gökceada có diện tích 279 km² đảo nhỏ Avsar 21 km²

Thổ Nhĩ Kỳ cũng là nơi phải chịu nhiều trận động đất mạnh. Bospho và Dardanelles nằm trên đường nứt chạy xuyên Thổ Nhĩ Kỳ,

dẫn tới việc thành tạo Biển Đen, nhiều trận động đất xảy ra dọc đường đứt gãy thiệt hại. Năm 1999 hai trận động đất mạnh làm rung chuyển miền Tây bắc nước này, làm chết 18.000 người và hư hại nặng.

Khí hậu ôn đới, mùa hè khô, nóng. Mùa đông vùng cao nguyên lạnh ẩm ướt. Nhiệt độ trung bình 20°C. Dân số 74,9 triệu người mật độ trung bình 90/km², 70% là người Thổ; 20% người Kurden và 10% các dân tộc khác, 99% theo đạo Hồi (Muslime) theo phái truyền thống Sunniten (*ahl as-sunna* (أهل السنة).) Theo tài liệu có tất cả 2.562 nhà thờ Hồi Giáo lớn (Moscheen) 215 Nhà thờ Hồi giáo nhỏ (Kleinmoscheen/Mescit)

Trước đây các chính quyền Thổ thường thi hành chính sách độc tài, độc đảng. Năm 1982 Thổ ban hành hiến pháp mới hình thành thể chế chính trị dân chủ đại nghị, tôn trọng các quyền con người, có cơ quan tư pháp độc lập, Tổng thống, Thủ tướng, Quốc hội và Hội đồng Toà án tối cao cùng chia sẻ quyền lực điều hành đất nước.. Thủ đô mới là Ankara, tên trước đây là Angora là trung tâm của Cao nguyên Anatolia ở miền Trung Tây Thổ Nhĩ Kỳ diện tích 2516.00 km² ; 4.104.387 dân số (2009). Nơi đây có các thắng cảnh như Bảo tàng Anitkabir, Bảo tàng Dân tộc Học, Bảo tàng Hội họa và Điêu khắc...

Thủ đô cũ Istanbul hơn 3000 năm văn hóa nổi tiếng nằm bên Bosphorus có cảng tự nhiên gọi là Sừng Vàng? Istanbul từng là kinh đô của 3 đế quốc khác nhau là Đế quốc La Mã (330-395) Đế quốc Byzantine (395-1453) và Đế quốc Ottoman (1453-1923). Istanbul là thành phố đẹp và có nhiều đền thờ nhất trên thế giới với 450 ngôi đền lớn nhỏ, Istanbul được Unesco công nhận là di sản Thế giới. Đền thờ Sultan-Ahmed-Moschee/Sultanahmet Camii từ thời

Sultan Ahmed đệ nhất (do kiến trúc sư Mehmet Aga, bắt đầu xây năm 1609 và hoàn thành năm 1616) toàn bộ các trang trí đẹp nổi lên màu xanh nên có tên Blaue Moschee, phòng cầu nguyện (Gebestsraum) lộng lẫy với 53 m chiều dài và 51 m chiều rộng, gần như vuông, những mái vòm có đường kính 22,2 m. Cao 43m bốn trụ cột đường kính lớn 5m. Tất cả có 260 cửa sổ chiếu sáng qua cửa kính màu thay đổi từ thứ thế kỷ thứ 17. Đức giáo Hoàng Benedict XVI ngày 30.11.2006 đã viếng thăm và cầu nguyện. Tổng thống Obama ngày 5.04.2009 cũng đến thăm nơi này. Istanbul có diện tích 1538,77 km², với hơn 12,8 triệu dân. Có 2 chiếc cầu Bosphorus

(1973) dài 1074 m và cầu Fatik Sultan-Mehmet dài 1090 m, hai cầu này nối liền 2 châu lục: châu Âu và châu Á, được chia làm 3 khu chính. Phần nằm trong khu vực châu Âu lấy ranh giới từ Kim Giáp và được chia làm hai thành phố. Eo Kim Giáp là eo biển nhỏ trông giống như chiếc sừng(Gold Horn), mỗi khi mặt trời mọc hay lặn, eo biển tràn ngập một màu vàng rực rỡ nên gọi là Kim Giáp. Về lưu thông có sân bay quốc tế Ataturk, hai trạm xe bus lớn (Busbahnhöfen) mỗi ngày hơn 15.000 chuyến xe bus di chuyển



trong thành phố, hai nhà ga (Bahnhöfen) hai cảng (Hafen) và hệ thống đường xe (Autobahnnetz), tàu điện chạy dưới lòng đất (U Bahn) tối tân. Istanbul có 4.350 trường học và 2.991.320 học sinh. Trường Đại học nổi tiếng lâu đời Universitesi/Universität Istanbul) được thành lập năm 1453 đến năm 1933 thay đổi theo hệ thống mới, gồm có 16 khoa (Fakultäten) hơn 70.000 Sinh viên và 6.000 khoa học gia, giáo sư và nhân viên, Năm 2010 Istanbul được công nhận thành phố văn hoá của Âu Châu (Kulturhauptstadt Europas)

Hoạt động các chính đảng

Hiện Thổ có đảng chính trị tham chính: Đảng Công lý và Phát triển (AKP), Đảng Nhân dân Cộng hoà (CHP), Đảng Dân chủ cánh tả (DSP), Đảng Con đường chân chính (DYP), Đảng Dân chủ nhân dân (DEHAP),...

Kinh tế phát triển

Tổng giá trị gia tăng của nền kinh tế GDP (*Gross Domestic Product*) giá trị thị trường tính theo chỉ số 8393 USD. Trình trạng lạm phát cao, tiền mới 1 đồng Lira = 100 Kurus. Thổ Nhĩ Kỳ có một nền kinh tế kết hợp giữa công nghiệp và thương nghiệp hiện đại với nông nghiệp và thủ công truyền thống. Ngành công nghiệp quan trọng nhất là ngành dệt, may mặc, kỹ nghệ làm da, đan thảm và du lịch. Công ty nước ngoài được hoạt động tại Thổ Nhĩ Kỳ, phần lớn từ các nước EU. Tình hình kinh tế ở Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn một khoảng cách lớn giữa phương Tây công nghiệp hóa và công nghiệp hiện đại (51,6% xuất cảng sang EU, 46% hàng nhập cảng từ EU).

Sản phẩm công nghiệp: Hàng dệt, điện tử, thực phẩm, xe, khoáng sản có sắt, thép (Eisen), bạc (Quecksiber) than đá (Kohle) lưu huỳnh (Schwefel) dầu khí (Erdöl), đồng. Sản xuất giấy, gỗ xẻ, v.v..

Sản phẩm nông nghiệp: Thuốc lá, ngũ cốc, ô liu, củ cải đường, đậu, cam quýt; gia súc: bò, cừu, dê, gà (không nuôi heo)

Hệ thống lưu thông: Thổ Nhĩ Kỳ có tổng chiều dài 413.724 km. Trong số này, 62.000 km đường giao thông nông thôn, 350.000 km là đường làng và 1.800 km đường xa lộ và tiếp tục mở rộng. Đường sắt phần lớn tồn tại từ cuối thế kỷ 19. Chiều dài là 10.500 km, trong đó khoảng 20% hoạt động bằng điện. Bờ biển dài hơn 7200 km có 156 cảng, tiềm năng của các tàu trọng tải cao hơn 300 tấn.

Các hãng hàng không: Thổ Nhĩ Kỳ Airlines (THY, Turk HAVA, Yollari..) được thành lập vào năm 1933 cho đến những năm 1990 độc quyền trong ngành hàng không. Hiện nay thêm số hãng hàng không tư nhân: Atlasjet,

Fly, MNG, Onur, SunExpress). Thổ Nhĩ Kỳ có 117 sân bay, trong đó 15 là sân bay quốc tế, sân bay Atatürk lớn nhất với 23.000.000 hành khách (2007) Antalya với 17.000.000 hành khách (2007) các sân bay khác là của Izmir (Adnan Menderes Havalimani) và Ankara (Esenboğa). Một số sân bay quốc gia như ví dụ Denizli Çardak...

Phong tục về lễ Hôi

Ramadan (رمضان / *ramađan* / "Sommerhitze") là những ngày cầu nguyện để được "sự nhân từ của Allah" (God's Mercy) suốt một tháng lễ này, tất cả các tín đồ đạo Hồi không ăn, không uống, không hút thuốc... nghĩa là không được đưa bất kể thứ gì vào miệng (kể cả không sinh hoạt tình dục), nhưng chỉ áp dụng vào ban ngày từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn mà thôi. Theo lịch lễ Ramadan:

Năm 2010 từ ngày 11. August đến ngày cuối lễ 09. September

Năm 2011 từ ngày 01. August đến ngày cuối lễ 30. August

Sinh hoạt đời sống: người Thổ khi chào một người bạn thân dù nam hay nữ đều sử dụng cả hai tay hoặc hôn vào cả má. Khi ngồi nói chuyện hai chân nằm trên mặt đất, không nên để lộ để giày hoặc chân hướng vào người đối diện, không nên khoanh tay trước ngực khi tiếp xúc nói chuyện với người ta, và bỏ tay ra khỏi túi quần, không được hỷ mũi nơi công cộng cần phải có khăn che lại. Không nên hôn, ôm hoặc thậm chí là bắt tay ai đó khác giới nơi công cộng. Chỉ ngón tay hướng vào người nào đó được xem là cử chỉ thô lỗ, nếu mời ai phải đưa cả bàn tay. Đi tắm (hôi) Hamam phải mang theo khăn hoặc mặc quần, Nam Nữ tắm riêng *vấn đề hôn nhân:* Lập gia đình phải thuộc đạo Hồi, nếu sống ở Đức đôi khi cũng có trường hợp ngoại lệ, phong tục xa xưa phải nhờ mai mối, mẹ chồng phải đi tắm với cô dâu tương lai hay sơn móng chân... ngày nay không còn phổ thông nữa cha mẹ gả con gái thường cho nữ trang. Ngày lễ rước dâu đơn giản chú rể cùng gia đình mang xe hoa rước dâu lễ vật là nữ trang và tiền.

Các con cháu trong gia đình đàn gái, giăng dây trước cửa đòi tiền “cheo” để cho chú rể vào nhà (nhưng họ không quá nhiều lễ nghi như người Việt chúng ta có đầy đủ mâm, quả, rượu, bánh, trái cây đôi khi có con heo quay). Họ rước dâu về nhà theo phong tục đạo Hồi là mời giáo sĩ Hồi giáo đến, hai bên trai gái phải có người làm chứng để đọc kinh Coran, lễ kết hợp vợ chồng, ngoài ra còn có thủ tục ký giấy hôn thú ở phòng hộ tịch (Standesamt). Lễ cưới gia đình hai bên thường mời rất đông khách có thể trên 1 ngàn người trong những hội trường (Saal) lớn nên chỉ có những bàn và ghế dài, tiệc cưới đơn giản nửa con gà nướng một ly nước, họ uống rượu Rake, hát nhạc Thổ, đàn ông nhảy với nhau, quà cưới bằng hiện kim khoảng 50€ hay nữ trang. (riêng người Đức lễ cưới chỉ tặng bông và thiệp chúc mừng)

Cuộc sống có sinh có tử, người Thổ sống làm việc có tài sản nhà cửa ở nước ngoài, nhưng lúc qua đời đều đưa quan tài về mai táng tại quê nhà, nên nghiã trang ở Đức không có mộ phần của người Thổ. Trong các nền văn hóa Hồi giáo, việc cắt bao quy đầu được thực hiện như là một phần của một nghi lễ phong tục. “Thủ thuật circumcision chỉ việc cắt bỏ lớp da để cho đầu dương vật hoặc âm vật lộ ra. Bao da quy đầu là một cấu trúc bọc bên ngoài của cơ quan sinh dục nam và nữ. Đây là nếp gấp da trên phần cuối dương vật và bao quanh âm vật, việc giải phẫu cắt bao quy đầu là một nghi thức bắt buộc”. Ở nhà quê không có bác sĩ thì có người chuyên môn cắt cho con trai, lễ cắt da này được mời nhiều người tới ăn mừng. Nhiều nơi còn giữ phong tục con gái phải cắt” da quy đầu âm vật, gọi là labioplasty hoặc vaginoplasty” âm thầm không tổ chức tiệc mừng như con trai. Con gái phải giữ sự trinh tiết trước khi lập gia đình.

Hệ thống Giáo dục

Giáo dục là bắt buộc 7 đến 15 tuổi phải đi học, nhưng tỷ lệ người Thổ còn mù chữ (đàn ông 6,65 đàn bà 23,5%). Thổ có 85 Đại học công lập (2.294.707 Sinh viên), tiền học phí trung trung hàng năm khoảng (300-1000€) và

31 đại học tư thục (124.507 Sinh viên) phải đóng tiền học từ (4100-10.000€). Sinh viên ngoại quốc 16.328 người

Có 64 viện nghiên cứu nghiên cứu khoa học kinh tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, y tế, công nghiệp sinh học, kỹ thuật hạt nhân, khoáng chất, vật liệu, IT và quốc phòng. và 4 Học Viện Quân sự (Militärakademien) và một Học Viện Cảnh sát (Polizeiakademie) ...

Thời ở Việt Nam chúng ta học Thế giới sử biết về Thổ Nhĩ Kỳ một phần, nhưng chưa có cơ hội đến thăm xứ sở, tiếp xúc về sinh hoạt văn hoá, phong tục, tập quán của họ. Ở Đức thường thấy đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ để râu, mặc áo Veston không thắt Cà vạt, trên tay cầm chuỗi hạt màu đen dài có 33 hạt (hoặc 99 hạt), phần lớn các bà nội trợ trùm khăn khi ra ngoài

Những người đến từ Thổ Nhĩ Kỳ làm việc khắp nơi, đủ các thứ ngành nghề trong xã hội. Người Đức gọi họ là những khách thợ. Thời Đế nhị thế chiến nước Đức bị tàn phá, sau khi chấm dứt chiến tranh không đủ người xây dựng lại quê hương. Chính phủ Đức mời những người khách thợ từ Thổ Nhĩ Kỳ sang làm việc, những người đầu tiên đặt chân đến quê hương này được tặng bông hay một chiếc xe gắn máy làm phương tiện.

Những người khách thợ từ Thổ Nhĩ Kỳ đã đóng góp mồ hôi để phục hồi kinh tế, xây dựng nước Đức hẳn nhiên họ đi làm lãnh lương. Tiền lương này so với đời sống ở Thổ thì khá nhiều. Họ đi làm ở Đức về Thổ trở thành triệu phú chủ nhân ông nhiều tiền „*vai mang túi bạc kè kè nói lếu nói láo người ta nghe rầm rầm*“.

Chính phủ Đức với chương trình đón nhận thành phần lao động vào làm việc, theo thời gian và luật pháp qui định gia đình đoàn tụ, nên những người khách thợ này đã mang gia đình sang sinh sống và lập nghiệp tại Đức, ngày nay dân số Thổ Nhĩ Kỳ tăng hơn 3 triệu người sống khắp nơi. Họ sinh hoạt đoàn kết với bản sắc văn hoá giống bên Thổ Nhĩ Kỳ. Trường hợp skandal cô Sibel Kekilli 23 tuổi sinh ở Heilbronn đã đóng film khỏa thân „Tierisches Teenie-

Reiten“, Sibel là diễn viên chính, xuất sắc trong phim „Gegen die Wand / Chống lại bức tường „, đạo diễn Fatih Akin cũng người Thổ trưởng thành tại Hamburg-Altona (phim dài 121 phút được giải con gấu vàng Goldenen Baeren der Berlinale). Phim diễn tả bi kịch đời sống xã hội, lịch sử tình yêu hạnh phúc không đoạn kết ...Giải thưởng là một danh dự lớn, nhưng ngược lại cộng đồng Thổ Nhĩ Kỳ phản nộ về việc cô Sibel đã từng đóng các phim không „nghiêm túc“. Ông Mehmet 44 tuổi là thân phụ cô Sibel phải xin lỗi việc gây tổn thương danh dự về Tôn giáo của dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, ông tuyên bố từ bỏ con gái đã vượt qua bức tường giáo dục gia đình... Dù vẫn minh phát triển nhưng còn một phần tử nhỏ trong cộng đồng người Thổ bảo thủ cưỡng bức con cái lập gia đình theo quyết định của cha mẹ, đôi khi đánh đập con gái đã gây ra những án mạng đau buồn.

Các cơ sở thương mại của Thổ thường tập trung từng khu buôn bán đồ thủ công nghệ, rau trái cây, nhiều mặt hàng khác nhau. Các thành phố lớn người Thổ có trường học riêng theo chương trình giáo dục của Âu châu. Một vài Moschee được xây cất nguy nga tráng lệ, phát hành nhật báo, nguyệt san... Nhà văn Orhan Pamuk nhận giải Nobel Văn học 2006 tên thật Ferit Orhan Pamuk, sinh ngày 7 tháng 6 năm 1952 tại thành phố Istanbul một trong những nhà văn Thổ nổi tiếng nhất, được trao giải vì trong quá trình đi tìm hiểu “tâm hồn u uẩn, sâu muợn của thành phố quê hương” đã đặt ra những vấn đề bản sắc, cá nhân và dân tộc, phát hiện ra những biểu tượng của sự xung đột, trộn lẫn giữa nhiều nền văn hóa, phản ánh những mâu thuẫn giữa các giá trị Đông và Tây, giữa truyền thống văn hóa Hồi giáo và những thách đố đặt ra cho một xã hội muốn vươn lên thành một nước phát triển và hội nhập với thế giới mở bên ngoài.

Thiếu số người Đức nhìn người Thổ không được trọng, bởi vì họ là những người khách thợ

xuất thân từ nhiều thành phần trong xã hội... Dù thể hệ thứ 2 hay 3 của người Thổ đã hội nhập vào đời sống Đức nhưng vẫn còn những nét dị biệt ... Hàng năm vào đầu tháng 7 và tháng 8, những gia đình Thổ đều trở về quê hương trong thời gian con cái nghỉ hè 6 tuần. Những chuyến bay sang Thổ lúc nào cũng bận rộn, nhiều gia đình Thổ lái xe về quê xa trên 3000km

Đời sống kinh tế ở Âu Châu và Đức đi xuống, làn sóng chống ngoại quốc nảy sinh, dù không ầm ỹ nhưng cũng là đợt sóng ngầm! Thiếu số quá khích trong xã hội thường có thân phận với người ngoại quốc, trong đó có thân phận của chúng ta! Nếu không có biển số 30.4.1975 chúng ta không bỏ nghề nghiệp, tài sản, quê hương ra đi làm người viễn xứ! Nhưng buồn thay ngày nay nhà cầm quyền Việt Nam xuất cảng người đi lao động cùng phong trào lấy chồng ngoại quốc khắp nơi trên thế giới như mua bán nô lệ, họ bị bóc lột và phẩm giá không được tôn trọng! Riêng ở Đức sau khi thống nhất Đông Tây Đức, đã có hơn 40.000 người Việt từ các nước Đông Âu sang Đức xin ở lại. Dù là thiếu số từng buôn thuốc lá, tổ chức đường dây buôn người bất hợp pháp ... thời gian vừa qua đã trồng cây cần sa (Cannabis) ở ngoại ô thành phố Nürnberg và Würzburg bị bắt trong khi người Thổ không làm những việc này.

Chúng ta là người Việt tỵ nạn dù ở Đức hay bất cứ quốc gia nào trên thế giới, nhưng thân phận mình so với người Thổ, họ còn may mắn hơn bởi vì họ có quê hương độc lập, tự do và dân chủ, được hưởng quyền lợi của một công dân, có tài sản và tài sản đó được luật pháp bảo vệ, dù họ mang quốc tịch Đức, nhưng chúng ta chỉ là „*khúc ruột ngàn dặm*“ *mời đọc tiếp phần II*

Tài liệu tham khảo

Lexikon der Geschichte Orbir Verlag
Das neue Universal Lexikon Bertelsmann (2009)
Hình trên Internet và của tác giả.

CHO EM MÙA HẠ

Dặm dài phơi nắng mặt ong
Em vui theo lũ sen hồng rực quê
Ao sâu, nước mát gánh về
Tắm chi, em để hương thể thoảng bay
Cau trầu thương tráp nhớ khay
Anh xa mùa cưới, nhớ người vóc thon
Nhớ mi rung cánh bướm non
Mềm tay phẩy quạt, xinh tròn đôi vai
Sáng hàm răng, cong nét mày
Thuốt tha áo lụa lối dài trắng sao.

Nhà em ở tận gò cao
Vòng đồng trước ngõ, soạn đào trong sân
Tháng tư, mùa hạ đến gần
Hoa chanh nhỏ nụ, rau cần xanh ao.
Cho em mùa hạ nắng đào
Mít xoài chín ngọt, hương cau dịu lành
Bốn bề rẫy biếc, nương xanh
Chiều oi nồng ngọt bát canh rau giền
Cho em mùa hạ ngoan hiền
Bóng cây tỏa mát đường lên cổng chùa
Tháng năm về hái ổi chua
Lối qua, em lỡ bỏ bùa cho ai...
Cho em tháng hạ ngày dài
Sông xa nước ngập, ngọt lời ca dao
Ngồi sương móc, mát mưa rào
Lúa khoai lớp lớp, cỏ lau trùng trùng
Cho em mùa hạ riêng chung
Con ve say nhạc, cái ong say tình.

Nhớ nhung từng thoáng rợn mình
Dậy khơi trí tưởng bóng hình xa xăm
Ngoan ngoan võ giấc đêm rằm
Nửa khuya trở giấc, quanh mình ngập trắng.

HỒ TRƯỜNG AN

(France)



ĐƯỜNG CÙNG

Em cười úp mặt vào tôi
Tôi cười úp mặt vào nơi tương phùng
Một nơi em rất ngại ngùng
Tôi năn nỉ tới đường cùng mới cho

Phan Khâm

(Maryland)

Hồi Ký hay Hạnh Phúc Tuyệt Vời?

(Lời Bạt cho tác phẩm “NHỮNG NĂM THÁNG TUYỆT VỜI” của Kim-Vũ)

Diệu Tần

* Một trong các nhà văn, nhà thơ ở hải ngoại được du hành di chuyển nhiều nhất phải kể đến tác giả Kim-Vũ. Nghề có trong tay phải từ bỏ, kiến trúc sư học xây cất dinh thự, lâu đài 5 năm tại Hoa Kỳ, rồi sang tu nghiệp bên Hòa Lan. Rồi có nhiều cơ hội đi quan sát, dự hội nghị ở Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Đài Loan, Nhật Bản, vv... Kim-Vũ mới trình làng hồi ký “**Những Năm Tháng Tuyệt Vời**”. Sách thơ, truyện của tác giả không chú trọng tới bề dày, số trang. Sách in sáng sủa, không có lỗi chính tả, bìa màu trang nhã.

* Thời thanh xuân bay đi khắp nẻo, giờ đây con chim bỏ xứ không xây dựng bằng chất liệu xi măng cốt sắt. Nghiệp viết lách là tiếp tục tung cánh để xây dựng lâu đài tình ái, và xây dựng một chỗ đứng trong văn đàn bằng ngòi bút, bằng máy vi tính. Lâu đài tình ái vì dường như Kim-Vũ muốn ghi đậm nét người hôn phối qua những tựa đề thơ văn các tác phẩm đã và sẽ ra mắt như “**Trăng Mặt Thiên Niên Kỷ**”, “**Tình Anh Như Thê Đầy**”, “**Khi Yêu Em**”, và hôm nay, “**Những Năm Tháng Tuyệt Vời**”?

* Trong 6 tác phẩm đã ra mắt độc giả, Kim-Vũ đã có những vần thơ có hồn. Đặc biệt là truyện ngắn tác giả sở trường viết truyện không cần có cốt truyện, lại rất sành phân tích, mổ xẻ tâm lý, cái nội tâm con

người tự mâu thuẫn với chính mình. Ở đây là tập ghi chép chuyện rong chơi, không có hư cấu, không tưởng tượng, không cường điệu, không nhân cách hóa. Ở đây ghi lại “**những năm tháng tuyệt vời**” đầy hạnh phúc. Ở đây có cả hồi ức tuổi nhỏ, pha lẫn một chút địa dư, lịch sử, văn hóa địa phương và như một bản hướng dẫn du lịch qua 20 nước, kể cả Hoa Kỳ và Việt Nam.

* Trong thể loại hồi ký du lịch, nên “**người tình chưa có chân dung**” nay đã xuất hiện rõ là “**người vợ có chân dung**” qua nhiều tấm ảnh in trong sách. Vốn là một nhà kiến trúc, tác giả đã có những nhận xét về những công trình xây dựng nổi tiếng thế giới như đền đài, thành trì, dinh thự, hệ thống giao thông. Kim-Vũ đã xử dụng một văn phong thích hợp là giản dị, chân phương, dễ hiểu với nhiều hồi ức và ý kiến về nhạc, họa, mỹ thuật của các danh lam thắng cảnh.

* Sắp đến tuổi thất thập, chắc tác giả sẽ còn nhiều dịp đi xa thỏa mộng hải hồ. Bởi đi là sống đầy đủ, đi là lão, đi là thu thập được nhiều chất liệu để sáng tác. Vào buổi hoàng hôn cuộc đời tại sao không sống thoải mái, rũ hết ưu phiền, quên đi những rắc rối, những gió tanh mưa máu!

Độc giả sẽ chờ đón những tác phẩm mới của nhà văn nhà thơ Kim-Vũ.

DIỆU TẦN (California)

DU NGOẠN NƯỚC ÚC

(MELBOURNE, SYDNEY, CANBERRA)

(THÁNG 12, 2009)

Kim-Vũ

*Thăng đường qua Úc
Melbourne, Sydney*



Sydney Opera House, Úc (2009)

Kim qua thăm tôi từ đầu tháng 10 thì đến đầu tháng 12, 2009, chúng tôi cùng đi Úc, đất nước lớn nhất của châu Đại Dương. Riêng tôi vẫn từng khao khát được thấy tận mắt *Sydney Opera House*, là một công trình kiến trúc rất lạ thường, nằm ngay tại một

mòm đất dẫn vào thành phố từ vịnh *Port Jackson*, một vùng nước rộng lớn mở ra đại dương bát ngát.

Trước hết, xin giới thiệu sơ lược về nước Úc. Đó là một quốc gia phát triển cao, diện tích đất là 7.6 triệu cây số vuông, phần lớn là sa mạc, chỉ có một dải dọc bờ biển tây nam và một vùng đất nằm về phía đông nam là màu mỡ, với khí hậu ôn đới dễ chịu mà thôi. Từ trên 40 nghìn năm trước, đã có những thổ dân sinh sống ở đây thuộc giòng *Melanesian*, da ngăm ngăm đen, trong những điều kiện còn rất bán khai. Đến đầu thế kỷ 17, vài dân tộc văn minh của *Âu châu* mới bắt đầu mò tới lục địa to lớn này. Người *Hòa Lan* đầu tiên khám phá ra vùng đất phía tây và bắc vào năm 1606, đặt tên là *New Holland*, nhưng lại không có cố gắng nào đem dân đến khẩn hoang lập nghiệp. Phải đến năm 1770, thuyền trưởng *James Cook* của *Anh* thám hiểm và lập bản đồ cho vùng đất phía đông nam ven biển, đặt tên là *New South Wales*, và công bố chủ quyền cho *Vương quốc Anh*, thì người *Anh* mới manh nha ý định khai thác. Thoạt đầu, mục đích mới chỉ là đưa những tù nhân lưu đày biệt xứ đến cho khỏi bận lòng chính quốc. Nhóm lưu dân đầu tiên đổ bộ xuống đất liền thuộc vùng *Port Jackson* đã được chở đến đây bằng một hải thuyền dưới quyền điều khiển của *Arthur Phillip* vào ngày 26 tháng 1 năm 1788. Dần dần, với thời gian, tình trạng thay đổi, ngày càng có nhiều

người đến lục địa này từ *Châu Âu* cũng như các quốc gia khác. Đến năm 2009 thì dân số toàn nước *Úc* đã lên tới 22 triệu người, sinh sống phần lớn ở những trung tâm thị tứ dọc bờ biển. Đất nước theo chế độ dân chủ đại nghị pha quân chủ lập hiến, vẫn còn nhận *Nữ Hoàng Elizabeth II* của *Anh* là *Nữ Hoàng Úc*. Việc cai trị nằm trong tay *Thủ Tướng* là lãnh tụ chính đảng có nhiều ghế nhất trong *Hạ Viện*. Toàn quốc có 6 bang và hai khu vực đặc biệt gọi là *Lãnh Thổ (Territory)*, cùng vài vùng đất phụ thuộc nhỏ khác. Mức sống rất cao, lợi tức một hộ cá nhân trung bình những năm gần đây lên tới gần 40 nghìn *Mỹ Kim*. Khu vực kinh tế quan trọng nhất là dịch vụ, chiếm đến 69% Tổng Sản Lượng Quốc Nội, gồm du lịch, giáo dục, và những dịch vụ tài chính. Nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên chỉ chiếm có 3% Tổng Sản Lượng, nhưng lại đóng góp rất lớn cho lượng hàng xuất khẩu, gửi sang *Nhật Bản*, *Trung Hoa*, *Hoa Kỳ*, *Nam Hàn*, và *Tân Tây Lan*.

Xin trở lại chuyến đi của chúng tôi. Khởi hành vào khoảng mười giờ tối ngày 2 tháng 12 từ *San Francisco* trên chuyến bay của hãng hàng không *United Airlines*, sau mười bốn tiếng đồng hồ chúng tôi mới tới *Sydney*, rồi tiếp đó lại đáp một chuyến bay khác đi thẳng tới *Melbourne*, là trạm đầu của cuộc du hành. Đến nơi vào khoảng buổi trưa ngày hôm sau, nhưng vì đổi giờ giữa *Thái Bình Dương*, nên giờ tại *Melbourne* là gần trưa ngày 4 tháng 12.

Được đưa về khách sạn *Elizabeth Tower* gần trung tâm thành phố, ngay chiều hôm đó chúng tôi đã hỏi dò và đáp xe buýt xuống khu *Việt Nam*, có tên là *Footscray*, thấy không

có gì đặc sắc nổi bật so với những nơi tập trung dân *Việt* tại *Mỹ* như *Westminster*, *San Jose*, hay *Houston*. Xe buýt đi rất tiện lợi, nhưng cũng giống như bên *Anh*, ở *Úc* phải lái xe tay trái thay vì tay phải. Cũng mừng là tôi khỏi phải lái xe. Sáng hôm sau, bắt đầu cuộc hành trình đi du ngoạn *Melbourne*. Vì không có họ hàng bè bạn gì bên *Úc*, nên chúng tôi đã mua một chuyến bao trọn gói của hãng *CYC*, là một công ty du lịch người *Hoa* hoạt động mạnh tại *Úc*.



Khu Trung Tâm Thương Mại ở Melbourne (2009)

Người hướng dẫn đưa chúng tôi đi thăm *St. Paul*, một nhà thờ *Anh giáo* ngay trung tâm thành phố, rồi tiếp đến là vườn hoa *Fitzroy*, một công viên khá đẹp và lớn, có cái nhà gỗ của thuyền trưởng *James Cook*, người khám phá ra và vẽ đầy đủ bản đồ phân đất phía nam và đông nam của *Úc châu* và xác lập chủ quyền trên phân đất này cho nước *Anh*. Căn nhà đã được di chuyển từ nước *Anh* và dựng lại giữa công viên cho du khách đến thăm. Gần đó là *Nhạc Viện* khiêm nhường với tượng đồng và vòm nước trước mặt khá mỹ thuật. Chúng tôi cũng thấy nhiều tín đồ *Pháp*

Luân Công tập luyện theo tiếng nhạc thanh thoát, và vài người khác phân phát tài liệu cho du khách lên án nhà cầm quyền *Trung Quốc* đàn áp pháp môn của họ.

Tiếp đó là đi thăm khu *Chinatown*, kéo dài khoảng bốn khúc đường thành phố dọc *Lt. Bourke Street*, thấy ngay nét đặc sắc của văn hóa *Trung Hoa*, cửa nhà ngăn nắp thứ tự dù con đường thật nhỏ hẹp.

Dùng cơm trưa xong, xe *car* đưa chúng tôi ra bờ sông *Yarra* tham dự một chuyến du ngoạn trên sông bằng tàu đò, chui qua những cây cầu thật thấp, tường nóc tàu có thể đụng dạ cầu bất cứ lúc nào. Sông không lớn lắm, chạy giữa trung tâm thành phố nên phải có nhiều cầu bắc ngang cho tiện việc lưu thông xe cộ. Thấy không khí cũng tựa tựa như tại *Paris* hay mấy nước *Trung Âu*, nhưng kiến trúc hai bên không có cái nét cổ kính mỹ thuật của thời hoàng kim kiến trúc *Âu châu*, mà phần lớn chỉ có những tòa nhà hiện đại thiếu cá tính. Dù sao, cũng có thể thấy thành phố này phát triển rất mạnh, vì những kiến trúc to lớn san sát bên nhau.

Sau đó, chúng tôi leo lên tầng lầu 55 của một cao ốc có tên là *Rialto Towers*, cao 253 thước tây, từ đó có thể nhìn bao quát khắp xung quanh. Tôi thật ngạc nhiên thấy *Melbourne* rộng mông mênh với rất nhiều cao ốc ở khắp tứ phía. Về nhà tìm hiểu mới biết *Melbourne* không tầm thường như mình tưởng. Đây là thành phố lớn thứ hai của *Úc*, dân số lên đến gần 4 triệu người, đã là một thành phố giàu có và thịnh vượng đáng kể từ thời có vụ đổ xô đi tìm vàng của dân tứ xứ vào khoảng năm 1850. Đã có một thời gian dài, *Melbourne* đóng vai trò thủ phủ của

nước *Úc*, cho đến khi *Canberra* được thiết lập vào đầu thế kỷ 20 để làm thủ đô cho toàn đất nước. Vào năm 1956, *Thế Vận Hội Quốc Tế* đã diễn ra ở nơi đây, và chỉ đến những năm 70 của thế kỷ trước, *Melbourne* mới phải chính thức nhường ngôi chủ soái cho *Sydney*. Dù vậy, thành phố này vẫn được *Liên Hiệp Quốc* công nhận như một trong những thành phố văn hóa của thế giới. Kỹ nghệ phim ảnh và âm nhạc của *Úc* tập trung ở đây, và rất nhiều sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng chọn thành phố này làm bản doanh. Về khía cạnh tài chính ngân hàng, thì rất nhiều cơ sở lớn của quốc gia cũng như quốc tế đặt trụ sở trong thành phố, và đây chính là trung tâm tài chính cho toàn vùng *Á châu-Thái Bình Dương*. Thành phố cũng là nơi có hệ thống xe điện quy mô nhất thế giới, và thêm vào đó là hệ thống xe buýt và xe hỏa nối với khu ngoại ô. *Melbourne* có một thương cảng lớn vào bậc nhất hoàn cầu, đặt ở *Vịnh Port Phillip*, một vịnh thiên nhiên ở cửa sông *Yarra*. Hai hãng xe hơi *Ford* và *Toyota* có đặt ở đây những nhà máy sản xuất xe hơi rất lớn. Về du lịch thì vào năm 2004 có đến 7.8 triệu du khách nội địa và 9 triệu du khách quốc tế ghé thăm. Trong tương lai, kế hoạch của chính quyền bang *Victoria* là biến *Melbourne* thành trung tâm hội nghị quốc tế cho toàn thế giới. Về thể thao thì cũng có nhiều giải quốc tế diễn ra ở đây, như giải *golf*, giải *tennis*, vv... Chính tại nơi này mà danh thủ *Tiger Woods* đã bắt đầu quá trình xuống dốc không phanh vì dính líu tình ái lăng nhăng.

Sau khi viếng thăm tòa nhà *Rialto* xong, chúng tôi đã được dẫn đi thăm *Crown Casino*,

là một sòng bãi lớn rất tráng lệ nằm ngay trung tâm thành phố, để xem những con bạc ăn thua đủ trong những cuộc đỏ đen. Tiếp đó và buổi chiều, chúng tôi được đưa đến *Phillip Island*, cách xa thành phố khoảng hai tiếng đồng hồ xe về hướng đông nam. Đây là nơi tối tối khoảng 9 giờ, có diễn ra cái gọi là *Penguin Parade*, với những đàn xí nga lội lên bờ từ biển và vào khu đất đồi, nơi có xây dựng một trung tâm nuôi dưỡng chúng và cho du khách vào xem. Đêm hôm đó trời hơi lạnh, tuy mùa này là mùa hè tại Úc. Chúng tôi chờ đợi cho đến khuya mới thấy những bầy xí nga nhỏ xíu xuất hiện trong ánh sáng lò mờ, chân đi lạch bạch thật ngộ nghĩnh. Có lẽ con trung bình chỉ nhỏ như con vịt con, trông ngo ngác thật tội nghiệp.

Cuộc đi chơi kéo dài khá khuya, và khi xe đưa chúng tôi về tới khách sạn thì đã khoảng 11:30 đêm, quả là một ngày mệt mỏi, chúng tôi ngủ thật say, nhưng hôm sau đã phải sẵn sàng lên xe đi tiếp từ 7:40 sáng.

Đúng giờ, xe đến đón để đưa chúng tôi trên một cuộc hành trình dài về hướng tây *Melbourne*, đầu tiên là thăm mỏ vàng khai thác vào khoảng giữa thế kỷ 19 gọi là *Sovereign Hill*, nằm trong một nơi có tên là *Ballarat*. Nơi đây đã diễn ra một cuộc nổi loạn vào khoảng năm 1850 để chống lại sự bóc lột của những người điều hành mỏ lấy tiền thuế quá đắt mà lại không cho quyền đại diện, làm cho những người lao động nghèo khổ đãi vàng gặp quá nhiều khó khăn. Thấy việc đào mỏ thời xưa quả là cực nhọc. Có một chi tiết thú vị là vào lúc đó đã có những người lao động *Trung Hoa* đến đây làm việc, và họ sống quây quần trong một

khu riêng gọi là *Chinese Camp*, có thể nói là khu *ghetto* của ngọn đồi.



Cảnh “12 Tông Đồ của Chúa” gần *Melbourne* (2009)

Buổi chiều, chúng tôi tiếp cuộc hành trình trên xe *car* lâu khoảng bốn tiếng dọc một con đường nổi tiếng gọi là *Great Ocean Road*, mới tới được một thắng cảnh đặc sắc ở phía nam dọc bờ biển, có tên là “12 *Apostles*”, nằm trong một công viên có tên là *Port Campbell National Park*. Khu này cách đây 10 đến 25 triệu năm vốn là một vùng biển nằm trong đất liền. Những loài sinh vật đại dương chết đi trộn lẫn xác với đất trầm tích tạo ra một hỗn hợp rất giàu chất vôi, là chất kết dính làm cho đất đá được gắn liền với nhau. Khu này trước kia có tên là “*Heo Mẹ và Bầy Heo Con*”, với hòn đảo lớn nhất có tên là *Mutton Bird Island* là *Heo Mẹ*. Những hòn khác nhỏ hơn là những chú heo con. Gần đây thì khu vực được đổi tên thành “12 Tông Đồ của Chúa” hầu thu hút du khách dễ hơn. Những núi đá này rất mềm, hình thù cổ quái nằm ở biển nhưng khá gần bờ, nơi cũng có

núi đá với những lần ngang nhiều nếp do sự xói mòn của thiên nhiên qua rất nhiều thiên niên kỷ. Được biết, mỗi năm tại nơi này lại bị xói mòn đi mất 2 cm. đất đá, nên có thể trong một tương lai nào đó tất cả sẽ chìm sâu trong lòng biển cả. Những hòn đá chơ vơ giữa biển gần bờ, mỗi hòn có hình dạng khác nhau, và nhìn từ trên cao xuống, thấy quả là hùng vĩ. Nước biển ở đây cũng rất trong và xanh ngắt ngất, quả là một cảnh quan gây nhiều cảm hứng. Chúng tôi thấy cuộc hành trình dài và mỏi mệt cũng được đền bù xứng đáng. Về đến khách sạn cũng khoảng 8:30 tối.

Có hai điều tôi muốn nói thêm về *Melbourne*. Thứ nhất, do điều kiện khí hậu rất đặc thù, *Melbourne* là nơi mà trong một ngày có thể diễn ra khí hậu cả bốn mùa, dù nhiệt độ trong mùa hè chỉ biến thiên giữa 14 độ và 25 độ C mà thôi. Thứ hai, du khách vừa bước chân xuống phi trường là đã được một bầy ruồi nhỏ bay đến nghênh đón, đậu bừa bãi trên mặt trên mũi, gây phiền hà không ít cho con người, ngay cả ở những nơi gần sát biển như khu thắng cảnh vừa kể trên con đường đại dương kỳ vĩ.

Sáng hôm sau, cũng khoảng 7:40, chúng tôi lại lên xe, lần này thì rời *Melbourne* để đi *Sydney*. Đường đi rất tốt, xe chạy rất êm, nhưng phải gần 11 tiếng đồng hồ sau mới tới được thành phố cảng nổi tiếng này. Dọc đường, nhìn hai bên thấy toàn đồng cỏ, không thấy có nhiều trang trại gì cả. Tuy nhiên, màu xanh của đồng cỏ trông thật đẹp và mát mắt.

Đến *Sydney* thì trời đã gần tối. Trước khi vào thành phố, xe chui qua một loạt những hầm *tunnel* thật dài đèn điện sáng trưng,

thấy Úc quả là hiện đại không kém bất cứ quốc gia tân tiến nào trên thế giới.

Khách sạn mà chúng tôi cư ngụ có tên là *Metro Hotel Sydney Central*, nằm gần khu *Chinatown*, về phía nam khu trung tâm mật dịch quốc tế, gần cảng *Darling Harbour*, cảnh quan thật ôn ào náo nhiệt. Ngay tối hôm đó chúng tôi đã tản bộ quanh khu vực, và kiếm được một tiệm ăn *Việt Nam* có tên là *Minh Hải*, nằm trên một con đường chính gần khách sạn. Đồ ăn không đến nổi tệ, tuy không thể ngon bằng đồ ăn hàng quán ở *San Jose*.

Ngay sáng hôm sau, chúng tôi đã được dẫn đi *Canberra*, thủ đô của nước Úc, nằm cách *Sydney* khoảng 4 tiếng đồng hồ xe về phía tây nam, trong một khu vực riêng biệt có tên là "*Australian National Capital Territory*", cắt ra từ một phần đất phía nam bang *New South Wales* nhưng khá gần bang *Victoria*. Đây là thành phố hành chính, được chọn làm thủ đô ngay sau ngày 1 tháng 1 năm 1901, khi sáu bang kết hợp với nhau thành liên bang Úc, cộng thêm hai lãnh thổ, trong đó *Lãnh Thổ Thủ Đô Úc* là một. *Canberra* là một thành phố được quy hoạch từ khởi thủy và xây dựng theo đúng đồ án thiết kế, có dân số chỉ độ 300 nghìn người, trông khá buồn tẻ. Tuy nhiên, cũng có hai nơi đặc sắc. Thứ nhất là *Corkington Green Gardens*, một khu vườn không lớn lắm nhưng rất dễ thương, có rất nhiều mẫu kiến trúc tí hon nằm giữa những vườn cây *bonsai* thật xinh xắn, tái tạo lại những kiến trúc của nước Úc cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, với những hồ và thác nhân tạo tí hon nước xanh trong vắt, trông thật đẹp. Trong những mô



Vòi Nước Phun ở hồ nước trung tâm Canberra (2009)

hình thu nhỏ này, đáng chú ý nhất là phiên bản tái tạo *Borobudur*, một công trình mỹ thuật Phật giáo Đại Thừa quy mô đã được dựng lên ở miền trung đảo *Java*, *Nam Dương*, vào khoảng năm 800 sau công nguyên, gồm sáu nền vuông ở dưới và ba nền tròn ở trên, tượng trưng cho ba cõi *dục*, *sắc* và *vô sắc giới*, được trang hoàng bởi 2672 phiến phù điêu và 504 bức tượng Phật. Một vòm cầu đặt ở chính giữa nền cao nhất được bao bọc bởi 72 tượng Phật ngồi trong những phù điêu có lỗ thông thoáng. Một học giả và nghệ sĩ người *Hòa Lan* có tên là *Nieuwenkamp* vào năm 1930 đã đưa ra giả thuyết cho rằng đây là tượng trưng cho một bông hoa sen mọc trên một mặt hồ, và nhiều nghiên cứu sau đó đã cho thấy quả thật trước kia, khu vực này đã là

một vùng trũng nước rộng lớn mà ngày nay đã khô cạn hết. Hiện nay, hàng năm vẫn có rất nhiều Phật tử, nhất là ở *Indonesia*, đến hành hương tại thắng tích kỳ vĩ này.

Nơi đặc sắc thứ hai ở *Canberra* là một cái hồ cực lớn nằm ngay giữa thành phố, có một vòi nước phun cao ngất, xung quanh hồ là những thảm cỏ xanh rờn, trông thật êm đềm.

Phần còn lại của thành phố không có gì xuất sắc, kể cả tòa nhà quốc hội xây cất tốn kém nhưng tầm thường về mặt mỹ thuật.

Khuya hôm đó, chúng tôi mới về lại được *Sydney*, để ngày hôm sau mới thực sự là ngày du ngoạn đầu tiên tại thành phố đặc sắc này. Trước hết, lại xin được lược qua vài nét chính nói lên cái đặc sắc của thành phố lớn nhất nước *Úc*.

Sydney bắt đầu được thành lập từ ngày 26 tháng 1 năm 1788, thoạt đầu chỉ là một nơi lưu đầy những tội phạm tại nước *Anh*. Thuyền trưởng *Arthur Phillip* phụ trách công việc đưa tù sang vùng đất mới này cũng đóng vai viên chức chính phủ đầu tiên cai trị dưới quyền ông. Thoạt đầu, nhà cầm quyền ở *Anh* chẳng để ý gì tới đám dân khốn khổ, và đã có những lúc thuộc địa tưởng như bị hủy diệt. Nhưng rồi mọi sự cũng qua đi, *Sydney* phát triển dần dần, và cho đến nay thì dân số đã lên tới khoảng 4.4 triệu người, với một mức sống rất cao là khoảng 42 nghìn Mỹ Kim/năm thu nhập cho một hộ cá nhân, và giá nhà trung bình lên tới nửa triệu Mỹ Kim. Nên kinh tế dựa chính vào khu vực dịch vụ và mậu dịch tài chánh. *Sydney* đứng thứ 14 trong 50 thành phố tài chánh lớn nhất

toàn thế giới, nơi có trụ sở Ngân Hàng Dự Trữ toàn nước Úc và thị trường chứng khoán Úc, nơi lập đại bản doanh của 90 ngân hàng quốc tế, trong đó có Citigroup của Mỹ và Deutsche Bank của Đức, cũng như đại bản doanh của 500 công ty đa quốc. Đây cũng là một trung tâm du lịch lớn, với 7.8 triệu du khách nội địa và 2.5 triệu du khách quốc tế vào năm 2004, là một cái nôi của thời trang và những công nghệ cách tân, cũng là nơi diễn ra Thế Vận Hội vào năm 2000 và Rugby World Cup vào năm 2003. Khí hậu ở đây rất ôn hòa, nhiệt độ trung bình biến thiên từ 14 độ bách phân vào khoảng tháng 6 hay mùa đông, và 21 độ bách phân vào tháng 12 tức là mùa hè, dù đã có lúc nhiệt độ lên tới 45 độ bách phân vào tháng 1 năm 1939. Người Việt sống ở Sydney lên tới trên 62 nghìn, hơn ở Melbourne chỉ có 58 nghìn, tập trung ở một khu vực thuộc ngoại ô có tên là Cabramatta, với rất nhiều nhà hàng và tiệm ăn Việt, Thái, Lào và Trung Hoa, đến nỗi người du khách chẳng thấy một chữ Anh nào trong tên các bảng hiệu nữa. Thành phố tiếp tục lớn mạnh, và hiện nay đang xúc tiến dự án biến Sydney thành một đô thị với nhiều biến cố lớn của New South Wales (Events New South Wales) về văn hóa, âm nhạc và nghệ thuật. Triển vọng tương lai rất sáng sủa.

Quay lại chuyến du lịch của chúng tôi. Đầu tiên, hãng du lịch đưa chúng tôi đi tới Featherdale Wild Life Park, là một khu vực không lớn lắm nhưng có trưng bày những con thú đặc sắc của riêng châu Úc, như đại thú (kangaroo), koala, wombat, vv... Chúng tôi cũng hài lòng, vì tới Úc châu mà không được

nhìn tận mắt những con vật này thì kể như là chưa biết gì về lục địa vậy.

Tiếp theo, xe chở chúng tôi đến Blue Mountains, là một rặng núi cao nằm không quá xa thành phố. Chúng tôi leo lên skyway là một loại xe treo trên dây cáp để qua phía bên kia của núi, vượt một vực sâu thăm thẳm, để từ phía bên kia núi có thể thấy ba tảng đá mọc kế cận, có tên là Three Sisters, trông như ba chị em đứng cạnh nhau.

Tiếp đó, chúng tôi lại dùng xe cable car đi sâu xuống vực phía dưới, nơi có con đường đi vòng vèo qua khu khai thác than đá xưa kia, một chuyến đi khá thú vị.

Sau đó, xe lại đưa chúng tôi đi động Canolan, là một động thạch nhũ nằm nơi cuối một con đường ngòng ngoèo thật hẹp, ở đó chúng tôi được nhìn ngắm những loại thạch nhũ ly kỳ thật phong phú. Cuối chuyến đi, chúng tôi còn xem một bộ phim trên màn ảnh Imax, là một màn ảnh thật lớn, cảnh thiên nhiên chiếu trên đó trông thật hùng vĩ. Chúng tôi thấy những thanh niên thanh nữ trẻ thám hiểm, đi sâu vào những vực có thác nước đổ ào ào, hoặc leo lên những vách đá thật cheo leo, thấy người Úc quả cũng có tinh thần phiêu lưu mạo hiểm đáng nể phục. Ở trên lục địa này, người ta đã khám phá ra một loại cây có từ thời những con khủng long mà ngày nay có nguy cơ bị triệt hạ.

Hôm sau là chuyến du ngoạn quanh thành phố, bắt đầu bằng Bondi Beach, một bờ biển có hình cong nhẹ nhàng tương tự như Nha Trang, nhưng nhỏ hơn nhiều, từ đó có thể nhìn về phía thành phố xa xa. Tiếp theo, xe đưa chúng tôi tới Sydney Opera House, kiến trúc xuất sắc mà tôi hằng ao ước được

xem. Đây là tác phẩm của một kiến trúc sư người *Dan Mạch* có tên là *Jorn Utzon*, người thắng giải trong một kỳ thi quốc tế vào năm 1955, khi ông mới có 38 tuổi. Kiến trúc có hình dáng rất thanh tú, gồm một kết hợp ba nền phẳng rộng mênh mông màu nâu đỏ bằng bê tông nhám, nền nọ đến nền kia được nối nhau bằng những bậc thang cao đến 25 và 50 bậc. Trên hệ thống nền phẳng hoành tráng này là một công trình mỹ thuật màu trắng và ngà, với những nét cong ra dáng những cánh bướm trắng no gió. Nhìn từ một góc cạnh khác, trông chúng lại giống như một bầy xí nga đang lạch bạch bước bên nhau. Lại từ một góc khác, thấy hình những con sò khum khum. Lốp đá men bọc ngoài cùng của những vòm bê tông cũng có hình dạng như thấy trên vỏ những con sò. Nói chung, nhìn thấy rất đã mắt. Tuy nhiên, việc xây dựng nó đã là cả một kỳ công, và kiến trúc sư có lúc đã chán nản đến độ phải từ chức khỏi cương vị chủ trì của công trình. Dù sao thì cuối cùng, công trình vẫn được hoàn tất, tuy không được như đồ án ban đầu, nhưng kết quả cũng vẫn là phi thường, và kiến trúc này đã trở nên biểu tượng đương nhiên cho thành phố cũng như cho *Úc châu*, cùng với cầu *Harbour Bridge*, là một chiếc cầu hình vòng cung thanh mảnh hòa hợp rất mỹ thuật với *Nhà Hát Con Sò*.

Chúng tôi bắt đầu được chiêm ngưỡng những kiến trúc này khi tham dự một cuộc du ngoạn bằng tàu trên *Vịnh Port Jackson*, khởi hành từ một bến cảng gần đó. Cuộc du ngoạn khá tốn kém, nhưng đã phục vụ một bữa ăn đáng giá, với tôm tươi luộc, thịt bò, thịt gà, sà lách, tráng miệng ê hề.

Ngay từ lúc khởi hành, tôi đã có thể quay phim được *Nhà Hát Con Sò* từ nhiều góc cạnh khác nhau, và khi trời trưa hôm đó cũng thật mát mẻ dễ chịu. Thật là một kinh nghiệm đáng nhớ.

Khi tàu du ngoạn trở về, chúng tôi được đưa ngay đến nhà hát để có thể nhìn ngắm từ mọi phía và nghỉ ngơi thăm thú công viên gần kề. Trời mát tuyệt vời, chúng tôi thật vui thú.

Sau khi chiêm ngưỡng thật đã con mắt *Nhà Hát Con Sò*, chúng tôi được xe *car* đưa đến *McQuaries Point*, nằm trong *Vườn Bách Thảo Hoàng Gia*, từ đó có thể thấy toàn cảnh *Vịnh Port Jackson*, cũng như hai thắng cảnh khét tiếng bên bờ *Vịnh*, biểu tượng đương nhiên của *Sydney* cũng như của toàn nước *Úc*.

Phần cuối của ngày, chúng tôi được đưa đến *Darling Harbour*, trên một cái vịnh nhỏ có tên là *Cockle Bay* với những tàu đò qua lại, quanh đó là cả một khu giải trí náo nhiệt, nơi có nhiều quán hàng ăn uống vui chơi, các cửa tiệm bán đồ lưu niệm, *Aquarium*, *Wild Life World*, *National Maritime Museum*, *Convention Centre*, *Exhibition Centre*, cả một *ferris wheel*, và một khu vườn *Trung Hoa* nữa. Bao quanh khu này là những cao ốc mỹ thuật, những khách sạn sang trọng của các tập đoàn như *Novotel*, *Ibis*, vv... Khách bộ hành đi lại tấp nập, ăn mặc "à la mode", trông thật là mát mắt.

Ngày hôm sau đã là ngày rời *Sydney* để trở lại *Hoa Kỳ*. Nhưng vì máy bay cất cánh vào buổi chiều, nên buổi sáng chúng tôi lại tiếp tục đi thăm một số nơi khác. Đầu tiên, chúng tôi đến vườn *Hyde Park*, nằm về



Vườn Trung Hoa phía trước Khách Sạn Novotel (2009)

phía nam của Vườn Bách Thảo Hoàng Gia. Ở đây có những hàng cây xanh lá dẫn đến một vòi nước với những tượng điêu khắc mỹ thuật của một điêu khắc gia người Pháp. Nhìn từ xa về phía vòi nước, tôi có cảm tưởng như tượng đài là một con mãng xà khổng lồ đang phun nọc độc.

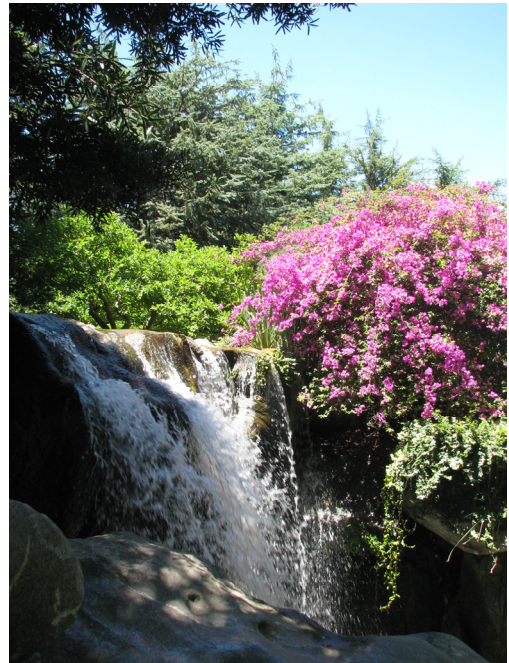
Tiếp đó, chúng tôi trở lại *Darling Harbour* để vào thăm khu vườn *Trung Hoa*. Khu vườn thật đẹp, với những hàng liễu rủ tha thướt, những hồ có đá tảng xung quanh, những thác nước cạnh những cây hoa rực rỡ. Thật là một nơi an bình nằm ngay giữa thành phố ồn ào nhộn nhịp, đem lại cho tâm hồn sự yên tĩnh tuyệt vời.

Rời vườn, trên đường về, chúng tôi mới khám phá ra một khu chợ rộng mênh mênh, gọi là *Hay Market*, ở đó có đủ loại hàng quán, từ những sạp hàng nhỏ như ở chợ *Bến Thành Sài Gòn* bán đồ lưu niệm, đến những cửa hàng bán đồ hàng hiệu sang trọng của *Âu châu*. Cũng lại có một khu bán đồ ăn ở tầng 3 gọi là *food court*, với những cửa hàng xung quanh và

khu ngồi ăn cho khách ở giữa, tựa như *Lion Plaza* ở *San Jose* nhưng lớn hơn. Tuy nhiên, đồ ăn không thấy có gì hấp dẫn. Chúng tôi gọi một tô mì hoành thánh và một tô phở tại một cửa hàng do người Hoa trước ở *Phnom Penh* làm chủ, ăn chẳng ra gì mà lại mắc.

Trưa hôm đó, xe đón chúng tôi đưa ra phi trường để đón máy bay trở lại *Hoa Kỳ*, kết thúc một chuyến đi nhiều hứng thú.

Chúng tôi đã thật ưng ý với cuộc du lịch này. Chỉ tiếc rằng vì thời giờ giới hạn, chúng tôi đã không thể ghé khu *Việt Nam* tại *Cabramatta*, cũng như thăm *Taronga Park Zoo* về phía bắc, và *The Royal National Park* không quá xa về hướng nam. Nếu đi được đây đủ như thế, chúng tôi có thể sẽ hoàn toàn hài lòng.



Thác nước trong Vườn Trung Hoa, Sydney (2009)

CA TRÙ VÀ HÁT NÓI

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Ca trù là một điệu hát dân gian miền Bắc có từ ngàn xưa và rất được mọi người ưa thích, nhất là ở thế kỷ 18 và 19, thời mà văn chương chữ Hán và chữ Nôm rất được thịnh hành.

Ở hậu bán thế kỷ thứ 20, vì ảnh hưởng chiến tranh ca trù hầu như bị lãng quên, nhường chỗ cho những bài hát ủy mị trữ tình hay hùng hồn kích thích lòng yêu nước. Gần đây cơ quan văn hoá quốc tế UNESCO đã công nhận ca trù là một di sản của nhân loại. Nói về ca trù ta nên phân biệt hai loại, loại do phụ nữ hay đào nương hát gọi là hát ả đào đọc chèo là ả đầu, loại do nam nghệ nhân hát gọi là hát trai.

Trong quyển Việt Nam Văn Học Sử, cụ Dương Quảng Hàm viết như sau về hát nói : "Hát ả đào có nhiều lối như dâng hương, giáo trống, gửi thư, thét nhạc v..v.. Nhưng chỉ có lối hát nói là thông dụng nhất, là có văn chương lý thú nhất. "

Thể nào là thơ hát nói.

Thơ hát nói là thơ lục bát và song thất lục bát biến thể. Muốn hiểu sự biến thể này ta lấy làm mẫu một bài hát nói quen biết " Gặp cô đầu cũ " của Dương Khuê và mười hai câu đầu trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu:

Gặp cô đầu cũ

- 1 Hồng hồng tuyết tuyết (*cvt* cước, vận, trắc)
- 2 Mới ngày nào còn chẳng biết (*yvt* - yêu, vận, trắc) chi chi (*cvb* - cước, vận, bằng)
- 3 Mười lăm năm thắm thoát có xa gì (*cvb*)
- 4 Chợt ngảnh lại đã tới kỳ (*yvb*) tơ liễu (*cvt*)
- 5 Ngã lãng du thời quân thượng thiếu (*cvt*)
- 6 Quân kim hứa giá ngã thành ông (*cvb*)
- 7 Cười cười nói nói sượng sùng (*cvb*)
- 8 Mà bạch phát với hồng nhan (*yvb*) thường ái ngại (*cvt*)
- 9 Riêng một thú Thanh Sơn đi lại (*cvt*)
- 10 Khéo ngây ngây dại dại (*yvt*) với tình (*cvb*)
- 11 Đàn ai một tiếng dương tranh (*cvb*)

Mười hai câu Cung Oán

- 1 Trãi vách quế gió vàng hiu hắt (*cvt*)

- 2 Mảnh vũ y lạnh ngắt (*yvt*) như đồng (*cvb*)
- 3 Oán chi những khách tiêu phòng (*cvb*)
- 4 Mả xui phận bạc nằm trong (*yvb*) má đào (*cvb*)
- 5 Duyên đã may có sao lại rùi (*cvt*)
- 6 Nghĩ nguồn con dờ dỏi (*yvt*) sao đang (*cvb*)
- 7 Vì đâu nên nỗi dờ dang (*cvb*)
- 8 Nghĩ mình mình lại thêm thương (*yvb*) nỗi mình (*cvb*)
- 9 Trộm nhớ thuở gây hình Tạo Hóa (*cvt*)
- 10 Vẽ phù dung một đóa (*yvt*) hoa tươi (*cvb*)
- 11 Nhụy hoa chưa mím miệng cười (*cvb*)
- 12 Gấm nang Ban đã nhạt mùi (*yvb*) thu dung (*cvb*)

Điểm giống nhau:

- 1 Hai bài thơ chia làm nhiều khổ, mỗi khổ bốn câu.
- 2 Mỗi khổ có bốn cước vận và hai yêu vận

Điểm khác nhau:

- 1 Số chữ trong những câu thơ song thất lục bát thì nhất định (7, 7, 6, 8) còn số chữ trong thơ hát nói thì không bị hạn định, từ bốn chữ đến mười hai chữ.

2 Về cách hiệp vận : thơ song thất lục bát gồm có một cước vận trắc ở câu đầu khổ, và ba cước vận bằng , còn thơ hát nói gồm hai cước vận trắc ở câu 1 và 4 và hai cước vận bằng ở câu 2 và 3.

3 Số khổ không bị hạn định nhưng khổ cuối của câu hát nói chỉ có ba câu

4 Trong bài hát nói, hai câu thơ năm và sáu của khổ thứ hai phải là hai câu thơ ngũ ngôn hay thất ngôn, thường thường hai câu thơ đó là những câu thơ đối nhau về thanh và ý.

Văn chương thơ hát nói

Muốn biết giá trị văn chương của một bài thơ, người ta thường để ý tới những tiêu chuẩn sau đây: giàu vần, giàu điệu, lời hay, ý đẹp. Bốn tiêu chuẩn đó thường được hội đủ trong những bài thơ hát nói.

a) Giàu vần giàu điệu

Để dẫn chứng, ta hãy lấy làm mẫu bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ và bài thơ trên của Dương Khuê. Hai bài này đều thuộc loại thơ tự do có những điểm giống nhau:

- 1 Số chữ trong câu thơ không bị hạn định
- 2 Câu thơ nào cũng có cước vận
- 3 Cách hiệp vận như nhau, hai cước vận trắc xen với hai cước vận bằng

Nhưng hai bài đó khác nhau ở những điểm sau đây :

1 Bài hát nói giàu vần hơn vì có yêu vận ở những câu chẵn (2,4).

2 Hát nói giàu điệu hơn vì gồm có nhiều thể thơ và mỗi thể thơ có một điệu riêng để ngâm, hát hay nói: thể phú tứ tự (câu số 1), song thất biến thể (câu 2,3,4), thơ thất ngôn (câu 5, 6) v..v...

Nhiều bài hát nói có phần mào đầu (mưỡu) gồm hai hay bốn câu lục bát :
Gió trăng chứa một thuyền đầy,

Của kho vô tận biết ngày nào voi

(Mưỡu đơn trong bài hát nói Vịnh Tiền Xích Bích của Nguyễn Công Trứ)

Lênh đênh dưới nước trên trời

Quanh thuyền trắng gió một vài ông thơ,

Bút nghiên để sẵn bao giờ

Đề câu tuyệt diệu còn nhờ tay ai

(Mưỡu kép trong bài hát nói

Hồ Hoàn Kiếm của Hoàng Cảnh Tuân)

b) Lời hay ý đẹp

Lời hay ý đẹp trong những bài thơ không gì đẹp bằng những câu thơ có phần đối về thanh và về ý :

1) Thơ lục bát của Nguyễn Du trong truyền Kiều hay vì có nhiều phần đối:

Khi chén rượu khi cuộc cờ

Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên

Khi tựa gối khi cúi đầu

!Khi vò chín khúc khi chau đôi mày

2) Thơ song thất lục bát của Ôn Như Hầu trong Cung Oán cũng có hai câu thơ đối nhau(câu 1 và câu 2) :

Mùi phú quý dư làng xa mã

Bả vinh hoa lừa gã công khanh

Giác Nam Kha khéo bất bình

Bùng con mắt dậy thấy mình tay không.

3) Thơ Alexandrin của Pháp cũng vậy, nhưng chỉ có đối ý chứ không có đối thanh :

À vaincre sans péril on triomphe sang gloire... (Corneille)

Un seul être vous manque et tout est dépeuplé. (Lamartine)

4) Trong bài thơ hát nói nào cũng có hai câu thơ 5, 6 đối nhau :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lũng lơ khe Yên cá nghe kinh

(Phong cảnh Hương Sơn - Chu Mạnh Trinh)

Ngã lãng du thời quân thượng thiếu
Quần kim hứa giá ngã thành ông
(Gặp cô đầu cũ – Dương Khuê)

Vì có hai câu thơ 5,6 đối nhau cho nên người ta gọi hát nói là văn chương bác học. Thật vậy, muốn cho phần đối được chỉnh, tác giả phải có nhiều kiến thức, cho nên phần đông các thi sĩ làm thơ hát nói là những vị đại khoa bảng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát v.v.. Hơn nữa tác giả thường dùng nhiều điển tích lấy trong văn chương và lịch sử nước ta hay nước Tàu cho nên người đọc phải có nhiều kiến thức.

Hát nói có nhiều lý thú

Hát nói có lý thú cho độc giả thì ít và cho tác giả thì nhiều. Thật vậy người đọc có thích thú được đọc những câu thơ linh động đôi khi được nghe bằng giọng hát điệu luyện của những đào nương chuyên nghiệp phụ họa bằng tiếng đàn tiếng phách. Còn đối với tác giả thì có nhiều lý thú sau đây :

1. Tác giả có thú tham dự trực tiếp vào cuộc hát bằng tiếng trống cầm châu:

*Vất chân ngồi bạn với khách cầm ca
Cuộc tình say bầu rượu chén trà
Con đắc ý thùng thùng đôi tiếng trống.*

(Thú Thanh Nhân của Nguyễn Công Trứ)

2. Tác giả có cái thú được hoàn toàn tự do sáng tác về hình thức cũng như nội dung:

*Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp
Trong thú yên hà mặt tỉnh say.*

Về hình thức, nhờ tài dung hợp các thể thơ tác giả có cái thú dùng nhiều thể thơ trong một bài, và mỗi một thể thơ có một điệu riêng để ngâm, đọc hay hát. Ở phần trước ta ngâm theo thể lục bát. Ở câu số 1 (hồng hồng tuyệt

tuyệt) ta ngâm theo thể đường phú tứ tự. Ở câu 2, 3, 4 ta ngâm theo song thất biến thể, đến câu 5, 6 ta ngâm theo thể đường thi thất ngôn, rồi trở lại thể song thất biến thể. Có khi câu thơ gồm quá nhiều chữ ta ngâm không được nên phải nói, vì thế mới có danh từ Hát nói.

Ví dụ trong bài Ngán Đồi, Cao Bá Quát viết một câu dài 12 chữ (Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt), hay trong bài Vịnh Tiền Xích Bích của Nguyễn Công Trứ có câu dài 11 chữ : (Sực nhớ kẻ quay ngọn giáo vịnh câu thơ thừa trước).

Về nội dung, tác giả có cái thú nói đến cái ta một cách hồn nhiên không mặc cảm:

Ngã lãng du thời quân thượng thiếu

(Dương Khuê).

Ngã dục tiêu sầu thả tự do (Tản Đà)

Thú xuất trần tiên vẫn là ta (Nguyễn Công Trứ).

Không phải bị ràng buộc bởi luân lý Khổng Mạnh, tác giả nói đến những cái thú vui rượu chè ca hát, chẳng hạn như:

Đánh ba chén rượu khoanh tay giặc

Ngâm một câu thơ vô bụng cười.

(Thú Rượu Thơ - Nguyễn Công Trứ).

Hay

Say chưa say mới thú

Hỏi làng say ai đã đủ thú say (Thú Say Sưa).

Hoặc

Thôi công đâu chuốc lấy sự đời

Tiêu khiển một vài chuông lếu láo

(Uống Rượu Tiêu Sầu - Cao Bá Quát)

Cái say của thi sĩ không phải là cái say của kẻ nghiện, mà là cái say chốc lát để quên sầu :

Túy ông ý chẳng say vì rượu

Say vì đâu nước thấm với non cao

Non lặng ngắt nước tuôn ào

Tôi với bác xưa nay cùng thích thế.

(Nguyễn Khuyến).

Nhưng phần nhiều tác giả nói đến thú thanh cao:
Cầm kỳ thi tửu hay phong hoa tuyết nguyệt.
Vườn Bùn chốn cũ
Bốn mươi năm lặn khụy lại về đây
Trong ngoài sân đua nở mấy chồi cây
Thú khâu hác lâm tuyền âu cũng thế.
(Trở Về Vườn Cũ - Nguyễn Khuyến).

Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt
Mặc sa mã thị thành không dám biết
Thú yên hà trời đất để riêng ta
Nào ai ai biết chăng là.
(Nguyễn Công Trứ)

Tác giả khi dùng thể thơ hát nói, có cái thú dùng bút thuật “chi ngôn” để chia sẻ trực tiếp những kinh nghiệm của mình với người đọc. Nếu dùng bút thuật “dụ ngôn” hay “ẩn dụ”, người đọc phải dày công suy nghĩ, để tránh khỏi sự ngộ nhận. Trong hai bài hát nói sau đây cụ Nguyễn công Trứ đã dùng bút thuật “chi ngôn” này để nói lên những quan niệm về nhân sinh. Trong bài Nợ Nam Nhi, bằng hai câu thơ :

Tang công hồ thị nam nhi trái
Cái công danh là cái nợ nần

tác giả, cho ta biết ý niệm về cái công danh: nó chỉ là món nợ mà ai cũng phải trả với tổ quốc. Thắng được kẻ thù là công của tất cả mọi người lâm trận nhất là những người đã phải hy sinh tính mạng, họ đáng được người đời biết ơn và kính nhớ hơn là những người không bị tử trận.

Trong bài Đồng Tiền, hai câu mở đầu:

Hồi tanh chẳng thú vị gì
Thế mà ai cũng kể vì người yêu

tác giả cho ta biết quan niệm về đồng tiền: đồng tiền kiếm được một cách bất chính là đồng tiền hồi tanh (argent sale). Nếu ta quá chú trọng đến đồng tiền, ta sẽ trở nên ích kỷ, mất tình thương để làm những điều thất đức như bắt công, tham nhũng, một tệ nạn làm xuy bại đất nước.

Tiến trình của hát nói

Thể kỹ thứ 18 và 19: Hát nói rất được nhiều nhà thơ chiếu cố. Họ là những vị đại khoa bảng như các cụ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Cao Bá Quát hay những nhà thơ danh tiếng như Trần Tế Xương, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu ...

Thể kỹ 20: Vì ảnh hưởng tây học ở tiền bán thế kỷ, các thi sĩ ưa sáng tác những bài thơ có tính cách lãng mạn nặng về tình cảm cho nên hát nói ít được xử dụng. Ở hậu bán thế kỷ vì tình trạng chiến tranh hát nói gần như bị rơi vào lãng quên. Tuy nhiên trong làng thơ hải ngoại cũng thấy có một vài vị cho đăng những bài hát nói trên tạp chí Lá Thư Bô Lão (LTBL) phát hành ở Gia nã đại.

LTBL số 7 1981 : Lo Gì Không Hứng (Bùi Diệp), Tranh Vân Cầu (Tước Lâm)

LTBL số 22 1984 : Non Trách Nước, Vịnh Bà Tú Xuyên (Y Vân Từ), Vịnh Búp Bê (Tôn Nữ Chung Anh).

LTBL số 23 1984 : Tình đời (Phạm Quang Oanh), Cao Niên Cao Kiến (Hậu Điền Nguyễn Dậu)

LTBL số 24 1985 : Nhớ Ty Nạn Hồng Kông (Minh Hiệu)

Trong Ba Lê Thi Xã: có những quý vị sau đây:

Đào Trọng Đù (Mong Cho Bé Ai Thêm Đây)

Đỗ Quang Trị (Tặng Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Mạnh Tường)

Nguyễn Thường Xuân (Cũng Vì Hai Chữ Tri Âm)

Song Thái Phạm Công Huyền (Hay Thay Châm Cứu)

Phương Du Nguyễn Bá Hậu, sáng tác năm bài thơ hát nói đăng trong Thi Tập Tha Hương xuất bản năm 1986: Bả Giàu Sang (tiếng hát của Nghệ Sĩ Diệu Khánh đã được ghi trong băng cassette Tình Thương I), Khóc Mỹ Nhân (do Nghệ Sĩ Ưu Tú Thanh Hoài hát và ghi trong CD Tình Thương II), Cầm

Nghĩ Về Luật Phá Thai, Hội Nghị Ba Lê,
Việt Nam Đau Thương.

Sau đây là bài:

Bả giàu sang của Phương Du

*Thương thay những kẻ ham giàu,
Làm như trâu ngựa bù đầu quên ăn.
Quanh năm vất vả nhọc nhằn,
Đến khi bóng xế thân cần tri hao
Tiền tiền bạc bạc
Ở đời này nên gác sự giàu sang,
Nhiều tiền bạc mà vất vả hết mơ màng.
Đời ngắn ngủi xuống xuôi vàng thảy đều sẽ mất.
Khôn dại cùng chung ba thước đất
Giàu sang chưa chín một nồi kê.
Bạc vàng lắm kẻ quá ham mê.
Mê đến nỗi cá chép tình cốt nhục.
Nghe Phật dạy ta nên diệt dục,
Theo Lão Trang thoát tục thành tiên.
Vị chi ta chớ tham tiền.*

(Phương Du)

Thi hữu Nguyễn Thường Xuân và Đào Trọng Đù đã cùng nhau làm thơ hát nói xướng họa vào dịp xuân năm 1987.

Bài xướng

Tri âm

*Cũng vì hai chữ tri âm
Vắng buồn xa nhớ âm thầm ai ơi
Biết nhau chốc sáu năm trời
Còn bao hứa hẹn của người tôi yêu
Tám hai chín một
Mới ngày nào mà đã ngót trăm ư !
Bước đường kia xem vẫn hầy còn dư.
Đào Xuân nọ cứ khư khư ôm ấp nhĩ.
Mặc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ hà nhân bắt thức quân.
Chẳng qua là nợ bút với duyên văn.
Nặng hơn cả khối tình chẵn với gói.
Nam bắc đông tây gần trời trăm lối
Cũng tìm nhau sớm tối ca ngâm,*

*Cũng vì hai chữ tri âm.
(Nguyễn Thường Xuân)*

Bài họa

Cô Đào họa thơ Cụ Đạo

*Cô Đào lên tiếng đồng âm
Họa thơ Cụ Đạo vẫn thắm vẫn ơi
Nhan đề dưới đất trên trời
Cho người ta thích cho người ta yêu.
Ta yêu đều đúng một
Gần trăm còn sót sót vội hơn ư !
Vịnh thơ đường cùng thích hạ vẫn dư
Cùng đeo kính trông khư như hệt nhĩ.
Cô Đào Tây Đức wa tràng kỷ
Cụ Đạo Ba Lê thích trống quân
Bào cô Đào ngồi ghé viết thành văn
Rồi cao hứng trùm chân toan giỡn gói
Thi sĩ thấy hai nhà ngâm đủ lối
Cầu trời cho chóng tới để cùng ngâm
Cô Đào lên tiếng đồng âm...*

(Đào Trọng Đù)

Trên đây là những nhận xét về thơ hát



nói, một thể thơ, theo nhà học giả Dương Quảng Hàm, có nhiều văn chương, nhiều lý thú. Mong rằng rồi đây các thi sĩ sẽ nối gót các thi hào xưa tiếp tay sáng tác những bài thơ làm sống lại điệu hát ca trù, điệu hát dân gian đầy lý thú từng làm rạng rỡ một thời nền văn học nước nhà.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

(Paris)

THƯ TỪ

Muốn nói cùng em cả vạn điều
Mà rồi chẳng nói được bao nhiêu,
Mặc dù đã định trong tâm trước
Mà gặp nhau là ý bạt phiêu!

Cũng có vài điều có nhớ ra
Mà vì bên cạnh lắm người ta,
Và vì thẳng mặt mà phân-tích
Thì quá... số-sàng, quá... khổ-qua...

Nên mượn lời thơ để giải-bày
Nỗi lòng ấp-ủ bấy lâu nay ...
Em ơi, bình-tĩnh nghe anh nói:
Ta hãy vươn lên khỏi cảnh này!

Ta đã yêu nhau thuở trẻ-trung,
Xây nên tổ ấm đẹp vô cùng.
Cõi trần ví thử bình-yên cả
Thì đã trọn đời hưởng phúc chung.

Với bát cơm ngon, tấm áo lành,
Người đời bắt buộc phải đua tranh.
Phũ-phàng cuộc sống làm lem-lấm
“Hai trái tim vàng, một mái tranh”.

Anh cứ ngây-ngây dại-dại hoài,
Lợi-quyền cấp-chức gác ngoài tai.
Nửa đời mẫn-cán cam cơ-cực,
Đơn độc khư-khư luyện đức+tài (!)

Anh đã (là khôn hay dại đây?)
Nằm ngoài tất cả mọi vòng vây .
Thức trong giấc ngủ, trong mơ tỉnh;
Bảo-bọc hồn hoa trong xác cây.

Anh đã (đương-nhiên là dại rồi!)
Tự mình đày đọa chính mình thôi!
Lại còn ép-uổng con và vợ
Thiếu-thốn quanh năm chật-vật hoài.

Bạn-lừa: đô-la với hạt xoàn!
Chồng người: đại-phú với cao-quan!
Chồng em thủ-phận nghèo, cô-thế;
Chẳng chịu chen chun, chỉ chịu gàn!

Đến lúc đem thân đi ở tù
Anh không để lại một đồng xu!
Một mình mọi việc em lo-liệu;
Viễn-ảnh tương-lai quá mịt-mù.

Em đã lo cho con học-hành
Lại còn lo tiếp-tế cho anh.
Hùn hoài tổ-hợp hàng không chạy;
Bụng hiểm khi no, bệnh khó lành!

Thân-thích lià xa hoặc mặt-thời;
Gia-tài sự-nghiệp hóa ma-trơi!
Nhà không bán được, người ta chiếm!
Thuế nặng, hàng cao, chạy huyệt hơi!

Con lớn theo nhau đi lấy chồng,
Còn đàn con nhỏ yếu gia-công.
Em ngày một mệt, đau, gầy, yếu:
Cực-khổ trăm đường, chịu nổi không?

Em ạ! Ngày xưa, gái góa chồng:
Ba năm* tang-chế thế là xong!
Khổng Nho nghiêm-nghiệt chuyên vây thắt
Mà đã buông lơi cả một vòng!

Anh có còn gì để lại đâu?
Cho em: chỉ một khối ưu sầu!
Năm năm* đăng đăng là thôi hết:
Môi đã phai son, má nhạt màu!
**Thế mà tác-giả đã bị "cải-tạo" hơn 12 năm!*

Anh gửi về em lòng nhớ ơn,
Và lời... tạ tội — Biết gì hơn!
Cầm như anh đã thành thiên-cổ:
Sông đã voi khô, núi đã sừng!

Hãy gạt anh ra khỏi cuộc đời!
Đừng còn bận-bịu nữa, em ơi!
Vai gầy gánh nợ khôn kham nặng:
Em có toàn-quyền thở, thành-thời!

Có rẽ chia nào không đón đau?
Lấy lòng mà hiểu chút lòng nhau:
Chấp-kinh đành phải tòng-quyên vậy!
Lỡ một hành-nhân: lọt cả tàu ...

Rồi, một ngày kia... em sẽ quên,
Nhu hơi gió nhẹ thoáng ngoài hiên,
Bớt buồn rưng-rức trong muôn một
Mới vội trong anh mới muôn phần!...

"Nhà Trắng" (Thôn 5) 1980

THANH-THANH

(Lê Xuân Nhuận - California)

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

Tiểu luận: Phụ nữ Việt

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Chữ Việt của đề tài bài viết này có hai nghĩa chính: nghĩa thứ nhất chỉ bộ tộc Việt, nước Việt Nam, nghĩa thứ hai chỉ tính Việt hay nói rõ hơn là tính cách siêu việt trong tinh thần của Triết Việt, Đạo Việt, sử Việt với danh hiệu **Anh Thư**. Chữ Việt như vậy mang cả hai nghĩa đó đồng thời, cho nên phụ nữ Việt tất phải có ý nghĩa cao quý, trang trọng, mà người viết theo khả năng hiểu biết hạn hẹp của mình cố gắng phát họa đôi nét đan thanh. Do tính cách lưỡng nghĩa này, mà đề tài không đóng khung trong phạm vi hạn hẹp phân biệt nam nữ, dân tộc, mà mang tính nhân loại phổ biến, vì nhân bản tâm linh siêu việt (tính Việt) là Tính thể của con người mà ai cũng có.

Trong những thời về sau này, người ta thường nói đến vấn đề giải phóng phụ nữ, đề cao vai trò phụ nữ, nhất là ở các nước dân chủ tiên tiến, còn ở Việt Nam hiện nay thì vấn đề này gắn liền với nhân quyền nói chung, cho nên rất phức tạp mà cũng rất tế nhị.

Tại sao lại hồ hào giải phóng phụ nữ ? Khi đặt câu hỏi như vậy tất phải có vấn đề. Để có cái nhìn bao quát, chúng ta thử xét từ nguồn gốc.

Vào thời buổi sơ nguyên, con người sinh sống nhờ vào những sản vật sẵn có trong thiên nhiên, đàn ông chuyên đi săn thú, đàn bà lo việc hái lượm. Dần dà theo thời gian nhân số tăng lên, của cải vật chất trong thiên nhiên không đủ cung ứng nữa, cuộc sống gặp khó khăn, cho nên con người tìm cách thay đổi cách sống. Ngành săn thú chuyển thành chăn nuôi, rồi du mục. Ngành hái lượm chuyển sang trồng trọt, rồi trở thành nông nghiệp qui mô hơn với kỹ thuật gieo

gặt, cày cấy, tưới tiêu, thuần súc vật cho việc cày bừa. Vào những thời buổi đầu của giai đoạn này, trong khi các bà lo việc trồng trọt, gieo gặt thì rất có thể các ông vẫn còn mãi mê rong ruổi việc săn bắn, cho nên đàn bà ở nhà quán xuyến hầu hết mọi việc, do đó có vai trò, địa vị rất quan trọng trong gia đình, dòng tộc dưới hình thái **thị tộc mẫu hệ**. Trong thời này, con cái chịu ảnh hưởng ở người mẹ nhiều hơn, nhiều khi không còn biết đến cha.

Nhóm Việt tộc khi xưa có mặt rất sớm ở khu vực rộng lớn Động Đình Hồ, có nền văn hóa đặc thù gọi là **văn hóa nông nghiệp**, coi trọng người mẹ (mẫu quyền), trong khi **văn hóa du mục** phía Tây Bắc coi trọng người cha hơn (phụ quyền). Hai nền văn hóa nguyên thủy này giao lưu, pha trộn, chi phối đời sống các dân tộc Á Đông. Tùy theo liều lượng, mức độ lên xuống của các thành phần mà ai là chủ gia đình, mẹ hay cha? Việt tộc thuộc văn hóa nông nghiệp, chuộng sự **hiền hòa, nhu thuận**, cho nên đương nhiên là chủ nhân của **Việt Nho**, hay Nho nguyên thủy, một nền văn hóa thâm thúy, sâu rộng như biển cả đã khắc ghi dấu ấn vào tiềm thức cộng đồng của dân tộc qua ca dao:

„Rừng Nhu bẻ Thánh khôn dò,

Nhỏ mà không học, lớn mà sao ra.“

Người phụ nữ, người mẹ có nếp sống thiên về tình cảm, nội tâm, cho nên ngoài đức tính hiền hòa, nhu thuận còn có **khả năng nhạy bén nắm bắt ánh sáng tâm linh**, nên xứng đáng được nâng lên hàng **nguyên lý mẹ**. Mẹ là suối nguồn của Triết lý nhân sinh phổ biến, cho nên người xưa tôn vinh đàn bà là đại biểu cho Minh

triết như bên Hy Lạp có **Sophia**, bên Việt Nam có **Âu Cơ**.

Tinh hoa Minh triết Việt cô đọng trong những mẫu chuyện huyền thoại của sách Lĩnh Nam Trích Quái mà nổi bật nhất là truyện „Hồng Bàng Thị“ đã trở thành huyền sử nước Việt Nam. Truyện kể có ngừng đoạn đáng ghi nhớ như sau:

„...*Kinh Dương Vương xuống Thủy Phủ, cưới con gái vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức Lạc Long Quân; Lạc Long Quân thay cha để trị nước, còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu. Lạc Long Quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ...* ... **Âu Cơ** ở với **Lạc Long Quân** giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai...

Long Quân ở lâu dưới thủy phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tãi; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân:

- *Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ!*

*Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở **Tương Dã**... Long Quân bảo:*

-*Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con, nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu...*

Đạo Việt, Triết Việt đã nằm ngay trong huyền thoại này. Mẹ Âu Cơ „dung mạo đẹp lạ lùng“ đẻ ra bọc trăm trứng, nở ra trăm con, người nào cũng „trí dũng song toàn“, là biểu tượng của **Bách Việt**, xứng đáng là **nguyên lý mẹ** của nền Minh triết Việt. Cha Lạc Long Quân siêu việt, phi thường, ngoài những kỳ tích diệt trừ Ngự Tinh, Hồ Tinh, còn lo dạy dân từ

cách sinh sống cho tới đạo lý làm người khiến cho trăm họ yên vui, thật xứng đáng trở thành **nguyên lý cha** của Đạo Việt.

Nòi rồng, giống Tiên tuy tương sinh mà cũng tương khắc, nên có sum họp rồi cũng có lúc phân ly. Nhưng ngay liền sau đó lại vang lên tiếng gọi tha thiết từ Tinh nghĩa thâm sâu: „*Dù lên núi xuống nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.*“ và để rồi „*gặp nhau ở **Tương Dã***“. Chữ **Tương** là nét đặc trưng của Triết Việt, chứng tỏ cặp nguyên lý mẹ, cha là cặp **lưỡng hợp, lưỡng nhất** chứ không phải **nhị nguyên** chọn một bỏ một. Về sau Việt Nho tổng quát hóa cặp nguyên lý mẹ- cha thành cặp **nguyên lý âm-dương** ở kinh Dịch và hiện nay người ta lại thấy cặp **nguyên lý mâu thuẫn** xuất hiện trong phép biện chứng quân binh (Đường vào Triết học VN, phần II- N.V.N).

Tại sao sách Dịch nói âm dương, mà không nói dương âm? Hệ từ có câu: „*Thiên tôn, Địa ty, Kiền Khôn định vị*“ ý nói khí dương nhẹ có khuynh hướng bay lên cao, còn khí âm nặng chìm xuống thấp. Mọi công trình xây dựng đều phải được bắt đầu từ thấp lên cao, cho nên âm phải được đặt trước dương. Hơn nữa trong lịch trình biến hóa của vũ trụ, ở thời hỗn nguyên (Chaos) chưa có ánh sáng, âm cực dương mới sinh, Thiếu dương trong Thái âm mà ra, có lẽ vì thế mà người ta đặt âm trước dương.

Trong truyện „Hồng Bàng Thị“ có mấy đoạn như sau:

„*Lạc Long Quân thay cha để trị nước, còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu.*“
„*Lạc Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước không vua.*“

„*Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa dị thảo, trân cầm dị thú...ái mộ quá, quên cả ngày về.*“

„*Âu Cơ cùng với năm mươi người con trai ở tại Phong Châu, tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn Lang*“

Tình trạng của giai đoạn huyền sử này phản ánh những đặc tính thị tộc mẫu quyền buổi sơ nguyên, người mẹ quán xuyến hầu hết mọi việc trong gia đình, chăm lo cho con cái như lời than trách của mẹ Âu Cơ: „ *Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ!*“ Như vậy người đàn bà, người mẹ Việt từ xưa đã giữ vai trò quan trọng trong xã hội có nền văn hóa nông nghiệp do Viêm Đế Thần Nông khởi xướng (Mở đầu truyện Hồng Bàng Thị: „ *Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi ...*“). Thần Nông là nhân vật huyền thoại của Viêm Việt, là đại biểu cho nền **văn hóa nông nghiệp** lấy nguyên lý mẹ làm trọng, cho nên có những đặc tính nói chung như sau:

Đề cao mẫu quyền

Thiên về tình cảm

Chuộng văn, hiếu hòa

Chủ trương nhân trị, vương đạo, truyền hiền ...

Trong khi **văn hóa du mục**:

Đề cao phụ quyền

Thiên về lý trí

Chuộng uy vũ, hiếu chiến, thích chinh phục.

Chủ trương pháp trị, bá đạo, thế tập...

Truyện Hồng Bàng Thị cũng có đoạn ghi như sau : « *Đế Lai trở về Bắc truyền ngôi cho Đế Du Võng. Du Võng truyền lại cho Xi Vưu cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bàn Tuyền và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất.* »

Triết gia Kim Định trong tác phẩm « *Việt lý tổ nguyên* » đã làm sáng tỏ giai đoạn huyền sử này nhất là chương 3 : *Tìm về nguồn gốc Việt Hoa theo sử truyện* có những điểm được ghi nhận như sau :

Con người xuất hiện vào lối 500.000 năm trước, rồi lần lượt bị tiêu diệt qua bốn đợt băng tuyết. Những người còn sống sót sau này, một nhóm di chuyển sang phía Tây là thủy tổ giống da trắng, nhóm khác tiến về phía Đông là thủy tổ giống da vàng. Nhóm này lại chia ra làm hai hệ :

Bắc tam hệ gồm phái Mãn tộc chiếm lĩnh vùng cực Đông Bắc Trung Hoa ngày nay, phái Mông Cổ chiếm lĩnh phía Bắc, phái Đột Quyết (Tures) chiếm lĩnh Tây Bắc.

Nam tam hệ gồm Viêm, Hoa ,Tạng. Viêm tộc cũng gọi là Miêu tộc và Việt tộc. Thoạt kỳ thủy Viêm tộc theo dòng sông Dương Tử vào sinh sống khắp vùng Trung nguyên, lan cả xuống phía Nam, và lên phía Bắc tới vùng Hoàng Hà. Theo Chu Cốc Thành trong quyển « *Trung Quốc thông sử* » thì Viêm tộc đã có mặt khắp nước Trung Hoa cổ đại trước rồi. Hoa tộc khi đó còn sống đọt sần hái trên vùng Tây bắc, về sau mới theo sông Hoàng Hà tiến vào Bắc Trung Hoa chiếm đất của Viêm tộc ở vùng này, bị Xi Vưu, lãnh tụ của Viêm tộc chống cự. Lãnh tụ Hoa tộc lúc đó là Hiên Viên đánh nhau với Xi Vưu ở Bàn Tuyền và Trác Lộc. Khi Xi Vưu thua, tử trận, Hoa tộc chiếm cả vùng Hoàng Hà để lập quốc, Hiên Viên xưng hiệu là Hoàng Đế.

Lý do sự thất bại của Viêm tộc ngay giai đoạn đầu này là vì sống rải rác trên một lãnh thổ quá rộng lớn trong tình trạng thị tộc, tuy có văn hóa khá cao nhưng kém võ nghệ, thiếu óc tổ chức, kết hợp thì làm sao chống cự nổi với đoàn người du mục thiện chiến. Sau khi chiến thắng, Hiên Viên chiếm lãnh thổ của Viêm tộc làm lãnh thổ của mình, nhận tất cả phát minh của Xi Vưu làm của mình, thâu nhận văn hóa của Viêm tộc vào Hoa tộc cho nên trong sách Quân Tử mới có câu : « *Tích giả Hoàng Đế đắc Xi Vưu nhi minh ư thiên đạo* » ý nói rằng Hoàng Đế nhờ tiếp thu văn minh của Xi Vưu nên mới hiểu rõ thêm được đạo trời.

Hoàng Đế (2697 tr CN) có thể được xem là đại biểu của nền văn hóa du mục phát xuất từ hướng Tây Bắc, lần đầu tiên có sự giao lưu, tiếp thu văn hóa nông nghiệp của con cháu Thần Nông (3320-3080 tr. CN) pha trộn với văn hóa du mục, cho nên chế độ mẫu quyền cũng chuyển dần sang phụ quyền. Có nhiều đợt xâm

lãng của Hoa tộc như vậy và Việt tộc cứ lui dần về phương Nam.

Khổng Tử (551- 479 tr. CN) nói : « *Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ, thiết tỉ u ngã Lão Bành.* » : thuật lại cái đạo của thánh hiền mà tự mình không tạo tác ra cái gì, tin mà thích đạo đời xưa, ta trộm ví như ông Lão Bành (LN : Thuật nhi VII- Nho giáo T.T.Kim tr.185). Lão Bành là quan Đại phu đời nhà Thương cũng hay thuật lại những việc đời xưa. Như vậy Nho không phải do Khổng Tử sáng tạo, mà đã có từ xưa rồi ; cũng không thể từ văn minh du mục Tây Bắc, mà nhất định phải phát xuất từ văn hóa nông nghiệp Đông Nam. Khổng Tử có công san định, khai triển, hệ thống hóa làm cho Nho khôi sắc thêm lên.

Việc đốt sách Nho, chôn học trò của Tần Thủy Hoàng (259- 210 tr.CN) chứng tỏ Nho là tinh hoa văn hóa nông nghiệp của Việt tộc, chủ trương nhu thuận, hiếu hòa, nhân trị, trong khi nhà Tần gốc du mục, hiếu chiến, thích chinh phục, xâm lăng, chủ trương pháp quyền. Nếu Nho là của Hoa tộc thì tại sao lại có vụ « phần thư khanh nho ». Còn việc thống nhất chữ viết, xóa bỏ chữ viết của Việt tộc từ đời Tần Thủy Hoàng được các đời sau nối tiếp qua việc cảm người Việt duy trì chữ viết riêng là chủ trương đồng hóa của đế quốc phong kiến phương Bắc.

Đến khi Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ (202 tr.CN) lập ra nhà Hán, do nhu cầu mới, nên thay đổi quan điểm, thỏa hiệp với Nho, nhưng lại lái sang hướng có lợi cho vương quyền thành ra Hán Nho, có nhiều điểm khác Nho nguyên thủy. Câu nói của Hán Cao Tổ là bằng chứng rõ ràng, rằng Nho nguyên thủy không phải là của riêng của Hoa tộc vốn thuộc văn minh du mục: « *Minh có thể ngồi trên lưng ngựa mà lấy được thiên hạ, nhưng không thể ngồi trên mình ngựa mà trị thiên hạ.* »

Truyện « *Hồng Bàng Thị* » có những đoạn nói về địa phương Nam Bắc :

« *Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên Đế Minh, sinh ra Đế Nghi, rồi đi Nam tuần đến Ngũ Lĩnh...* »

« *...phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam...* »

« *Đế Lai trở về Bắc truyền ngôi cho Đế Du Vông. Du Vông truyền lại cho Xi Vưu...* »

« *Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh ; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái...* »

Nam Bắc ở giai đoạn này dùng để qui định phương vị của một vùng quá rộng lớn của Viêm tộc khi xưa, khác hẳn với cặp phạm trù Nam Bắc thời Lý Thường Kiệt đánh bại quân Tống xâm lược. Như vậy lãnh thổ của Việt tộc buổi ban đầu rộng mênh mông đến vùng Thái Sơn, cho nên vẫn còn in sâu trong tiềm thức dân tộc qua ca dao :

« *Công cha như núi Thái Sơn,*

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con. »

Ngoài địa danh Thái Sơn xác định biên giới cực Bắc nguyên thủy của Việt tộc, bài ca dao còn cho biết Đạo Việt là Đạo Hiếu thờ Tổ Tiên, cho nên hàng năm dân tộc Việt đều cử hành trọng thể Quốc Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.

Hùng Vương là con Lạc Long Quân thuộc loài rồng và Âu Cơ thuộc giống Tiên.

Người xưa nói : « *Trì già nhạo thủy. Nhân già nhạo sơn* » nên Lạc Long Quân thích ở Thủy Phủ, còn Âu Cơ thích ở núi, nên đưa năm mươi con lên Phong Châu. Nhưng trong bài ca dao lại ví công cha như núi, còn nghĩa mẹ thì lại như nước, như vậy có lộn xộn không ? Xin thưa, nếu theo quan điểm của triết học duy lý thì quả thật lộn xộn hết cỡ, nhưng chính cái lộn xộn này mới là tinh hoa của Việt lý, là tiền đề cho cái ý tưởng của kinh Dịch : « *trong âm có dương, trong dương có âm* », là cốt tủy của triết lý lưỡng hợp, tương đối, khác hẳn với nhị

nguyên chọn mặt này bỏ mặt kia dứt khoát. Huyền thoại biểu thị tinh thần một dân tộc vào thời sơ nguyên u linh nên không thể chỉ lấy óc duy lý thời nay mà phê phán một cách máy móc, mà quan trọng là có phản ảnh tính Minh triết hay không. Người mà gốc ở Tiên, Rồng, bọc trăm trứng nở ra thì thật là vô lý, nhưng khi xét đến huyền thoại là phải siêu vượt qua sự kiện để xét cơ cấu uyên nguyên và biểu tượng của nó. Tiên Rồng là biểu tượng cho nguyên lý mẹ, cha, âm, dương; còn bọc trăm trứng là biểu tượng Bách Việt. Khi huyền thoại nối kết với những mảnh vụn lịch sử thì được gọi là huyền sử.

Vật biểu của Việt Nam từ xưa là cặp Tiên Rồng, còn vật biểu của Tàu lần lượt là Cú, Cá, Cọp rồi mới tới Rồng, mà chỉ có Rồng độc dương thì làm sao có « sinh sinh chi vị Dịch ». Vậy thì ai mới đích thực là chủ nhân của kinh Dịch? Thật ra văn hóa tự thân bao giờ cũng có tinh thần « vô phương, vô xứ », có tinh thần nhân loại phổ biến, được con người trân trọng, còn văn hóa nô dịch của chủ nghĩa đế quốc độc chiếm bá chủ nhằm nô lệ con người, kỳ thị chủng tộc thì có ai hoan nghênh. Cũng như trong thế giới loài người văn minh ngày nay, việc tự tiện lấy những công trình sáng chế, phát minh của người để sản xuất thủ lợi thì công pháp quốc tế nào lại chấp nhận? Theo tinh thần Nho nguyên thủy, quân tử là mẫu người lý tưởng, phải luôn lấy công minh, chính trực làm đầu, mà hễ đi ngược lại với tinh thần đó là đã mặc nhiên từ chối chủ quyền đích thực của Nho rồi.

Lời kêu gọi tình thương trong ca dao :

« *Bầu ơi thương lấy bí cùng,*

Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn »

không chỉ có ý nghĩa giới hạn ở phạm vi nước Việt Nam như hiện nay, mà trong quá khứ địa bàn của Việt tộc còn rộng lớn hơn nhiều, bao gồm cả vùng Thái Sơn phía Bắc. Đó là nói về không gian lãnh thổ, còn nói về thời gian, khi so sánh niên đại huyền sử : Thần Nông 3320-

3080, Hồng Bàng 2879, Hoàng Đế 2697 thì thấy họ Hồng Bàng của nước Văn Lang, tức nước Việt Nam xưa còn trước cả Hoàng Đế của Hoa tộc 182 năm. Những người dựa vào quan điểm duy lý, duy kiện, duy sử từ chối huyền sử là cốt để làm lung lạc lòng tự hào « *bốn ngàn năm văn hiến* », để bẹp ý thức dân tộc Việt để dễ bề thôn tính, đồng hóa. Ấy vậy mà vua Tự Đức là người có chủ trương này, cho nên ác quả đã đến và nước Việt Nam mất vào tay đế quốc thực dân Pháp ở ngay triều đại này.

Với nguồn gốc của Việt tộc xác định trong không gian, thời gian rộng lớn như vậy, cùng với nguồn gốc hai nền văn hóa, văn minh nông nghiệp, du mục, nguồn gốc Nho, Dịch trong sự giao lưu nhất định nào đó thì không thể nói một cách đơn giản là người Tàu đã đem văn hóa Hoa tộc giáo hóa cho dân Việt, người Việt có nguồn gốc từ Tàu. Sự thật thì văn hóa nông nghiệp đi với Nho, Dịch là của Viêm tộc bao gồm cả Việt tộc từ trước, Tàu tiếp thu, có công khai triển làm cho hoàn chỉnh, nhưng chủ trương độc quyền chữ viết, xóa bỏ dấu tích để giữ độc quyền chủ nhân văn hóa. Nói rằng người Việt Nam có gốc từ Tàu là kiểu nói hàm hồ dựa trên phạm vi biên cương lãnh thổ ngày nay để nói về nguồn gốc xa xưa, kiểu nói lập lờ, mà thực ra dựa vào dòng máu chủng tộc thì có thể nói rằng đại đa số người Tàu hiện nay đều có gốc Việt, bởi vì tổ tiên của họ đã không di cư kịp về phía Nam trong những lần xâm lăng của Hoa tộc từ Tây Bắc, mà lần đầu là vụ « Hoàng Đế chiến Xi Vu ». Những người gọi là Việt gốc Hoa thì thật ra phải gọi là người Việt tìm về cội nguồn, về với Tổ theo tiếng chim gọi đàn mới phải.

Do những điều minh xác như trên, những ngộ nhận về nguồn gốc của một số huyền thoại, điển tích, chuyện cổ tích của Việt Nam đã từ lâu có người cho rằng được Việt hóa từ Tàu thì thật ra là của chung của Việt tộc từ xưa rồi, vì thời đó làm gì đã có nước Tàu? Những nhân vật huyền thoại lớn như Toại Nhân, Hữu Sào, Phục

Hy, Nữ Oa, Thần Nông ... cũng rơi vào trường hợp như vậy. Thần Nông dạy dân cày cấy, Phục Hy làm ra tám quẻ Dịch, trong đó có quẻ Li là lửa giúp cho con người bước vào đời sống văn minh hơn. Quẻ Li có một hào âm ở giữa hai hào dương, có ý nghĩa là lửa, cũng là hình ảnh một bà hai ông Táo trong truyện cổ tích Việt Nam. Luận bàn về câu chuyện này, văn học bình dân có phê phán :

« *Thế gian một vợ một chồng,
Không như vua bép hai ông một bà.* »

Chuyện cổ tích cũng như huyền thoại là những mẫu chuyện từ xa xưa rất có thể ở vào thời thị tộc mẫu hệ, mẫu quyền, người đàn bà có quyền hơn, cho nên cảnh một bà hai ông rất có thể có do tình nặng hơn lý, nhưng sau đó có sự quân bình, lý tình tương dung do ý nghĩa chữ Tương (*Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã*). Nhưng khi Hoa tộc xâm lăng Viêm tộc thì văn minh du mục thắng thế, cán cân quân bình giữa hai nguyên lý mẹ- cha nghiêng hẳn về phía phụ quyền, sau lại được tăng cường thêm bởi pháp quyền cho nên đàn bà từ đó bước vào khuôn khổ được ca ngợi như là một đức hạnh : đó là tứ đức, tam tông. Tứ đức thì đã đành :

« *Phận gái tứ đức vẹn tuyền,
Công, Dung, Ngôn, Hạnh giữ gìn chẳng sai.* »

Còn tam tông thì sao ?

« Tam tông tích hỷ còn ghi,
Bé nương cha mẹ, già thì theo con. »

Tam tông là “ *tại gia tông phụ, xuất gia tông phu, phu tử tông tử.*” Ngày xưa, khi người chồng chết, người vợ không được tái giá. Khi Tần Thủy Hoàng chết, hàng ngàn cung phi mỹ nữ phải bị chôn sống theo.

Công chúa Huyền Trân: Theo văn hóa Bà La Môn, khi chồng chết, vợ phải bị hỏa táng theo, cho nên khi Chế Mân băng hà, Công chúa Huyền Trân đáng lẽ cũng bị hỏa táng theo Chiêm vương nếu không được tướng Trần Khắc Chung cứu thoát. Do việc hôn nhân có tính toán và tình

xưa nghĩa cũ này mà trong dân gian có ca dao châm biếm:

“ *Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẫn lúa rom.*”

Thực ra Công chúa Huyền Trân chỉ là nạn nhân của một kịch bản chánh trị, nàng đã chấp nhận hy sinh cuộc đời son trẻ vì ích nước lợi dân để quốc gia có được hai châu Ô, Lý trọng yếu, có tính chiến lược bảo đảm nền an ninh lâu dài cho Đại Việt, vì trong chiến tranh kháng Mông, Toa Đô đã chiếm cứ vùng đất này làm bàn đạp để mở cuộc tấn công từ mặt Nam. Thật là một sự hy sinh cao cả, êm thấm cho hòa bình lâu dài của dân tộc mà ngày nay chưa chắc có ai sánh kịp khi đối chiếu với sự kiện Tây Nguyên, vùng chiến lược yết hầu của Tổ quốc trước hiểm họa ngoại xâm.

So sánh với văn hóa du mục Tây Bắc, văn hóa Bà La Môn thì văn hóa nông nghiệp của Việt tộc nhờ đề cao nguyên lý mẹ, cho nên mặc dầu dưới ảnh hưởng “ Tam tông ” của Hán Nho mà người phụ nữ Việt vẫn được tôn trọng như ở luật Hồng Đức triều Lê:

“ *Về hôn thú, người con gái có quyền công nhận hay phủ nhận việc hôn nhân mỗi khi có người tới hỏi làm vợ. Như vậy cha mẹ chỉ đóng vai cố vấn trước vấn đề gia thất của con cái...*”

Quyền thừa hưởng gia tài của phụ nữ được ngang với nam giới, ngoại trừ một phần hai mươi là của hương hỏa dành cho người con trưởng để lo việc thờ cúng tổ tiên. Nếu cha mẹ không có con trai nối dõi thì con gái được đặt để vào nhiệm vụ đặc biệt này...

Phụ nữ phạm tội cũng được xử nhẹ hơn...

Chiếu các điều kể trên, luật pháp Lê triều tôn trọng quyền lợi phụ nữ và có bề nhân đạo hơn là đối với đàn ông.” (Việt Sử Tân Biên - Phạm Văn Sơn tr. 552-553)

Tính cách luân lý “ tam tông ” của Hán Nho thật ra không chi phối hoàn toàn đời sống của phụ nữ Việt nhất là ở nông thôn, nơi còn giữ được truyền thống Đạo Việt vốn coi trọng

nguyên lý mẹ. Văn chương bình dân phản ánh điều đó thật rõ ràng. Trong sự giao thiệp trai – gái với nhau, con gái cũng có lúc chủ động:

“ Vào vườn hái quả cau xanh,
Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trâu...”

Nếu con trai trêu ghẹo con gái
“ Trông trành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chèo...”

Thì con gái cũng không chịu thua, phản công lại ngay:

“ Trâu kia kén cỏ bờ ao,
Anh kia không vợ đời nào có con?
Người ta con trước, con sau,
Thần anh không vợ như cau không buồng.
Cau không buồng như tuồng cau đực.
Trai không vợ cực lắm anh ơi!
Người ta đi đón, về đôi,
Thần anh đi lẻ, về loi một mình!

Hôn nhân là hệ quả của tình yêu lứa đôi, mà cũng không vượt ra vòng lễ nghĩa, làm đẹp lòng mẹ cha trong truyền thống Đạo Việt:

“ Minh về ta chẳng cho về,
Ta níu lấy áo ta đề câu thơ.
Câu thơ hai chữ rành rành,
Mẹ cha chữ hiếu, chữ tình đôi ta.”

Bởi thế người con gái khôn khéo nhắc nhở người con trai:

“Trời cao hơn trán,
Nước sáng hơn đèn,
Kèn kêu hơn quyên,
Biển rộng hơn sông,
Mưa đừng thương trước uổng công.
Chờ cho thiệt vợ, thiệt chồng hãy hay.”

hay:

“ Ngó lên chữ ừ,
Ngó xuống chữ ư,
Anh thương em thùng thảng em ừ,
Anh đừng thương vội phụ mẫu từ không hay.”

Sau đó người con gái đề nghị cụ thể:

“ Như anh có muốn cùng em,
Anh lo sáu lễ phòng đem đến nhà.”

Người con trai nghe nói, mừng hết cỡ:

“ Tôi về thưa với mẹ cha,
Chạy lo sáu lễ đem qua cưới nàng.”

Cũng có khi tâm ý không hợp, người phụ nữ có quyền quyết định đường ai nấy đi để khỏi bận lòng nhau:

“Ồi thôi! Tôi muốn bức rời duyên nợ,
Anh kiếm vợ, em lại lấy chồng.
Làm chi đây đọa khách quần hồng buồn lo?

Mặc dầu dưới ảnh hưởng của Hán Nho sa đọa, **tinh Việt** vẫn còn âm ỉ nơi tiềm thức, như **dòng sữa mẹ** vô tận nuôi dưỡng mọi con dân Lạc Hồng, đang chờ cơ hội phục sinh.

Ngoại trừ thời đại Lý Trần, Tam Giáo Đổng Nguyên đã đem lại sinh khí cho Đại Việt (1*), còn kể từ sau thời Hồng Đức, văn hóa hoàn toàn rập khuôn theo Hán Nho, Tống Nho độc tôn, chuộng hình thức, thiếu hẳn chiều sâu tâm linh, cho nên sa đọa đến tận cùng đày ụa ở triều vua Tự Đức với chủ trương “ *bé quan tòa cảng* ”, phủ nhận huyền sử, là tinh hoa dân tộc. Hậu quả đương nhiên là mất nước về tay thực dân Pháp, và từ đây làn sóng văn minh, văn hóa phương Tây bắt đầu tràn vào Việt Nam.

Tư tưởng trong văn hóa phương Tây bắt nguồn từ Hy Lạp cổ. Cũng như mẹ Âu Cơ là hiện thân của Minh triết Việt thì Sophia là nữ thần Minh triết Hy Lạp, nguyên lý mẹ với tình cảm bao la lan tỏa. Đến Socrate thì Minh triết biến mất, chỉ còn lại tri thức, ông đề cao lý trí đến nỗi đồng hóa tri thức với đức hạnh là một (Wissen und Tugend sind eins). Rồi Platon lấy ý niệm làm đối tượng cho mọi tồn tại, Aristote đưa ra luận lý hình thức. Cả ba ông Triết gia này đã thiết lập ra nền triết học duy lý, chi phối vận mệnh triết học phương Tây hơn hai mươi thế kỷ nay. Còn đâu tinh thần của thần Apollon thơ mộng với thần Dionysos say sưa nữa. Tình thân đã bị lý trí lạnh lùng đàn áp. Trái qua bao nỗ lực để đưa con người trở về với con người mà triết học cũng chưa lấy được quân bình. Triết học hiện sinh đưa đến tình cảnh “*buồn nôn*”, “*phi lý*”, “

xa lạ ” ...của con người. Còn chủ nghĩa duy vật đưa vào chính trường với chủ trương đấu tranh giai cấp thì lại khác nghiệt nên càng nghệt thô hơn. Cho mãi đến ngày nay, con người có thật sự tự do, hạnh phúc chưa? Đất nước có thực sự độc lập không? Ngay từ thủ đô Hà Nội, đã có người khởi xướng lời kêu gọi khẩn thiết:

“ *Ai còn lương tâm và lương tri hãy dừng cầm hành động mạnh mẽ vì đất nước.*”

Thật ra có lương tâm, lương tri như tình thế hiện nay cũng rất quý, rất cần thiết; tuy nhiên muốn giải quyết tận gốc rễ phải có triết lý đúng, giải pháp tận căn là phải bắt đầu từ thượng tầng văn hóa. Mặc dầu văn minh phương Tây hấp dẫn với tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhưng triết học duy lý đã từ lâu bỏ quên nguyên lý mẹ, ôm lấy có nguyên lý cha là lý trí lạnh lùng, cho nên thiếu tình thâm, thiếu **chiều sâu tâm linh là cái làm cho con người thành người**. Thật vậy, nếu thiếu tình thâm thì làm sao có Minh triết, bởi vì “ *tình thâm nhi văn minh* ”.

Nếu trở về với quan điểm Việt lý để nhận định thì các học thuyết ngoại lai chỉ chạy loanh quanh ở vòng ngoài của bánh chung hình vuông có góc cạnh dù sắc bén như khoa học kỹ thuật, mà không đi sâu vào vòng trong hình tròn của bánh dày tâm linh thì làm sao con người có chân hạnh phúc? Chỉ có nguyên lý cha như gà trống nuôi con thì đàn con còn nheo nhóc, còn lắm khổ đau. Phải làm sống lại nguyên lý mẹ mới được, bởi vì:

“ *Con mắt cha ăn cơm với cá,
Con mắt mẹ liếm lá đầu đường.*”

Đề cao nguyên lý mẹ ở đây không có nghĩa là chống lại, phủ định nguyên lý cha, mà chỉ nhằm lập lại quân bình đã mất, vì cả mẹ lẫn cha đều là đối tượng của chữ Hiếu trong Đạo Việt truyền thống:

“ *Một lòng thờ mẹ, kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*”

Theo Việt lý thì Tiên Rồng là cặp **lưỡng hợp**, cho nên với Đạo Việt thì mẹ cha đều được quý trọng:

“ *Có cha, có mẹ thì hơn,
Không cha, không mẹ như đàn đứt dây.*”

Mẹ Tiên, cha Rồng và các con hện hò, khi hữu sự gặp nhau nơi Trưng Dã, cho nên với Việt lý thì tình lý tương dung; âm dương tuy tương khắc, mà cũng tương hợp, chứ không tiêu diệt lẫn nhau. Tinh thần hòa thuận trong truyền thống Đạo Việt muôn đời luôn chảy trong huyết quản những con người cùng chung một bọc của mẹ Âu Cơ:

“ *Anh em nào phải người xa,
Cùng chung Bác Mẹ một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.
Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ ngoài đá nhau.*”

Huyền sử, lịch sử trong dòng sử mệnh của dân tộc vẫn còn đó, những lúc chữ **Trương** bị quên lãng thì cái họa đã đến như thế nào? Truyện “ *Hồng Bàng Thị* ” có viết: “ *Nhân dân nước Nam khổ về sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày mong đợi Long Quân về nên mới đem nhau kêu rằng: “ Bớ ở nơi nào, nên mau về cứu nhân dân.”*...

Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: “ Bớ ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ! ”

Đó là cái họa của sự vắng bóng **nguyên lý cha**, nguyên lý của lý trí sáng suốt, tài thao lược kinh bang tế thế, trị quốc an dân, sức mạnh hùng cường, tiêu diệt Ngự Tinh, Hồ Tinh...cho nên hậu quả là cứ rút lui dần về phương Nam, từ Thái Sơn cho đến Phong Châu. Đành rằng nguyên lý mẹ là cửa ngõ dẫn vào Minh triết tâm linh, nhưng chỉ duy nguyên lý mẹ mà thiếu nguyên lý cha thì từ tình thâm trở thành **tình**

cảm nhẹ dạ, mù quáng chẳng bao xa. Trong truyện Thần Kim Quy, My Châu với tình cảm thật thà đã bị Trọng Thủy với **lý trí xảo quyệt** lường gạt mà gây ra cảnh nước mất nhà tan. An Dương Vương cậy có nỏ thần, không phòng bị, nên mới thảm bại nhục nhã, lúc thế cùng lực tận mới lại cầu cứu thần Kim Quy, thần hiện lên nói: “ *Giặc ngồi sau lưng nhà ngươi đấy !*”. Nếu không ý thức được nguyên lý quân binh của Đạo Việt, mà cứ đu đưa giữa hai cực đoan với những thứ chủ thuyết “duy” ngoại lai thì tại họa còn chực chờ, rình rập. Ngày nay sự đu đưa đã quá sa đà về phía duy lý lạnh lùng, vô cảm, vô tình, cho nên đã đánh mất Minh triết Việt. Trong tình trạng như vậy, cho dù khoa học, kỹ thuật có tiến bộ vượt bậc ở vòng ngoài, mà thiếu nền tảng tâm linh ở vòng trong, thì con người vẫn còn lao đao, lặn lội. Nguyễn Du đã nhận ra điều đó, nên khuyên:

“Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.”

Nếu thiếu nền tảng tâm linh nhân bản thì trí thức thay vì thăng hoa lên trí tuệ siêu việt, lại sa đọa thành mưu trí xảo quyệt, con người đối xử với nhau chẳng khác nào loài lang sói như Thomas Hobbes (1588-1679) đã nói: “ homo homini lupus ”, bởi vì không có yếu tố tâm linh của tính thể con người. Đến cuối thế kỷ thứ hai mươi, Tó Hữu tôn vinh sự “giết” như một hành động cách mạng, đạo đức cách mạng, để đạt đến mục tiêu cách mạng:

*“ Giết, giết nữa bàn tay không lúc nghỉ,
Cho ruộng đồng lúa tốt thuê mau xong,
Cho Đảng bền lâu cùng rập bước chung lòng.
Thờ Mao Chủ Tịch, thờ Xít- Ta – Lin bất diệt.”*

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



Nếu Biết Rằng Em Đã Lấy Chồng...

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ tới loài hoa vờ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng!
(“Hai Sắc Hoa Ti-Gôn” của T.T.KH)

Khi người yêu của Nguyễn Bính đi
lấy chồng thì nhà thơ phản ứng một cách
nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như những vần
thơ trữ tình của ông:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Tôi về lấy vợ thế là xong.
Vợ tôi không đẹp bằng em mấy,
Nhưng đẹp hơn em cả tâm lòng.

Còn nếu người yêu của một thi sĩ đi
lấy chồng thì:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Anh đau, anh khổ suốt ngàn đông.
Chắc anh tập làm thơ tình ái,
Để cho khổ đau khỏi chát chồng.

Nếu người yêu của dân “Bắc Kỳ” đi
lấy chồng:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Anh về chửi đổng giữa đám đổng.
Mẹ bố tiên sư nguyên dòng họ,
Ngựa chúng, sao mày dám bỏ ông?

Nếu người yêu của anh “Trung Kỳ”
đi lấy chồng:
Nếu biết rằng O nợ lấy chồng,
Anh về Hương Giang nháy xuống sông.
Sông sâu, nước mát anh tình mộng,
Tự tử như rửa răng mà xong?

Còn nếu người yêu của anh “Nam
Kỳ” đi lấy chồng:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Mèn ơi! Em chê tui nhà nông.
Nổi nóng, ruộng nương tui đốt hết,
Không gạo, cho em đói nứt lòng

Nếu người yêu của anh “Ba Tàu Chợ
Lớn” đi lấy chồng:
Nếu biết rằng nị đã lấy chồng,
Ngộ dzề pán nót cái Hồng Kông.
Mang tiền đầu tư vào Chợ Lớn,
Dzón lời làm nị tức cãnh hông.

Còn người yêu của chàng “Việt
Kiều” phụ chàng ta thì:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Anh về bên bến thế là xong.
Trăm cô ngồi đó cho anh lựa,
Còn “bóc” hơn em, em biết không?

Nếu người yêu của dân học trường
Tây sang sông:
Nếu biết rằng toi đã lấy chồng,
Ca-va moi vẫn tỉnh như không.
Bạn gái secours moi cả đổng,
Buồn chi cho khổ, n' est ce pas?

Và người yêu của chàng trai Mỹ gốc Mít
ôm cầm sang thuyền khác thì:
Nếu biết rằng you đã lấy chồng,
Anh lấy Đám Mỹ thế là xong.
Áu yém, OK bằng tiếng Mỹ,
“Trả thù dân tộc”, em thấy không?

Nếu người yêu của chàng du đấng
phụ tình:

*Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Em đừng tưởng thế đã là xong.
Anh về trang bị dao với búa,
Đánh cho một trận mới hả lòng.*

Nếu người yêu của chàng kiếm sĩ phụ
bạc chàng thì:
*Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Anh về luyện kiếm cho tinh thông.
Kiếm anh sắc bén hơn em tưởng
Sẽ dzót chồng em trả hận lòng.*

Nếu người yêu của một khoa học gia
phụ tình thì:
Nếu biết rằng em đã lấy chồng,

*Pha chế đồ nghề chẳng ngại không.
Đứng trước nhà em anh la lớn:
“Tui tạt acid chó đừng hồng”.*

Nếu người yêu của chàng trai thời
loạn phụ bạc thì:
*Nếu biết rằng em đã lấy chồng,
Anh vào quân đội cứu non sông
Phá giặc, công thành, anh trở lại
Hiểu lòng chinh nhân, em buồn không?*

Lê Thương

(Virginia)

Tình yêu có thật không em

Tình yêu có thật không em?
Lẽ nào anh chưa từng biết?
Vì sao chí anh sắt thép?
Vì sao lòng anh yếu mềm?

Tình yêu có phải từ tim?
Sao nước mắt rơi lúc nhớ?
Chờ nhau ruột gan đốt lửa.
Xa nhau chân tay rã rời?

Tình yêu có phải từ trời?
Vì đâu trăng sao đơn độc?
Vì sao thần tiên cũng khóc
Ngân Hà đôi bờ cách ngăn?

Tình yêu đến từ đâu em?
Ngàn năm gừng cay muối mặn.
Đất vẫn trong vòng tay biển.
Sao tình sóng vỗ triều miền?

Tình yêu có thật từ đâu?
Lẽ nào chưa ai từng biết.
Vì sao tình hay cách biệt?
Ngàn xưa buồn như ngàn sau.

Lẽ nào cứ nói yêu nhau.
Lẽ nào chưa ai từng biết.
Tình yêu đi hoài trốn biệt.
Cho ta tha thiết đi tìm?

Tình yêu có thật không em?

Lam Điền Nguyễn Thử
(Charlotte, NC)

LỜI CUỐI GỎI MẸ

*“Thương quá đi con ơi!”
“Khi ra đi, mẹ chỉ buồn là không có của cải để lại cho các con.”
“Con hãy yên trí. Mẹ sẽ ra đi với nụ cười trên môi để cho con vui”
Lời mẹ trước phút lâm chung*

Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, Bà Mẹ Việt Nam bao giờ cũng là biểu tượng cho tình thương bao la như biển cả và sự hy sinh vô bờ bến cho gia đình và tương lai con cái.

Ngày từ lúc trưởng thành, con đã nhận ra điều này nơi mẹ nhưng mãi đến khi quá nửa đời người con mới thấy mẹ quả là một người mẹ Việt Nam thuần túy, một tấm gương hiền mẫu mà ở tuổi ngoài 60 này con không biết mình có còn đủ nhẫn nại và từ tâm để noi theo tấm lòng vị tha bác ái của mẹ và có còn đủ thời gian để biểu lộ tình thương vô điều kiện đối với con cái và những người xung quanh như mẹ hay không.

Đó là một gia sản quý báu mẹ đã để lại cho chúng con mà tất cả tiền bạc, châu báu trên thế gian này cũng không thể mua được

Mẹ đã cho gia đình tất cả mà không hề mong được đền đáp. Mẹ đã hy sinh và nhẫn nhục chịu đựng trong suốt hơn 45 năm vì hạnh phúc của từng gia đình chúng con. Biết bao nhiêu nước mắt đã chảy ra? Biết bao nhiêu đêm thao thức để tìm cách thực hiện bằng được những ước muốn của chúng con vì mẹ muốn chúng con luôn được toại nguyện?

Có lẽ những giờ phút hạnh phúc nhất của mẹ mà con được biết là khi mẹ được báo tin con là học sinh giỏi nhất lớp, nhất

trường, là lúc chúng con thi đậu tú tài, là lúc con trai mẹ thi đậu vào Đại học Dược khoa ở Sài Gòn, là những lúc ba thành công trong sự nghiệp mang lại nếp sống sung túc cho gia đình.

Trên môi mẹ không bao giờ thiếu hai tiếng “Cám ơn” hoặc “Thank you” khi chúng con làm cho mẹ hài lòng dù chỉ là một cuộc thăm viếng ngắn ngủi hoặc một câu thăm hỏi qua điện thoại hay vài giọt nước giữ cho môi mẹ khỏi bị khô trong những giây phút cuối của cuộc đời.

Khi chúng con gặp khó khăn trong cuộc sống, lời khuyên của mẹ hay lời an ủi của mẹ luôn là tia sáng giúp chúng con vượt qua màn đêm u tối của mọi thử thách.

Quả đúng như lời một người bạn của con khi hay tin mẹ sắp lìa đời:

“Ồ tuổi nào mình cũng cần mẹ nhỉ!”

Mùa Xuân đã đến. Mẹ đã ra đi.

Từ nay con không còn mẹ để thăm viếng, hỏi han hay tham khảo ý mẹ về cách dạy học trò, về việc giáo dục con cái, về các va chạm trong cuộc sống. Nhưng thưa mẹ, mẹ đã hứa trước khi vĩnh biệt cõi đời này là mẹ sẽ phù hộ cho chúng con và tất cả mọi người. Con tin rằng con sẽ luôn có câu giải đáp cho các khúc mắc trong cuộc sống hàng ngày như lúc mẹ còn sinh tiền.

Con cháu của mẹ sẽ nhớ mãi câu nói sau cùng của mẹ

“Sau khi về bên kia thế giới, mẹ sẽ rắc những nhụy hoa sen thơm ngát xuống cho tất cả mọi người.”

Thưa mẹ, từ nay hoa sen sẽ nhắc nhở con cháu của mẹ luôn gìn giữ tiếng thơm

của gia đình mà mẹ đã gầy dựng cho chúng con trong suốt cả cuộc đời mẹ.

Tất cả chúng con đều đang hướng theo các bước chân của mẹ trên đường vào cõi Phật.

“Your wisdom and strong will power will forever remain with us for generations and generations.”

MINH CHÂU

(Virginia)

LỜI CUỐI CHO BA

MINH CHÂU

Thế là từ nay con không còn được nghe tiếng “*Cảm ơn*” với âm hưởng Hà Tĩnh quen thuộc sau mỗi lần thăm viếng ba mẹ trong suốt hơn mười năm qua hoặc những lần cạo râu và thay vớ cho ba khi ba ở trong bệnh viện.

Còn cha gót đỏ như son

Mắt cha thì gót con đen như bùn.

Thuở còn bé, khi học câu ca dao này, con đã nhìn đã nhìn xuống gót chân của mình và mỉm cười sung sướng vì gót chân con khi nào cũng đỏ, vì con có ba luôn chăm chỉ làm lụng để gia đình không phải thiếu thốn.

Nay ba đã vĩnh viễn ra đi, tuy gót chân con không phải đen vì bùn nhưng trên mái tóc con và toàn thể gia đình đã quyện vảnh tang trắng.

Vốn tính tự lập, khi ông ngoại con hứa gả mẹ con cho ba mà không hề đòi hỏi nghi thức rườm rà, ba đã từ giã mẹ ra đi để rồi hai năm sau trở lại với đầy đủ sinh lễ để hỏi cưới mẹ. Ba đã từ khước không ở lại nhận

SỐ 51

nhà cửa lẫn của cải của ông ngoại và đã đưa mẹ chúng con ra đi lập nghiệp ở nơi xa.

Mẹ thường trách ba hay hứa “bừa” với con cái hoặc những người đến nhờ cậy ba ngay cả trong những lúc ba không có điều kiện để thoả mãn ước muốn đó. Ba đã trả lời rằng “*Cứ hứa cho con nó mừng, cho nó mau lớn*” hoặc “*Khi họ đến với mình là họ mang theo bao nhiêu hy vọng. Tôi không muốn làm họ thất vọng*”

Dù ở hoàn cảnh nào, ba luôn giữ lời hứa. Không sớm thì muộn, ba luôn tìm mọi cách để giúp đỡ những người gặp khó khăn. Cũng nhờ đức tính rộng rãi này và nhờ ba luôn đặt chữ TÍN lên hàng đầu trong sự giao tế hàng ngày, con luôn có những món đồ chơi đẹp nhất, những bộ quần áo con thích nhất và được theo ba đi rong chơi khắp nơi vào những ngày hè. Dù nay con đã thành bà ngoại nhưng khi ở bên ba, con vẫn thấy mình như cô “con gái rượ” bé bỏng của ba thuở nào vì ba vẫn tiếp tục chiều chuộng con như ngày xưa còn bé.

147

Tuy ba đã giao trọng trách giáo dục con cái cho mẹ chúng con nhưng ba luôn khuyến khích chúng con làm việc tốt và vẫn quở phạt chúng con khi chúng con phạm lỗi. Tuy ba bận bịu với việc sinh nhai nhưng gia đình ta vẫn có những cuối tuần đi chơi thoải mái hoặc những buổi du ngoạn xa thành phố đầy thích thú. Mẹ đã yêu ba cho đến hơi thở cuối vì ba không bao giờ đòi hỏi gia đình dành riêng cho ba một điều gì. Niềm vui của gia đình chính là nguồn vui của ba.

Hình như ba không giận ai bao giờ. Có lẽ những nỗi buồn phiền mà người khác gây

ra đều được ba chôn kín tận đáy lòng và được phủ kín bằng sự bao dung độ lượng.

Thưa ba, con mong con cháu của chúng con cũng có được tinh thần tự lập tự cường như ba, có được sự nhân từ và lòng bác ái như ba, luôn luôn giữ chữ tín trong cuộc sống để ba mẹ luôn mỉm cười nơi chín suối, không bỏ công ba nuôi nấng cho chúng con có được ngày hôm nay.

MINH CHÂU

(Virginia)

PHÂN ƯU

Được tin Cụ Bà **ĐẶNG THỊ XUÂN**

Nhũ danh **HỒ ANH THỊ XUÂN**

Pháp danh **DIỆU THƯỜNG**

(thân mẫu nhà văn họa sĩ Trương Minh Châu)

vừa tạ thế ngày 26 tháng 4, 2010 tại Calgary, Alberta, Canada,
hưởng thọ 90 tuổi.

Xin chia buồn cùng chị Trương Minh Châu và phu quân là anh Trương Thiệu Long (trưởng nam của Ký Giả Thiệu Võ và Nữ Sĩ Tú Hoa) cùng tang quyến.

Cầu xin linh hương cụ bà Diệu Thường sớm phiêu diêu miền cực lạc.

Toàn ban Trị Sự và Biên Tập Tạp Chí Cỏ Thơm

NHỮNG NGÀY TRONG BỆNH VIỆN

VÂN KHANH

Tôi ở trong này kể ra cũng tới ba tuần rồi. Bệnh gì mà ác quá vậy. Suốt ngày uống thuốc giảm đau; hồi đầu còn nói mê sảng lung tung, không thể biết ngày giờ ra làm sao. Lúc nào cũng có y tá vây chung quanh. Sợ nhất là cỡ 10 giờ tối họ mang tôi ra tắm vớt, lạnh quá xá nhưng bắt buộc phải làm. Ngày nào cũng chụp hình phổi, và một bà kiné tới dạy thở. Không hiểu sao tôi nằm viện mới có vài tuần mà hơi thở rất yếu, thở một cách ngắn ngủi, rất mệt. Rồi một ngày đẹp trời họ đến bẻ chân bẻ tay tôi, bắt ngồi lên đứng dạy. Trời đất ơi! Cả một sự đảo lộn; chân không đứng vững; đầu óc quay cuồng, thế mà họ đỡ tôi ra khỏi cái quay cuồng đó. Và tôi lét xuống ngồi trên một cái ghế fauteuil chân tay thì dây dợ phải nói là từng nùi, sợ quá. Tôi không ngờ tôi mất sức đến chừng đó, chuyện gì rồi cũng xong. Tôi ngự trên án ngại đó cỡ 15 phút, họ lại cho tôi lên giường nghỉ. Đúng là bệnh trời bắt tội, tôi đang sửa soạn đánh bài, chờ ba người bạn tới đánh, tự nhiên lên cơn đau bụng không chịu được; tôi phải vào nhà thương cấp cứu. Thế là tôi bị mất hút trên thị trường. Ai cũng kinh ngạc, hỏi thăm đồn dập. Hóa ra tôi bị sưng lá lách. Không ai có thể biết trước được, không ai

có thể ngừa trước được ai đã đặt cho cái bệnh trời bắt tội.

Tất nhiên là con cháu chiều nào đi làm về tụi nó cũng vào thăm mẹ. Nhưng hôm nay chủ nhật nên có hai cô cháu gái vào thăm bà. Thoạt đầu tôi nhìn thấy Anne-Mai mà lòng sùng sốt và thốt lên là cháu đẹp quá. Cháu mới 16 tuổi hôm qua; người cháu cao, da mặt trắng, mắt to lông mày cánh phượng, cổ cao, trông cháu như một bức tượng. Tôi nhìn cháu không chớp mắt.

Tới 15 phút sau Mimi tới chào bà; từ đằng xa tôi thấy Mimi cười với tôi một cái làm tôi giật mình vì Mimi cười với tôi với cả một hàm răng trắng nõn đều đặn. Tôi tưởng tượng như một đóa hoa hải đường hay đại đóa mới nở buổi ban mai. Cháu cũng 16 tuổi như Anne-Mai, chỉ cười với tôi một cái mà tôi đã như bị thôi miên. Chỉ có một nụ cười mở rộng mà tôi đã tinh cả người, tôi nghĩ rồi sẽ có nhiều người mê mẩn nụ cười này. Hai cô cháu một cô đẹp như tượng một cô tươi đẹp như hoa, tôi cố sống tới 10 năm nữa tất có nhiều chuyện vui đồn dập. Ngày xưa tôi hay được nghe bà nội tôi nói "nụ cười tươi như hoa", thế mà mãi tới bây giờ trên 70 chuc tuổi mới được nhìn thấy "nụ cười tươi như hoa" này của cháu tội.



VÂN KHANH

(Paris)

Dịch:

Les jours à l'hôpital

Cela fait tout de même trois semaines que je suis ici. Quelle cruelle maladie ! Je prends des anti-douleurs à longueur de journée; au début, il m'arrivait parfois d'halluciner et aucun repère temporel ne m'était donné. Je suis entourée d'infirmières en permanence. Le pire est la douche vers dix heures du soir ; j'avais froid mais c'était un passage obligé. Des radiographies de mes poumons tous les jours, et une kiné qui m'apprend à respirer. Je ne comprends pas ; je suis à l'hôpital depuis seulement quelques semaines mais j'ai beaucoup de mal à respirer, ou alors je respire, mais de façon très saccadée, cela me fatigue. Et un beau jour, on vient me masser les pieds et les mains, et me redresser. Quel événement bouleversant ! Instabilité, vertige... on a quand même réussi à me sortir de là. Et je m'assoie sur un fauteuil ; un amas de fils et de tuyaux me relie à des machines... quelle horreur. Je n'arrive pas à croire que j'aie pu perdre autant de forces. De toute façon, ça ne peut qu'aller mieux. Je reste assise sur ce trône pendant quinze minutes, et on me remet sur le lit pour que je me repose.

C'est vraiment une maladie tombée du ciel ; j'étais en train de me préparer attendant trois amies avec qui j'allais jouer au majjong lorsque je ressentis une douleur effroyable au ventre. Je ne pouvais plus supporter. J'ai donc dû aller aux urgences. Je disparus de la circulation ; on me cherche et demande de mes nouvelles. J'ai une inflammation du pancréas. Personne n'aurait pu le savoir, personne



n'aurait pu prévoir, qu'une telle maladie allait me frapper.

Evidemment, mes enfants viennent me rendre visite tous les soirs après le travail. Mais aujourd'hui, dimanche, mes deux petites-filles sont venues voir leur grand-mère. La première que j'ai vu fut Anne-Maï ; je fus éblouie et c'est sorti d'un coup : « Que tu es belle ! ». Elle venait d'avoir seize ans la veille, grande, au teint clair, de grands yeux aux sourcils de phoenix, ma petite-fille est belle telle une sculpture. Je ne me lassais pas de la regarder.

Un quart d'heure après Mimi est venue me saluer ; de loin je l'ai vue me sourire et j'ai sursauté car Mimi m'a souri avec un sourire fait de toute une rangée de dents éclatantes de blancheur et d'une régularité parfaite. J'ai toute de suite imaginé une fleur « hai duong » ou « dai doa » qui commence à s'épanouir au lever du soleil. Ma petite-fille a 16 ans comme Anne-Maï, un seul sourire de sa part a suffi à m'hypnotiser. Un seul sourire a suffi à me réanimer, et j'ai pensé que beaucoup de jeunes gens succomberont à ce sourire . Mes deux petites-filles, l'une belle comme une sculpture, l'autre épanouie comme une fleur, je dois vivre encore au moins 10 ans pour profiter des jours heureux qui s'annoncent. Quand j'étais petite, ma grand-mère me parlait souvent de « ourire épanoui comme une fleur », et seulement aujourd'hui à plus de 70 ans j'ai enfin pu voir ce sourire qui est celui de ma petite-fille.

NGUYỄN DIỄM LAN

(Paris)


 Núi sông con nước bốn bên
 Phải chăng núi thịch sao giao vô vô
 Stay là sông nước núi là
 Ai cho sông phải bốn bề quanh bên

 Vô Hải
 2010
 Hịch "Tình yêu sông núi"

Ai

Thơ Phan Khâm – Nhạc Nguyễn Tất Vịnh

Hơi dồn - mông lung.

Ai ôm bóng tà dương thả vào đôi cánh
vạc, nghe tiếng lòng man mác ôi nghìn dặm tha phương. Ai rẽ sóng Tiêu
Tương phân chia hai dòng chảy, trời mưa ngâu thảng bầy than thở bến Tầm
Dương. Ai gởi mười giọt sương long lanh trên cành biếc, thủa ban đầu nướ
tiếc sao còn lại chín thương. Ai thả sợi tơ tình giăng hoa tà áo
tím, tình một thời thầm kín lời hò hẹn đính ninh. Ai
ném ánh sao băng rơi vào nơi hố thẳm, đêm nào ngồi suy
ngẫm về một cõi xa xăm. Ai đưa dây vào nhau cả một trời duyên
nợ, nghe từng giây hơi thở tới luân hồi mai sau.

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ 51 - THÁNG 6, 2010



Lớp học Accent Reduction Class tại Nhà Việt Nam

Phạm Xuân Thái

Để giúp đồng hương thăng tiến trong nghề nghiệp và giao tế một cách dễ dàng hơn trong công việc, khách hàng, và tự tin hơn khi nói tiếng Mỹ, Nhà Việt Nam đã thu xếp mở lớp học về phát âm và luyện giọng tiếng Mỹ tại Nhà Việt Nam. Lớp học Accent Reduction Class for Vietnamese Speakers đã được khai giảng vào ngày thứ Bảy 27/2/2010 và đã được mãn khoá một cách tốt đẹp ngày thứ Bảy 1/5/2010 vừa qua.

Vì chỗ ngồi có hạn, nên Nhà Việt Nam chỉ nhận 12 học viên ghi danh trước tiên cho lớp học này. Chương trình của lớp Accent Reduction Class for Vietnamese Speakers được giảng dạy trong 8 tuần (90 phút mỗi tuần), dựa theo phương pháp giảng dạy tân tiến của Confidence Voice Group, và các trường đại học Oxford, MIT, Iowa, và các đài BBC, VOA, NY Postcasts, Mastering the American Accent, và nhiều websites dạy English do bà Susan Ryan thiết lập và cung cấp.

Bà Susan Ryan, một chuyên gia về Accent Reduction bắt đầu giảng dạy American English từ năm 1991, sau khi tốt nghiệp tại San Francisco State University và đạt bằng Masters Degree in Adult ESL tại Hamline University. Bà Susan hiện đang giảng dạy Accent Reduction Class tại đại học và hướng dẫn cho các chuyên gia trên cùng khắp thế giới qua hệ thống Internet.

Học viên của lớp Acent Reduction Class gồm một số đồng chuyên gia trong vùng theo học. Nhiều học viên đã ở Mỹ 35 năm, đã từng tốt nghiệp tại hội Việt Mỹ Saigon, và đã từng đi du học tại Mỹ; một số học viên khác mới qua Mỹ. Tất cả các học viên đã tự nhận thức được rằng: muốn tiến xa hơn trong nghề nghiệp, phải nói tiếng Mỹ giỏi. Nhiều học viên cho biết đã tham gia nhiều lớp học English tại Đại Học và các Trung Tâm Phát Âm và Luyện Giọng khác, nhưng phương pháp giảng dạy của bà Susan Ryan rất dễ hiểu và thực dụng.

Trong 8 tuần lễ các học viên đã học lại từ căn bản:

- 15 vowel sounds của "a, e, i, o, u"
- The Schwa sound, Short và Long Vowel sounds
- Voiced and voiceless consonants
- Syllable stress (Major/Minor Stress and Schwa)
- Sentence stress and intonation (Function, Content, and Focus word)
- Idioms frequently used by American English speakers

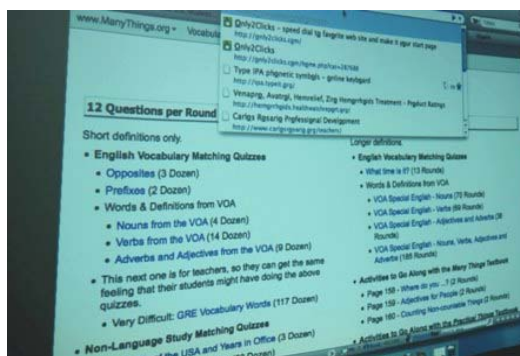
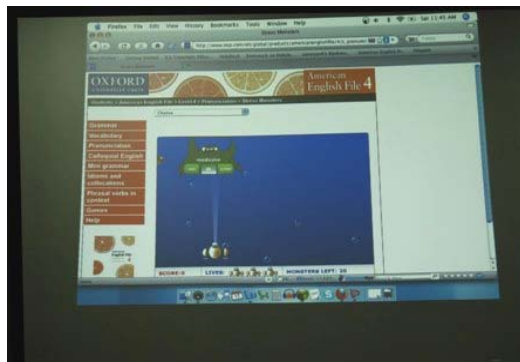
Ngoài sách học "Mastering the American Accent", học viên còn được cung cấp thêm những websites của các trường đại học và các websites của các cơ quan phát thanh, giáo dục để học thêm tại nhà. Học viên cũng có thể thu phát âm của mình online và gửi tới bà Susan Ryan để được góp ý, sửa chữa.

Trong buổi học cuối cùng, một số học viên đã không tham dự được vì phải đi xa, số học viên hiện diện cảm thấy vui khi nhận bằng tốt nghiệp và đã học được một số căn bản về cách phát âm; họ bù ngùi lưu luyện vì lớp học kết thúc, và ước mong Nhà Việt Nam tiếp tục tồn tại, để có thể mở những lớp học tương tự để giúp đồng hương trong tương lai.

Một học viên phát biểu:

“ Ngoài những công cuộc đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam, các Tổ Chức Cộng Đồng, và các Hội Đoàn cần phải lưu ý thêm về vấn đề nhân sinh, xã hội, và giúp đồng hương thăng tiến hơn trong nỗ lực hoà nhập vào đời sống mới!”

Sau buổi học cuối, một buổi picnic ngoài trời đã được tổ chức trước khi chia tay. Tất cả các học viên hy vọng sẽ được tham dự những lớp học tương tự trong tương lai.



Một số học viên nhận bằng tốt nghiệp

Tháng đợi, năm chờ

Thanh Trang

"Áy ai tháng đợi năm chờ"
"Hoa kia phai sắc nên giờ hết duyên!"
TT

Chậm vừa

Hẹn một tháng Hẹn một năm Nhưng đường xa, đường xa ... thật xa!

Hẹn mùa tới Hẹn mùa sau Hàng cây lá bao phen đưa tin ngày tháng qua mau!

Hẹn về viết một tờ thư Nhưng chuyện riêng, rồi quên, rồi quên!

Một mai sớm chợt khi thấy Làn mây xa lòng bỗng ưu phiền!

Thương nhau từng ngày vắng tin nhau Thời gian thoáng qua mau

ngày dài đến đêm thâu! chờ người còn chờ đến bao lâu?

Miệt mãi nếu xa nhau phai đi niềm yêu dấu!

Chờ một tháng Đợi một năm Không còn ai chờ ai, đợi ai!

Hẹn mùa tới Hẹn mùa sau Mùa Thu lá Thu bay ngập trời chẳng còn thấy nhau!

(Mùa Thu lá Thu bay ngập trời chẳng còn thấy nhau!)

TRƯỜNG CŨ BẠN XƯA

Hôm ra ga đón Hà cùng với chồng và con gái. Hai người bạn nhìn nhau thoáng chút ngỡ ngàng rồi ôm nhau mừng rỡ. Chia tay nhau sau tháng tư bẩy lăm, họ chỉ ngoài đời mươi chưa ai lập gia đình, mỗi người đi mỗi ngã. Hà vượt biên đến ở Canada và Thảo đến ở Pháp. Dù vẫn thư từ liên lạc nhưng mãi 25 năm sau, khi con gái của Hà du học ở Luân Đôn, Hà mới có dịp ghé qua Âu Châu thăm bạn, Thảo cũng bận bịu chồng con với đời sống vất vả nên chưa bao giờ được du lịch viếng thăm thác Niagara hùng vĩ nơi Hà đang sinh sống.

Chiếc xe Clio nhỏ bé cũ kỹ của Thảo chất hết cả năm người, vợ chồng Thảo, vợ chồng Hà và con gái. Hành lý để ở sau coffe xe và cả ở dưới chân băng ghế sau nên Hà ngồi co lại như con tôm, thế mà bao nhiêu tâm sự hàn huyên cười nói cho đến khi xe ngừng trước công nhà.

Đêm ấy và suốt cả tuần lễ, trong gian phòng nhỏ âm cúng, họ kể cho nhau nghe không ngớt về những kỷ niệm thời thơ ấu với thầy cô, trường cũ bạn xưa. Vào thập niên sáu mươi, trường Lê Văn Duyệt của Hà và Thảo, tọa lạc ở khoảng giữa đường Lê Văn Duyệt Gia Định, là trường nữ trung học duy nhất ở tỉnh, chỉ mới phối thai xây dựng trên một đám ruộng trồng nhiều rau muống, ao bèo nên rất đơn sơ. Hai dãy tường đỏ đối diện nhau, chính giữa là vuông sân để làm lễ chào cờ vào mỗi sáng bắt đầu lớp học. Bước lên vài nấc thang bên phải dãy tường đỏ có trồng bụi trúc xanh, phía đó là phòng dành riêng cho các giáo sư và hiệu trưởng, tiếp theo là một cầu thang rộng để dẫn tới các lớp học trên lầu.

Sân trường vào mùa mưa rất lầy lội, nhưng Thảo cứ thơ mộng gọi đó là những sa mạc cát mịn. Phía sau, bên trái dãy tường đỏ là một khoảng sân cỏ mà mỗi khi hè tới, không có bóng phượng chờ che, đám học trò con gái tụ tập chuyện trò, cười nói huyền thuyên. Thảo và Hà đã từng ở đó vào những buổi trưa hè rồi nằm lăn ra cỏ nhìn lên cao trời xanh mây trắng bay thênh thang. Hà chợt hỏi :

- Thảo còn nhớ chị Kim Cúc không ?

- Nhớ chứ, không biết bây giờ chị ấy ở đâu ?

"Người chị học bàn" của Thảo, sau đó cũng là của Hà. Chị gửi thư cho Thảo rất dài và cắt xén trang hoàng các bìa giấy viết thư thật tỉ mỉ khéo léo. Chị đẹp lắm! Như nữ minh tinh điện ảnh với môi cười rất duyên dáng nên Thảo trân quý nâng niu, thoáng chút "ghen tương giận hờn" với Hà và suốt ba tháng hè cứ lấy thư của chị ra đọc, hát nghêu ngao những bản nhạc chị gửi tặng, đôi khi chảy nước mắt lặng lẽ, nghĩ rằng tựu trường vào sẽ không được ngồi ở chỗ cũ lớp cũ, sẽ không được gặp chị nữa. Chị học lớn hơn hai lớp và quả thật vài năm sau chị đi lấy chồng, Thảo không còn tin tức gì của chị.

Nhà bếp của Thảo không được tiện nghi cho lắm nhưng cũng chứa đủ vợ chồng Hà và con gái, vợ chồng Thảo với hai con trai quây quần bên chiếc bàn nhỏ đặt ở giữa nhà. Tiếng cười đùa huyền ảo của bọn trẻ và cả của người lớn vang lên vui nhộn suốt bữa ăn. Không khí đoàn tụ sum họp thật là ấm áp, Thảo bắt nhớ tới những ngày xưa khi còn ở quê nhà có Mẹ, có anh em đông đủ. Bây giờ chia lìa tan tác mỗi

người một nơi, Thảo rung rung nước mắt, Hà hiểu ý liền cười với chồng :

- Anh Huy và anh Thanh biết không, hồi ấy Thảo nó đi "hun" xe bò đấy !

Cả nhà cười lẫn vì hình ảnh ngộ nghĩnh làm cho Thảo bẽn lẽn. Thuở ấy Thảo cùng với Hà đi xe đạp đến trường, khỏi rạp Văn Hoa một đôi, vì mãi mê nói chuyện Thảo đã đâm xầm vào một chiếc xe bò ngừng trên đường. Hà lại kể thêm chuyện đôi guốc Hà bị đứt quai mà Thảo vì thương bạn đã cố tìm cho được dây thun cột lại để Hà lê lét về tới nhà ở mãi cuối đường Hai Bà Trưng. Cuối đường Hai Bà Trưng, từ dốc Cầu Kiệu xuống Yên Đổ quẹo mặt, mỗi lần đến nhà Hà chơi, Thảo thường dừng trước cửa tiệm Thuốc Cam Hàng Bạc trong có trưng bày tượng một con nai gỗ, mua một gói trái sấu dầm với đường, gừng và cam thảo chia ra ăn với Hà. Từ đó kỷ niệm lại tràn về, áo dài trắng thướt tha, đôi bạn Hà và Thảo đã suốt bảy năm trời yêu dấu, giung giăng giung giẻ trên con đường Lê Văn Duyệt trải dài lên tới dốc Cầu Bông xuống Đa Kao và quẹo mặt đường Trần Quang Khải, đôi khi "không thèm quẹo mặt" mà băng qua đường ăn chè Hiền Khánh, kẻ rạp Casino Đa Kao, rồi rẽ sang Nguyễn Phi Khanh mới trở lại Trần Quang Khải. Không biết có phải vì con gái thích ăn quà hay vì trưa nắng cháy bỏng da, nên phải dùng một ly thạch chè để giải khát. Nếu không ghé vào Hiền Khánh, lại ghé vào góc đường Trần Nhật Duật- Trần Quang Khải để thưởng thức món đậu xanh đậu đỏ bánh lọt phía trường Huỳnh Thị Ngà, thật tuyệt vời với những giọt đường sóng sánh vàng đặc sệt, chảy vào thành ly, hòa lẫn với nước dừa trắng như sữa béo ngậy.

Ngoài những buổi dạo chơi ngoài trời, ngắm thành phố Paris với những đại lộ tấp nập, xem danh lam thắng cảnh, thăm viện bảo tàng Louvre, chiêm ngưỡng tháp Eiffel cao nghều nghệu, nhà thờ Notre-Dame nổi tiếng với câu chuyện "Thằng gù đền Đức Bà" của Victor Hugo, và lang thang đôi mắt nhìn dòng sông Seine hững hờ trôi chảy. Tối đến, tuy mệt mỏi nhưng Hà và Thảo lại rù rì nhỏ to tâm sự đến gần sáng, nhớ lại từng thầy cô và từng người bạn trong lớp. Thầy Bửu Biên dạy Toán, Thầy Mai Xuân Kính dạy Vật Lý, Cô Hoàng Thị Thanh Hải dạy Việt Văn, Cô Trần Thị Tiếp dạy Vạn Vật, Cô Nguyễn Thị Trâm dạy Lý Hóa, Cô Phạm Thủy Tiên dạy Pháp Văn, Cô Võ Thị Tố Phụng dạy Hội Họa, Cô Võ/Trương Phụng Oanh dạy Nhạc... và nhiều nữa... Bảy năm dài (LVD63-70) luân lưu trong ký ức cộng thêm tuổi đời chồng chất kể làm sao cho hết. Hình như mỗi Thầy Cô đều có một học trò để nhớ. Mỗi học trò đều có một Thầy Cô để thương. Thảo thương cô Trần Thị Tiếp của Thảo. Cô mặc áo dài trắng giản dị như học trò, vui vẻ, tận tụy, ngoài những óc, tim, tủy, não, mô bì, mô liên kết su be, cô còn dạy thêm bằng những câu danh ngôn "Con người đang sống trong sa mạc, ước mơ làm sa mạc đó dễ chịu. Hãy làm việc để thực hiện ước mơ"(25-04-70). Cuối năm học thi cô bảo "Các em thi đậu tôi mừng nhưng chưa hết, còn phải lo các em vào yên ở các phân khoa". Bây giờ xa xôi nổi trôi lưu lạc xứ người, xa quê hương, đêm nay cùng với Hà nghĩ đến cô mà phát khóc, nhớ đến các Thầy Cô mà phát khóc. Hà chợt lim dim mắt hỏi :

- Thảo có tin tức gì của Nguyễn Kiếm Lang không ,

- Không. Có nhiều lần Thảo hay nằm mơ thấy Kiếm Lang rù Thảo đi dạo

phố Sài Gòn, Lê Thánh Tôn, Lê Lợi, Tự Do, nhà sách Khai Trí...

- Hà cũng thế, chắc là bạn ấy vượt biên không thành công, có lẽ chết mất rồi, nếu không sao mình lại hay năm mơ thế !

- Tại mình nghĩ nhiều tới bạn thôi.

- Hà cũng mong như thế.

Kiểm lang, người bạn thân thương nhà ở bên Thị Nghè, gần Trung Tâm Chiêu Hồi, Thảo thường ghé qua tâm tình với nhau suốt ngày mỗi lần đến thăm "chàng", buồn vui lẫn lộn, tình đã xa bay, người đã bóng chim tăm cá, và bạn thân thương đã biệt biệt nơi đâu ? Cả bọn sáu đứa, Thảo và Hà ở đây, còn Lê Thị Hoàn, Bùi Thị Ngọc Hải, Trần Thị Cúc, những người

bạn ấy bây giờ đang trôi giạt ở phương nào ? Vượt biên, chìm dưới biển sâu hay tới bên bờ tự do xây dựng cuộc đời ? Ở lại, lấy chồng cán bộ hay nuôi chồng học tập cải tạo chắt chiu từng đồng lo miếng cơm manh áo ? Những người bạn xưa của Hà và Thảo theo nhau vào giấc ngủ với những trần trề mộng mị chiêm bao...

Buổi sáng, trước khi chất hành lý ra xe. Thảo kéo học tử lồi ra những bức ảnh mà Hà đem theo được. Hai mái đầu lại chụm vào nhau nhưng tóc đã không còn xanh và mỗi người phải đeo thêm cặp kính lão. Nhìn bức ảnh Hà và Thảo nắm tay nhau, chụp trước cổng trường cuối hè năm đệ thất, nhỏ bé ngây thơ. Thảo bắc giác tìm giấy hỷ hoáy viết rồi gấp tư đưa cho Hà dặn dò :

- Về đến Canada hãy mở ra xem.

Nhưng Thảo biết Hà sẽ chẳng đợi lâu, sẽ mở ra xem ngay khi còn lơ lửng trên máy bay. Tờ giấy ghi vội vàng :

Hai đứa tụi mình đứng...dựa cột đèn !

Chờ bác phó nhòm bấm máy liên miên

Tóc cứ bung xòe..."cuốn theo chiều gió"

Tay nắm tay ta mĩm miệng cười duyên.

Bên đường diu đập xe qua lại. Có...

Thằng bé nghịch ngàng..."xịt nước phong tên"!



Vô tư quá trước cổng trường buổi ấy

Mấy mươi năm vùn vụt tháng ngày qua

Trôi nổi phượng xa, ảnh xưa nhìn lại.

Thoáng giột mình, sợi tóc muối tiêu pha...

Tiền Hà ra ga vẫn bằng chiếc xe Clio cũ kỹ của vợ chồng Thảo và Hà lại ngồi co như con tôm. Gặp lại nhau để có biết bao nhiêu kỷ niệm hồi tưởng lại. Một tuần lễ hè của Hà qua đi, giây phút chia tay bịn rịn cũng qua đi, như 25 năm dài xa cách đã qua đi. Bước vào nhà bếp, thấy im lìm vắng vẻ, Thảo tưởng tượng ra nét mặt vui tươi, nụ cười ý nhị của Hà trên máy bay, liền "kêu ca" với chồng :

Nhà vắng như chùa Bà Đanh

Tiếng cười đi đâu hết cả !

Tới bữa, muổng nĩa lạnh canh...

Lại nhớ bạn bè ở xa...

NGUYỄN MÂY THU

Paris 11 - 05 - 2010

TẢN MẠN VỀ “CHO” VÀ “NHẬN”

THU LÊ

Nói đến kỹ nghệ tặng quà thì có lẽ không có nơi nào được “thịnh” như ở xứ Mỹ này.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên sang Mỹ được một gia đình bảo trợ du học sinh mời đến dự lễ Giáng sinh trên đất Mỹ. Tôi đã vô cùng “choáng ngợp” khi nhìn thấy những gói quà to nhỏ chồng chất dưới cây thông, gói giấy thật đẹp, băng vải kim tuyến long lánh. Mỗi người đều phải có quà cho mọi người trong gia đình. Nhà có 5 người thì một người mua quà cho 4 người kia, vị chi có ít nhất 20 món quà không kể những gói quà định tặng cho hàng xóm, hoặc người quen nào sẽ gặp trong dịp này. Cũng nhân dịp này mua sắm thêm cho gia đình một cái TV mới, một cái máy hút bụi, hay một cái đèn v.v... Tất cả đều gói gém thật đẹp, gom dần để dưới gốc cây thông, chờ đến tối 24 hay sáng sớm 25, trong sự vui mừng hồi hả, xé toạc những tờ giấy gói đồ lộng lẫy để mở quà và cuối cùng lúc tàn cuộc là một túi rác không lồ cùng các hộp nằm lổn nhổn ở một góc nhà.

Tôi cứ tiếc những tờ giấy gói đồ quá đẹp mà tôi chỉ muốn nhìn chứ không muốn xé rách. Một ngày “cho” như thế đi quá nhanh, quà có đem lại niềm vui cho mọi người, nhưng sau bao nhiêu công trình vất vả, áp lực phải đi mua sắm cho một danh sách dài. Tặng quà cho tất cả mọi người đã trở thành một thói quen và cũng không nhiều thì ít đã làm cho nhiều người lo lắng, phiền muộn, nhất là khi tình trạng tài chính eo hẹp. Có lẽ vì vậy nên mới có cái gọi là “Christmas blue”. Không có tiền thì dùng thẻ tín dụng chứ sao, nhưng khi cả thẻ thì lại tăng thêm cái áp lực, cái lo lắng nghĩ đến tờ giấy nợ

gửi đến tháng sau. Người ta gọi dịp Giáng sinh là dịp để “cho” và để “vui” (the time of giving and the time of joy) và trong sự bận rộn, hồi hả làm công việc đi cho đó, ít ai nghĩ đến việc chúa sinh ra đời, hoặc nhìn kỹ là ai cho, ai nhận và ai vui hay không vui. Bình thường thì khi cho ai cái gì, làm cho ai cái gì thì chính người cho, người làm phải cảm thấy vui trước vì mình đã làm được một điều tốt, điều thiện. Niềm vui nhẹ nhàng đến với mình khi trao món quà cho người thân, nhìn thấy ánh mắt rạng rỡ hân hoan của người nhận tỏ sự cảm kích đã nghĩ đến họ. Đó là niềm vui “được cho”, được đem lại cái vui cho người khác. Nhưng khi việc “cho” vào dịp Giáng sinh đã bị thương mại hoá một cách máy móc thì hành động “cho”_ một thúc đẩy từ tâm_ đã bị chìm xuống, mờ đi và bị choáng ngợp bởi các món quà, các vật thể_phó sản của một xã hội vật chất, dư thừa. Và sự chú ý vào vật thể làm người ta quên đi cái tình cảm đi theo hành động “cho” mà chỉ nghĩ đến món quà đẹp hay xấu, có đáng giá không, có dùng được hay không, hay mình có cần hay không. Và ngày hôm sau lễ Giáng sinh, khi mọi sự trở lại bình thường cho một đời sống bận rộn vội vã thì người ta cũng quên hết cái tình cảm gắn bó với món quà mà người cho cũng như người nhận đã trao cho nhau.

Từ chỗ cho nhau quà là những cái cụ thể có thể nhìn thấy, tôi tự hỏi “cái cho không nhìn thấy” như tình cảm, tình thương yêu của con người đối với nhau được cảm nhận ra sao?

Người mẹ nhìn con bằng ánh mắt thương yêu, bàn tay mềm vuốt ve mái tóc và tay kia ấn núm vú vào miệng đứa trẻ là một hình ảnh “cho” vừa đủ cả tinh thần lẫn vật chất. Một người vợ cặm cụi nấu cơm, dọn sẵn chờ chồng con về ăn

cùng, một đứa con đi học về cho mẹ một miếng bánh xin được của bạn, hay một người mẹ tìm thấy sau một trận động đất ở Trung Hoa đã nằm đè lên con để che cho con được sống, hay một người qua đường thấy một mảnh kiếng vỡ đã nhặt lên bỏ vào thùng rác _ tất cả đều không ít thì nhiều đã diễn tả hành động “cho”. Làm một điều gì có ích cho ai, không cần ai biết (nếu cả làng biết thì không kê) là để chính mình cảm thấy vui trước. Thật đúng như cái câu tôi đã đọc được khi đứng xếp hàng để đổi tiền ở một nhà băng, “To do something good for somebody is like to pee in your pants. Nobody knows it but you feel warm inside!”

Kinh điển nhà Phật nói rất nhiều đến “hạnh bố thí”. Cho, cho, và cho. Bất cứ lúc nào, ở đâu, cho ai. Làm ơn, làm phúc mà không nghĩ ai phải biết việc mình làm, cũng không nghĩ đến việc “có đi có lại” hay “hòn đất ném đi hòn chì ném lại”. Một trong 10 điều tâm niệm của Phật có nói “Thi ân như đôi dép bỏ”, làm mà không bao giờ nghĩ cần có sự đền đáp. Trong tinh thần bố thí đó thì người cho phải cảm ơn người nhận bởi vì nhờ có họ mình mới có cái vui của người “được cho”. Thỉnh thoảng chúng ta thấy các thầy tu đứng khát thực ở ngoài đường, chúng ta chẳng là phải cảm ơn các thầy đã cho mình một cơ hội để tạo phúc, để chúng ta thực thi hạnh bố thí đó sao?

Từ chỗ “biết cho” đến chỗ “biết nhận” không xa là mấy nhưng có nhiều người không làm được. Nhiều người tôi biết quả là bố tát, biết cho rất nhiều. Nhưng họ có cá tính mạnh, và rất độc lập và hiếu thắng, không bao giờ muốn nhận của ai, muốn chịu ơn ai hay để cho ai làm gì cho mình. Hình như trong họ có một cái gì bất ổn, chạm đến tự ái hay cái tôi của họ, không cho phép họ lụy ai hay chịu nhận cái gì của người khác. Họ biết cho và vui với cái “cho” của họ nhưng không nghĩ đến việc để cho người khác cũng được cái vui đó, không biết rằng khi mình “biết nhận” là mình cũng làm cho người khác vui. Một người bạn thân của tôi viết thư về chuyện “biết nhận” như thế này:

...Có một lần đọc được một chuyện ngắn của chị bạn viết là hồi Thầy Thiện Ân sắp mất, chị thường hay lại thăm thầy và rất buồn khi thấy bệnh làm thân thể Thầy đau đớn. Chị thường khắc khoải không biết làm gì để thầy vui, để thầy bớt đau. Một hôm chị hỏi “Thầy muốn con làm gì” thì Thầy bảo chị đi mua cho Thầy một cái mũ đội cho ấm đầu. Hôm đó là ngày cuối tuần. Đã 7 giờ tối. Các tiệm lớn đều đóng cửa. Nhưng Thầy muốn chị đi mua ngay. Chị đành chạy ra tiệm Thrifty lúc đó còn mở cửa mua chiếc mũ đem về. Thầy nhận và tỏ vẻ vui. Còn chị thì rất vui vì làm được một việc vừa lòng Thầy. Sau đó ít lâu Thầy qua đời. Và khi chị tới giúp dọn dẹp phòng Thầy ở cũ, chị thấy trong tủ của Thầy có cả tá mũ đủ loại rất đẹp. Chiếc mũ chị mua biếu Thầy hôm đó trông tâm thường nhất. Chị chợt tỉnh ra. Nhìn thì tưởng chị làm CHO Thầy vui. Chị là người làm phúc. Thực ra chính Thầy cho chị cơ hội để chị được vui lẫn chút với Thầy. Để chị được phúc báu. Chính chị là người NHẬN, người được thụ ơn. Từ kinh nghiệm đó chị nhận và biết là trong cuộc đời khi nghĩ tới cùng thì nhiều khi người cho lại chính là người nhận. Người nhận là người cho. Không biết ai là ai. Và ai phải cảm ơn ai. Thôi thì cứ cảm ơn nhau vậy. Và cảm ơn Đời...” (thư của Du Li)

Tôi nhớ mãi câu chuyện trên và khi một người bạn khác của tôi ốm –chị ấy ở một mình không chồng con anh em – mà không chịu để tôi lái xe chở chị đi bác sĩ, lặng lẽ đi một mình. Tôi phải đem câu chuyện thầy Thiện Ân ra kể cho chị nghe và nói với chị là tôi rất buồn, là chị biết cho (chị đã làm cho tôi và cho mọi người rất nhiều) nhưng chưa biết nhận. Đôi khi vì sợ phải chịu ơn, không muốn chịu ơn lâu nên phải vội vã trả ơn, theo tôi, cũng là một hình thức bội bạc vì vội vã để “làm cho nó xong” và quên đi chẳng là bội bạc thì là gì? Hoặc là cứ để sự “không muốn phiền đến ai”ngăn chặn tình thân hay nương tựa đáng lẽ có thể có giữa mọi người.

Thói quen tặng quà ở xứ này lâu dần thành lệ, đi đâu gặp ai cũng gói ghém một chút gì

mình có để cho nhau, một thói quen tôi thích hơn là những quà tặng gói đẹp để để cho nhau trong các dịp lễ lớn. Nó gói ghém một chút tình nho nhỏ nhưng chân thành. Bạn bè ai cho cái gì tôi cũng quý cũng nâng niu. Các con cho cái gì cũng suýt xoa và đem ra dùng để các con nhìn thấy. Nhưng cũng không khỏi hơi buồn lòng thấy các con với cuộc sống dư giả, cái gì cũng có nên nhìn cái gì cũng thờ ơ, không thấy có sự quý hoá. Tôi thấy tôi lụm cụm trong vườn, hái một mớ rau tươi hay một túi hoa quả mình có công trồng và lấy làm kiêu hãnh, cất kỹ để đến chiều đợi các con về chơi là đem ra khoe rau ngon và quả đẹp hiếm, để chỉ thấy đời sống bận rộn ồn ào đã làm các con tôi không chậm lại được, hay lắng nghe hoặc nhìn kỹ thấy những niềm vui nho nhỏ của sự cho và nhận.

Một người bạn già của tôi kể lể: “Tôi nghĩ thật chẳng bao giờ quên được, chị ạ. Vào đầu mùa Xuân vườn nhà tôi không biết bao nhiêu đóa hồng nở rộ, nào Blue Girl, Imperial, Double Delight, Brigitte... Buổi sáng dậy sớm lui cui cất một bó hồng đủ màu để chiều đem đến cho vợ chồng đứa con gái ở cách nhà 30 phút. Đến nhà không gặp, chỉ để lại bó bông. Sáng hôm sau lại có việc phải đi về phía đó qua hướng nhà nó, lại nhìn thấy mấy bông hồng màu coral mới nở hàm tiếu còn long lanh những giọt sương đêm mà hôm qua chưa cất được, tôi bèn cất thêm nữa để cho con. Vừa đem đến cho, cô con gái vừa nhìn thấy đã cau mặt: “Mẹ đã cho rồi thôi.” nhưng cũng bảo anh chồng lấy lọ cắm. Nghe giọng hơi sáng, tôi biết nó đang bận cái gì, hay đang bận mình cái gì, nhưng tôi cũng nói: “Thôi để mẹ cắm cho.” và đang lúc cắm bông vào bình, tôi lại lấy bông hồng màu coral ra đưa cho cô con gái đang đứng gần rửa chén: “Con xem cái màu này đẹp không?” Cô gái gắt, “Sao lại cứ dí vào mặt con vậy?” làm tôi chưng hửng, đứng ngẩn mặt ra và thấy lòng rung rung... Thì ra ở một cái văn hoá dư thừa, cái gì cũng có, chắc chẳng còn gì đáng quý, phải không chị? Hay là phải cái gì gói ghém đẹp đẽ, lịch sự mới có giá trị chẳng?”

Có sự “cho” nào như thế này mà không gói ghém tình cảm và người nhận, nếu lưu ý được rằng mình biết nhận cũng là một cách cho, và trong trường hợp này, để làm cho người mẹ vui, dù là trong nhà đã có nhiều hoa lắm rồi, hay hoa này không phải là thứ hoa cô gái thích.... Tôi chỉ còn biết an ủi người bạn già là đừng đặt nặng vấn đề, chắc tại cái tuổi già của mình nó làm cho mình dễ xúc động, dễ tủi thân đấy thôi.

Trên phương diện ngôn ngữ, chữ CHO trong tiếng Việt được dùng rất nhiều và diễn tả nhiều điều khác hơn là làm điều thiện, hay một dịch vụ, hay gửi gắm tình thương yêu tình cảm. Thử đọc câu này “Cha mẹ mong nuôi *cho* con khôn lớn, *cho* thành người, *cho* tiền *cho* bạc. Con chẳng chịu vâng lời, ăn chơi *cho* lắm vào, bây giờ trong vòng tù tội. *Cho* đáng đời!” thì quý vị có thấy những chữ CHO này có cùng một nghĩa không?

Rồi còn bao nhiêu cái CHO tình cảm, hãy nghe Xuân Diệu viết

*Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất
Anh cho em, kèm với một lá thư,
Em không lấy, và tình anh cũng mất
Tình đã cho không lấy lại bao giờ.*

Trong cuộc tình, cái cho này là thú đau thương, và luôn luôn đòi hỏi phải được nhận chứ không phải “cho để mà cho” như hạnh bố thí của nhà Phật. Vì vậy, nên người nào yêu là người khổ vì “cho tuy nhiều mà chẳng được bao nhiêu” nhất là những mối tình thâm lặng, một chiều.

Đề ra khỏi vòng trầm luân khổ ái, có lẽ chúng ta phải nên đồng hoá Cho và Nhận để không có sự phân biệt, không cả sự phân biệt giữa người và ta, để tất cả những tương quan: cho nhận, được thua, phải trái, mất còn, đầu cuối, huyền thực, trắng đen, sống chết chỉ là những biến số của vô thường trong vòng đời luân lưu chuyển hoá.

THU LÊ
(California)

NEW YORK STATE VÀ PENNSYLVANIA

Nguyễn Thị Xuân Nga

Nhân dịp cháu ngoại Nicholas Quang có tournament về Baseball tại tỉnh Coopertown thuộc New York State nên tôi đã đi nghỉ hè cùng với gia đình con gái tại đây và đồng thời đi Pocono thuộc tiểu bang Pennsylvania.

Chúng tôi khởi hành tại nhà từ Marlton, New Jersey lúc 10 giờ sáng ngày 28-8-2009, qua cầu Delaware rồi đi theo Pennsylvania Turpike; gần 12 giờ thì tới Allentown, vào nghỉ tại "Rest Area" để ăn trưa. Nơi này rất rộng rãi, có nhiều chỗ bán đồ ăn, người người ra vào tấp nập vì sau đó trên quãng đường đi khoảng 60 miles không có trạm nghỉ nào cả. Từ chỗ nghỉ, đi theo đường 476 được một quãng thì vào hầm. Khi ra khỏi hầm thấy ngay cảnh núi xanh ngắt, được bao phủ bởi một màn sương mù mỏng khiến cho cảnh vật trở nên mờ ảo rất đẹp. Hai bên đường toàn là vách đá màu nâu đỏ và rừng cây white birch rậm rạp. Thỉnh thoảng cũng gặp rừng thông. Có chỗ vách núi thật phẳng và nhẵn nhụi. Núi ở đây không cao lắm mà nối tiếp nhau chạy thật dài, ngọn núi phẳng. Thỉnh thoảng gặp chỗ có thung lũng thì thấy nhà trại và cánh đồng toàn là bắp. Hôm nay trời ui nên mới quá trưa mà sương đã tuôn lên dày đặc bao phủ cảnh vật khiến cho chỉ còn nhìn thấy ở phía trước một màu trắng đục.. Sau đó exit ra đường 81 North để đi về phía Binghamton. Lúc này trời quang đãng hơn, trên đường gặp từng vùng hoa dại nở vàng rực, chỉ thỉnh thoảng mới thấy vài cụm hoa trắng, con đường này, đi dọc theo núi và rừng. Thỉnh thoảng gặp vùng thung lũng thấy nhà cửa, họ

trồng toàn bắp; cũng có những cánh đồng cỏ xanh mướt, rất nhiều bò và ngựa được thả, đứng thong dong gặm cỏ. Rồi sau đó mới thấy có nhà cửa, hàng xưởng và các tiệm ăn, trạm gas...Lúc 15 giờ tới địa phận của New York. Lúc 16 giờ chiều tới Coopertown, thành phố được bao bọc bởi đồi núi. Chúng tôi cư ngụ tại khách sạn Holiday Inn Express, ở cách sân chơi Baseball một con đường, quanh đây có Mc Donal, Chinese restaurant, super market... Vào mùa chơi bóng thì các khách sạn gần đó đều tăng giá hơn \$200. một đêm, những người giữ chỗ trẻ cũng chẳng còn, phải ở những khách sạn xa.

Coopertown thành phố nổi tiếng là nơi tổ chức thi Baseball toàn quốc cho các trẻ em từ 12 tuổi trở xuống. các đội Baseball từ các tiểu bang như: California, Chicago, Florida, Long Island, New Jersey, New York... đều đến tham dự. Sân chơi được xây dựng tại Dream Park, một khu vực rộng lớn có núi bao quanh, cảnh vật rất đẹp và thoáng đãng. Ở đây có tới 9 sân chơi do đó 18 teams(đội) có thể chơi cùng một lúc. Họ xây nhiều dãy nhà để các đội viên ăn ở ngay tại đó, đồng thời giặt cả đồng phục cho các đội viên nữa. Trong một tuần lễ mỗi người phải trả \$750.00

Ở Coopertown cũng là nơi để cho những người đưa thuyền dọc theo hồ Otsego Lake vào những cuối tuần của mùa Hè cho tới đầu mùa Thu. Cuộc đua thuyền từ Coopertown đến Bainbridge được tổ chức hàng năm vào ngày Memorial Day đã lôi cuốn hơn 1,600 người đua từ Mỹ và Canada.. Đó là cuộc đua thuyền trong một ngày dài nhất thế giới.

The National Baseball Of Fame And Museum. Đó là một căn nhà có ba tầng lầu rất lớn xây bằng đá, mặt tiền màu xám, quanh mái viền trắng. Những bức thềm dẫn vào nhà toàn lát đá trắng có vân xám. Hai bên tay vịn bằng sắt sơn đen. Khi vừa bước vào là gặp ngay hình tượng làm bằng sáp của một cầu thủ đang đứng ở tư thế hai tay cầm cái "bat" giơ lên như sẵn sàng đỡ trái banh, trông thật linh động. Tầng lầu thứ nhất ở chung quanh tường bằng gỗ oak họ gắn tới mấy trăm cái khung hình bằng đá trắng, lồng ảnh của các người chơi baseball giỏi, những người điều hành... làm bằng đồng để theo thứ tự từng năm một kể từ thế kỷ thứ 19 cho tới ngày nay (2009). Trước kia chỉ có đàn ông chơi Baseball thôi nhưng trong thời Đệ Nhị Thế Chiến vì đàn ông phải đi lính không có người chơi Baseball nên người ta mới thành lập đội chơi nữ. Trên hai tầng lầu kia có rất nhiều tủ kính trong trưng bày quần áo đồng phục của mọi thời, giày, mũ, bat và trophy của những người thắng giải...

Wax Museum. tại đây có tới mấy chục hình nộm làm bằng sáp với kích thước mặt mũi, màu da và dáng điệu giống hệt như những người thật. Ở đây cũng có hình của ông Tổng thống Bush trong bộ quần áo baseball màu trắng sọc xanh lơ Họ tạo ra thật giỏi, mắt cũng long-lanh và bàn tay cũng có những đường gân.

Coopertown là một thành phố nhỏ, ở trung tâm có những tiệm ăn, tiệm bán bánh kẹo, tiệm kem và rất nhiều tiệm bán đồ kỷ niệm, dụng cụ cho baseball và quần áo. Những chiếc áo ngắn tay và những cái áo lạnh đều có in chữ Coopertown Dream Park. Ngoài ra còn có những áo in thêm những chữ như: I hit home run, I Hit Granslam, Mom Home Run... Nicholas đã được 2 home run và một granslam do đó, Hạnh đã mua tặng tôi cái áo ngắn tay đề chữ: "My Grandson hit Granslam in Coopertown NY Sommer 2009."

Coopertown có hồ Otsego lake rất lớn ba phía được vây quanh bởi núi,. Bên sườn núi có nhiều nhà được xây cất lên, ẩn hiện sau những

lùm cây trông rất nên thơ. Bên bờ hồ thuyền bè đậu san sát nhau. Ở đây có thuyền để chở du khách đi chơi trên sông.

Fly Creek Cider Mill & Orchard. Từ khách sạn chỉ lái mấy phút là tới tiệm này. Trong tiệm họ bày la liệt hàng chục loại "dip" khác nhau cùng cracker và pretzone để khách dùng thử. Họ cũng cất những miếng bánh ngọt nhỏ nhỏ để khách nếm. Đặc biệt ở đây có bán loại nước táo do chính họ sản xuất. Khách hàng có thể lên lầu để xem máy ép nước táo, đồng thời được xem phim chỉ cách ép táo. Tiệm này có Play ground cho trẻ con chơi. Phía sau tiệm có một cái hồ nhỏ nhỏ trong đó có cả trăm con vịt đang bơi lội mà đa số là vịt màu nâu. Mấy chục con vịt lông trắng, trên đỉnh đầu có một chùm lông trông như bông hoa rất đẹp có tên là Chested white duck; lại có dăm con ngỗng trắng muốt, hai bên cánh có lông thật dài, xòe ra thật đẹp có tên là Sebastopo greese. Bên hồ có một cái máy bán bắp để du khách mua cho vịt ăn ;Cháu Jessica thích cho vịt ăn lắm. Những con vịt này rất khôn, khi thấy bắp được quăng ra là chúng lên bờ, tranh nhau ăn.

Từ tối thứ Sáu, 28- 09 trời bắt đầu mưa to kéo dài mãi cả ngày thứ Bảy nên buổi Khai mạc dự trù vào tối thứ Bảy, phải hoãn đến sáng Chủ Nhật 29-09. Lúc 10 giờ sáng, tất cả mấy chục đội cùng các nhân viên trong ban tổ chức đều tề tựu, đứng xếp hàng chung quanh sân rộng lớn. Các thân nhân của các đội chơi Baseball lần lượt vào ngồi ở khán đài. Ban tổ chức giăng dây dành riêng một khúc ở giữa khán đài và treo một cái biển đề chữ: Grandparent, thế là ông bà của các đội viên có chỗ ngồi riêng. Các nhân viên của ban tổ chức lại còn mang tặng áo "T Shirt" góc trái in chữ Coopertown Dream Park và chữ Grandma hoặc Grandpa. Ông được áo màu xanh lơ, bà được tặng áo màu hồng nhạt. Bố mẹ cũng được tặng áo: Mom màu hồng đậm, Dad màu xanh đậm. Sau khi ông chủ-tịch chào mừng quan khách rồi giới thiệu các cộng tác viên cùng tất cả các đội thì từ trên không một máy bay trực thăng bay lượn quanh một vòng

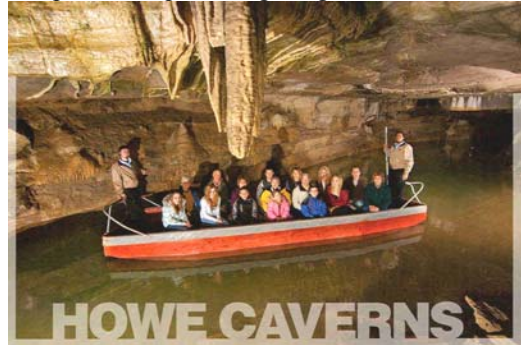
rồi ba người từ máy bay lần lượt nhảy dù ra và đáp ngay giữa sân, một người còn cầm theo lá quốc kỳ. Tiếp theo là một em gái ra hát bài Quốc ca, mấy nhóm hát hợp ca rồi công kên nhau lên và buổi lễ chấm dứt. Từ 13 giờ chiều bắt đầu các "game" cho tới tối. Hôm nào cũng có hai buổi thi cho 18 đội. Đội của Nicholas thắng một "game", Nicholas "hit" 2 home run và một Granslam.

Ngày 03-09 Nicholas đã xong nên chúng tôi đi xem mấy cái hang ở cách Coopertown cỡ một giờ lái xe.

Howe Caverns. Khoảng hơn mười giờ sáng từ khách sạn tới Howe Caverns. Vé đi tour là \$16.20 mỗi người. Hang này rất nhiều người đi nên người ra vào tấp nập. Sau khi ăn trưa xong thì thấy họ gọi tour số 4 sẽ bắt đầu trong 5 phút nữa, thế là chúng tôi vội vàng tới chỗ thang máy để được đưa xuống dưới sâu khỏi mặt đất 156 feet, tới ngay cửa hang. Hang này đã có từ sáu triệu năm. Tại đây một cô hướng dẫn viên đang chờ sẵn. Tour của chúng tôi có khoảng hơn hai chục người gồm 5 gia đình. Đường trong hang được lát gạch thẻ đỏ rộng khoảng một thước và sạch sẽ nên dễ đi.

Trong hang, mỗi khúc lại có một ngọn đèn. Hai bên vách đá có thạch nhũ rủ xuống màu trắng bóng, màu nâu đỏ và màu xanh rêu... làm thành nhiều hình rất đẹp. Dọc đường đi có khe suối, nước chảy róc-rách rất vui tai. Thỉnh thoảng có chỗ đường hẹp và có bậc thang. Có một chỗ vách đá giống như hình mặt người có đủ cả hai mắt, mũi và miệng mở rộng. Lại có chỗ, ở dưới suối có một phiến đá giống hệt như con rùa. Ở cuối hang suối rộng hẳn ra, nước menh men. Tại đây, từng gia đình một được họ chụp hình và bán mỗi tấm ảnh \$8.00. Sau đó du khách được ngồi thuyền để đi trên suối. Khi lên bờ để đi trở về có một khúc cô hướng dẫn viên đưa du khách đi rẽ qua một lối khác tới chỗ hang rất rộng có thể chứa được khoảng năm chục người. Cô ta cho biết đó là chỗ để tổ chức đám cưới. Ở sàn có một phiến đá hình trái tim thấp đèn sáng màu hồng là chỗ cho cô dâu chú

rể đứng khi làm lễ cưới. Trên đường trở về thường gặp nhiều người của các "tour" khác nên khi tới quãng hẹp phải dừng lại để tránh nhau. Vừa đi vừa về mất 80 phút. Khi chúng tôi lên đến nơi thì thấy họ đã gọi đến "tour" số 14. Ở đây họ cũng tổ chức cho đi hai hang động khác nhưng những hang này khó đi nên phải 16 tuổi trở lên mới được đi và phải đội mũ bảo vệ vì còn phải chui qua những hang nhỏ.



Secret Caverns. Hang này ở cách hang Howe không xa. Vé đi xem hang là \$16.00. Ở đây rất vắng khách nên lúc đó chỉ có gia đình tôi và bốn người nữa cùng đi xem hang. Từ mặt đất được hướng dẫn viên dẫn đi xuống những bậc thang nhỏ hẹp chỉ rộng khoảng hơn nửa thước. Đường đi ẩm ướt và tối tăm. Cứ mỗi quãng thì cô hướng dẫn lại bật đèn ở tường lên. Khi mọi người đi qua là cô ta lại tắt đèn đi nên chỉ còn một số đèn mờ mờ từ tường hắt ra. Có chỗ thấy khe suối và một khối đá giống hình con cá sấu. Mỗi khi muốn giới thiệu những hình ảnh đặc biệt cô hướng dẫn phải soi đèn pin lên. Cứ tiếp tục đi xuống mãi rồi bỗng nghe thấy tiếng nước chảy róc-rách và cuối cùng khi nghe thấy tiếng thác rào rào, khi ngược nhìn lên thì thấy một ngọn thác từ trên cao 100 feet đổ xuống trắng xóa thật đẹp. Sau đó mọi người lần từng bước để trở lại, khá mỏi chân và hơi mệt nên khi vừa lên đến nơi là mọi người, ngoại trừ Hạnh, Nicholas và Jessica, đều thở hắt hắt và vội vàng tìm ghế để ngồi nghỉ.

Đến 19 giờ tối ngày 03-09-2009 lễ Bé mạc được bắt đầu. Trong buổi lễ này, mỗi đôi viên

của mấy chục đội đều được gọi tên để chạy tới trình diện khán giả. Có cuộc phỏng vấn hai ông huấn luyện viên của hai đội giỏi nhất, một đội ở California và một đội ở Long Island. Hai đội này sau buổi lễ sẽ đấu với nhau để lãnh giải Championship. Đội ở California đã thắng. Trong buổi lễ, Hạnh hát bài Quốc Ca Hoa-Kỳ.

Steamtown. Ngày 4 tháng 9 chúng tôi rời khách sạn để đi Pennsylvania. Trên đường đi ghé thăm Steamtown thuộc tỉnh Scranton. Tại đây có nhiều đường xe lửa, nhiều xe lửa chạy bằng hơi nước, đốt bằng than. Du khách trả \$3.00 thì được đi xe lửa quanh đó khoảng nửa giờ. trả \$6.00 Dollars thì được vào Railway Museum để xem các loại đầu tàu từ cổ đến tối tân; cũng được leo lên các toa xe lửa chở thư, toa nhà bếp, toa nhà ăn, toa phòng ngủ.. Tại Steamtown, có các đường xe lửa chở hành khách và hàng hóa đi các nơi như: Chicago, Florida, New Jersey, Seattle, New York..

Pocono. Lúc 14 giờ chiều chúng tôi rời Steamtown để đi Pocono. Trên đường đi cũng gặp những dãy núi và cánh đồng bắp. Lúc 17 giờ chiều thì tới Pocono, đi theo con đường rừng khoảng 15 phút để tới Sony Mountain và chúng tôi cư-ngụ tại căn nhà số 155 North Slot II. Phía sau căn nhà là một khu rừng nhỏ nên được thấy gà turky rừng đi thành đàn hơn chục con. Cả tuần lễ ở đây không hề được nghe một tiếng chim hót vì trời bắt đầu lạnh nên chim chóc đã rủ nhau đi cư xuống miền Nam cả rồi

Bushkill Falls. Ngày mùng 5-09-2009 chúng tôi đi xem thác Bushkills Falls. Đây là cái thác cao và lớn nhất của pennsylvania nên còn được gọi là The Niagara Of Pennsylvania. Vé vào cửa là \$9.00 một người. Có hai lối để đi xem thác. Lối theo đường vẽ màu vàng của bản đồ để cho những người không đi bộ được nhiều chỉ đi ở mé dưới, do đó chỉ thấy được thác lúc đã đổ xuống suối chứ không thấy được nguồn thác. Còn nếu đi theo đường vẽ màu đỏ sẽ được ngắm nguồn thác lớn và nhiều thác phụ nữa nhưng phải leo nhiều bậc để lên thật cao và

còn phải băng qua một khu rừng thông khá rộng, toàn là đá lớn lởm chởm, không có lối đi, nên phải lựa chỗ nào để thì bước tới. Chúng tôi đã chọn lối đi này nên mất nhiều thời gian. Vừa đi vừa về kể cả những lúc dừng lại để chụp cảnh mất khoảng hai giờ rưỡi. Theo bản đồ chỉ dẫn, chúng tôi đi qua nhiều quãng đường dài để được thấy ngọn của thác chính là Bushkills đang âm âm độ xuống suối với một số lượng nước rất lớn trắng xóa.. Đi thêm một quãng nữa thì gặp một cái cầu gỗ màu nâu bắc ngang qua suối nước chảy róc-rách.. Đứng ở trên cầu được nhìn đáy của thác đang cuộn cuộn tuôn nước vào suối. Nước chảy ra thì trắng xóa nhưng khi nhìn vào dòng suối lại thấy màu nâu như nước vôi vì có rất nhiều lá cây rụng xuống đáy. Tiếp tục đi nữa lại gặp một cái cầu nhỏ và một cái cầu dài hơn, bắc qua khúc suối rất rộng, nước chảy xiết đổ ra sông Delaware. Từ đây cứ tiếp tục đi bộ và trèo rất nhiều bậc thang đá và gỗ lại gặp những thác nhỏ rất đẹp là: Bridesmaid's Falls rồi Bridalveil Falls. Ở đây có hai cây cầu nữa bắc ngang qua suối. Trên đường trở về phải băng qua ba cái cầu nữa. Đi xem thác này tuy khá mỏi chân nhưng rất thích thú.

Ngày -7-09-2009 đi xem thác Dingmans Falls. Xem thác này không phải trả tiền nên cầu tiêu chỉ là những nhà cầu nổi nên rất bẩn. Tại đây có một phòng trưng bày lông các loài thú dùng để làm áo. Từ chỗ đậu xe phải đi bộ khoảng 1600 bước mới tới thác. Dingmans Falls cao 130 feet.

Raymond Skiell Falls. Lối đi tới thác nhỏ hẹp, toàn là đá dăm hoặc đá to. Thác rộng tới 5,7 thước; từ thác lớn nước ào ào đổ xuống rất mạnh, khi gặp những bực đá lại tạo thành nhiều thác nhỏ trông rất đẹp.

Ngày 08-09-2009, trên đường trở về nhà, xe chạy dọc theo sông Delaware nên được ngắm cảnh êm đềm và nên thơ của sông.

New Jersey ngày 10-10-2000

Nguyễn Thị Xuân Nga

*Thời gian hôm nay là hạnh phúc của ngày mai.
Today's time is tomorrow's happiness.*

TÌM NGUỒN VUI LẠNH TRONG CUA SÓNG CHO NGƯỜI CAO TUỔI HAY LÊ BÓNG

*

Bách Cườ. NTN

Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi có những nguồn vui. Đặc biệt những người sống trong hoàn cảnh của những người cao tuổi hay lê bóng cần phải tự tạo những nguồn vui để tồn tại.

Những nguồn vui có thể là: *Làm Vườn, Chơi Hoa hay Cây Cảnh, Viếng Văn, Làm Thơ, Chơi Nhạc, Làm Từ Thiện, Đi Chùa, Đi Nhà Thờ, Du Lịch, Làm Thiện Nguyện, Tập Dưỡng Sinh, Xin Con Nuôi, Nuôi Giống Vật, và v.v.*

Những nguồn vui trên đòi hỏi người tham gia phải có thiện chí, có tấm lòng, có tinh thần chia sẻ, vị tha, và tích cực.

TÌM NGUỒN VUI

Nguồn vui đến từ *hy sinh, cống hiến*
Và ân cần *chia sẻ nụ cười tươi ...*

Vâng, hãy tìm nguồn vui trong giúp đỡ
Những người già, tàn tật, hoặc trẻ thơ
Phải, hãy biến thì giờ thành sức khỏe
Đi bộ, ngồi Thiền, cho trẻ tâm hồn
Và hãy học khôn nâng cao trí tuệ
Đọc sách, chơi đàn, kinh kệ dò trau

Thời gian là liều thuốc nhiệm màu
Chôn tất cả những mối sầu kim cổ
Chia bàn tay tới người cùng khổ
Tha nhân vui, đời ta cũng nở hoa

*

Sau đây là một mẩu chuyện của một thiếu phụ còn trẻ kể là làm sao nàng đã gượng dậy được sau khi chồng bị bạo bệnh qua đời và nàng đã tìm được nguồn vui nào để tồn tại ...

Làm Sao Tôi Tồn Tại khi Chồng Qua Đời

Tôi đã sống đơn chiếc với hai con còn thơ khi chồng tôi bị bạo bệnh qua đời cách đây khoảng gần mười năm. Tôi cảm thấy vô cùng hụt hẫng vì mọi việc từ trước đó chồng tôi đều lo lắng hết; và lại, lúc đó tôi mới được bảo lãnh qua Mỹ nên còn nhiều bỡ ngỡ kể cả việc lái xe tôi cũng không biết. Chẳng phải tôi ỷ lại nhưng có lẽ tại vì chồng tôi quá yêu tôi và vì đã có sẵn cơ ngơi đáng hoàng, có người giúp việc, nên chàng chỉ muốn tôi chăm sóc con và hun hạp trông nom cửa tiệm sách.

Khi chồng tôi mất, tôi bỡ ngỡ, run sợ như người rớt từ mặt trăng xuống đất. Tệ hại nhất là tôi không biết lái xe. Làm sao tôi giải quyết công chuyện đây? Làm sao tôi đi làm? Làm sao tôi đi học? Làm sao trả biu? ... Từ một cuộc sống như là một “tiểu thư”, tôi rơi vào cuộc sống “chân bước, tay làm” hồi hã, tôi vô cùng chơi với. Nhưng tôi đã gượng đứng dậy được. Tại sao?

Tương cũng cần phải nhắc lại background của tôi một chút. Tôi may mắn sinh vào một gia đình tương đối khá giả; cha mẹ tôi có nếp sống cởi mở, tiến bộ. Thuở nhỏ, tôi được gửi đi học Trường Đạo tuy cha mẹ tôi theo Đạo Phật. *Tôi đã được khai mở tâm linh và hai nền giáo lý*

đó đã là nền tảng cho những suy nghĩ và lối sống của tôi.

Khi chồng mất, tôi đau đớn tưởng như không thể chịu đựng nổi. Lúc đó tôi mới cảm thông cho bao sự mất mát của những người khác: mất người thân và mất quê hương. Mất người thân còn có thể nguôi được vì đó là lẽ của Tạo Hóa; nhưng mất quê hương thì không bao giờ có thể nguôi được vì đó là lẽ của người đời. Khi nghe nhà sư giảng về *Luật Vô Thường & Nhân Quả* giải thích mọi lẽ khổ đau và hạnh phúc của con người, tôi thấy lòng vui đi một phần đau đớn. Lại nhìn thấy những nét buồn trên mặt của những người thân, đặc biệt là nét mặt còn ngây thơ của các con tôi, tôi bỗng nhận thấy mình không thể làm những gì cho mọi người buồn thêm và tôi tự nhủ: *tôi phải gương dạy để nuôi con và để đáp ứng những điều mong muốn của cha mẹ và những người thân quen*. Hơn nữa, *tôi còn có cảm giác như là linh hồn của chồng tôi đã trở về giúp tôi thêm nghị lực để tồn tại*. Nghĩ như thế, tôi không còn giữ im lặng và về ù ê nữa. Tôi bắt đầu lên tiếng nói với mọi người và khấn nguyện với linh hồn của chồng tôi rằng tôi sẽ cố gắng khuất phục mọi trở ngại trong cuộc sống đơn chiếc để nuôi con và xin anh ấy phù hộ cho tôi được sống vui.

Lạ thay, lời khấn nguyện đó đã trở thành như là một lời cam kết khiến tôi càng quyết tâm phải thực hiện và nhờ vậy tôi đã đậu ngay được bằng lái xe, điều mà tôi cho là sẽ khó thực hiện nếu chồng tôi còn sống. Thật là hạnh phúc khi chính tôi hàng ngày lái xe đưa đón các con đi học không cần phải nhờ vả ai nữa. Và cũng lạ thay, trên các đoạn đường lái xe, tôi luôn luôn có cảm giác là có chồng tôi ngồi bên cạnh và chàng đã giúp tôi vài lần trong những lúc tôi gặp trở ngại vì lạc đường lúc trời mưa tối. Và dường như chàng cũng đã nhiều lần trở về thăm các con. Cảm giác này giúp tôi cảm thấy bớt cô đơn trong cuộc sống.

Nguồn Vui Mới để Tồn Tại

Không hiểu làm sao bỗng nhiên tôi lại nảy ra ý thích làm thơ. Tôi hoàn toàn không có

kiểu gì về thơ văn cả. Hồi còn đi học, tôi giỏi môn toán hơn môn văn. Thế rồi nhờ có vài dịp *tiếp xúc với thơ văn* mà hồn thơ bừng nở nơi tôi.

Dấu ấn đầu tiên là khi học trung học, do tính tôi hay nói và thích cãi lý nên được các bạn chọn làm trưởng nhóm thuyết trình về tác phẩm *Trống Mái* của Khải Hưng. Sau cuộc thảo luận, tôi thấy, cùng một đề tài mà có nhiều cái nhìn khác nhau rất thú vị, và từ đó tôi thấy thích văn chương.

Dấu ấn thứ hai là giai đoạn tôi là nhân viên của một công ty phát hành sách nhờ đó tôi được đi đây đi đó nhiều lần và có dịp tiếp xúc với các nhà in, được *nhìn thấy nhiều tranh ảnh và màu sắc tươi mát, và đặc biệt là được ngửi các mùi thơm của đủ loại sách báo*. Mọi thứ ấy đã tạo nơi tâm hồn tôi một cảm giác trân trọng chữ nghĩa lúc nào không hay.

Dấu ấn thứ ba là trong thời gian mở tiệm sách, tôi có dịp *quen biết nhiều nhà văn và nhà thơ* trong đó có vài người cao tuổi giỏi Chữ Nho và Thơ Đường nay đã qua đời. Tôi kính trọng họ và tìm đọc những tác phẩm xem họ viết gì: tôi thấy trước 1975 họ đã có những địa vị cao mà nay sống giản dị và vui đời. Nhờ đọc sách, tôi thấy *tâm trí tôi có sự đổi khác* và tôi thấy thêm làm thơ. Không ít người thân lấy làm lạ khi thấy tôi nay bỗng hí hoáy làm thơ có khi quên cả tiếp khách hàng!

Thực sự tôi đã làm nhiều bài thơ - loại thơ thân - từ trước khi lấy chồng. Nhưng khi chồng qua đời, nỗi buồn mệnh mông đã thúc đẩy tôi cầm bút lên ghi lại những dòng cảm xúc trào lên trong tâm tư thiếu vắng và đầy nhung nhớ những ngày hạnh phúc đã qua. Tôi làm thơ bất kể lúc nào, có khi thức giấc nửa khuya, đang lái xe, hay đọc một mẩu chuyện cảm động. Tôi phải ghi ngay những cảm xúc trên giấy nếu không cảm xúc đó sẽ biến mất và không thể nhớ lại được.

Tôi tìm đọc vài bài thơ cũ thấy trúc trắc và buồn cười quá. Tôi được vài nhà thơ chỉ dẫn cho biết thể nào là vần điệu và cách sắp đặt sao tránh trùng ý và điệp từ. Nhưng thơ tôi làm vẫn

chưa được tron tru bởi vì nếu sửa được vàn thì lại mất ý. Nhưng dù sao thì những gì tôi cảm nhận tôi đã diễn đạt được và thế là đủ cho tôi mãn nguyện cho một ngày có thơ.

Tôi làm thơ không phải để in và bán. Tôi làm thơ cho những trần trở và mắt mắt của riêng tôi và đường như có sự thôi thúc của người chồng quá cố của tôi như là anh đã chọn cho tôi – **Thơ – một người bạn để đi chung trong cuộc đời còn lại của tôi.** Tôi thấy vui vì vững tin rằng từ nay cho đến khi tuổi về chiều tôi đã có một người bạn trung thành cùng hủ hủ để con cháu vui hưởng cuộc đời riêng của chúng nó.

Và, đây là bài thơ tôi làm khi nhà tôi lia đời:

RU ANH (*Haitlan*)

Ngủ đi nhé! Em ru Anh ngủ ...
Giấc ngủ dài không còn phủ lụy phiền
Và mai sáng chẳng cần dậy sớm
Ngủ thật ngoan, đừng mộng mị chi Anh

Ngủ đi nhé! Em ru Anh ngủ đây
Sao êm đềm môi mắt đầy thân yêu!
Vòng tay em mong làm ấm lại
Giấc ngủ kia có giá lạnh thân Anh?

Ngủ đi nhé! Có em ru Anh ngủ
Lệ rơi dài ấp ủ cho ngàn thu
Anh nghe nhé! Lời ru từ biệt
Tiễn Anh vào giấc ngủ an lành

Tháng Ba / 2002

*

TẠ TÌNH (*Haitlan*)

Cám ơn Anh!
Tình yêu và ước hẹn
Giấc mơ đời được chia sẻ cùng nhau
Vòng nhẫn cưới Anh trao em ngày ấy
Lời tạ tình luôn mãi khắc vào tim

Cám ơn Anh!
Niềm tin và ước vọng

Để cùng chung vững bước đến tương lai
Dẫu ngày mai có những nỗi nhọc nhằn
Em vẫn bước bên Anh dù gổi mòi

Cám ơn Anh!
Những ngày thơ mộng ấy
Chờ hoàng hôn trên biển vắng chiều đi
Vàng dương loé khi mặt trời thức dậy
Đẹp làm sao! Biển sáng ánh bình minh.

Cám ơn Anh!
Những lần em giận dỗi
Cả một ngày không nói lấy nửa lời!
Anh xin lỗi! Cho dù Anh không lỗi
Lời thì thầm "Thôi đừng giận nhé em!"

Cám ơn Anh!
Phút giây em yếu đuối
Lau mắt em khi nước mắt tuôn rơi
Tựa vai Anh được một giấc ngủ vùi
Khi tỉnh dậy lại có thêm sức mạnh.

Cám ơn Anh!
Tặng em hai Bé gái
Thật dễ thương và ngoan ngoãn làm sao!
Hạnh phúc ơi! Em vẫn mãi nguyện cầu
Không đánh mất những gì em đang có.

Cám ơn Anh!
Đây là lần sau cuối
Khóc cho Anh và khóc cả cho em
Sao không nói với em lời từ biệt?
Ngủ chi Anh giấc ngủ mãi thiên thu!

Cám ơn Anh!
Phút cuối cùng Anh hỡi!
Tiễn đưa Anh vào thế giới không người!
Trong tuyệt vọng tim em luôn réo gọi
TẠ TÌNH Anh, Em nhớ mãi khôn nguôi.

Tháng 5/2002

Tại Sao Tôi Cho Ra Đời CD “Memories”?

(LTS: Đây là bài diễn văn của Soạn Nhạc Gia Lê Văn Khoa trong ngày ra mắt CD Memories - tháng 12, 2007 tại California. Trong bài này tác giả có đề cập đến nhạc phẩm Ca Ngợi Tự Do, đó cũng là chủ đề cho một buổi hòa nhạc sẽ được tổ chức tại Northern Virginia Community College, Alexandria campus, Alexandria, Virginia vào lúc 6:30 pm ngày 11 tháng 9, 2010. Xin xem thêm chi tiết ở poster đăng ở bìa sau)

Lê Văn Khoa

Mục đích: Phong phú hóa nhạc Việt
Từ ngày còn trẻ tôi tâm niệm sẽ tiếp tay người đi trước để phong phú hóa nhạc Việt bằng thể nhạc khác hơn ca khúc phổ thông. Đó là nhạc đại hợp ca và hòa tấu. Vì loại nhạc này không phải là nhạc phổ thông nên ít được đại chúng chú ý và ủng hộ, do đó việc viết nhạc rất cam khổ và làm việc trong cô đơn.

Nói đến thể nhạc lớn ta thử nhìn qua các quốc gia láng giềng như Trung Hoa chẳng hạn, đã có dàn nhạc giao hưởng cách nay 100 năm - trước Đệ Nhất Thế Chiến. Nhạc sư thế giới có ghi tên nhà viết nhạc Trung Hoa, ghi sự đóng góp bằng nét nhạc độc đáo của họ. Nhiều phim điện ảnh ngày nay do nhạc sĩ Trung Hoa viết nhạc.

Nhật Bản có nhiều người viết nhạc giao hưởng được các dàn nhạc danh tiếng thế giới trình diễn và thu thanh.

Việt Nam thì sao?

Đến nay mới có vài tên tuổi xuất hiện và có lẽ phải còn rất lâu mới được thế giới công

nhận. Những người này lấy gì để sống, để tiếp tục sáng tác? Không được nhà nước đãi ngộ như Phần Lan, Na Uy và không được đại chúng hỗ trợ, một số phải quay qua viết ca khúc phổ thông để nổi tiếng và có tiền sau đó. Những người không muốn viết ca khúc phổ thông đành im lặng và chìm vào quên lãng.

Cá nhân tôi cố gắng trong âm thầm đeo đuổi ý tưởng của mình từ hơn 50 năm qua.

Tại sao tôi viết nhạc như tôi viết?

1. Nói lên tiếng lòng bằng âm thanh.

Chopin đã từng nói với cha mình: “Thưa cha, nếu cha cho phép con nói với cha bằng âm nhạc, con sẽ nói rõ tình yêu của con với cha hơn là ngôn từ.”

Nhiều khi âm nhạc nói lên được những tha thiết, những rung động sâu xa mà lời nói khó diễn tả được. Từ thế kỷ thứ 19, người viết nhạc đi sâu vào tâm thức và diễn tả sự vô hình, kỳ bí bằng âm nhạc.

Cũng từ thời điểm đó người viết nhạc muốn người nghe nhận ra nguồn gốc của tiếng nhạc mà họ đón nhận, nên họ cho âm thanh hoặc truyện tích của dân tộc họ vào bài nhạc, do đó tinh thần quốc gia trong âm nhạc bùng nổ khắp nơi. Trường phái Nationalism thành hình. Chopin, Liszt, Brahm, Moussorky,



Tchaikowsky, Sibelius, Grieg, Batók v.v... đưa nét nhạc dân tộc trải rộng khắp nơi. Điều quan trọng là mình nói mà người khác hiểu được, thông cảm được. Họ nói bằng tiếng nhạc không lời. Tôi viết nhạc không lời chẳng qua là theo gót người đi trước từ nhiều thế kỷ. Trong môi trường Việt Nam thì điều này hẳn còn xa lạ nên việc phổ biến rất khó khăn.

Nhiều người hỏi tôi: “Biết viết nhạc loại đó không sống được, tại sao ông cứ tiếp tục làm?”

Dường như Thượng Đế cho mỗi người sống trên đời để thực hiện một sứ mạng. Nhưng mình có hiểu sứ mạng đó hay không, và có làm đúng hay không. Tôi không biết. Tôi chỉ biết tôi viết loại nhạc này để:

2. Đưa tinh thần dân tộc qua nhạc Việt vào dòng nhạc thế giới bằng nhạc ngữ Tây phương.

Người trên thế giới cần hiểu nhau và phương tiện giúp người thông cảm nhau là ngôn ngữ. Âm nhạc là một thế giới ngữ. Để hiểu nhau người ta phải dùng ngôn ngữ chung. Do đó tôi dùng ngôn ngữ của loại nhạc không lời để giao lưu với giới nhạc không lời mà không bị ngôn ngữ loài người làm biên cương khóa kín. Để minh chứng điều này tôi xin trích một phần cuộc đối thoại của Tiến sĩ Dmytro Stepovyk và nhạc trưởng Alla Kulbaba. Dmytro là tiến sĩ Triết, tiến sĩ Thần học và tiến sĩ Nghệ thuật. Nhạc trưởng Alla Kulbaba là một nhạc trưởng chiếm giải thi nhạc trưởng quốc tế, hiện giữ chức vụ nhạc trưởng chính thức của National Opera of Ukraine, nhạc trưởng của Kyiv Symphony Orchestra, đã từng lưu diễn khắp thế giới, đã lưu diễn ở Hoa Kỳ 7 lần. Cuộc đối thoại có đoạn như sau:

Dmytro: Bà có nghĩ những quốc gia xa xôi, cụ thể là các quốc gia Á Rập với nét nhạc riêng biệt của họ, Trung Hoa với những tuồng hát, và các nguồn văn hóa khác như Việt Nam, Lào, Cam Bốt, Nhật Bản vân vân, có viễn ảnh nào cho thấy thế giới sẽ kết hợp trong khi các nền văn minh đang tiếp xúc nhau như hiện nay? Có thời điểm nào đó

trong âm nhạc, người ta có thể tạo ra sự cộng sinh để thánh giả Âu và Á có thể hiểu được cùng lúc chăng? Hay (nhạc) đó chỉ là sự chấp nối vá víu mà không đưa ra một sự xây dựng tích cực nào...?

Alla: Thưa ông, tôi nghĩ đây là thời điểm rõ rệt nhất khi các nền văn hóa truyền đạt với nhau và nó sẽ ghi đậm nhận thức của ta về các quốc gia mà ông vừa đề cập đến - những quốc gia Á Châu. Chúng ta có thể học được văn hóa của họ qua phương pháp tạo âm nhạc của Âu Châu. Tuy nhiên nếu chỉ có giai điệu quốc gia thôi sẽ không dễ hiểu cho người thuộc các quốc gia Âu Châu, nhưng nếu đó là một sự kết hợp thể loại, nhạc đề, hòa âm, dân nhạc và dân ca, sẽ làm cho chúng ta gần nhau hơn. Tôi tin rằng sự nhận thức và văn hóa sẽ kết hợp nhau sau đó.”

Nhạc trưởng Andrew Wailes của The Royal Melbourne Philharmonic Orchestra ở Úc cũng có nhận xét tương tự, sẽ được đề cập đến ở phần sau.

3. Với người đồng hương, tôi muốn chứng minh dân nhạc Việt có thể hòa vào giới nhạc bác học Tây phương và người Tây phương tiếp nhận dễ dàng, nếu ta làm đúng.

Tôi xin trích thêm lời của nhạc trưởng Alla Kulbaba vì bà - cho đến nay - là người chơi nhạc của tôi nhiều hơn bất cứ nhạc trưởng nào. Bà phát biểu trước mặt mọi người trong bữa tiệc chia tay sau loạt thu thanh với Kyiv Symphony Orchestra and Chorus: “Nhạc của ông Lê Văn Khoa là mật ngọt rót vào tâm hồn nhạc sĩ Ukraine.” Rõ ràng giới nhạc giao hưởng từ nôi âm nhạc cổ điển Tây Phương hiểu được nhạc Việt dễ dàng. Chẳng những hiểu mà họ rất thích thú với nét nhạc xa lạ từ một phương trời khác biệt.

Orange County Register số ra ngày 5 tháng Sáu năm 1995, trong mục News and Reviews chạy hàng chữ tựa lớn và dài “East, West Techniques Blend Skillfully in “75”. Ca ngợi Symphony “Việt Nam 1975” của Lê Văn Khoa, trong đó có đề cập đến việc dùng dân

nhạc Việt Nam như sau:”Dù tác phẩm của Lê Văn Khoa không được trình diễn toàn vẹn, ba trích đoạn đã cho thấy tầm mức rộng lớn và xúc cảm sâu đậm của ông. Ông hòa hợp dân ca Việt Nam với kỹ thuật giao hưởng Tây phương thật diệu nghệ để vẽ lên sự thanh tịnh bị phá vỡ. Chất liệu căn bản là nhạc ngũ cung, giai điệu rộng, những câu nhạc viết cho violin uốn lượn sắc xảo, tiết nhịp sôi động. . . Giản nhạc dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng Edward Cumming đã trình diễn thật nồng ấm và đầy xúc cảm”

Nhạc trưởng Andrew Wailes của The Royal Melbourne Philharmonic Orchestra ở Úc có lời nhận xét trong chương trình phát thanh bằng tiếng Anh của Đài phát thanh quốc gia Hoàng gia Úc sau buổi trình diễn tác phẩm Symphony “Việt Nam 1975” của tôi, một tác phẩm trích dùng nhiều dân ca và viết theo âm hưởng dân nhạc Việt, như sau: “Đây là một tác phẩm rất hay. Như những tác phẩm giao hưởng lớn, nó kể một câu chuyện thật đẹp. Đây là nhạc về con người thật, về một quốc gia thật và thời điểm thật. Bắt đầu từ những bài dân nhạc diễn tả một quốc gia thanh bình, hào hùng, rồi bị cộng sản xâm chiếm. Nhạc chuyển hẳn sang âm thanh rất mới diễn tả sự bất an, đầy bối rối. Người ta chia tay nhau ra đi đến đất nước mới để tìm tự do. Trong hành âm cuối “Ca Ngợi Tự Do”, nhạc dần ra một bài ca thật hay. Nhạc thật lộng lẫy, đồ sộ. Thật vĩ đại...”

Nhạc rất hay, rất sắc xảo, tinh vi, có những đoạn thật mong manh, chúng tôi phải hết sức cẩn thận để không đàn quá mức vì sợ phá vỡ không khí êm ả của nhạc.

Âm nhạc là một ngôn ngữ quốc tế. Là một nhạc sĩ, tôi đã đi qua Đức, Âu châu, Á châu và tôi chỉ dùng ngôn ngữ của âm nhạc, cho nên tôi nghĩ rất cần thiết để đưa Đông qua Tây và Tây qua Đông bằng âm nhạc, để chia sẻ tâm tình giữa các giống người trên địa cầu. Đó là những lời chứng minh người Tây

Giao Mùa

Nằm nghe tiếng đất trở mình
Và nghe gió lộng trong thính không này
Nghe trong leo lách cành cây
Có con chim lạ về đây mở mùa
Hàng trăm cánh蝶 tranh đua
Gọi đêm trở dậy dựng mùa hợp hoan
Tầng cao mây trắng hợp đoàn
Êm trôi lững thững gió ngàn viễn du
Tinh quê xa tít mịt mù
Xuân sang hờ hững nắng thu nhạt nhòa!

Yên Vi / Minnesota 2010

phương hiểu được nhạc Việt dễ dàng. Tôi đi xa hơn, trong một CD sắp phát hành, quý vị sẽ nghe dân ca Việt Nam được trình diễn bằng đàn bandura, một nhạc cụ cổ truyền Ukraine, được hỗ trợ bằng thêm nhạc giao hưởng Tây Phương. Một sự kết hợp lạ lùng chưa từng có trong lịch sử âm nhạc thế giới. Nếu việc làm này được tiếp tục đều đặn thì trong tương lai mọi người yêu nhạc trên thế giới đều có thể đàn nhạc Việt dù họ sử dụng nhạc cụ mới hay nhạc cụ cổ truyền của dân tộc họ.

MEMORIES là gì?

Ai cũng biết Memory là kỷ niệm và Memories là nhiều kỷ niệm. Con người thường sống trong kỷ niệm và cả sống cho kỷ niệm. Những kỷ niệm vui, buồn đều được ghi nhớ dưới nhiều hình thức. Tôi cũng như mọi người, có nhiều kỷ niệm trong đời. Tôi ghi lại dưới nhiều hình thức khác nhau mà âm nhạc là một. Tôi muốn chia sẻ kỷ niệm của mình. Tôi thỉnh mời quý vị cùng góp kỷ niệm với tôi qua âm nhạc. Trong nhạc, tôi gợi ý, quý vị

tô vẽ thêm cho phù hợp với kỷ niệm của riêng mình. Vì vậy tôi viết nhạc không lời để quý vị trao gửi trọn vẹn nỗi nhớ của mình theo âm thanh mà không bị lời ca làm sai lệch ý nghĩ của mình. Vì không lời cho nên người Việt, Mỹ, Pháp, Trung Hoa, Đại Hàn hay bất cứ một người dân nước nào dùng cùng ngôn ngữ âm nhạc này đều có thể cảm thông được. Sự cảm thông với âm thanh dễ hơn với nốt nhạc bất động vì nhờ có người diễn dịch thay mình. Người đó là nhạc sĩ trình diễn.

Tôi xin trích lời của giáo sư vĩ cầm Svyatoslava Semchuck của Nhạc viện Quốc Gia Tchaikowsky ở thủ đô Kyiv, Ukraine, người đã trình tấu hai nhạc phẩm violin trong CD Memories, bài Nocturne và Romance cho violin và đàn nhạc. Cô nói: “Nhạc của Lê Văn Khoa có xúc cảm cao độ và đúng là nhạc lãng mạn... Một nhạc sĩ - một nhạc sĩ đích thực - có thể cảm được trong tâm hồn mình tình yêu mà nhà soạn nhạc trang trải trên trang giấy.” Cô Svyatoslava đã cảm được trong tâm hồn cô tình yêu mà Lê Văn Khoa trang trải trên trang giấy nên cô đã diễn tả xuất thần hai nhạc phẩm Nocturne và Romance trong CD Memories này.

Về hai tác phẩm vừa đề cập đến, ông William Benner, cựu nhạc sĩ độc tấu violin của NBC Symphony Orchestra ở San Francisco, đã phát biểu: “Cả hai nhạc phẩm đều đạt mức tột đỉnh của sự xúc cảm trong lòng người.”

Những lời nhận xét trên cho thấy rõ người không phải Việt Nam thông cảm được dễ dàng nỗi lòng của một người Việt qua bài nhạc không lời.

Hai tác phẩm này đều có trong CD Memories. Nhưng CD Memories không phải chỉ có hai bài nhạc. Chỉ riêng bài cuối, bài số 10 có tên là Memory, mỗi người nghe đều có một nhận xét riêng.

Một ông chỉ nghe bài Memory đã thốt lên: “Bài này đã đem cả khung trời Sài Gòn

về với tôi.” Bài nhạc này kéo trí nhớ của ông về dĩ vãng.

Như nhà văn Phạm Xuân Đài phát biểu lúc này: “Ôn lại kỷ niệm cũng có nghĩa là phóng vào tương lai.” Một nữ thính giả, tôi xin tạm giấu tên, viết: “Tôi nghe đi nghe lại bài Memory và nghiệm ra được rằng: một mai khi tôi lìa xa cõi tạm này, tôi xin được chọn bài Memory để tiễn đưa thân xác trở về với tro bụi. Bài Memory là hành trang tôi sẽ đem theo khi về cõi vĩnh hằng!” Cô chuẩn bị tương lai khi nghe bài số 10 trong CD, bài Memory .

CD Memories khơi lại kỷ niệm không phải cho người lớn thôi mà cho cả trẻ em nữa. Hai bé Nghi và Thụy mỗi lần lên xe hơi là yêu cầu bố hay mẹ mở bài Lý Ngựa Ô trong CD Memories và chỉ nghe một bài đó thôi, nghe qua nghe lại mãi, không cho ai đổi qua bài khác. Hai em nói hai em thích vì bài đó hay. Nhưng mẹ hai em cho biết lý do hai em thích Lý Ngựa Ô rất đơn giản: “Hồi nhỏ ba em dùng bài dân ca đó làm bài ca ru cho hai em ngủ.” Như vậy kỷ niệm đã trở lại đầy áp tâm hồn trẻ thơ và tình yêu cha mẹ cũng theo đó mà gắn bó với hai em hơn. (Thật đáng phục người cha đã gieo dân nhạc vào giấc mộng trẻ thơ rất sớm. Nó sẽ ở lại với các em mãi mãi.)

Người lớn chắc chắn có nhiều kỷ niệm hấp dẫn và cay đắng hơn. Dù là kỷ niệm vui hay buồn, mỗi lần nhắc lại không khỏi gây cho ta bồi hồi xúc động. Nó cho ta một chút ngậm ngùi, một vị đắng đắng lên trên vành môi, và đôi giọt lệ âm thầm lăn vòng khóe mắt.

Kỷ niệm là vô giá. Chúng sẽ theo ta cho đến cuối đời.

Giờ đây tôi xin mời quý vị gọi kỷ niệm về với ta qua tiếng nhạc của CD MEMORIES này và hãy để âm nhạc ve vuốt tâm hồn ta.

Lê Văn Khoa

(California tháng 12, 2007)



Chim Biển: Ảnh MINH CHÂU



PHÒNG MẠCH
BÁC SĨ VÕ ĐẠM
591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI

Bạn thương mến, xin đừng chờ đợi,
Ngày tôi về Hà Nội còn lâu,
Dù bao năm đã xa nhau,
Vẫn chưa phai nhạt được màu áo lam.

Ôi đất nước còn cam go lắm,
Chưa an hòa nên vẫn lẫn khân,
Nửa vòng trái đất giữ chân,
Để người phương ấy tần ngần ngóng trông.

Tâm thư viết trăm dòng trao đổi,
Kỷ niệm xưa nhắn gửi thân thương,
Thanh Quan kháng khí cùng trường,
Trưng Vương rong ruổi con đường Cổ Ngư.

Hồn trong trắng vô tư thuở đó,
Cạnh Hàng Than trên Phố Hòe Nhại,
Có chàng tuấn tú điển trai,
Lén nhìn cô bé mắt nai đi về.

Hoàng lan rủ xum xuê đầu dốc,
Còn nhạt hoa cài tóc cho thơm,
Ô mai cam thảo cay không,
Đồng Xuân vẫn lắm nhãn lồng Hưng Yên?

Thu cốm Vòng trinh nguyên hương ngát,
Sen Hồ Tây ngào ngạt nhụy hoa,
Duyên thâm cô gái Ngọc Hà,
Hàm răng đen lánh hạt na dịu dàng?

Đông còn đủ áo choàng len ấm,
Và Tháp Rùa lạnh lấm hay không,
Nhịp Cầu Thê Húc cong cong,
Khăn quàng voan lụa bay trong thuở nào?

Xuân còn thắm hoa đào Phúc Xá,
Tiểu thư khoe đôi má hồng hồng,
Quất vàng vẫn để chín cây,
Chợ Hôm giỏ Tết có đầy rau tươi?

Hồ Hoàn Kiếm phượng rơi ngày ấy,
Có bao giờ lại thấy cổ nhân,
Bể dâu thời thế xoay vần,
Lệ hoa đã nhỏ bao lần chia tay?

Phượng vẫn nở Hồ Tây, Yên Phụ,
Dù Núi Nùng, Bách Thú phong sương,
Sông Hồng lắm thuở đoạn trường,
Người đi còn nhớ một phương tơ bời.

Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội,
Mùa hè về đỏ ối Hồ Gươm,
Để lòng lắm nhớ nhiều thương,
Hình xưa, bóng cũ còn vương bên hồ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

PHỐ PHƯỜNG XƯA HÀ NỘI

Nguyễn Thị Ngọc Dung

LTS: Để tưởng nhớ Hà Nội, hậu thân 1000 năm Thăng Long Thành (1010), Tam Cá Nguyệt San trích dẫn một số đoạn trong hồi ký tiểu thuyết *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội* của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tác phẩm này được in lần thứ nhất vào năm 1995, tái bản lần thứ I năm 1998, tái bản lần thứ hai 2005. (Tiếp theo Cỏ Thơm 50)

Từ Hàng Ngang đi thẳng sang Hàng Đường ngọt lự bánh mít. Đây là một trong những con đường tương bằng, nhộn nhịp nhất của Hà Nội ba mươi sáu phố phường những ngày trước Tết Trung Thu, trước Tết Nguyên Đán. Những hộp kẹo, bánh mít in phong cảnh, hoa lá, hình người, hình vật bọc giấy bóng xanh, đỏ, vàng, hồng rực rỡ. Ôi thôi người ta đi mua sắm đông như cối, như nôm!

Những năm còn bé được theo mẹ đi chợ Tết, sợ bị lạc, tôi thường nắm vạt áo bà. Tuy nhiên mãi nghênh ngó nhiều thứ lạ lùng, tôi bị lạc hoài. Nhưng có lẽ *thông minh vốn sẵn tính trời*, khi nhìn quanh quần không thấy mẹ, trong lòng tuy lo sợ lắm, tôi vẫn làm bộ thản nhiên. Nếu tỏ ra hoảng hốt, mẹ mình biết được, bỏ bùa mê sẽ bắt đi mất! Tôi đứng yên ở một chỗ thưa người để dễ được trông thấy và quay nhìn bốn phía tìm mẹ. Tôi biết thế nào bà cũng đi trở lại, quả nhiên vậy. Không lần nào mẹ phải kiếm tôi lâu.

Sau Hàng Đường, tới Hàng Mã chạy ngang bên trái, Hàng Chiếu bên phải. Nếu

người ta loạn sắc với những đồ cúng lễ bằng giấy đủ màu lòe loẹt, mỏng manh, dễ bẹp, dễ cháy trên Hàng Mã, thì cũng hoa mắt trên Hàng Chiếu. Hàng ngàn mảnh chiếu dệt bằng cối, in chữ hỉ, vạn, phúc, lộc, thọ, những hình con công, con phượng, hoa lá cành đỏ thắm, xanh rêu, vàng rờ. Mua chiếu để nằm cho sạch, mẹ chỉ chọn màu trắng, mồ hôi không làm phai màu ra quần áo. Nhưng ngày Tết phải có chiếu hoa mới để trải sập gụ cho khách ngồi. Mẹ đi chọn mua chiếu rất kỹ. Chiếu phải dày cối, xít mau, hình in gọn, không nhòe nhoẹt. Mảnh chiếu quý, màu đỏ tươi đẹp làm tăng thêm phần hoan hỉ, Khang trang ngày Tết. Chiếu mua về, mẹ may viền bằng gấm đỏ cùng loại với nệm của bộ ghế gụ phòng khách.

Để đỡ mất công và thời giờ chọn lựa, mẹ thường đến cửa hàng Cô Nhâm trước. Cô là em ruột mẹ. Nếu Cô Nhâm không có thứ chiếu như ý, mẹ mới đi hàng khác. Cửa hàng chiếu và cũng là nhà ở của Cô Nhâm, đối diện với Ô Quan Chưởng, mang chức tước của vị Chưởng Cơ đã cùng quân lính tử chiến chống Pháp giữ thành. Ô Quan Chưởng là một trong những di tích của năm Cửa Ô Thăng Long ngày xưa còn sừng sững trở gan cùng tuế nguyệt.

Đôi khi rủng rỉnh vài đồng trong túi, tôi rủ Ngọc Diệp, Thu Hòa đi tàu điện để được dịp ngắm người, ngắm cảnh và nhàn đôi



Ô Quan Chưởng

chân. Xe điện từ Bờ Hồ tới ngừng lại chợ Đồng Xuân lúc nào cũng đông đúc, ồn ào. Khi mùa mận chín chúng tôi hay ghé vào chợ mua mỗi đứa một quả mận thật to, sậm đỏ, tím ngắt, tím ngợt. Trên đường về nhà, ba đứa lấy khăn tay xoa chùi mận cho thật bóng, hít hà mận thơm vài ngày rồi mới ngậm mút từng miếng mận ngọt đã nhũn mềm. Mấy cô bạn khác lại thích xoa nhót đỏ vào áo dạ, áo len, ăn nhót chua chấm muối ớt. Vâng, con gái học trò có những thú ăn lạ lùng lắm. Nếu bây giờ được về Hà Nội gặp nhau mấy bà bạn cũ sẽ lại rủ nhau đi ăn những thứ tẩm mẩn này.

Qua Hàng Khoai, một trong mấy cái chợ trời tấp nập xung quanh khu Đồng Xuân, tới Hàng Giấy nổi tiếng với tiệm giò chả Việt Hương, họ hàng của gia đình Ngọc Diệp. Đôi khi cô bạn rủ tôi vào tiệm mua giò chả còn nóng hổi. Bên kia đường là hiệu chụp hình Vinh Quang. Mẹ còn giữ được một tấm ảnh cả gia đình chụp chung tại hiệu này. Trong hình, bố trông còn phong độ lắm. Mẹ hồi đó mới ngoài bốn mươi, ôm em Khoa vừa được một tuổi. Cậu út mặc quần thụng đít, ngồi phoir cả “chim” ra. Chị Tâm chải tóc

búp ăng-lê. Chị Phương, tóc dợn sóng. Khái mặc áo blouson dạ nâu, đứng cạnh bố. Em Vân, tóc ngắn che tai, được các chị cuộn búp trên đầu. Em Hà, tóc bê-bê Nhật. Hồi đó tôi đang học lớp nhì Trường Thanh Quan, tóc chải thẳng sang bên, kẹp lại đằng sau. Bức hình đối với tôi như một bảo vật, quý giá hơn tất cả vàng bạc nữ trang tôi có thể mua được.

Hết Hàng Giấy, trở lại Hàng Than hai chiều. Đường tàu điện từ Kim Liên sang, đi theo phố này lên Đê Yên Phụ tới trạm cuối cùng, đầu dốc Cổ Ngư. Thỉnh thoảng bố mẹ đưa các em Vân, Hà, Khoa lên tàu điện ngừng bên tòa báo Thời Sự để làm một chuyến khứ hồi Yên Phụ-Kim Liên và Kim Liên-Yên Phụ, thanh thơi, nhàn hạ. Các em hồn hởi, tíu tít như ngày xưa mỗi lần tôi được đi từ Hà Nội về thăm bà ngoại ở Hà Đông.

Từ nhà Phạm Bá Quát ngã năm Hàng Than, rẽ phải vào Phố Hòe Nhai, đôi khi tôi chạm mắt cậu học trò Nguyễn Văn Đĩnh lúng túng đứng ngoài ngõ. Chàng trai hàng xóm tuấn tú đó chính là người hùng miền Nam sau này, Đại Tá Nhảy Dù, Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn 1 với những chiến trận kinh hoàng của năm 1972 và được nhà văn Phan Nhật Nam nhắc nhở trong tác phẩm *Mùa Hè Đỏ Lửa* và *Dựa Lưng Nồi Chết*.

Phố Hồng Phúc, bên cạnh Phố Hòe Nhai, còn có gia đình Bác Xước, người bạn đồng môn, đồng nghiệp của bố tôi. Một người hùng miền Nam nữa, Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Thế Nhã đã từng cư ngụ trên con phố đó.

Nhà tôi ở chân dốc dưới Đê Yên Phụ, bên con Sông Hồng. Có năm nước sông lên cao lắm. Mọi người xôn xao lo sợ lụt. Đứng

trên đê có thể nhìn thấy nước sông đỏ ngầu, cuộn cuộn chảy và cao mấp mé mặt đê đã được xây đắp không ngừng từ đời Nhà Lý qua các đời kế tiếp để ngăn chặn nạn lụt. Nhà Văn Nhất Linh và Nhà Văn Khái Hưng đã tả cảnh lụt thê thảm của Sông Hồng trong truyện *Anh Phái Sống*. Nhưng may mắn, tôi không thấy lụt lội bao giờ.



Nhìn Cầu Long Biên, tôi mong ước có những dịp du ngoạn trại hè Đồ Sơn, Vịnh Hạ Long... như chị Tâm, chị Phương để được đi trên những nhịp cầu sắt lừng chùng trời cao bắc ngang sông. Những dịp ấy đã không đến với tôi suốt mười mấy năm lớn lên ở Hà Nội.

Có những buổi sáng mặt trời đỏ rực, to bằng cái mâm son, như mọc từ dưới sông và nhô lên khỏi mặt con đê chạy dài từ bắc xuống phía nam thành phố. Qua Hà Nội, Sông Hồng tiếp tục chảy xuống Hưng Yên nổi tiếng nhãn lồng, qua Nam Định, quê Nhà Thơ Nguyễn Bính, cuối cùng đi vào biển cả Vịnh Bắc Việt...

Gia đình tôi đông đúc mười mấy người, bà nội, bố, mẹ, vợ chồng anh Khánh, hai cô em họ Thịnh, Vương và bảy chị em, năm gái, hai trai nhỏ. Tất cả vẫn cư ngụ trên hai

căn gác khiêm nhường. Bố vẫn là công chức Sở Tài Chánh từ trước khi cưới mẹ. Chuông Chùa Hòe Nhai đánh thức ông dậy đi bách bộ với cây ba-toong cố hữu mỗi buổi sáng trước khi đi làm. Tiếng chuông thu không kêu gọi chúng tôi về nhà học nếu còn lang thang nhà ai ngoài phố. Âm vang chuông Chùa Hòe Nhai còn như văng vẳng trong tiềm thức.

Từ ngày bị áp suất huyết cao, bố không chơi Tennis, không cử tạ nặng nữa. Ông chăm chỉ đi bộ, làm những cử động thể dục và thường nói rằng: “Tập thể dục buổi sáng hít thở không khí trong lành, máu huyết lưu thông, trí tuệ minh mẫn, học hành giỏi dang.” Như một cây non dễ uốn nắn, tôi bắt chước bố và nhà trường tập thể dục từ thuở mới lớn và giữ thói quen đó mãi tới nay. Có lẽ vì thế tôi không bị “bệnh phì nộn” tuy rằng vẫn ăn uống “thùng bát chi thành,” no nê hơn cả người mập.

Tuy nhà thuê đơn sơ, bố lại mua rất nhiều đồ đạc đẹp quý chúng tôi đã bị mất trong thời gian tản cư, bỏ trống Biệt Thự Văn Khôi, Làng Mọc Thượng Đình. Cái bàn ăn tràng kỷ kê trước tủ chè gỗ gụ trạm trổ cầu kỳ đã để lại một vết tích trên sống mũi em Hà. Ngày nay vết sẹo đã mờ, nhiều lần Hà muốn đi sửa mũi, nhưng không có can đảm như các bà, các cô thích sửa sang sắc đẹp, dù mũi có tệ xấu gì đâu. Mũi thanh nhưng tâm hồn có trong? Miệng xinh nhưng lời có đẹp? Trong cuộc đời, tìm những người đẹp mặt, đẹp mũi thì dễ, chọn được những người đẹp tâm hồn, đẹp tấm lòng, ôi thôi sao khó quá!

Một sập gụ mặt đá rộng thênh thang, kê trước một tủ chè khám xa cừ khác của bố

đựng sách quý, bát đĩa cổ, giấy tờ quan trọng của gia đình. Mùa hè tôi thích ngủ trên sập với hai em Vân, Hà cho mát. Mùa đông tôi thích chui rúc một giường ba cánh phản gỗ lim đen bóng, với chị Tâm, chị Phương và hai cô em họ. Dưới chiếu cói, trên chăn bông trần mẹ may dày dặn, giữ hơi người ấm nóng như lò sưởi cho năm chị em. Trước khi chìm đắm vào đêm mộng, các cô dạy nhau đủ các bài hát chiến khu, kháng chiến, tiền chiến. Mấy cô gái dậy thì hú hí nhiều chuyện bằng tiếng lóng liến thoắng hơn cả tiếng Tây đen bán vải Hàng Đường, tôi không thể hiểu và cũng không bao giờ học được. Thí dụ như, “Ung da ó na ông kha iểu ha ại ta ình ma ói na ì gia âu đa.” (Dung nó không hiểu tại mình nói gì đâu).

Tôi không nhớ có ai đập ai xuống đất không, nhưng vẫn còn nhớ những đêm đông lạnh cóng bên ngoài, chị em chong đèn điện vào giường, trùm chăn lên đầu, thay phiên nhau đọc *Số Đỏ*, *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng, tiểu thuyết gia quá cố khi tuổi chưa tới ba mươi, khi tôi vừa sinh ra đời. Tuy nhiên, mấy cô gái lớn chê tôi trẻ con không biết gì, không cho tôi đọc. Tôi chỉ được nghe ké. Thỉnh thoảng các cô rúc rích cười như chuột chí đùa giỡn trong đêm. Mỗi khi nghe tiếng động khả nghi, chúng tôi “xuyt” nhau tắt ngúm đèn, nằm im thín thít. Nếu ông bố biết mấy đứa đọc lén thứ tiểu thuyết “dâm” này, cuốn sách sẽ được làm vật hy sinh cho ông vua bếp ngay! Tha hồ nhin ăn quà, trả tiền đền hiệu sách cho thuê truyện.

Nói về mùa đông rét mướt của Hà Nội, không gì buồn hơn tiếng đàn, tiếng hát dạo qua nhà trong đêm giá lạnh. Chúng tôi

không khỏi bùi ngùi, tội nghiệp cho người ca sĩ cô đơn và nghèo ấy. Một buổi tối anh chị em con chú, con bác hội họp đông đủ dưới nhà chú thím Hai. Các bậc cha mẹ không biết đi đâu vắng. Chúng tôi gọi người ca sĩ dạo đó vào. Ông ta chạc độ bốn mươi, gầy gò co ro trong cái áo lạnh đã sờn cũ. Ông rụt rè hỏi chúng tôi:

- Ông bà, cô cậu muốn tôi hát bài gì?

Chàng rể Nguyễn Đức Tiêu nói:

- Những bài ông thích nhất. Bài gì cũng được.

Anh Khánh thêm:

- Ông hát cho tôi bản *Thiên Thai*, nhưng đổi như thế này nhé, *Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng, nhớ ông Khánh ngày xưa lạc tới Đào Nguyên*.

Chúng tôi và cả người ca sĩ buồn cùng cười rộ. Ông em họ Văn lên tiếng đòi:

- Ông hát cho tôi bài *Hà Nội 49*.

Người ca sĩ ngập ngừng:

- Bài đó còn mới quá, tôi chưa thuộc.

Đợi chúng tôi bàn chọn một số bài xong, ông ta đàng hăng lấy giọng cất tiếng hát đầu khổ ca bài *Thiên Thai* đầu tiên như lời anh Khánh yêu cầu, sau đó *Đêm Đông*, *Con Thuyền Không Bến*... Tuy tiếng hát không hay lắm, chúng tôi vẫn hào hứng vỗ tay tán thưởng. Anh chị chỉ muốn cho ca sĩ có thính giả, trả thù lao giúp đỡ người một chút. Những ngày sau đó, bước chân âm thầm trong đêm kia hình như chậm lại mỗi khi qua nhà chúng tôi. Nhưng bố mẹ không đi vắng hoài, anh chị em không có nhiều dịp gặp nhau đông đủ những đêm khuya, để giúp người nghệ sĩ đáng thương. Thuở ấy, “con nhà lành” ai dám thuê ca sĩ dạo vào nhà để

nghe hát như chúng tôi đã liêu lĩnh khi bố mẹ vắng mặt vậy?

Lại nhắc tới những đồ đạc trong nhà tôi. Một bộ bàn tròn mặt đá, bốn ghế bành gỗ mun đen khắc chạm vỏ trai óng ánh rất tinh vi là bàn tiếp khách của bố. Nhớ thời vàng son, ông thường ngồi gõ chiếc đũa cả vào bàn và buồn tình hát trống quân, ả đào với riêng mình. Nếu tôi ngẩn ngơ ngồi bên làm khán thính giả, ông có vẻ hứng khởi hơn, ngâm say sưa những bài thơ của ông hay của các nhà thơ nổi tiếng như Dương Khuê, sau này tôi được học trên ban văn chương:

*Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
Mới ngày nào còn chưa biết chi chi.
Mười lăm năm thắm thoát có xa gì,
Ngoảnh mặt lại đã đến kỳ tơ liễu...*

Nhìn cách bố gõ đũa tôi thắc mắc hỏi:

- Tại sao bố gõ lên mặt bàn rồi lại cạnh bàn?

Ông giải thích:

- Trong nhịp hát cô đầu có tiếng tom gõ vào mặt trống, tiếng chát gõ vào cạnh trống. Khi cô đầu hát, người giỏi biết gõ tom chát theo cho đúng nhịp.

- A, bố thay cái bàn cho cái trống? Thế bố có “tom chát” giở cho các cô không?

Được hỏi trúng ý, ông thích thú cười:

- Cũng không tệ lắm. Các cô thường đòi ngâm thơ của bố và yêu cầu bố gõ nhịp cho hát!

Ngày xưa các cụ cũng có ca hát âm nhạc “cổ điển” như ngày nay người ta có trống Tây, trống Mỹ đánh theo nhịp “xình chặc” cho ca sĩ hát và mọi người nhẩy đầm vậy thôi! Giản dị, dễ hiểu quá! Có điều luyện tiếc vô vãn! Khi mẹ và các em tôi rời Sài Gòn, sợ mấy ông Cộng Sản khám xét, làm khó dễ, đã để thất lạc tập thơ của bố. Nếu

không, thơ ông đã được chép ra thay thế thơ Dương Khuê ở trên. Tim tôi nhức nhối mỗi khi nghĩ tới điều này.

Ngày ấy, chị Phương đang học Trường Saint Paul. Chúng tôi đã tưởng chị mê các bà sơ, sẽ đòi đi tu. Ngoài những lớp học Bổn Đạo, Pháp văn, các sơ dạy chị khâu, thêu, rua, làm hoa voan và nhiều đồ nữ công rất tỉ mỉ, khéo léo. Trong những chợ phiên, chị Phương có nhiều hàng bày bán gậy quỹ nhà trường.

Chị Tâm đã rời Trường Saint Paul qua Trung Học Nguyễn Huệ. Ôi thôi, chị nổi tiếng ăn diện, mùa nào, mốt đó. Chị cao to, eo o, thể thao bơi lội và để tóc dài giống Esther Williams, cô đào chiếu bóng Hollywood. Tiên bố mẹ cho, chị đem tới mấy tiệm sách báo Đường Đình Tiên Hoàng nhìn sang Tháp Rùa, Hồ Hoàn Kiếm, tiêu hết vào các báo *Ciné Monde*, *Ciné Revue* và hàng trăm ảnh tài tử, minh tinh màn bạc như Ava Garner, Rita Hayworth, Erol Flynn, Robert Taylor... Chị Tâm mua màu, tô son điểm phấn những tấm hình này. Chị còn có cái thú tích trữ hàng xấp những tờ giấy chương trình quảng cáo và tóm tắt truyện phim với đủ màu đẹp mắt và hấp dẫn.

Lý do tôi ham học Pháp văn, Anh văn chỉ vì thích xem sách báo, phim ảnh ngoại quốc. Ai đâu nghĩ tới chuyện người Việt có ngày phải di cư sang Pháp, Bỉ, Anh, Úc, Mỹ... khắp năm châu, bốn bể như ngày nay để phải học cả tiếng ma-ní, chà-và.

Bố chỉ là công chức thanh liêm, chính trực, gia đình đông con nên sống thanh đạm. Nhiều lần người Pháp muốn đưa bố lên làm phó giám đốc sở, chủ sự... Nhưng càng làm

lớn, càng gần các quan Tây, càng phải nể sợ, nịnh bợ, khúm núm. Bố từ chối hết, cũng như những lý do ngày xưa ông nội, cụ nội chúng tôi đỗ Tú Tài, Cử Nhân đã từ chối làm quan về làng ở ẩn và dạy học cho qua thời.

Có lần “người ta” mời bố ra làm Tỉnh Trưởng Hành Chánh. Bố mẹ còn đang suy nghĩ thì nghe có ông tỉnh trưởng tử nạn, xe bị nổ mìn Việt Minh, ông khác bị giết chết khi đồn thành bị tấn công. Một gia đình con mất cha, vợ mất chồng vì chiến trận ngay trong Phố Hàng Than. Nên sau đó bố không bàn bạc tới chuyện theo ngành quân chính nữa. Ông chỉ muốn yên thân nuôi đàn con bầy đứa nhỏ đại.

Còn mẹ, như phần đông phụ nữ Việt Nam không đi làm, nhưng rất tận tụy, thu vén khéo việc tề gia nội trợ trong nhà, đã hy sinh nhiều cho chúng tôi. Chị Tâm và tôi vẫn được đi học tư Toán anh Bình trước cửa Văn Miếu, học Anh văn Thấy Cát bên Hồ Trúc Bạch, với Lệ Dung, Kim Dung, Ngọc Diệp, Tú Anh...

Mùa đông chị Tâm, chị Phương vẫn có áo len màu xanh cổ vịt, màu tím nhung đỏ, áo khoác sọc ngang, sọc dọc, kiểu thẳng, kiểu loe. Mùa xuân áo gấm mềm, mình khô hoa ướm màu sáng tươi. Mùa hè áo lụa Bombay nhẹ mỏng như mây. Các chị được ăn diện như tiểu thư con nhà giàu. Các em Vân, Hà, Khoa mặc những bộ áo mẹ và chị Phương thêu đan rất xinh đẹp. Còn tôi từ thời bát tiết áo lam đồng phục năm ngày, một ngày được mặc tự do. Tôi thích mặc áo vàng hoa cúc ngày Tết và cũng là màu sắc tượng trưng vương bào của chị em Hai Bà Trưng

Trắc, Trưng Nhị mà trường học của tôi được vinh dự mang tên.

Hai chị lớn, Kim, Nguyệt tuy có gia đình, bận rộn chồng con, vẫn rủ và đưa chúng tôi đi xem chiếu bóng như phim *Limelight* với Charlie Chaplin, *Gone with the Wind* với Clark Gable, Vivien Leigh... Được đi xem những phim hoạt họa *Cô Bé Lộ Lem*, *Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn* ... cũng là cả một đại hội tương bưng. Cho đến nay nửa đời người, đã xem những phim trên không biết bao nhiêu lần, tôi vẫn say mê. Còn gì may mắn hơn có những giây phút quên hết cuộc đời phiến toái, để hồn đắm chìm trong truyện thần tiên tuyệt vời.

Tôi nhớ một ngày, các chị đưa tôi đi xem phim thời sự dài đặc biệt về Nữ Hoàng Elizabeth II đăng quang được chiếu tại rạp Majestic Phố Huế. Tôi đã mười ba tuổi nhưng vì nhỏ con nên các chị nói dối tôi mười hai để khỏi phải mua thêm một vé. Thuở đó, Bà Hoàng Anh Quốc trẻ đẹp, quyền quý, oai phong trên lưng ngựa. Triều đình, hoàng gia, hoàng cung bất khả xâm phạm. Bốn mươi năm sau, tóc bạc, da nhăn, Bà Hoàng đã nghẹn ngào trước Nghị Viện, tâm sự những bất hạnh do hai cô con dâu cách mạng, ly dị, ly thân hai Hoàng Tử yêu quý của bà. Truyện thần tiên của tôi chỉ còn trong phim hoạt họa!

Rời Rạp Majestic, chị Kim, chị Nguyệt đưa chúng tôi đi ăn mì, ăn chè long nhãn, bạch quả, táo tàu ở tiệm Đồng Khánh gần rạp chiếu bóng, sau đó lấy taxi đến Phố Tràng Tiền, mua bánh tây nóng Michaud đem về nhà. Từ chỗ đó, chúng tôi thả bộ qua Godard, sang Hồ Hoàn Kiếm. Dãy hàng hoa

bên hồ, góc Hàng Khay và Đại Lộ Đinh Tiên Hoàng một thời tấp nập, trăm hoa đua nở bầy bán cho giới thuộc địa sang trọng Pháp. Nếu thuở sinh thời, Claude Monet, họa sĩ phái ấn tượng Pháp, đi ngang qua đây cũng phải ngả sơn màu, giá vẽ lấy cảnh những hàng hoa này đem vào tranh của ông.

Như thường lệ, mỗi lần qua đây, các chị ghé mua một bó hoa *pensées*, một chùm *violettes* nhỏ. Chị Kim gài vài cánh hoa tím lên tóc. Chị Nguyệt cài vài cánh *pensées* lên ngực áo. Hình như thời gian không làm mất được những lãng mạn trong tâm hồn các chị.

Chúng tôi đi dọc theo bờ hồ phía trước Nhà Bưu Điện. Trời nắng ấm mùa xuân. Kể qua người lại thong thả ngắm cảnh, chụp hình, thả hồn vào chốn thơ mộng. Vài họa sĩ mải mê vẽ cảnh Tháp Rùa rêu phong cổ độ giữa Hồ Gươm mơ màng ánh nước. Không biết có văn thi sĩ nào đang đi tìm cảm hứng chăng? Nhưng ông già gù bán lạc rang đeo thùng phá sa húng liu, vẫn đứng lom khom bên cái tháp gạch, di tích Chùa Báo Ân cổ của Thành Thăng Long xưa còn sót lại. Chị Nguyệt ngừng bước:

- Chúng mình mua lạc ăn nhé?

Cứ tưởng tượng tới cái vị ngọt bùi của phá sa húng liu đã muốn chảy nước miếng. Chúng tôi sáng mắt, vui mừng được hỏi trúng ý. Chị Kim khôi hài:

- Ông già quyến rũ thật. Không bao giờ qua đây mà quên ông ấy được.

Chị Nguyệt mua cho mỗi người một gói lạc. Những miếng giấy nhật trình nhỏ bằng bàn tay được cuộn lại thành hình cái phễu, có đong đầy cũng chỉ được hai chục hạt là nhiều. Nhưng ăn thứ lạc rang này để thưởng

thức cái vị húng liu. Ăn lấy hương, lấy hoa, cho đỡ thèm, không ăn lấy no. Chị Kim cầm gói lạc đi về phía hồ:

- Chúng mình ra xem có rùa nổi lên không?

Chị Nguyệt đồng ý:

- Phải đấy. Hôm nay trời nắng, có thể rùa sẽ bò lên đảo sưởi ấm.

Chị Tâm ngạc nhiên:

- Có rùa thật hả chị?

- Thật chứ!

Tôi hăm hở đi trước. Bốn chị em dạo theo ven bờ nước. Bỗng chị Kim reo lên:

- Kìa, kìa! Rùa đang nổi lên kìa!

Chúng tôi rối rít hỏi:

- Đâu, đâu? Rùa chỗ nào đâu!

Chị Kim làm như thật:

- Chi vừa trông thấy cái lưng rùa to như cái thúng. Nhưng mọi người la ó ồn ào quá, rùa sợ chạy mất rồi!

Mặc dầu không rời mắt nhìn mặt hồ, ăn hết gói lạc rang, chúng tôi vẫn không thấy “rùa của chị Kim” nổi lên ở đâu. Đối với tôi, rùa Hồ Hoàn Kiếm vẫn chỉ là huyền thoại.

(Một độc giả, sau khi đọc Phương Văn Nữ Bên Trời Hà Nội, gọi tới ôn chuyện Hà Nội với tác giả và cả quyết rằng đã trông thấy một con rùa rất lớn nổi trên mặt nước Hồ Hoàn Kiếm sau năm 1975.)

Mùi thơm, vị ngọt húng liu theo chúng tôi tới cửa Đền Ngọc Sơn. Một chiếc xe hơi chạy ngược chiều bỗng dừng gáp. Một người đàn ông, dáng dấp thanh cao, lịch sự, giống như Ca Sĩ Anh Ngọc, bước ra khỏi xe và đi lại phía chúng tôi. Sau khi chào hỏi anh Quỳnh, tên ông ta, chị Nguyệt và chị Tâm kéo tôi đi về phía bến tàu điện để chị Kim đứng lại nói chuyện với người yêu tiền chiến.

Tôi nhớ lại, nhiều lần anh Quỳnh và chị Kim về thăm chúng tôi khi còn ở Biệt Thự Văn Khôi Làng Mọc Thượng Đình, trước năm 1946. Tình sử lãng mạn của hai người đã gây giông tố, sóng gió một thời cho chị. Con sóng ngầm ấy đã ở lại suốt đời chị. Có lẽ vì thế tôi được nghe thơ của Nguyễn Bính, Thâm Tâm, T.T.Kh. qua các chị từ khi chưa được biết tên mấy nhà thơ này. Hình như tâm hồn mấy cô em của các chị cũng ảnh hưởng mơ mộng tự bao giờ?



Hôm ấy chị Nguyệt chia tay chúng tôi ở bờ hồ và lấy tàu điện đi về hướng Chợ Đồng Xuân. Nhưng chị xuống ở Hàng Đường, đi bộ về nhà ở Phố Lãn Ông. Ba chị em còn lại cũng lên tàu điện theo Hàng Gai, Hàng Bông về nhà chị Kim trước Vườn Hoa Cửa Nam. Lấy xe đạp đã để tại đó, chị Tâm và tôi theo cầu tàu hỏa Đại Lộ Phùng Hưng, Hàng Cót rồi Vườn Hoa Hàng Đậu, Hàng Than về nhà Phố Hồ Hai...

(Còn tiếp)

Trích trong Hồi Ký
Phượng Vãn Nữ Bên Trời Hà Nội của
NGUYỄN THỊNGỌC DUNG

Gọi Mùa Điểm Trang

Mướt mà nhánh cỏ hoa niên
 Đã vào dĩ vãng êm đềm mùa xa
 Ai đi tìm bóng ngày qua
 Xá gì một cõi Sa Bà bon chen

Đêm đêm thơ bạn với đèn
 Tháng đông tuyết phủ, ngày thêm mưa dài
 Ai tìm quá khứ, vị lai
 Tôi nghe thao thức vọng đời sóng đưa

Sáu mươi năm một giấc mơ
 Sáu mươi năm đó, vòng thơ, vòng đời
 Vốn riêng còn lại nụ cười
 Đem thơ thả gió, quên người, quên ta

Tiền thân hư ảo sát na
 Giọt sương hay cánh mây qua bình bồng
 Áo huyền bóng nguyệt lòng sông
 Tiền thân có phải mệnh mong gió đưa

Gió đưa ngọn cỏ đong đưa
 Gió thom cảnh mộng, gọi mùa điểm trang
 Như Kinh ẩn dụ hàng hàng
 Dòng Thiên hoa nở rở ràng Kim Cang

Trăng tiền thân, chợt mơ màng
 Huệ, Lan bát ngát giữa hàng hoa tiền
 Tiếng Thơ hòa tiếng Kinh Hiền
 Tịnh thanh một cõi như nhiên gió về .

Tuệ Nga

(Oregon)

HÌNH ẢNH KỶ NIỆM 15 NĂM SINH HOẠT

Văn Học Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm

11 tháng 4, 2010 tại Virginia

PHẠM VĂN TUẤN và PHẠM BÁ VINH



Bạch Mai, Ngọc Dung, Thái Ninh, Hoàng Dung, Kim Bích.



Nhà văn Trương Anh Thủy, Ông Bà Trịnh Đức Thông, Nhà văn Hồng Thủy, thân hữu,
Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ông Bà Nguyễn Văn Thành, Ông Nguyễn Huy Long.



Bạch Mai, Ngô Thy Vân, Thúy Diễm, Ngọc Dung, Phong Thu, Thái Phượng.





Nguyễn Thị Ngọc Dung



Phan Khâm



Phan Anh Dũng



Nhà văn Nguyễn Lân và phu nhân, Nhạc sĩ Huy Lãm và Phu nhân, Nhà văn Cung Thị Lan, Nhà văn Lê Tổng Mông Hoa, Thi sĩ Đặng Nguyên.



Hồng Yến, thân hữu, Hồng Thủy, Ngô Ngân, Thúy Diễm, thân hữu, Trúc Mai, Hải Yến, Thúy Hiền.



Từ trái, hàng đầu: Hoàng Song Liêm, Hà Bình Trung, Nguyễn Phú Long, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Nguyễn thị Ngọc Dung, Minh Giang (đến từ Lousianna), Hồng Thủy, Trương Anh Thụy, Phong Thu, Đỗ Trầg Mỹ Hạnh; Hàng hai: Phạm Văn Tuấn, Đắg Nguyễn, Huy Lãm, Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Tạ Quang Trung, Nguyễn Thủy, Hoàng Dung; Hàng ba: Phạm Trọng Lệ, Uyên Thao, Vũ Hối, Nguyễn Lãn, Nguyễn Văn Thành.





Các nghệ sĩ trình diễn. Từ trái, hàng đầu: Bạch Mai, Hoài Thanh, Tâm Hảo, Thái Phượng, Kiều Nga, Kiều Thu, Minh Trân, Hoàng Anh, Phương Nga, Bích Châu, Thái Ninh, Hoàng Dung. Hàng hai: Richard Hsu, Sỹ Tuấn, Nguyễn Ngọc Châu, Sỹ Tường, Đàm Xuân Linh, Hoàng Cung Fa, Phan Anh Dũng, Phan Hiệp, Tiến Đình, Sỹ Thành, Phạm Dương Hiến, Đèo Văn Sách.



Ca sĩ Kiều Nga



Ông Bà Hoài Thanh Đại Chúng và Thân mẫu.



Ban Hợp Ca: Sỹ Tuấn, Đèo Văn Sách, Cung Fa, Hoàng Anh, Thái Phượng, Tâm Hảo, Hoàng Dung.



Tâm Hảo



Tam Ca Ngọc Châu, Cung Fa, Sỹ Tuấn.



Thi sĩ Hoàng Song Liêm, Hà Bình Trung, Minh Giang, Bà Liêm, Bà Vân Yến, Lê Thị Nhị.



Đàm Xuân Linh



Phạm Dương Hiến



Thái Ninh



Cung Fa & Ngọc Châu



Hoài Thanh, Thái Ninh, Bạch Mai và thân hữu.



Ngồi: Hoàng Anh, Sỹ Tường, Sỹ Tuấn, Minh Giang, Thanh Thúy, Ngọc Châu, Thái Ninh, Phạm Minh Xuân.
Đứng: Hoàng Dung, Phan Anh Dũng, Phạm Dương Hiến.



Quan khách, Phó viên Thanh Trúc,
Nhà Văn Lê Tống Mộng Hoa, Uyên Thao, Nhà văn Ngọc Hạnh.



Ca sĩ Hoài Thanh



Đèo Văn Sách – Ngọc Phụng



Bạch Mai



Sỹ Tuấn, Hoàng Anh song ca.



Tứ ca: Kiều Thu, Bích Châu, Phương Nga, Minh Trân.



Thái Phượng.



Hàng ngồi: Kim Bích, Hồng Yến, Ngô Minh Hằng, Trương Anh Thụy, Phong Thu, Bạch Mai (VTTH), Bích Châu, Tâm Đạt. Hàng đứng: Thúy Hiền, Ngọc Dung, Thúy Diễm, Kiều Thu, Hồng Thủy, Phương Nga, Hải Yến, Trúc Mai, Minh Trân.



PHÂU ƯU

Được hung tín:

Chí Sĩ TRƯƠNG BẢO SƠN

Pháp danh NGUYỄN HIỂN

vừa tạ thế ngày 23 tháng 5, 2010 tại Montréal, Canada
hưởng thọ 96 tuổi.

và phu nhân nhà văn **TRƯƠNG BẢO SƠN**

Khuê danh NGUYỄN NỮ NGHI

Pháp danh: NGUYỄN ĐẠO

Tạ thế cùng ngày 23 tháng 5, 2010 tại Montréal, Canada
Hưởng thọ 90 tuổi.

**Xin thành thật chia buồn cùng Nhà Thơ Trương Kim Anh,
Nhà Thơ Dương Kiên, Nữ Sĩ Trương Anh Thụy, anh chị Trương Cam Vĩnh
và Giáo Sư Đặng Đình Khiết, cùng toàn thể tang quyến.**

**Cầu chúc hương linh Nhà Văn Trương Bảo Sơn và Phu nhân cùng sớm
được về cõi bình an vĩnh hằng.**

**Toàn Ban Trị Sự và Biên tập
TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM**



7260 Arlington blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

THƯ MỜI THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Xin mời quý vị tác giả, độc giả và thân hữu tham gia TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM, một tạp chí văn học, nghệ thuật và biên khảo. Niên liễm gia nhập Tạp Chí Cỏ Thơm là \$50 Mỹ kim. Số tiền này để trang trải chi phí in ấn và cước phí.

_ Mỗi năm quý vị sẽ nhận được 4 số Cỏ Thơm gửi đến tận nhà bằng Media Mail.
_ Nếu bài viết được chọn đăng, tòa soạn sẽ gửi tặng thêm 1 tập báo nữa tổng cộng là 2 tập cho mỗi số). Khi phát hành số báo kế tiếp (ba tháng sau), bài đã được đăng sẽ đưa lên Website của Cỏ Thơm:

(www.cothommagazine.com) để mở rộng cho nhiều người đọc.

- _ Hội viên sẽ được giúp đỡ kỹ thuật khi muốn in tác phẩm.
- _ Hội viên mua sách do Cỏ Thơm ấn hành với giá 40% + cước phí bưu điện.
- _ Hội viên phải tôn trọng chủ trương của Cỏ Thơm Foundation:
 - . Tạp Chí Cỏ Thơm duy trì và phát huy nền văn hóa dân tộc tại hải ngoại, mọi tranh luận không có tính cách văn học đều không được chấp nhận.
 - . Website Cỏ Thơm không được sử dụng như một hộp thư để trao đổi thư tín.

Xin mời ghi phiếu tham gia dưới đây.

Thay mặt Ban Quản Trị Tạp Chí Cỏ Thơm
Nguyễn Thị Ngọc Dung
11623 Chapel Cross Way
Reston, VA 20194, USA
(703) 471-1271, <dsenser@yahoo.com>, <www.cothommagazine.com>.



PHIẾU THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM

Tên họ _____

Ngày và nơi sinh _____

Quá trình sáng tác nếu có _____

Địa chỉ: _____

Điện Thoại: () _____ Email: _____

Đồng ý tham gia với tư cách Hội Viên kể từ ngày _____ tháng _____, 20_____.

CHỮ KÝ HỘI VIÊN

Money Order, chi, ngân phiếu niên liễm \$50 Mỹ kim xin ghi Cothom
Foundation và gửi về địa chỉ:

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194
USA



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh,
B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo, Ô. Việt Bằng (CA),
B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đình Bình, Ô.B. Nguyễn Bông,
Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào,
Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông,
Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang,
Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô.B. Nguyễn Mộng Giang,
B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Vương Ánh Hằng,
Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Nguyễn Hoa, Ô.B. Trần Bội Hoàn, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương
N.T.T, B. Quỳnh Khanh Nicholson, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,
Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Bùi Thượng Khuê, B. Võ Lại, B. Nguyễn Đàm Chi Lan,
B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Lân, B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê,
B. Ngô Thị Liên, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô. Phạm Đình Long,
Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Nguyễn Trúc Mai (CA), B. Mai Nguyễn (VA),
Ô. Vũ Nam, Germany, B. Nguyễn Phương Nga, B. Nguyễn T. Xuân Nga, Ô. Đào Nguyên,
Ô. Đăng Nguyên, B. Trần Thị Minh Nguyệt, B. Cao Mỹ Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật,
Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú,
Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, B. Hoàng Hữu Phước, B. Nghiêm Thái Phước,
Ô. Lê Quang Phùng, Ô. Trần Bích San, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô. Lê Văn Tấn, Ô.B. Nguyễn Diệu Tần (NJ),
Ông Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu (Paris), B. Phong Thu,
B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên,
B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm,
Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Hoàng Minh Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trưng,
Ô.B. Phạm Xuân Trường, Ô.B. Nguyễn Ân Tuấn, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú,
B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Xuân Vân,
Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library,
Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Võ Đạm,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chỉ, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (In USA & Canada): US \$30 []
Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$40 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []
1 trang trong: US \$60.00 []
Trang trong bìa trước: US \$100.00 []
Trang trong bìa sau: US \$100.00 []
Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM	LOẠI VĂN	ẤN PHÍ	GIÁ HỘI VIÊN CẢ BƯU PHÍ	MUA GHI (X)
TRẦN BÍCH SAN: <i>VĂN KHẢO</i>	BIÊN KHẢO	\$15	\$10.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN</i>	BÌNH VĂN	Tuyệt	bản	
QUỲNH ANH: <i>TÌNH TRONG CÔI MỘNG</i>	THƠ	\$10	\$ 7.	
N.T. NGỌC DUNG <i>ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI</i>	THƠ	\$12	\$ 8.	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: <i>MỘT THOÁNG MÂY BAY</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$8.	
HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM... : <i>HOÀI CẢM</i>	THƠ XUỐNG HỌA	\$12	\$ 8.	
CAO MỸ NHÂN: <i>ÁO MÀU XANH</i>	THƠ	\$10	\$ 8.	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>LIÊU TRAI TRÍ DỊ 1-2-3</i>	TRUYỆN DỊCH	\$21	\$12.	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>THI KINH QUỐC PHONG</i>	CỔ THI	\$25	\$14.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>TRAM NGHỈ CHÂN</i>	TRUYỆN DÀI	\$10	\$ 7.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>ÁNH MẮT</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 8.	
BÙI THANH TIÊN: <i>TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM</i>	THƠ	\$10	\$ 7.	
PHAN KHÂM: <i>BÊN DÒNG THẠCH HẪN</i>	THƠ	\$12	\$ 8.	
NGUYỄN LÂN: <i>SÔI NỔI</i>	TẬP TRUYỆN	\$15	\$ 10.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i> (tuyệt bản)	THƠ	\$10	\$7.	
ĐẶNG NGUYỄN: <i>ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ</i>	THƠ	\$12	\$ 8.	
VIỆT BẰNG: <i>HÌNH ẢNH TRÔI ĐI</i>	THƠ	\$12.	\$ 8.	
N.T. NGỌC DUNG: <i>PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI</i>	HỒI KÝ	\$18.	\$11.	
N.T. NGỌC DUNG: <i>SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỜNG</i>	HỒI KÝ	\$20.	\$12.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>GIAI THOẠI VẤN CHƯƠNG</i> với Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.	BÚT ĐÀM	\$15.	\$ 10.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>CHUYỂN MÙA</i>	TIỂU THUYẾT	\$28.	\$17.	
PHAN KHÂM: <i>DÒNG SÔNG THAO THỨC</i>	THƠ	\$12.	\$ 8.	
NGUYỄN T.N. DUNG. <i>NON NƯỚC ĐÁ VÀNG</i>	BÚT KÝ	\$15.	\$ 10.	
HỒ TRƯỜNG AN. <i>NÁO NỨC HÔI TRĂNG RẼM</i>	BÚT KHẢO.	\$15.	\$ 10.	
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: <i>THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG</i>	THƠ	\$10.	\$ 8.	
BÙI THANH TIÊN. <i>KHÚC VÔ THANH</i>	THƠ	\$18.	\$11.	
CAO MỸ NHÂN. <i>QUÁN THƠ, NHỮNG NGÀY CÒN LẠI</i>	THƠ	\$15.	\$8.	
THẢO NGUYỄN. <i>ĐỌC VÀ DỊCH THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU</i>	BIÊN KHẢO	\$15.	\$8.	

GIÁ BÁN CHO HỘI VIÊN LÀ NỬA TIỀN ẨM PHÍ CỘNG CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN \$2.50 MỖI CUỐN.